Contents

A- GIỚI THIỆU CÔNG TY 3
B- CÁC CHỨC NĂNG PHÂN HỆ CHÍNH CỦA PHẦN MỀM QUẢN LÝ TỔNG THỂ BỆNH VIỆN: 4
I. PHẦN MỀM HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN BỆNH VIỆN – HIS 4

1. Quản lý tiếp đón 4
2. Hệ thống cấp số và gọi số thứ tự 9
3. Quản lý khám sức khỏe 12
4. Quản lý phòng khám 15
5. Quản lý bệnh nhân điều trị ngoại trú 21
6. Quản lý bệnh nhân cấp cứu tổng hợp 27
7. Quản lý bệnh nhân điều trị nội trú 30
8. Quản lý kho lưu trữ hồ sơ bệnh án 42
9. Sắp lịch phòng mổ 43
10. Quản lý phòng giường 43
11. Quản lý khoa Dược 43
12. Quản lý nhà thuốc 48
13. Quản lý viện phí 56
14. Quản lý lịch hẹn điều trị, nhắc lịch hẹn tái khám 62
15. Quản lý giải phẫu bệnh lý 62
16. Quản lý kho ngân hàng máu 63
17. Quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh cơ bản 67
18. Quản lý thăm dò chức Năng 72
19. Quản lý suất ăn dinh dưỡng 73
20. Quản lý văn phòng phẩm 74
21. Quản lý kiểm soát nhiễm khuẩn 75
22. Quản lý vật tư 75
23. Quản lý trang thiết bị y tế 88
24. Hệ thống quản lý chất lượng Bệnh viện 93
25. Quản trị hệ thống (Quản lý người dùng, quản lý cấu hình) 94
26. Quản lý danh mục dùng chung 97
27.Hệ thống báo cáo tổng hợp 98
30. Phần mềm kết nối hóa đơn điện tử 118
32. Hệ thống quản lý phòng khám vệ tinh, 1 Bệnh viện nhiều CSYT 131
33. Kết nối được với các phần mềm của Bộ Y tế (quản lý bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng, Đề án 06) và chia sẻ dữ liệu được với cơ sở dữ liệu của tỉnh. 132

II. HỆ THỐNG THÔNG TIN XÉT NGHIỆM (LIS) 133

46. Hệ thống kết nối máy xét nghiệm tự động (số lượng máy thực tế) 133
47. Quản lý xét nghiệm 134

III. BỆNH ÁN ĐIỆN TỬ (EMR)..... 137

48. Kết nối với phần mềm kế toán, Kết nối hệ thống phần mềm ERP 137
49. Website đặt khám, xem hồ sơ bệnh nhân online. 138
50. Quản lý số hoá biểu mẫu, số hóa hồ sơ bệnh án điện tử đáp ứng: Phần mềm HIS đạt theo Thông tư 13/2025/TT-BYT hướng dẫn triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 và Công văn số 365/TTYQG-GPQLCL ngày 06/6/2025 của Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia về yêu cầu kỹ thuật phần mềm EMR; Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh..... 140
51. Tích hợp chữ ký số vào hồ sơ bệnh án điện tử..... 152
52. Quản lý sự cố y khoa..... 155
53. Quản lý chỉ đạo tuyến, nghiên cứu khoa học..... 156
54. Hệ thống website DashBoard quản lý chất lượng 158

IV. HỆ THỐNG APP MOBILE CHO BỆNH ÁN ĐIỆN TỬ VÀ ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH - PHẦN MỀM ỨNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH (HỆ THỐNG ĐẶT KHÁM, TÍCH HỢP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ VÀ CHỮ KÝ SỐ) 162

56. Liên kết triển khai thanh toán không tiền mặt 171
57. Chuyển giao công nghệ..... 172
58. Chuyển giao công nghệ cổng giao tiếp (API Application Programming Interface)) của HIS 173

HỆ THỐNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ TỔNG THỂ BỆNH VIỆN

A- Giới thiệu công ty

Công ty TNHH Công nghệ M3soft Việt Nam đã có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ phần mềm quản lý tổng thể bệnh viện cho nhiều bệnh viện. Có nhiều viện đã được thẩm định bệnh án điện tử theo thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế Ban hành Bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Tiêu chí lựa chọn các phần mềm phục vụ triển khai bệnh án điện tử thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 13/2025/TT-BYT ngày 06/06/2025 của Bộ Y tế về hướng dẫn triển khai hồ sơ bệnh án điện tử và Công văn số 365/TTYTQG-GPQLCL ngày 06/6/2025 của Trung tâm Thông tin Y tế Quốc Gia - Bộ Y tế về việc hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật triển khai phần mềm hồ sơ bệnh án điện tử như: Bệnh viện sản nhi Quảng Ninh; Bệnh viện Nhi Thái Bình; Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực Tiên Yên; Bệnh viện Đa Khoa Khu Vực Móng Cái CS2,CS3; Bệnh viện Lão Khoa - Phục hồi chức năng; Bệnh viện đa khoa Hạ Long…

B- Các chức năng phân hệ chính của phần mềm quản lý tổng thể bệnh viện:

I. Phần mềm hệ thống quản lý thông tin bệnh viện – HIS

1. Quản lý tiếp đón

Tiếp nhận thông tin hành chính, bảo hiểm, điều trị.

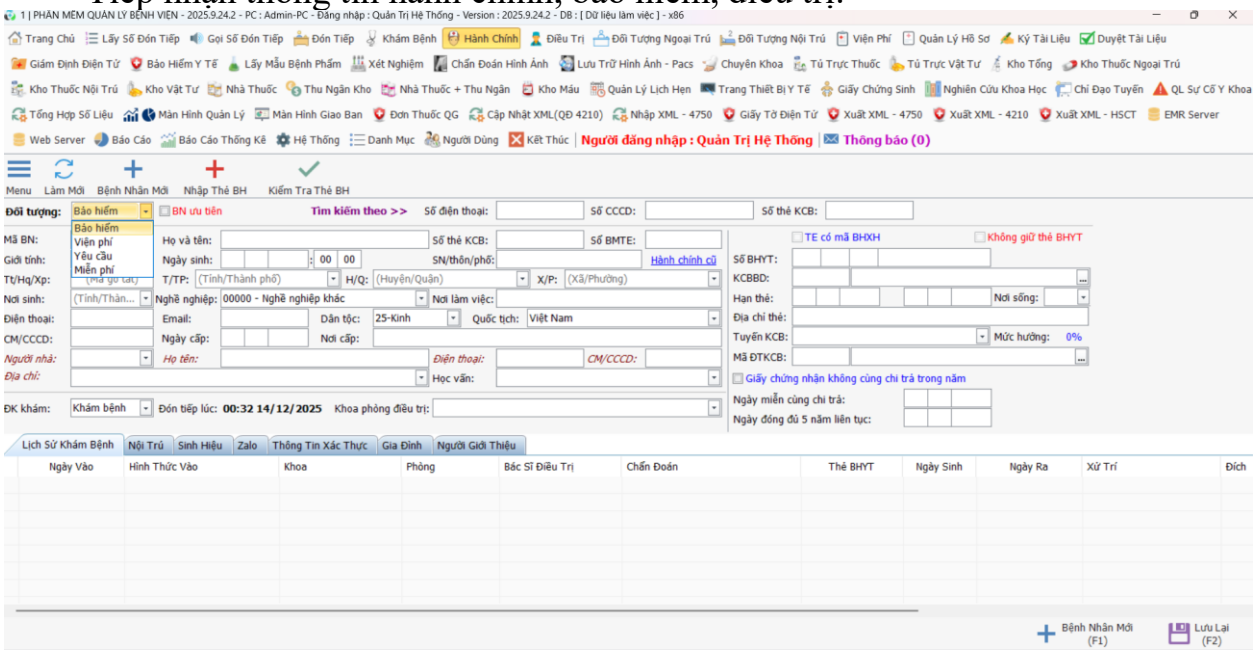

Quét QR code kiểm tra thông tuyến thẻ BHYT 20 ký từ, 10 ký tự, thẻ CCCD.

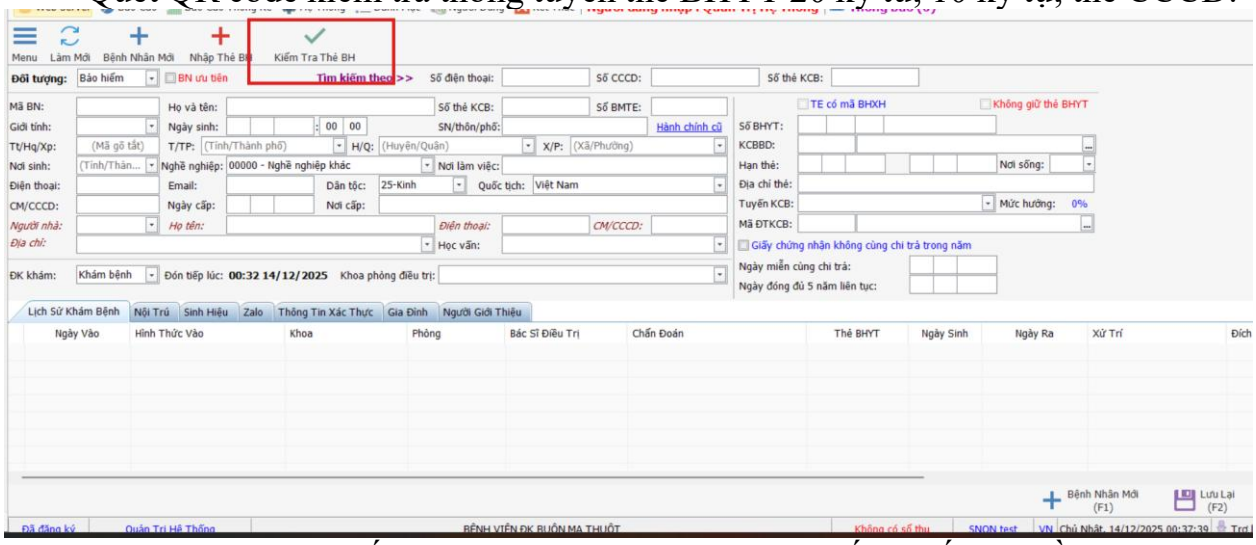

Scan và upload các giấy tờ kèm theo upload vào hệ thống, gắn với lần khám hiện tại của bệnh nhân trong quá trình tiếp nhận, ví dụ: giấy giới thiệu từ nơi khác, kết quả xét nghiệm từ trước.

Phân loại các tài liệu, giấy tờ, nhập thông tin mô tả để tiện việc tra cứu, truy tìm Cho phép xóa các tài liệu đã upload.

Cấp mã y tế cho bệnh nhân mới, ghi nhận thông tin hành chính, thông tin tiếp nhận, thông tin thẻ BHYT (của BHXH Việt Nam), thông tin đăng ký khám bệnh.

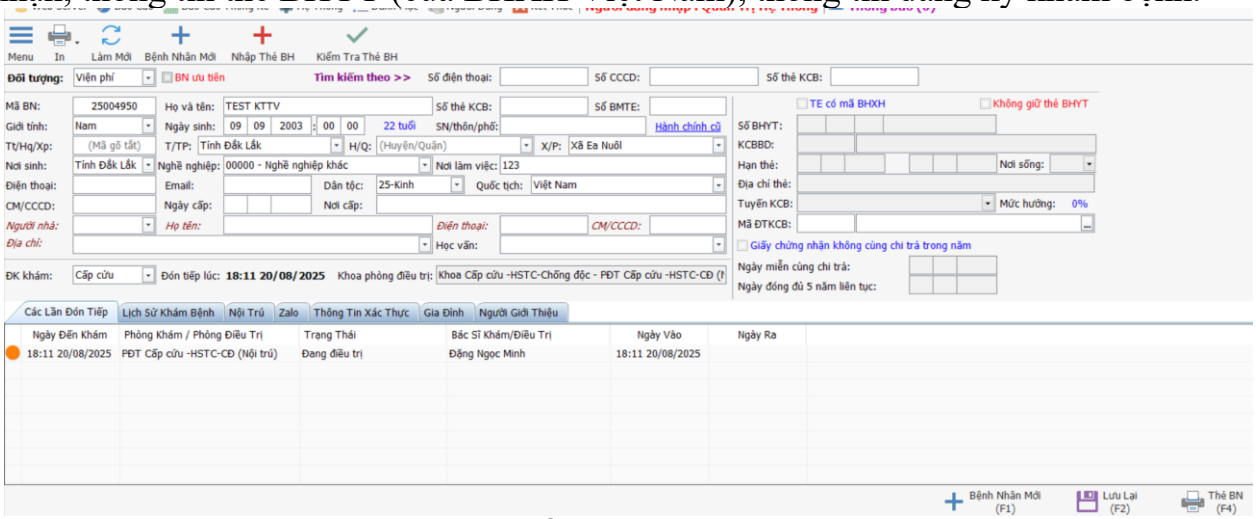

Ghi nhận thông tin phân loại đối tượng bệnh nhân: Thu phí, BHYT Việt Nam (theo quy định của BHYT hiện hành). Thông tin phân loại bệnh nhân sẽ ảnh hưởng đến chí phí điều trị cho bệnh nhân ở các bước tiếp theo.

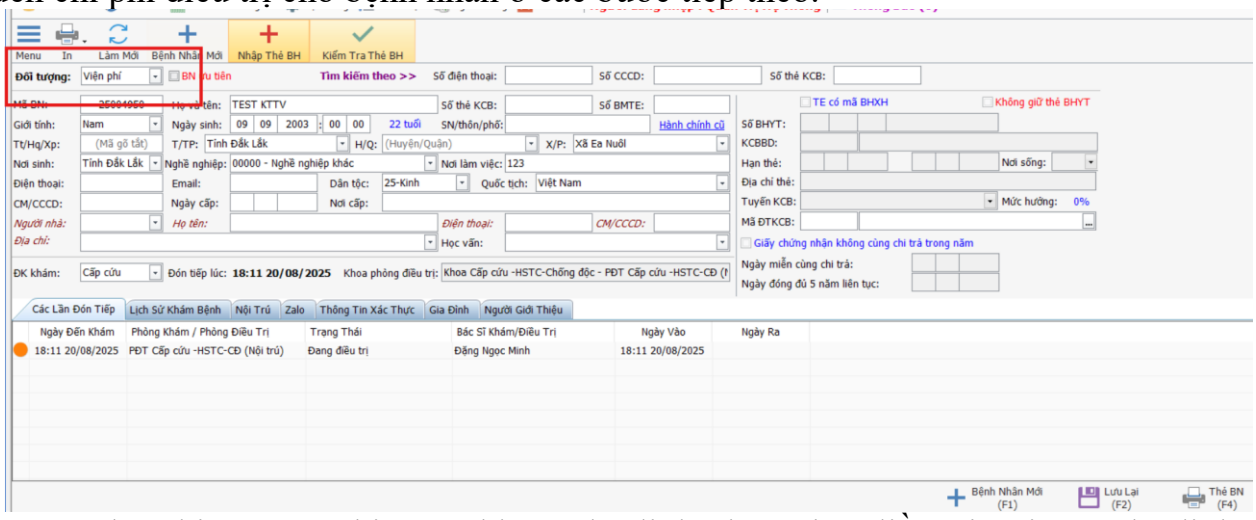

Thực hiện các nghiệp vụ khác: chỉ định nhập viện điều trị nội trú, chỉ định nhập khoa cấp cứu, chỉ định thực hiện cận lâm sàng, thủ thuật và các dịch vụ khác.

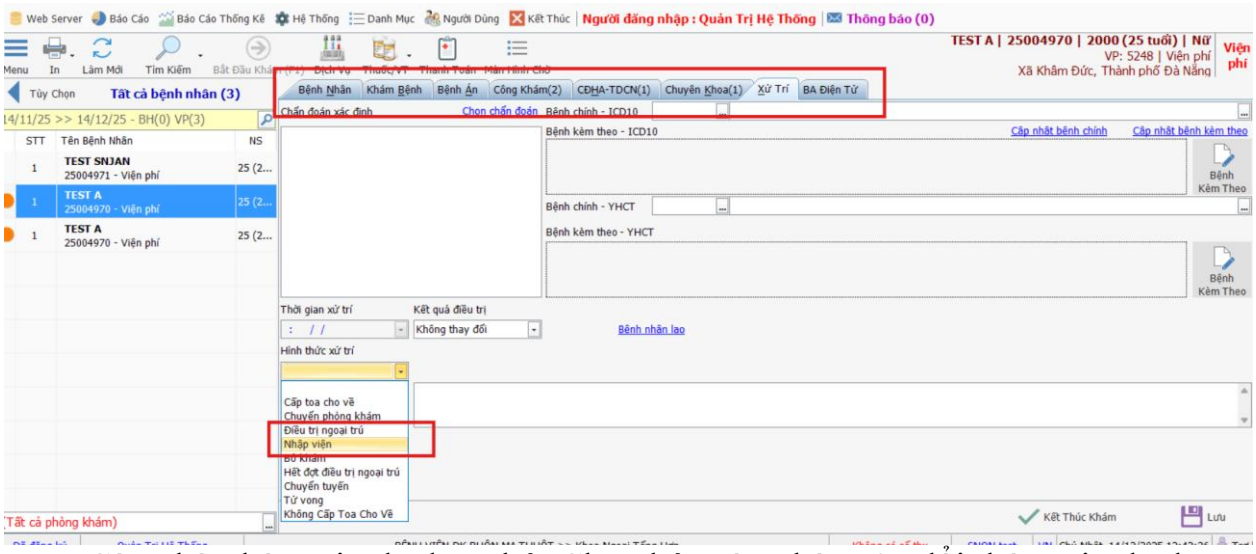

Cập nhật thông tin đã đăng ký: Cho phép cập nhật, sửa đổi thông tin đã đăng ký của bệnh nhân, những thông tin chỉ liên quan đến lần khám bệnh hiện tại. Ví dụ: thay đổi bác sĩ, thay đổi đối tượng thanh toán.

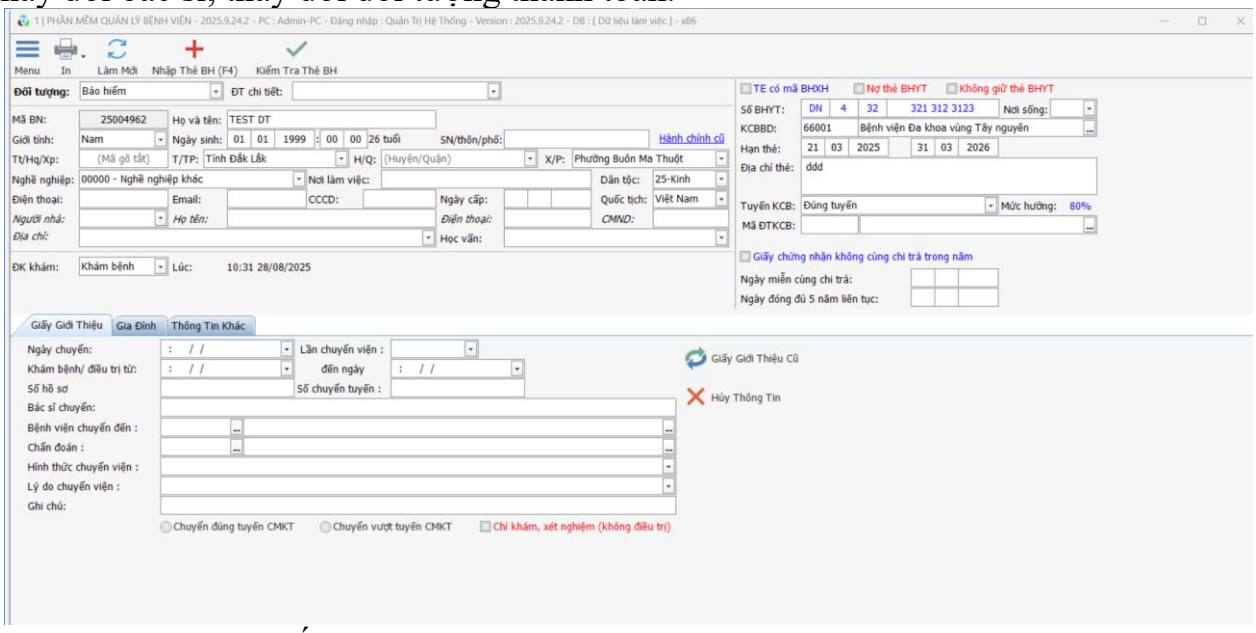

Cho phép in lại số thứ tự của bệnh nhân.

Tra cứu thông tin nội viện: Cho phép tìm kiếm nhanh chóng thông tin bệnh nhân đang điều trị tại các khoa lâm sàng theo nhiều tiêu chí tìm kiếm dựa trên các thông tin như tên bệnh nhân, tuổi, địa chỉ, khoa điều trị...

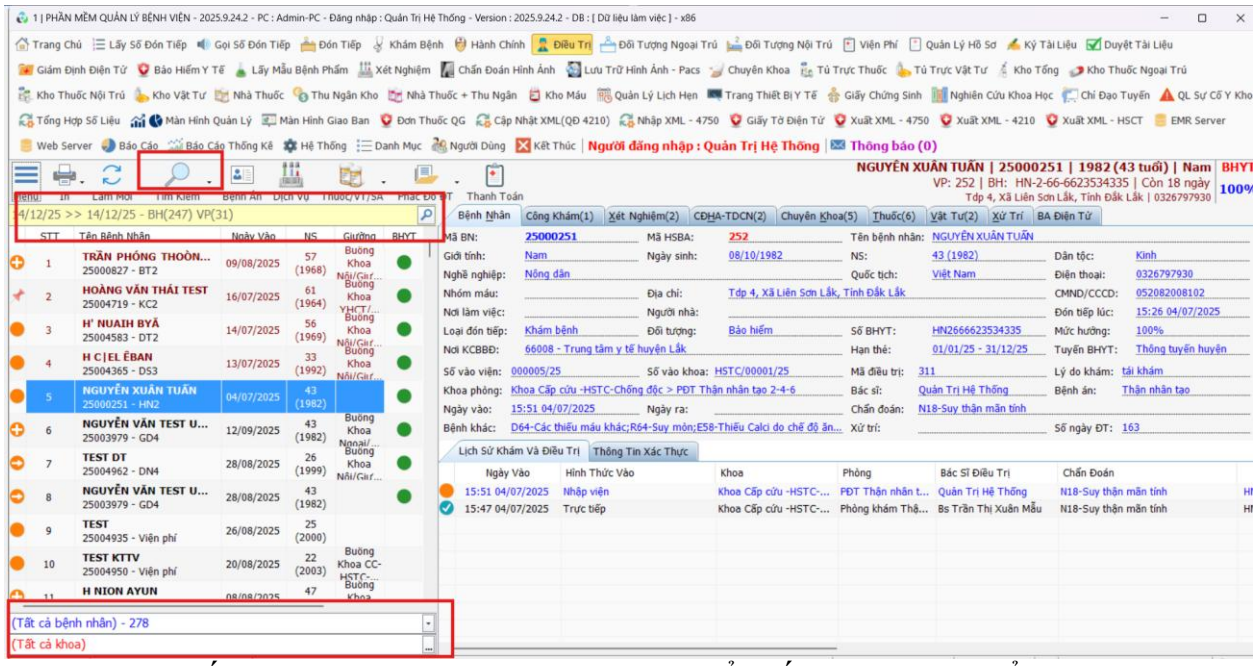

Cập nhật đối tượng: Sử dụng khi có sự thay đổi đối tượng bảo hiểm của bệnh nhân, hoặc khi người bệnh bổ sung thẻ BHYT trễ sau khi nhập viện, cho phép người dùng cập nhật thêm thông tin đối tượng bảo hiểm và ngày, loại dịch vụ bị thay đổi giá sau khi đổi đối tượng.

Cảnh báo lạm dụng thẻ BHYT: Khám trước lịch hẹn, khám nhiều lần cùng một mã bệnh, toa thuốc uống chưa hết thẻ hết hạn, chưa đến hạn được hưởng các quyền lợi KCB theo quy định … máy thông báo lỗi nhắc nhở, bao gồm cả thông tin KCB BHYT của đối tượng này để nhân viên dễ xử lý.

Quản lý danh sách bệnh nhân đang chờ khám tại các phòng: Tại quầy tiếp nhận, người dùng có thể xem thông tin này để điều phối bệnh nhân vào các phòng sao cho hiệu quả, tránh ùn tắc và quá tải.

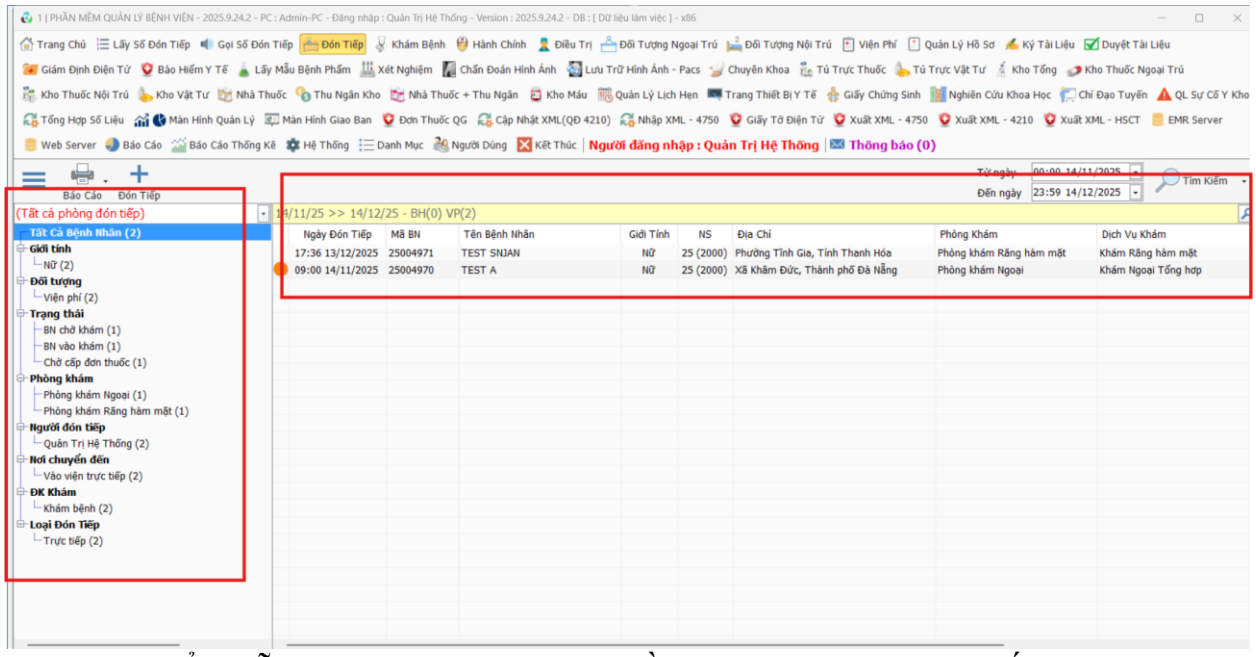

Các biểu mẫu, báo cáo phục vụ nhu cầu quản lý tại khu vực tiếp nhận.

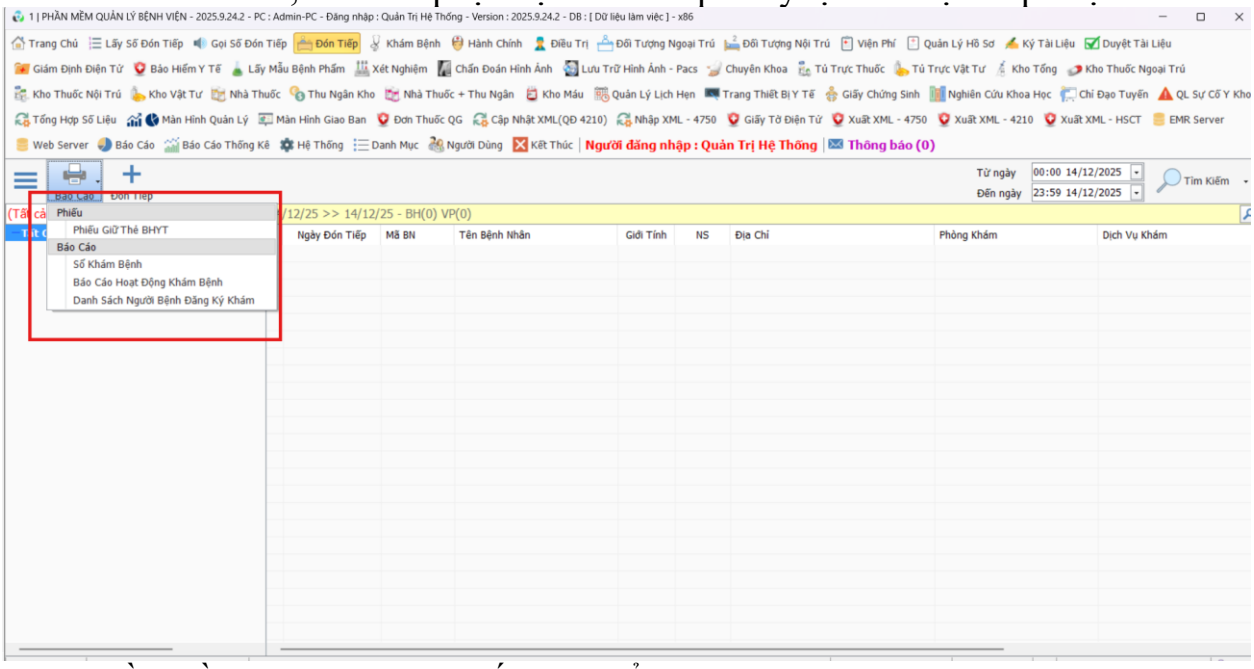

Phần mềm check thông tuyến bảo hiểm xã hội.

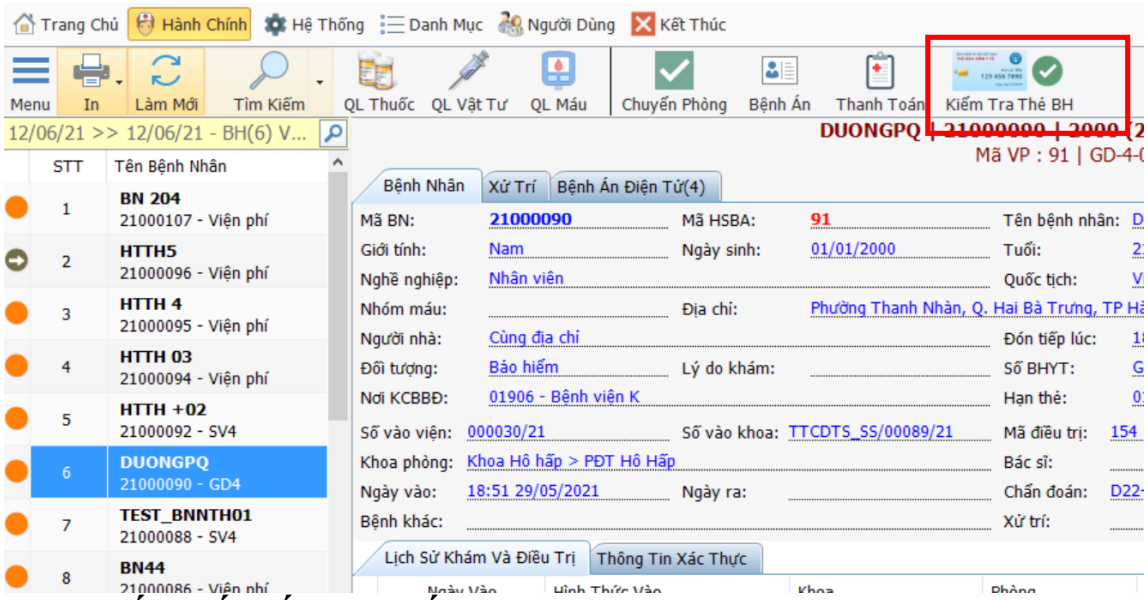

2. Hệ thống cấp số và gọi số thứ tự

Cấp số thứ tự tại quầy tiếp đón

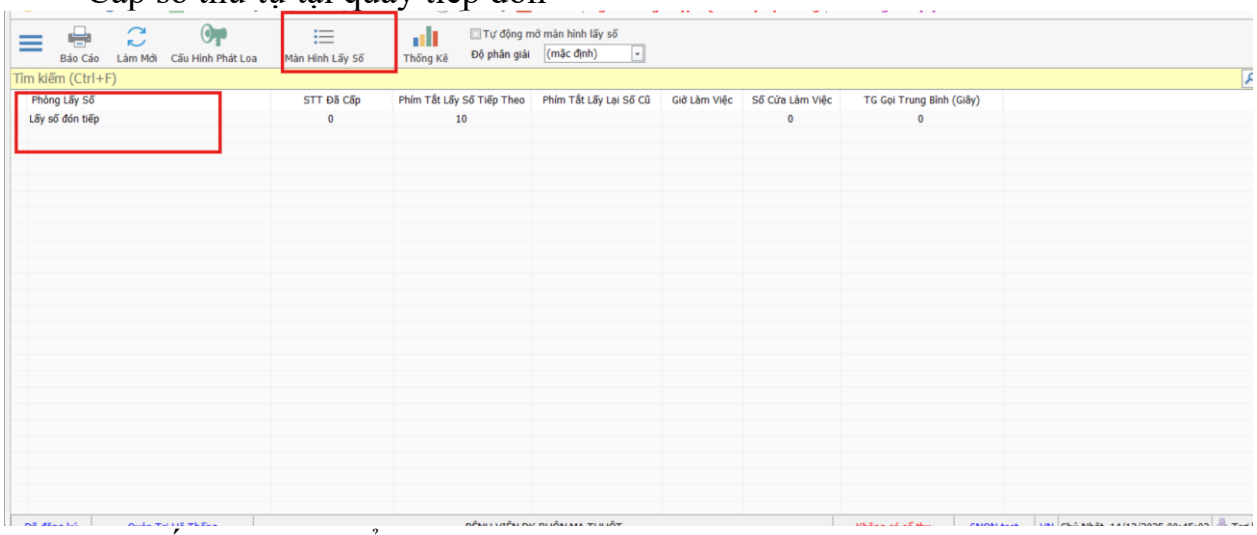

Gọi số thứ tự và hiển thị danh sách bệnh nhân tại phòng khám

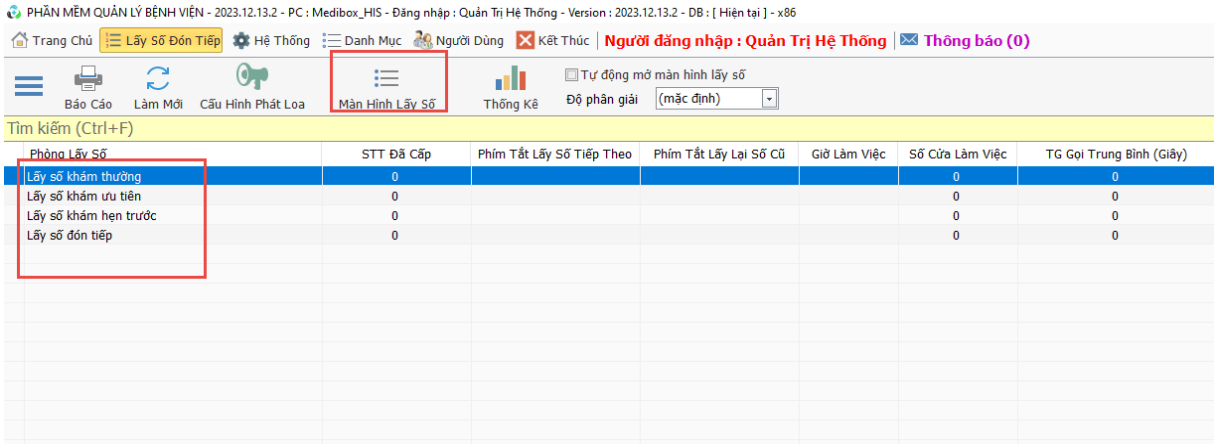

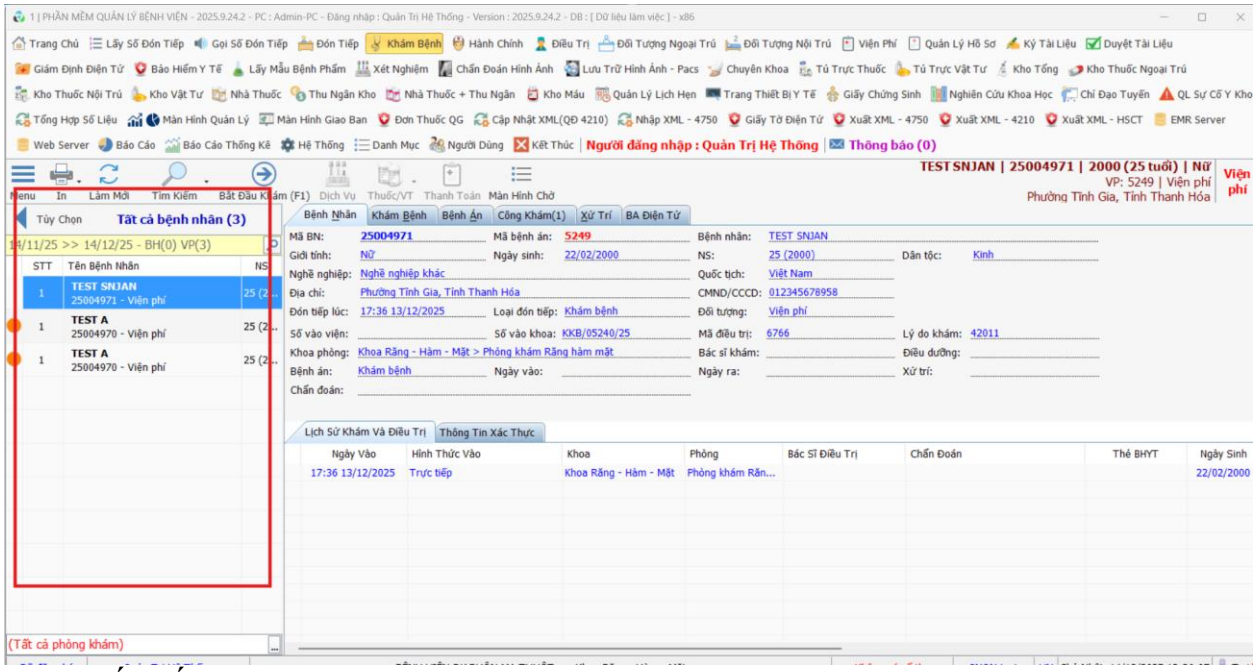

Cấp số thứ tự cận lâm sàng in trên tờ chỉ định

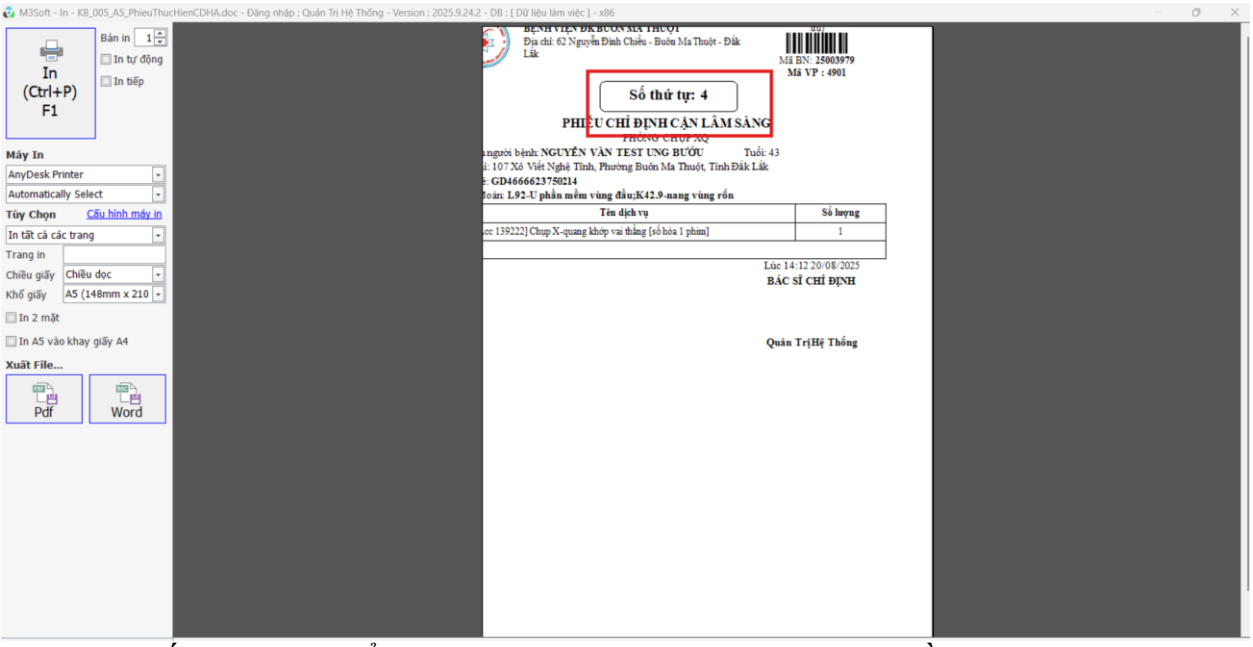

Gọi số thứ tự và hiển thị danh sách bệnh nhân tại các quầy thực hiện cận lâm sàng

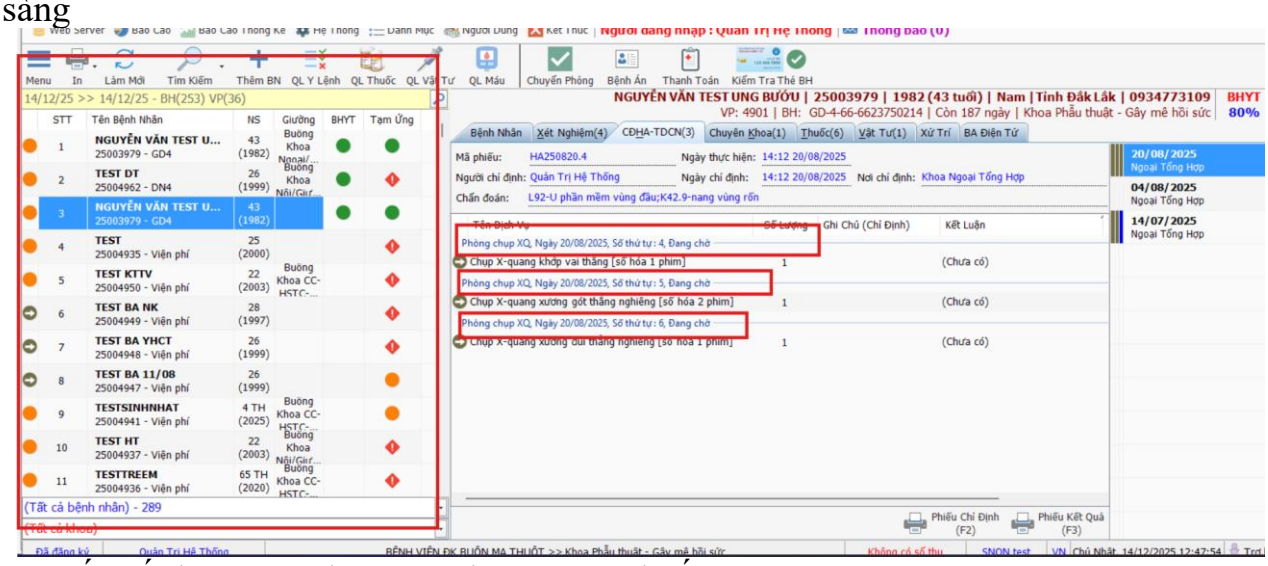

Cấp số thứ tự cận lâm sàng in trên toa thuốc

Gọi số thứ tự và hiển thị danh sách bệnh nhân tại các quầy phát thuốc

Tiếp nhận cấp số tự động bằng Kiosk khám bệnh qua thẻ BHYT, CCCD

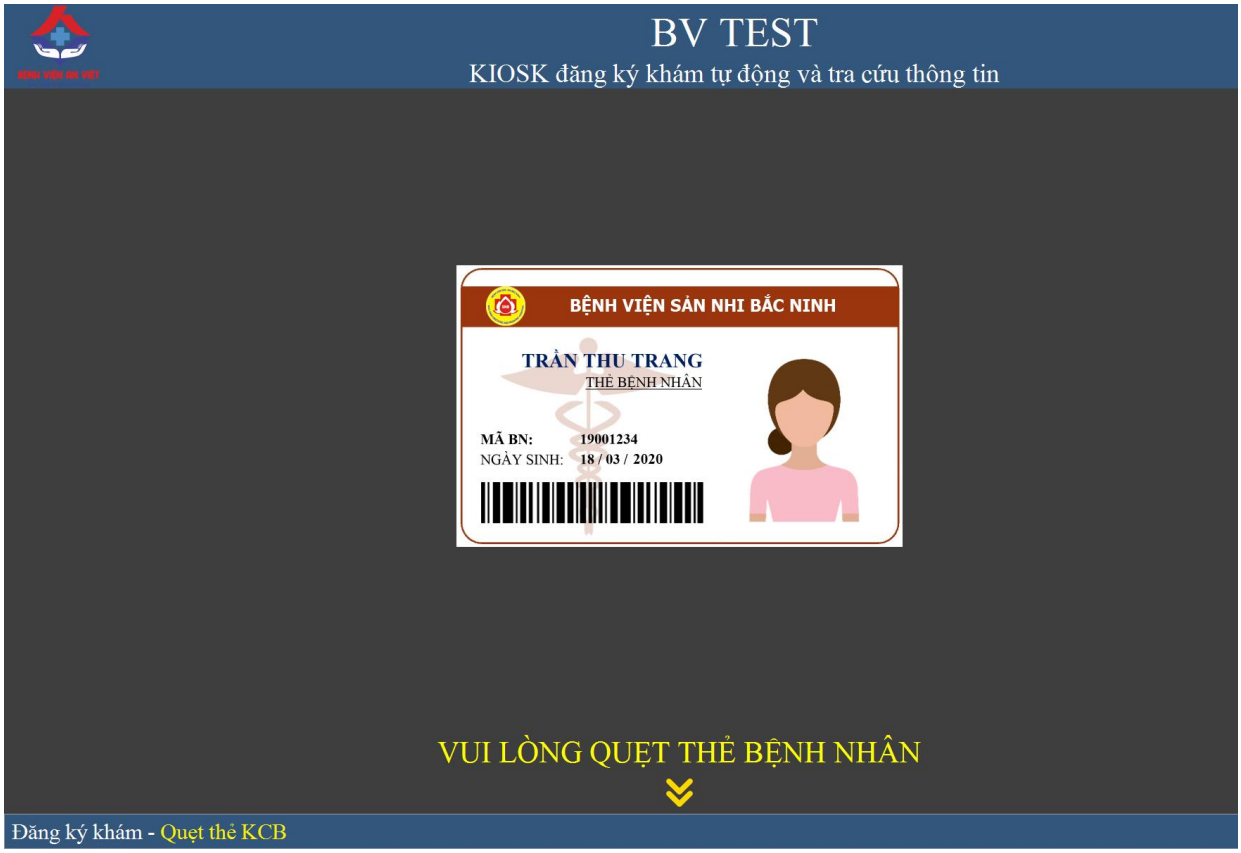

3. Quản lý khám sức khỏe

Đăng ký danh sách đoàn khám sức khỏe

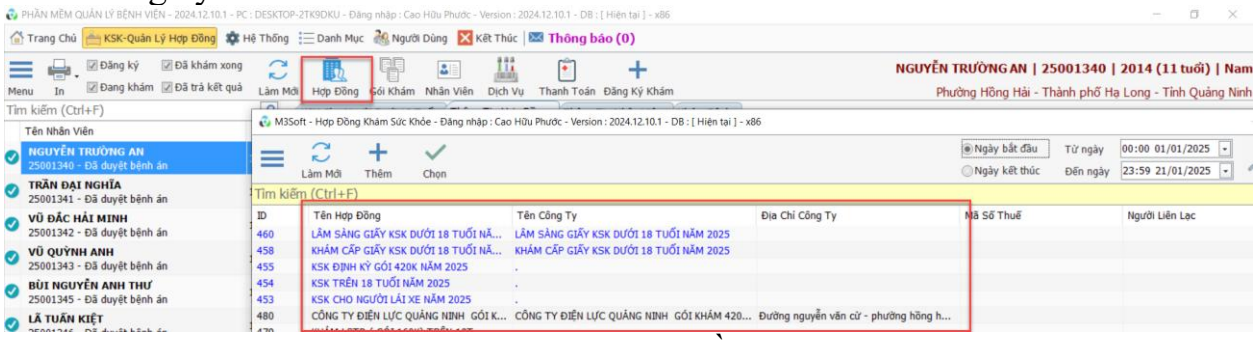

Chỉ định cận lâm sàng khám sức khỏe nhiều người

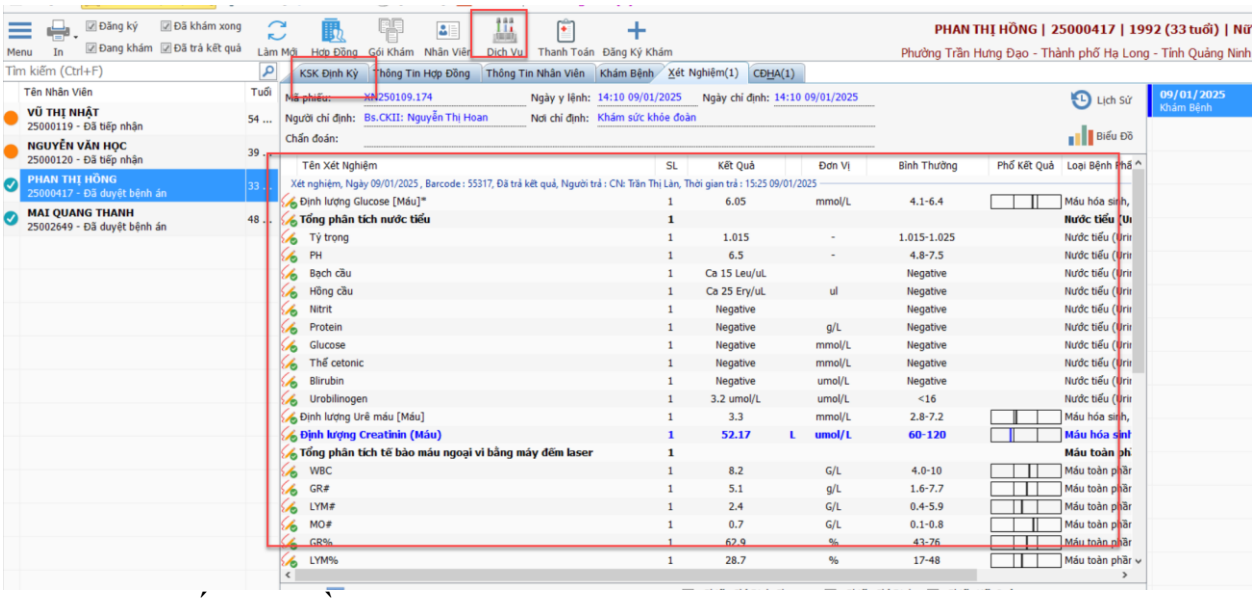

Nhập dấu sinh tồn khám sức khỏe

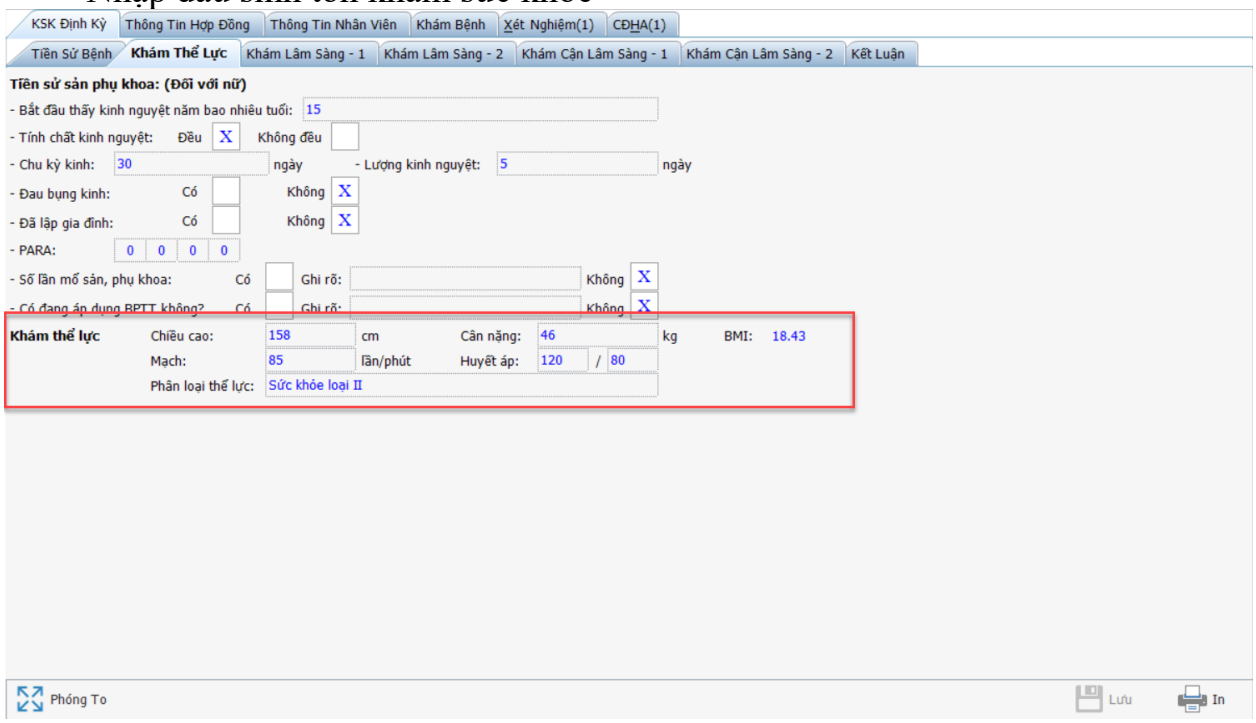

Khám sức khỏe lái xe

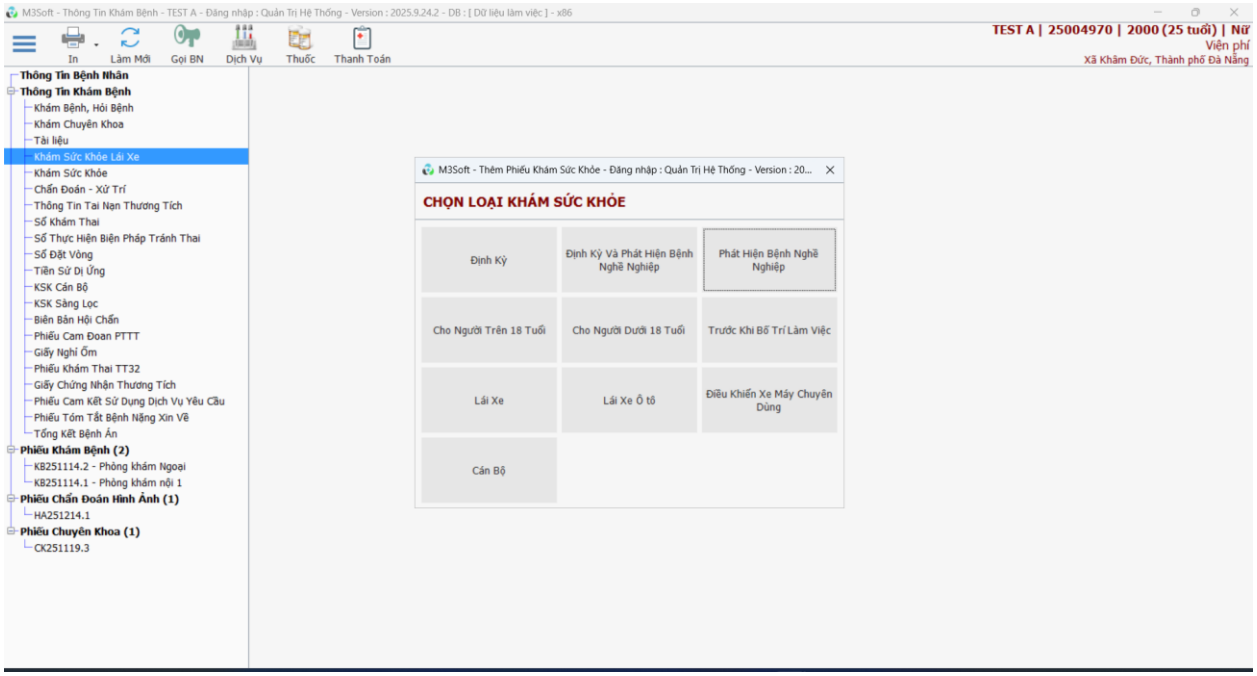

Khám sức khỏe làm việc, đi học

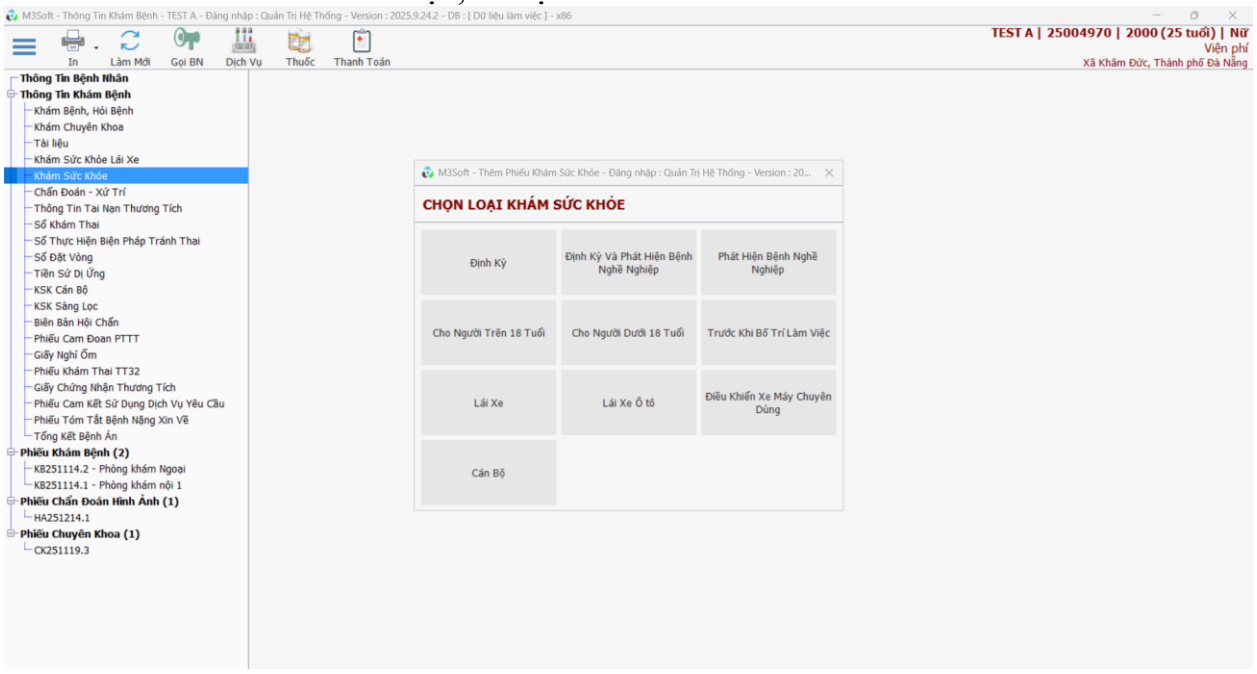

Khám sức khỏe người lớn và trẻ em

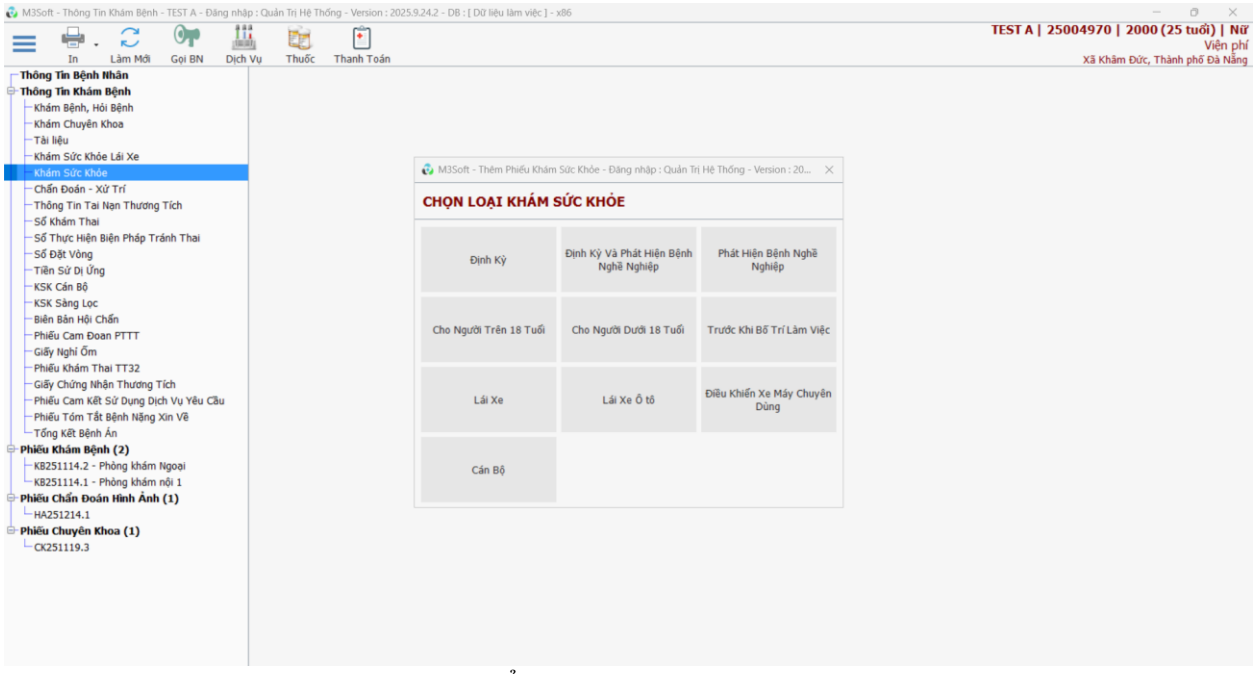

Khám sức khỏe VSAT thực phẩm

4. Quản lý phòng khám

Ghi nhận các thông tin chẩn đoán ban đầu

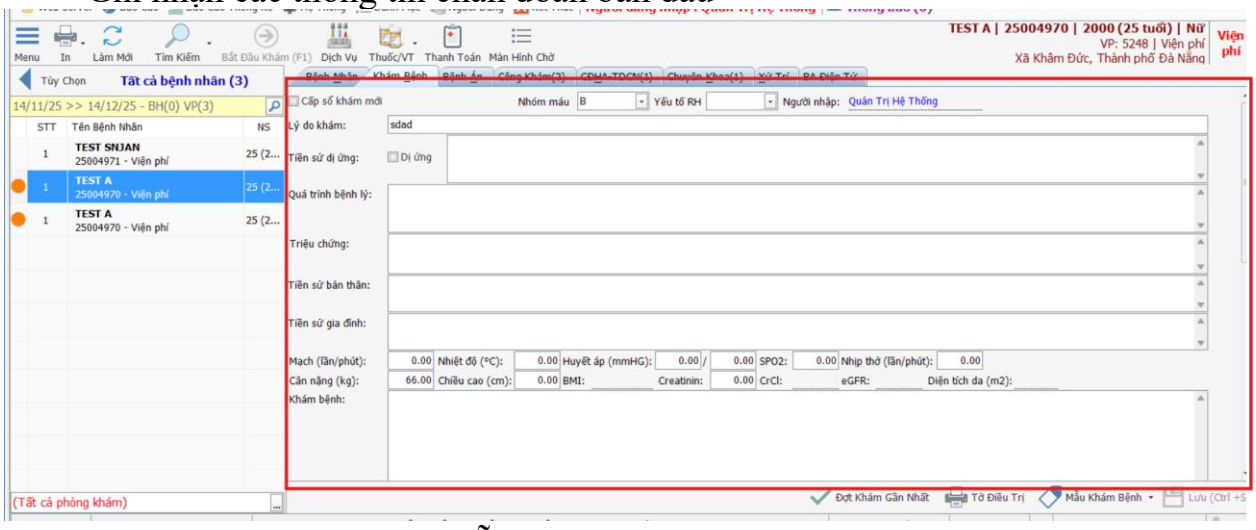

Chỉ định cận lâm sàng, phẫu thuật, thủ thuật, dịch vụ khác

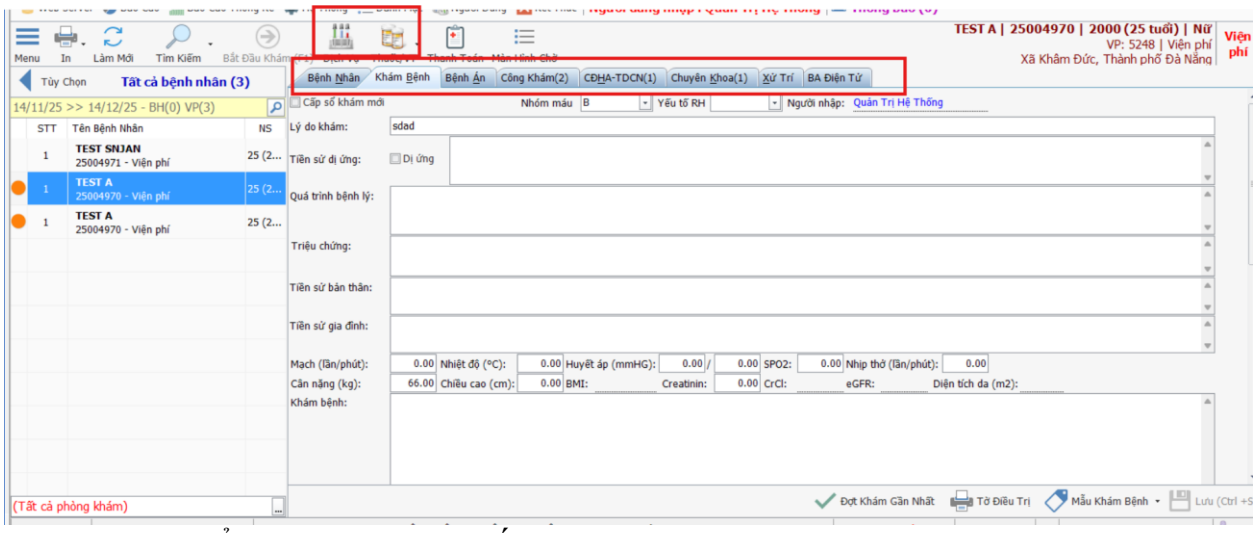

Bác sĩ có thể xem nhanh các kết quả cận lâm sàng trên máy tính

Xem thông tin bệnh sử (bệnh án điện tử) của bệnh nhân

Ghi nhận các thông tin định bệnh, các mã bệnh tật ICD 10, ICD5O (International Classification of Diseases for Oncology). Một bệnh nhân có thể có nhiều mã bệnh tật.

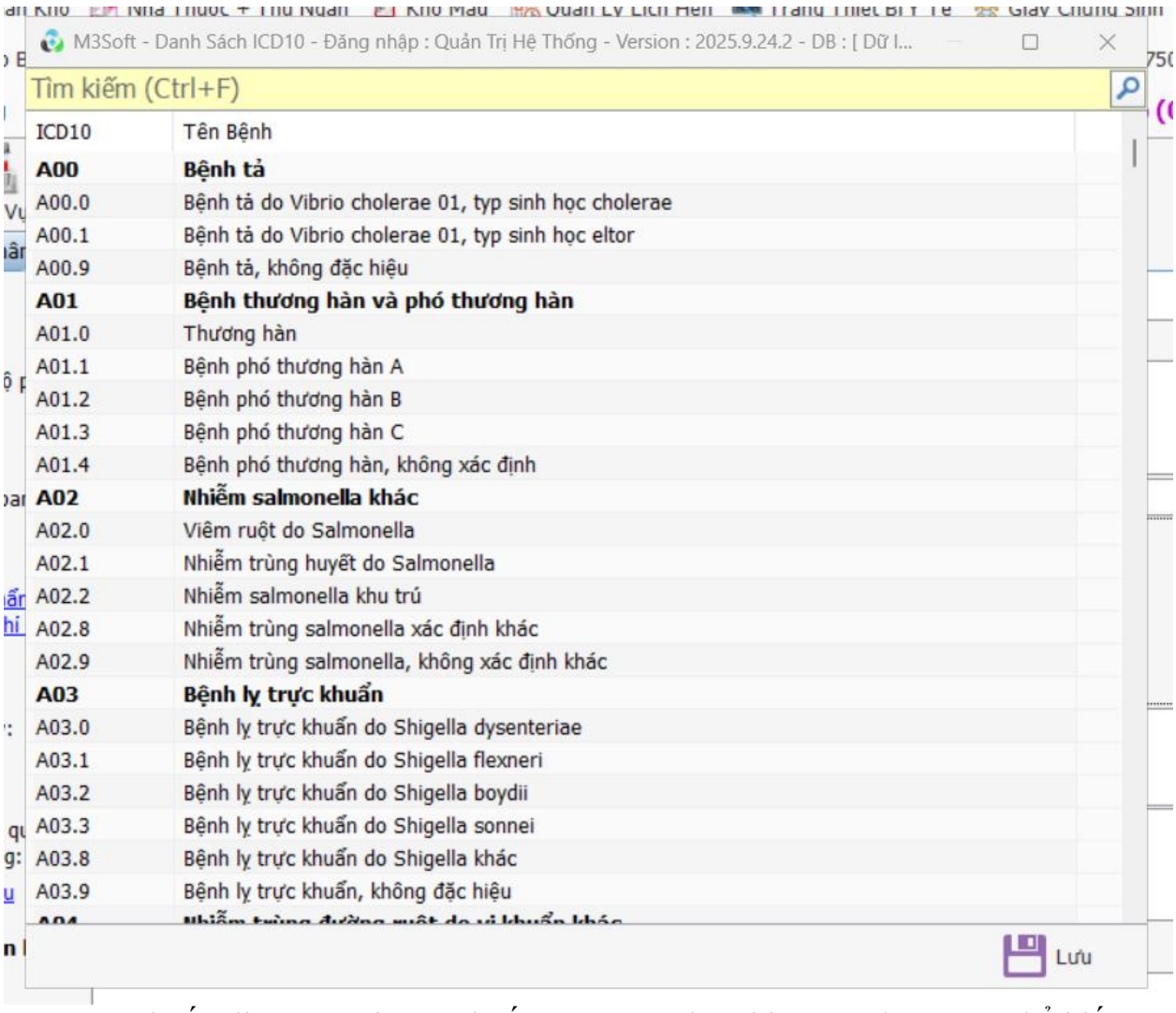

Ra toa thuốc điện tử và in toa thuốc có mã vạch: Khi ra toa, bác sĩ có thể biết được số lượng tồn tại quầy thuốc hay kho BHYT, sau khi ra toa xong thì chương trình đã "dành sẵn" số lượng thuốc đó, tránh được tình trạng khi bệnh nhân lĩnh thì hết thuốc. Bác sĩ có thể biết tổng số tiền cho một toa thuốc để báo bệnh nhân biết trước chuẩn bị tiền. Chương trình có chức năng cho phép bác sĩ tự định nghĩa các toa thuốc mẫu thường dùng của mình để giúp bác sĩ ra toa thuốc trên máy được nhanh hơn.

Chuyển phòng khám: Có thể chuyển bệnh nhân từ phòng này sang phòng khám khác nhiều lần. Khi đó công khám được tính cho phòng khám nào thực sự khám, không căn cứ trên biên lai đóng tiền.

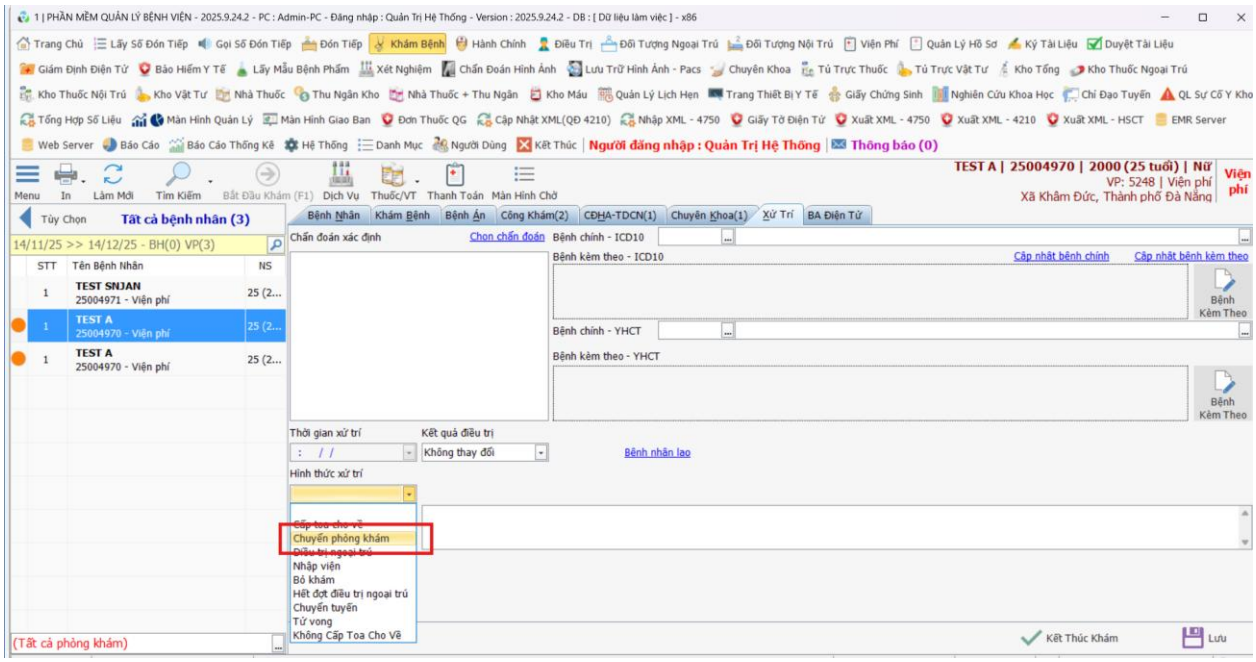

Chỉ định nhập viện: Trước khi cho bệnh nhân nhập viện, nhân viên phòng khám, tham khảo được tình hình sử dụng giường bệnh nội trú, có thể tư vấn lựa chọn loại phòng, vị trí phù hợp cho bệnh nhân.

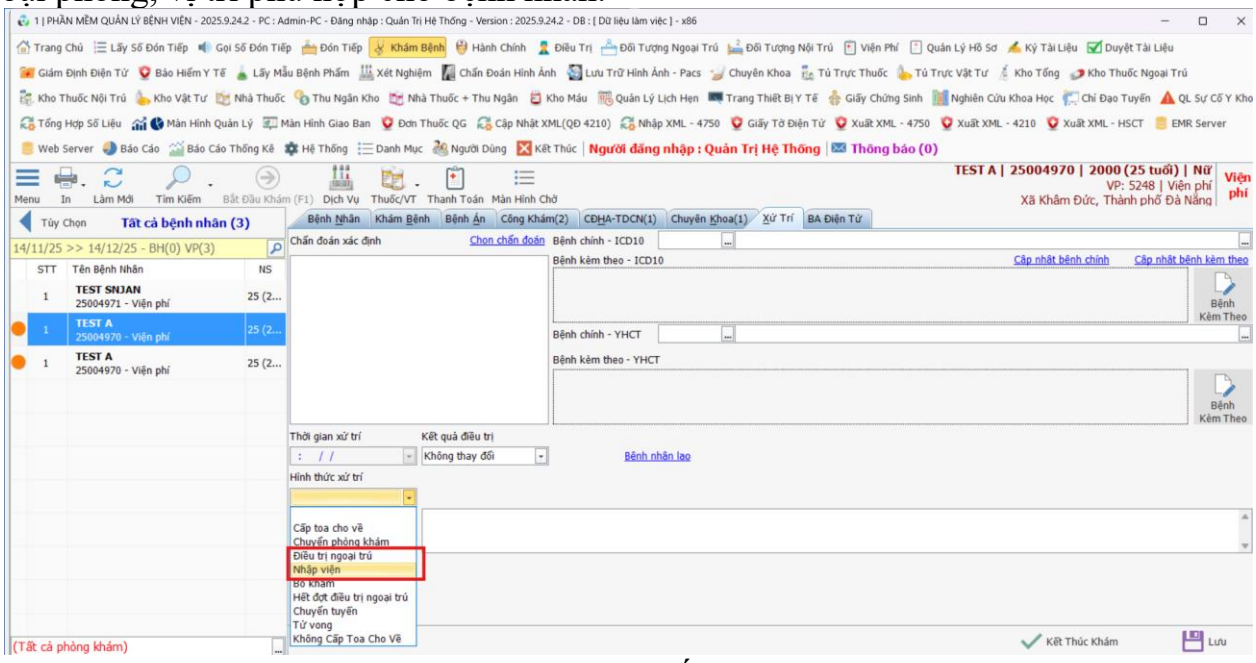

Tường trình thủ thuật: Giúp ghi nhận kết quả thực hiện của một ca thủ thuật ngoại trú. Ngoài số lượng ca, trình tự chuyên môn được thực hiện, Bệnh viện còn nắm được năng suất làm việc của bác sĩ, ê kip tham gia và các vật tư, dược tiêu hao trong quá trình thủ thuật.

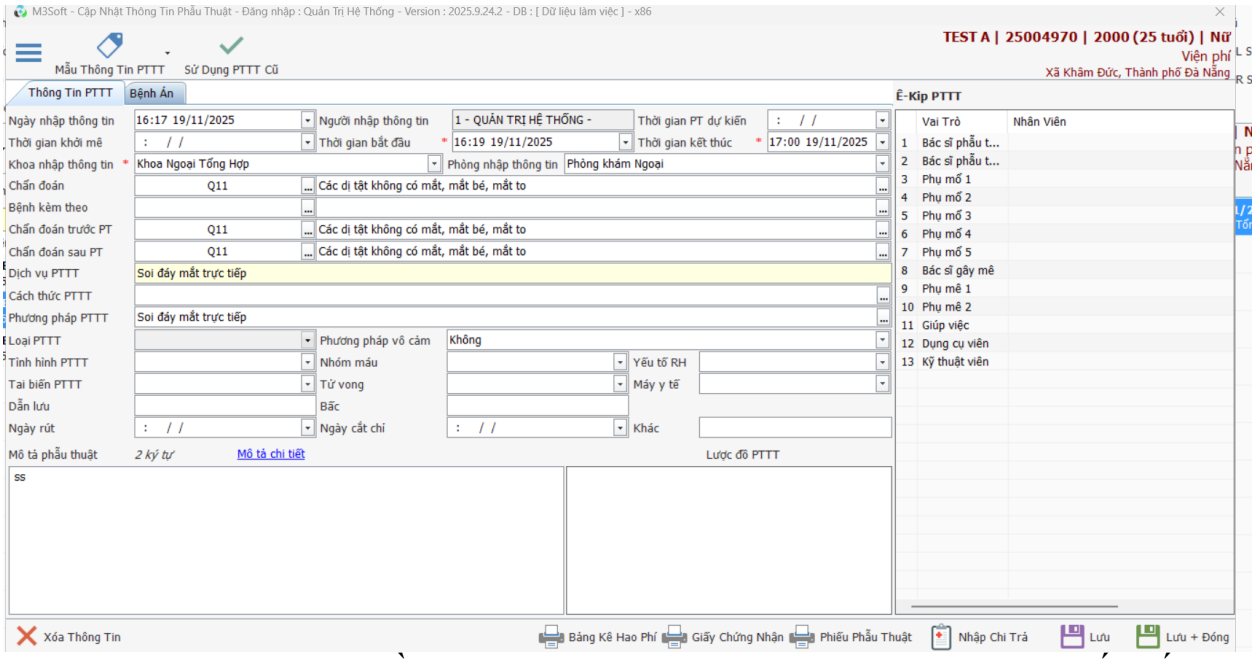

Ghi nhận thông tin tiền sử dị ứng của bệnh nhân và cảnh báo toa thuốc nếu có thuốc trùng tiền sử dị ứng của bệnh nhân.

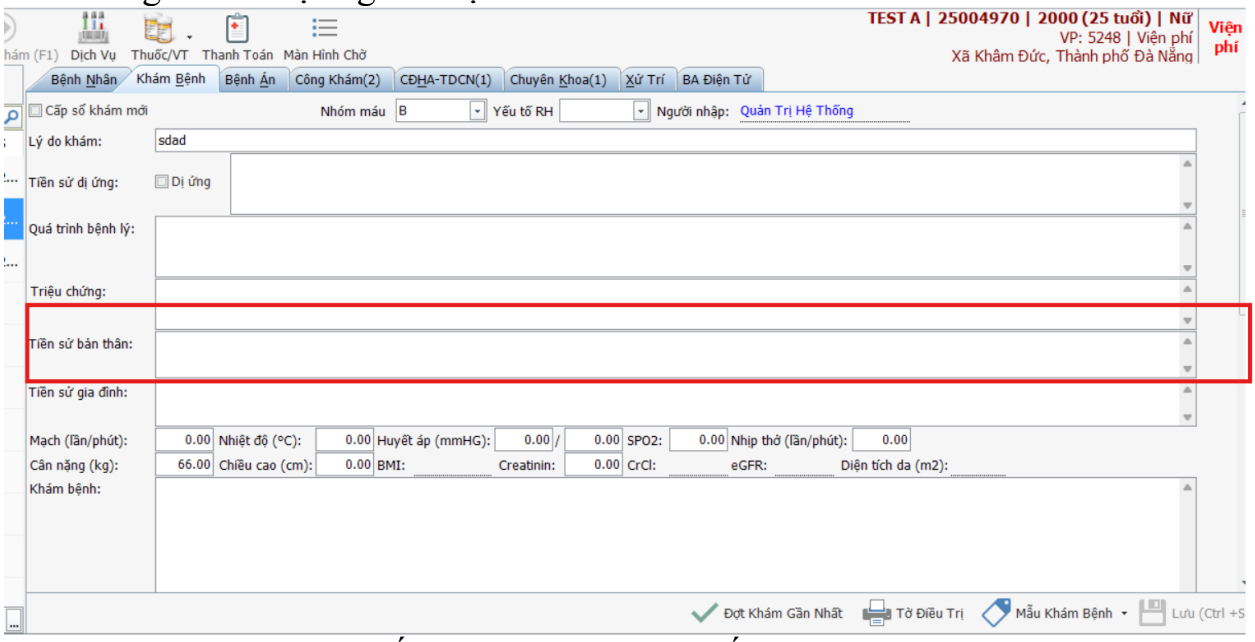

Cảnh báo tương tác thuốc có hại trong toa thuốc.

Xem được thông tin thông báo thuốc mới từ khoa dược.

Quản lý VTYT, hóa chất sử dụng tại phòng khám:

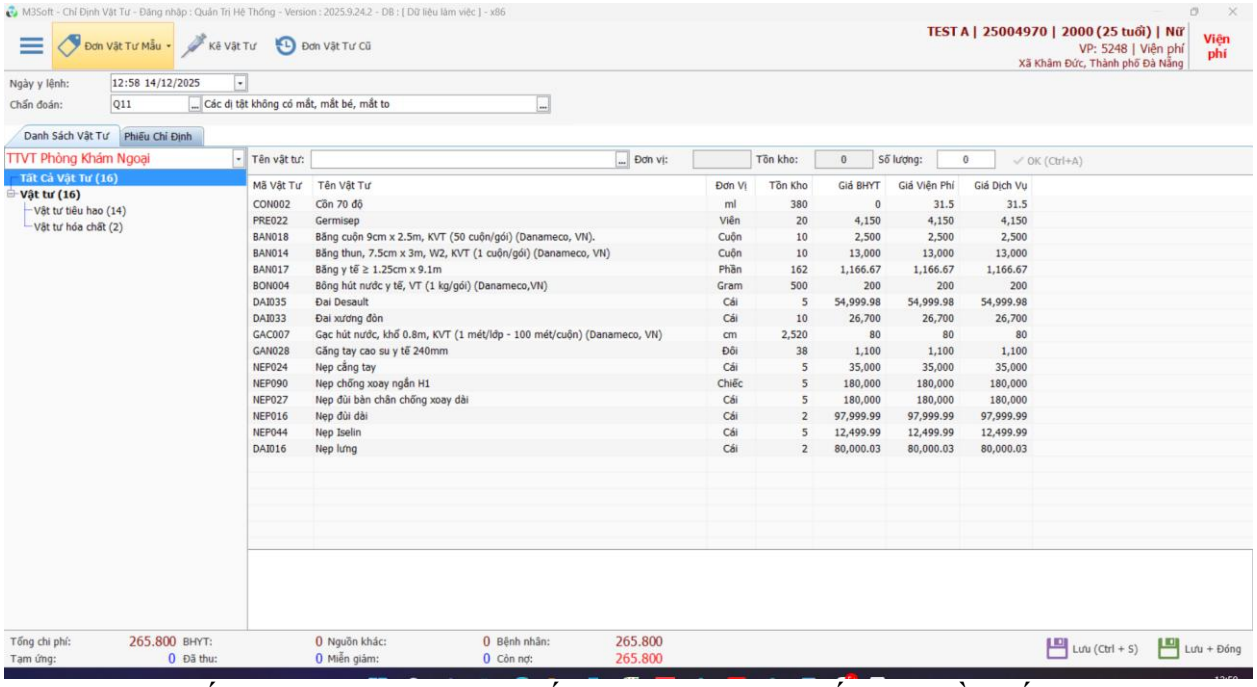

Lập phiếu lĩnh dược, vật tư y tế: Giúp lập các phiếu yêu cầu cấp phát VTYT tiêu hao, hóa chất và gửi cho khoa dược (Khoa dược sẽ tự động cấp phát theo yêu cầu này, không cần phải mất thời gian nhập vào)

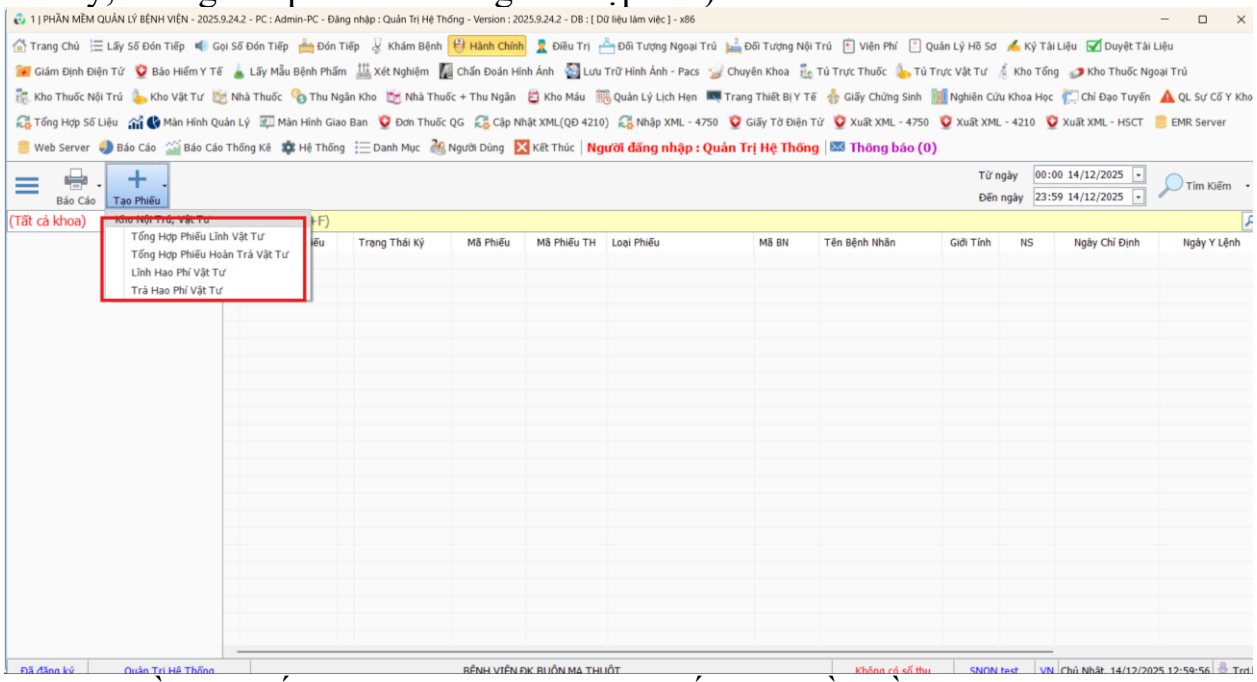

Nhập về tủ cơ số tại phòng khám, quản lý số lượng tồn đầu vào

Xuất sử dụng tủ cơ số

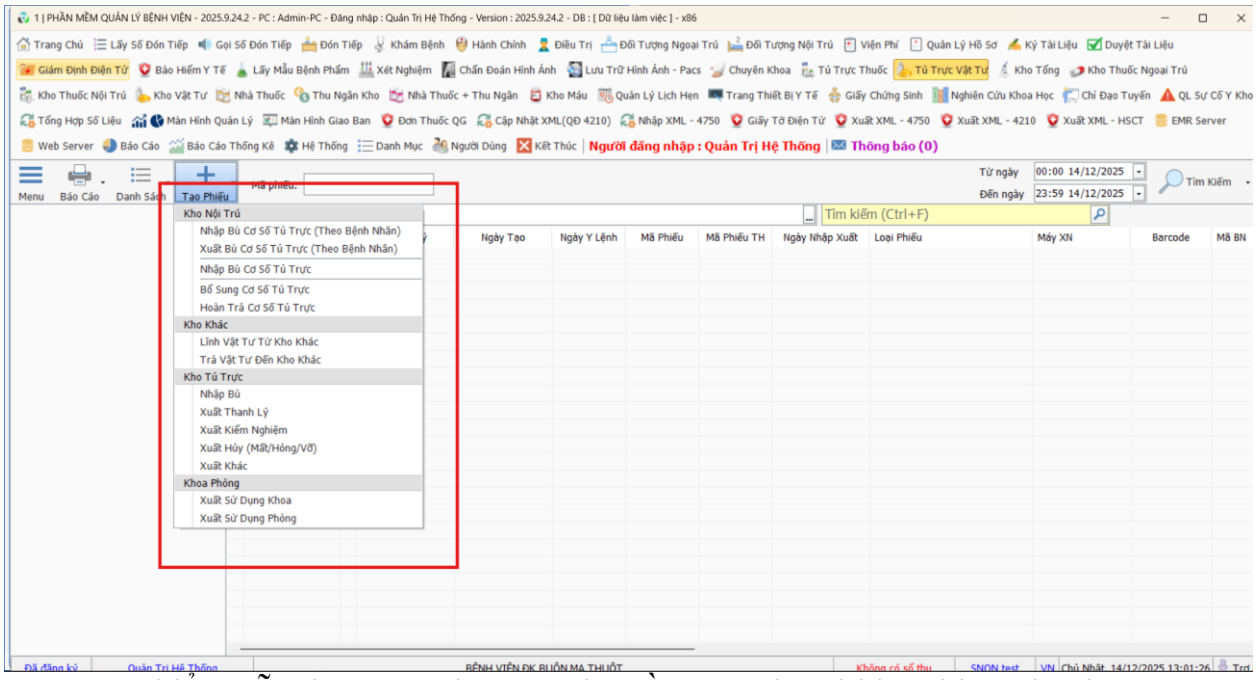

Các biểu mẫu, báo cáo phục vụ nhu cầu quản lý tại khoa khám bệnh

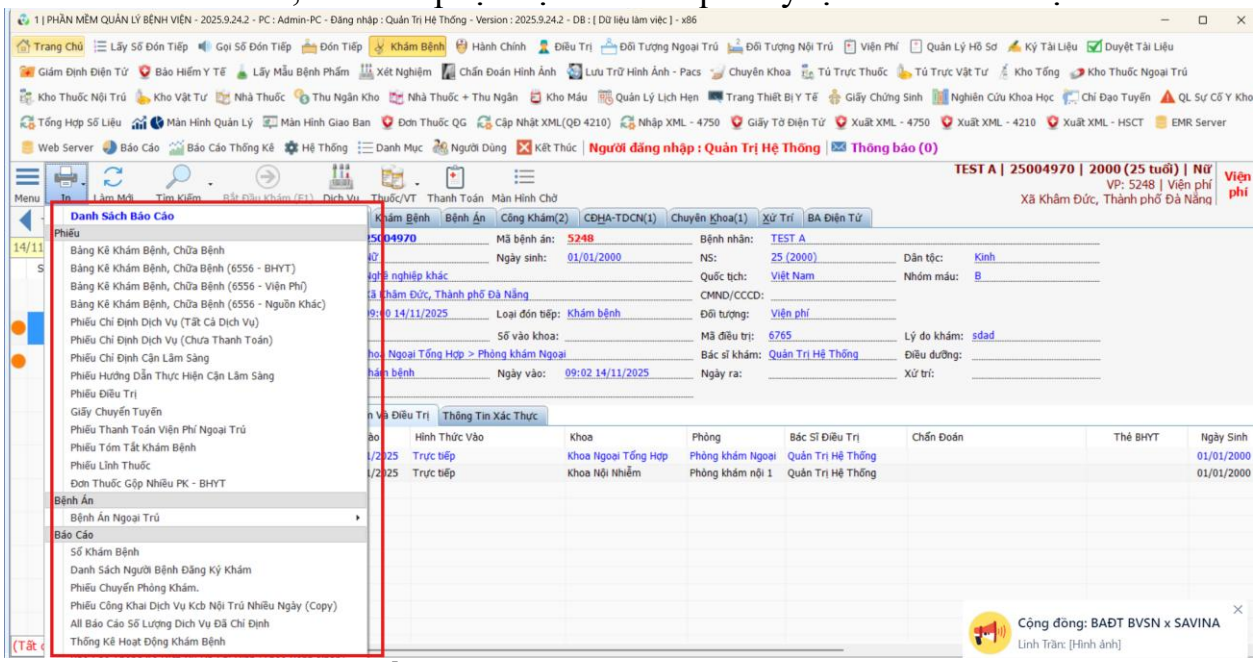

5. Quản lý bệnh nhân điều trị ngoại trú

Ghi nhận thông tin điều trị

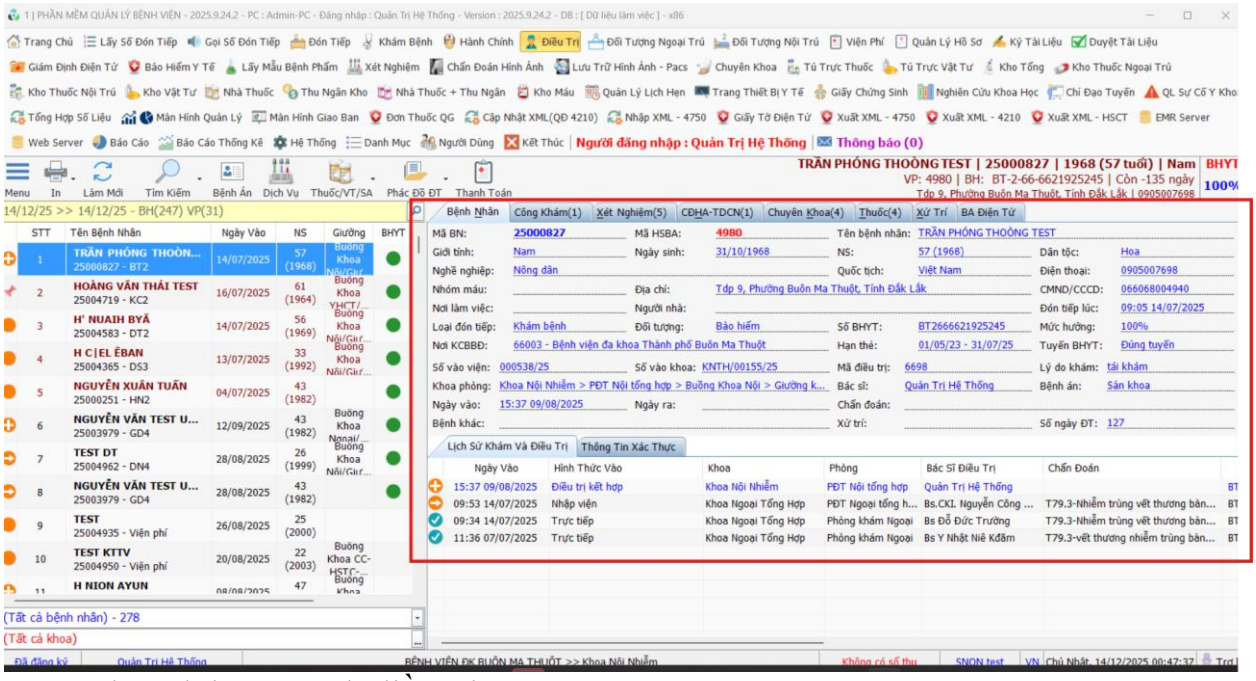

Theo dõi quá trình điều trị

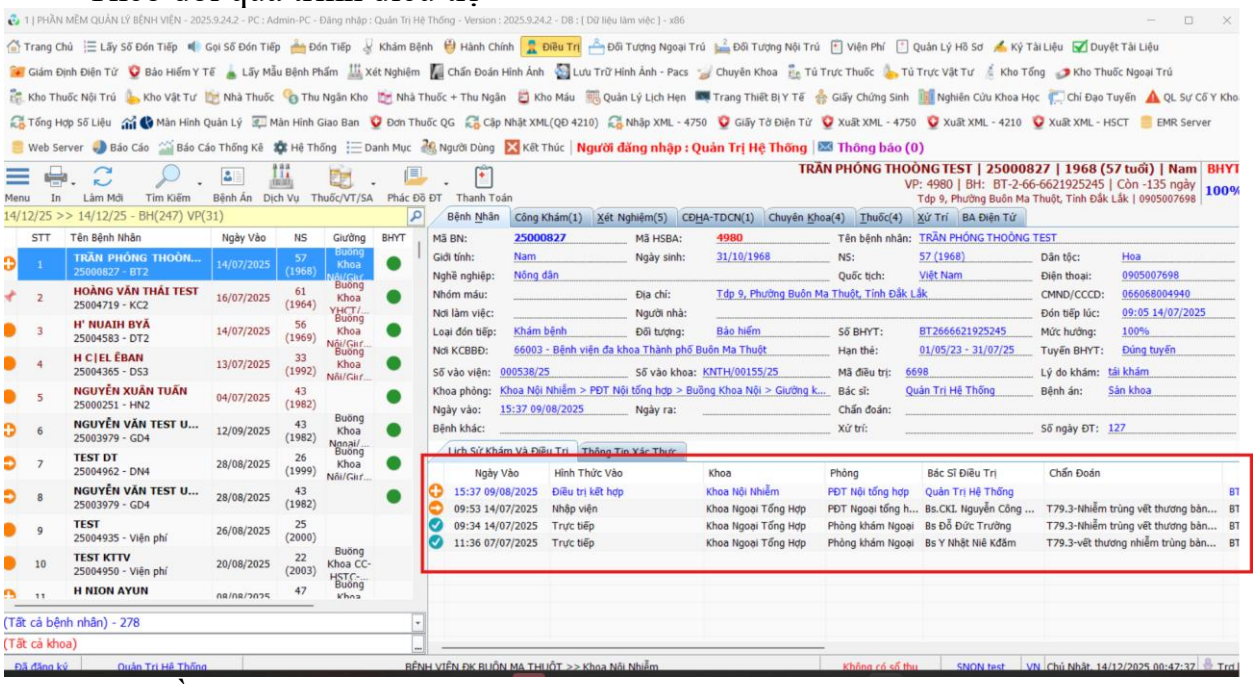

Yêu cầu cận lâm sàng

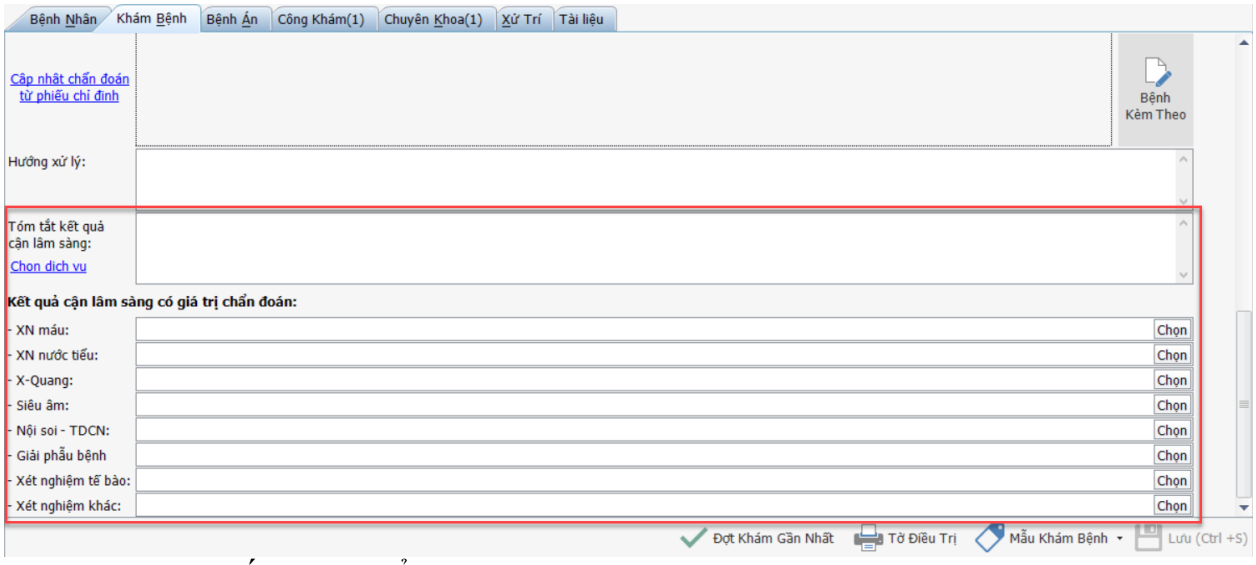

Kê toa thuốc: Bảo hiểm, thu phí và mua ngoài

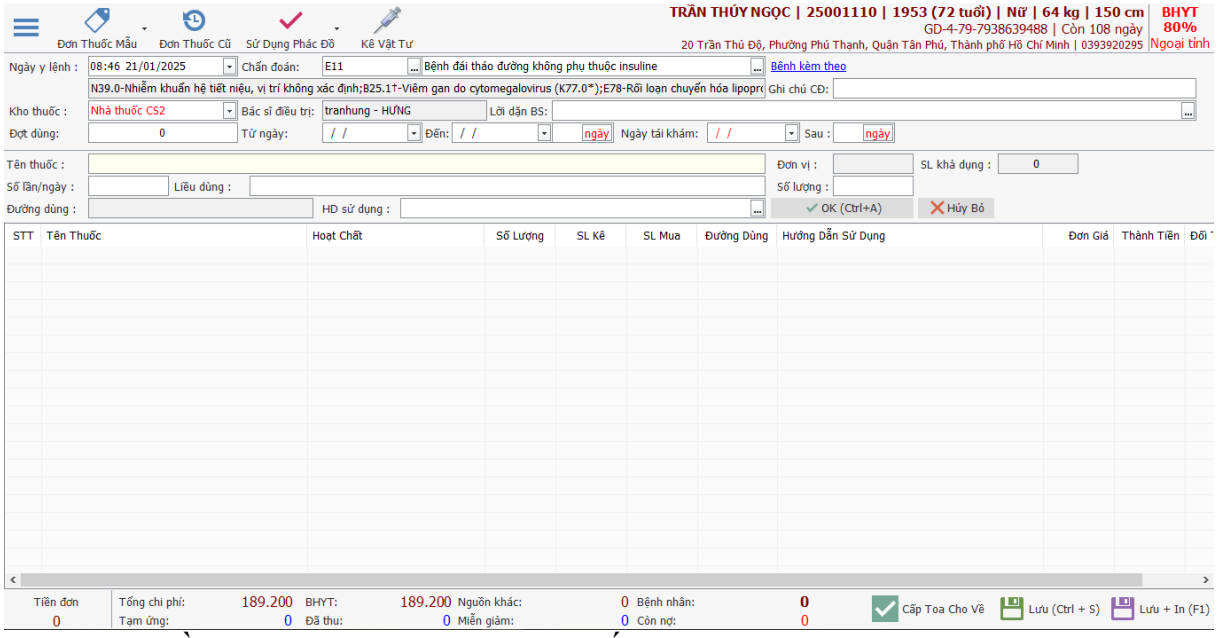

Xem tồn kho (Khoa dược, Nhà thuốc phòng khám)

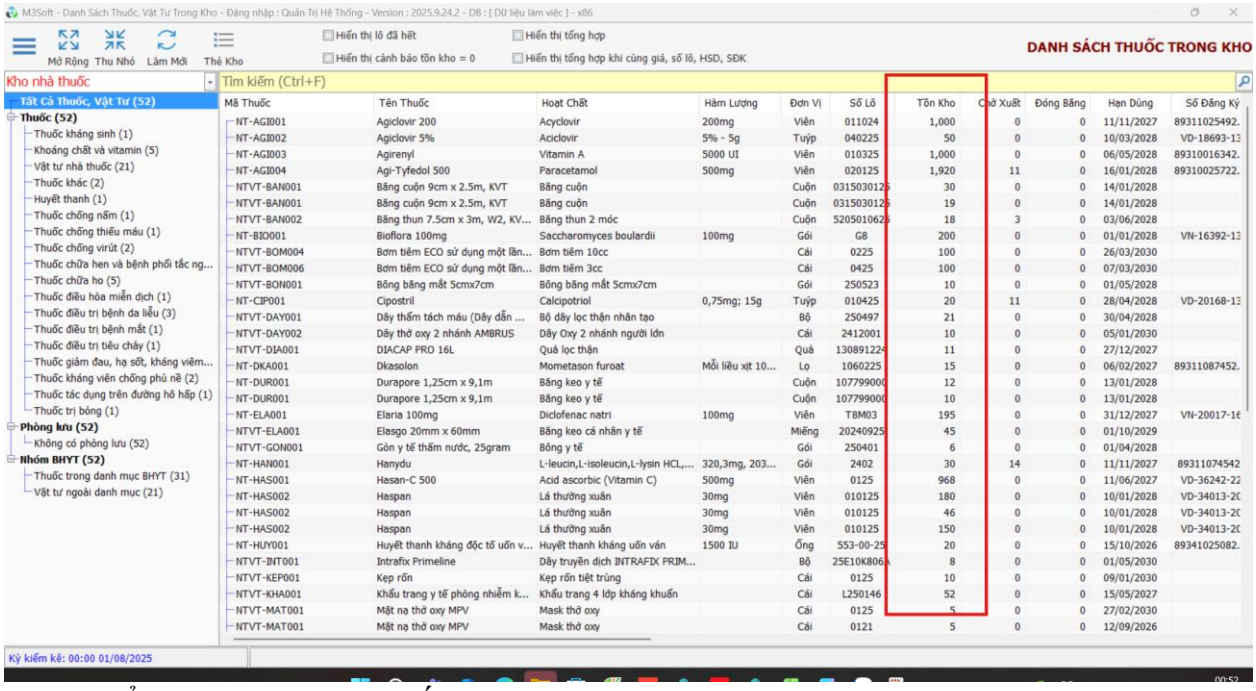

Kiểm tra trùng lặp thuốc

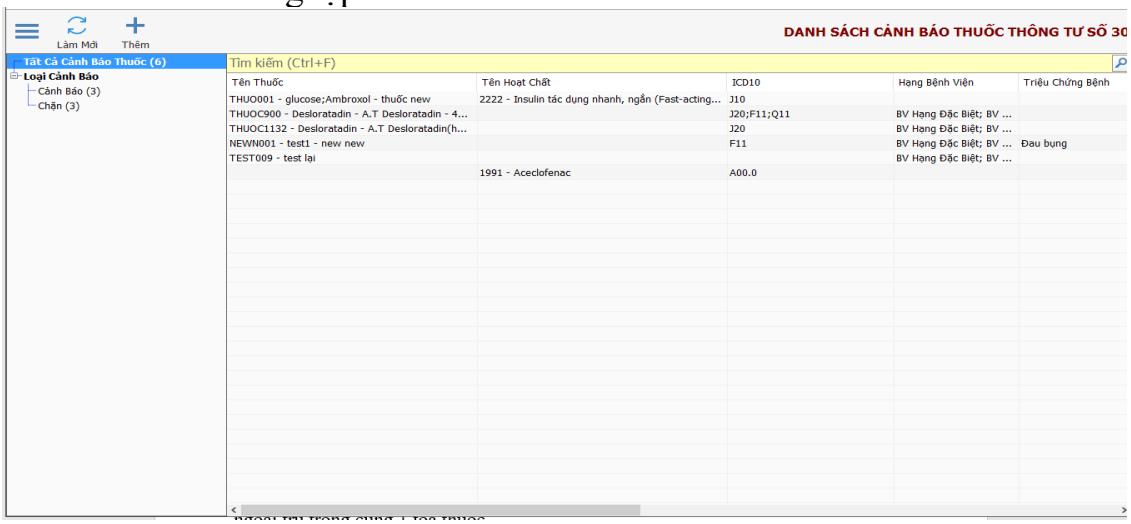

Quản lý tủ trực ngoại trú

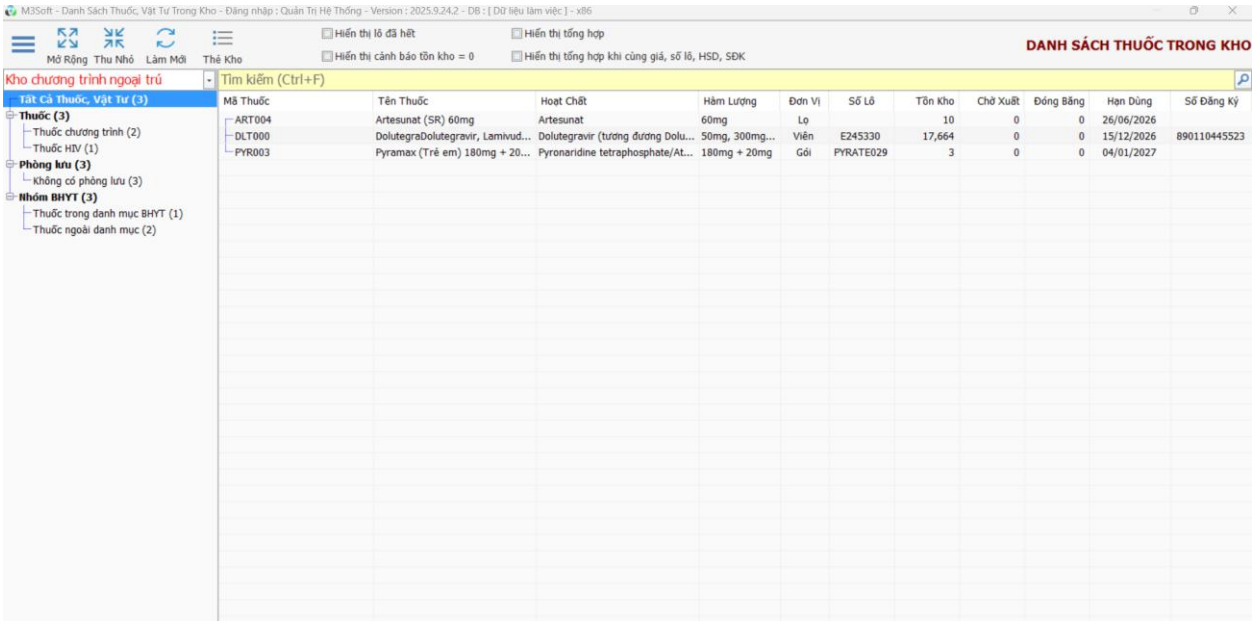

Quản lý các lần tái khám

Ghi nhận thông tin phẫu thuật - thủ thuật

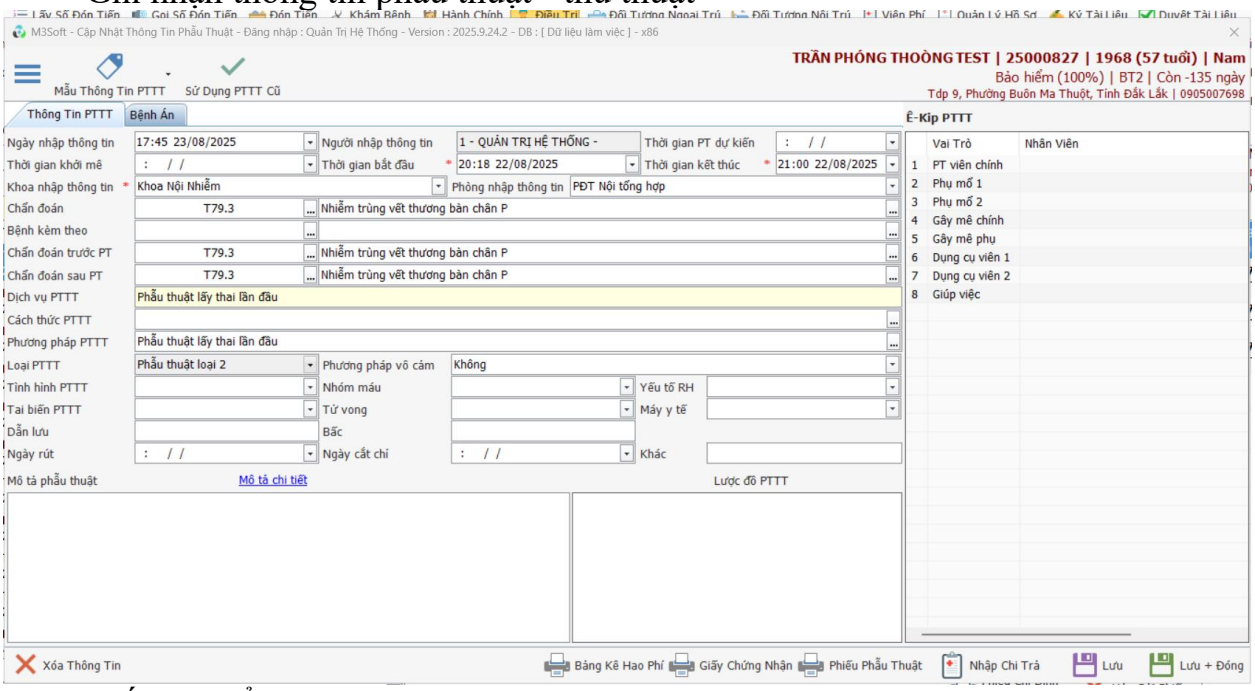

Giấy chuyển viện

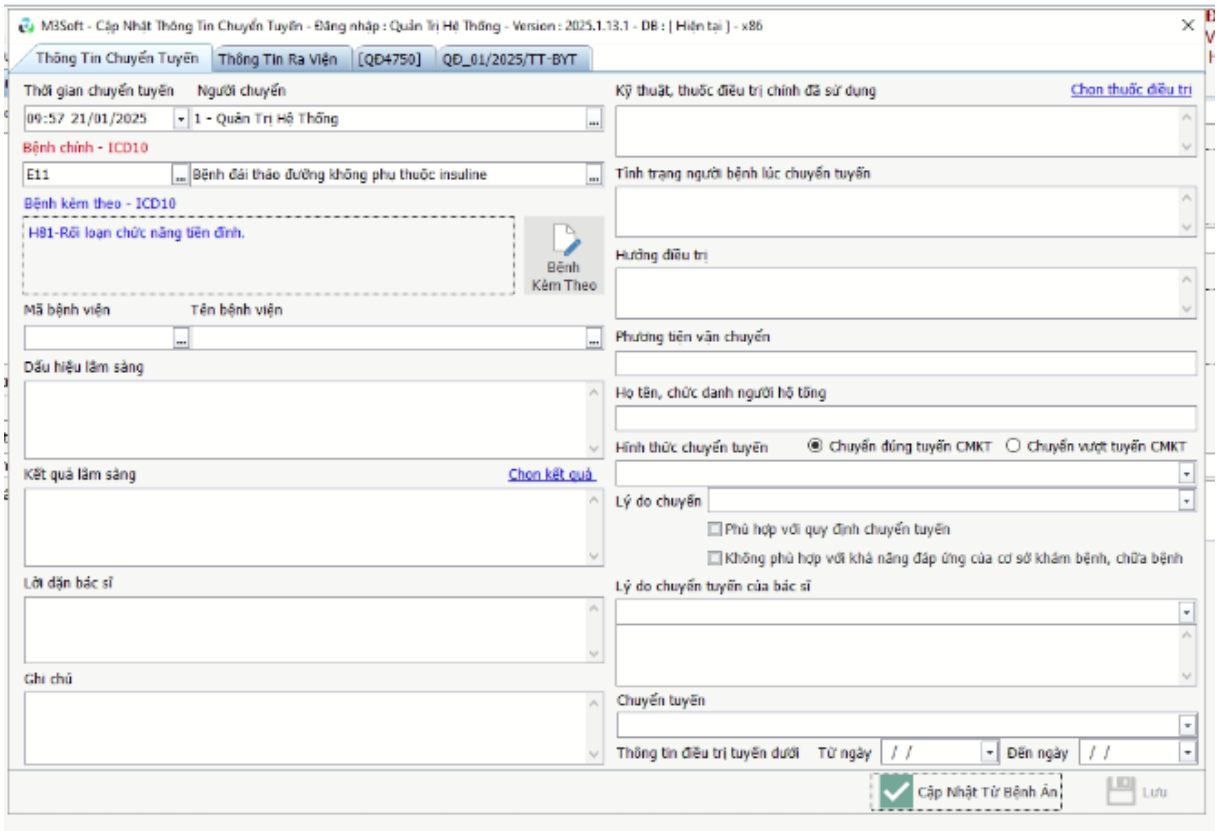

Tìm kiếm thông tin người bệnh

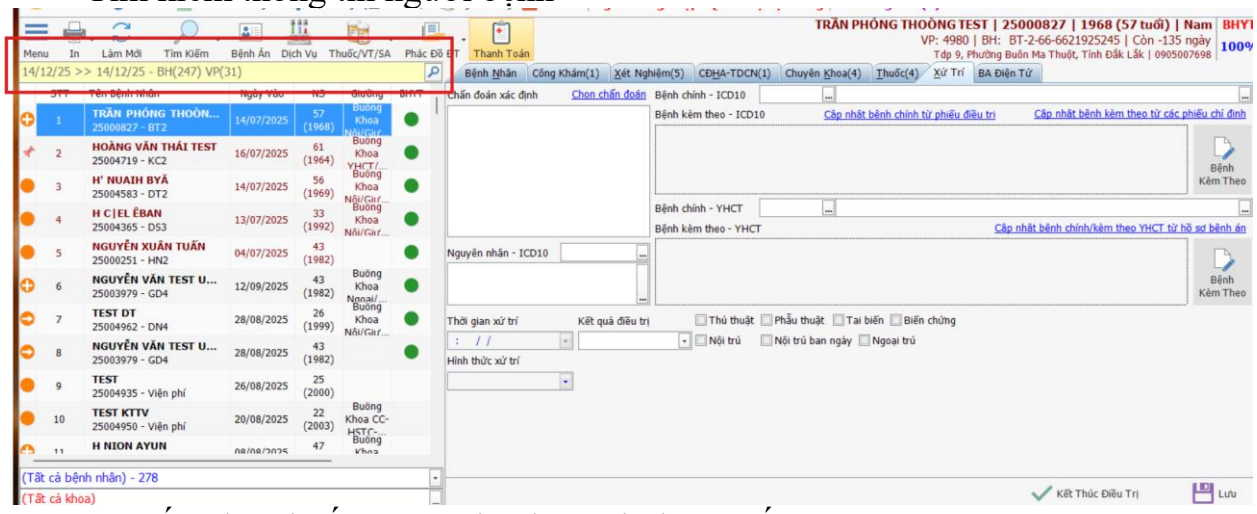

Duyệt cấp phát thuốc vật tư tiêu hao tại phòng cấp cứu

Xem được lịch sử ngoại trú

Kiểm tra bệnh nhân khám trong ngày, thông tuyến BHYT

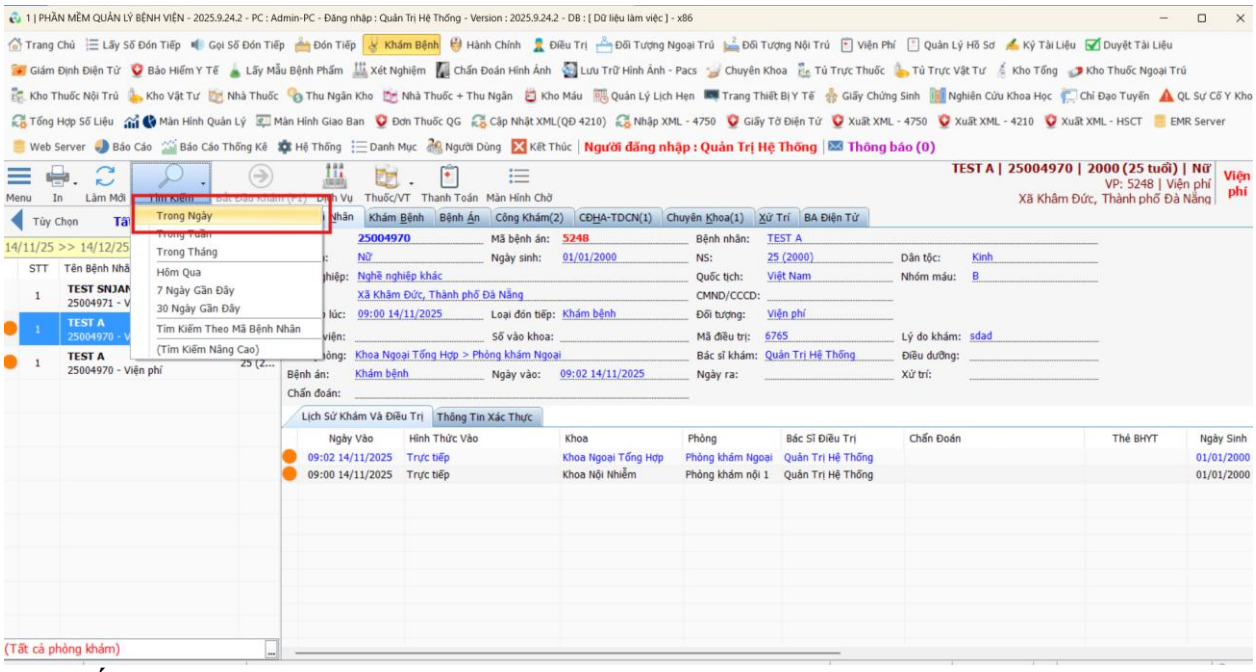

Phiếu thanh toán dịch vụ

6. Quản lý bệnh nhân cấp cứu tổng hợp

Ghi nhận thông tin điều trị

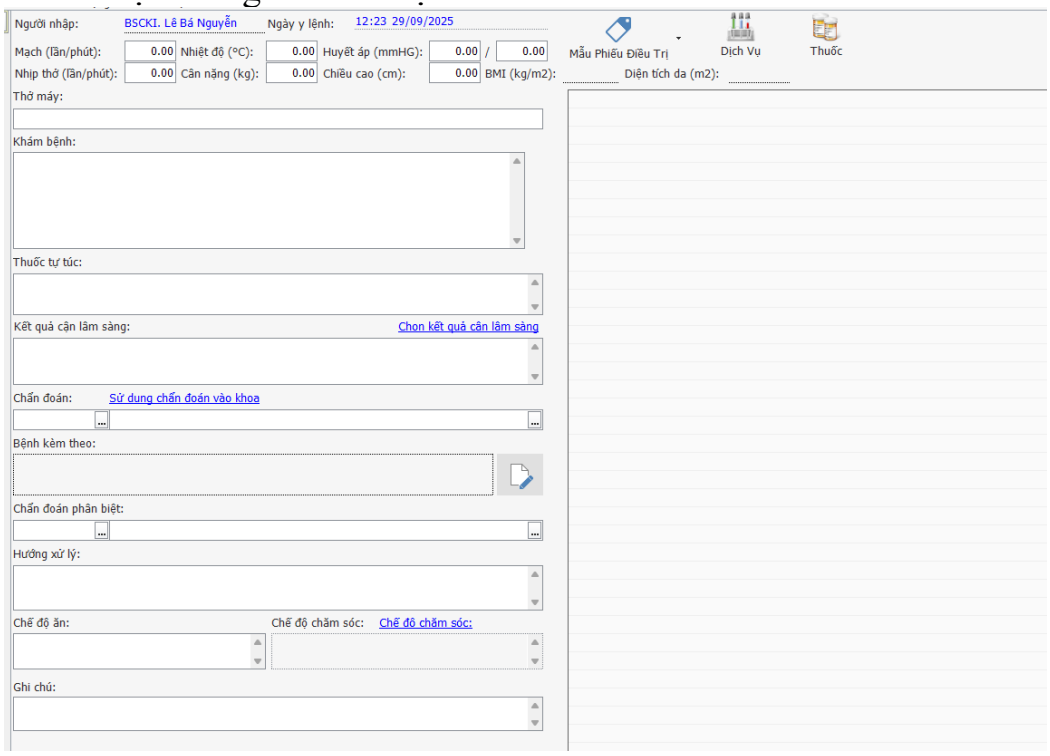

Theo dõi quá trình điều trị

Yêu cầu cận lâm sàng
Kê toa thuốc: Bảo hiểm, thu phí và mua ngoài
Xem tồn kho (Khoa dược nhà thuốc phòng khám)

Kiểm tra trùng lặp thuốc
Quản lý tủ trực cấp cứu
Ghi nhận thông tin phẫu thuật - thủ thuật
Quản lý tai nạn thương tích, giao thông

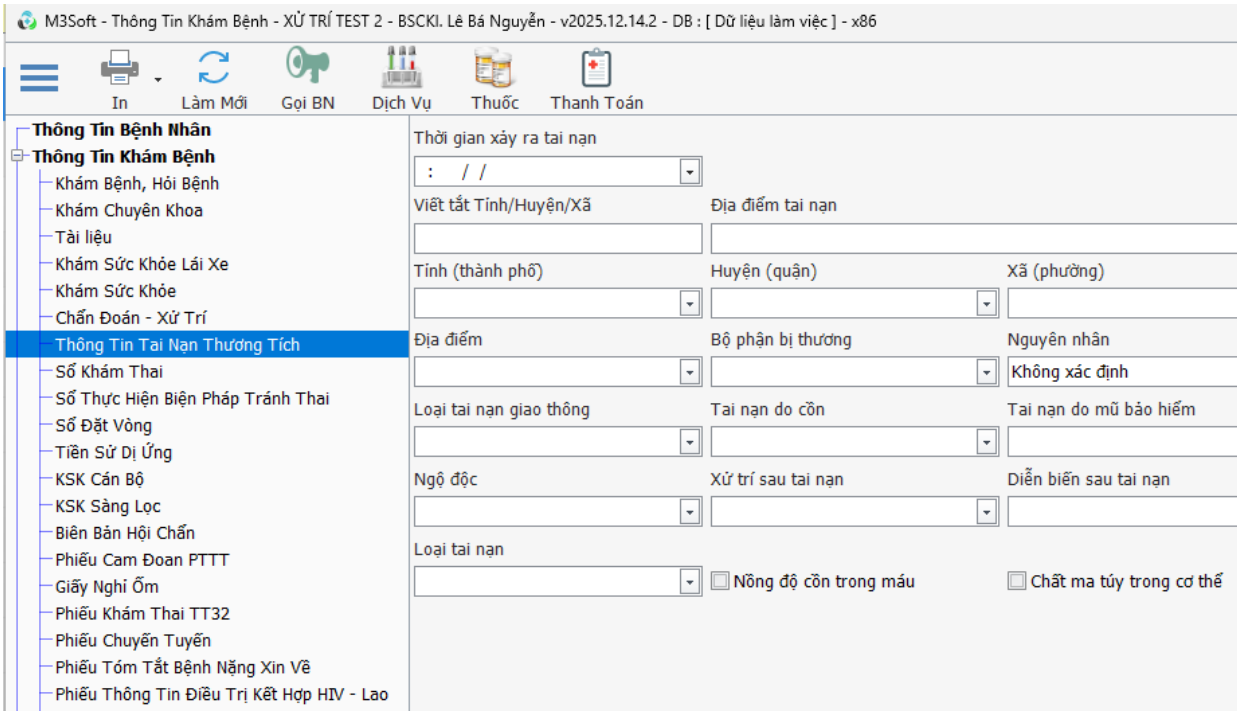

Giấy chuyển viện
Tìm kiếm thông tin người bệnh
Duyệt cấp phát thuốc vật tư tiêu hao tại phòng cấp cứu
Xem được lịch sử cấp cứu

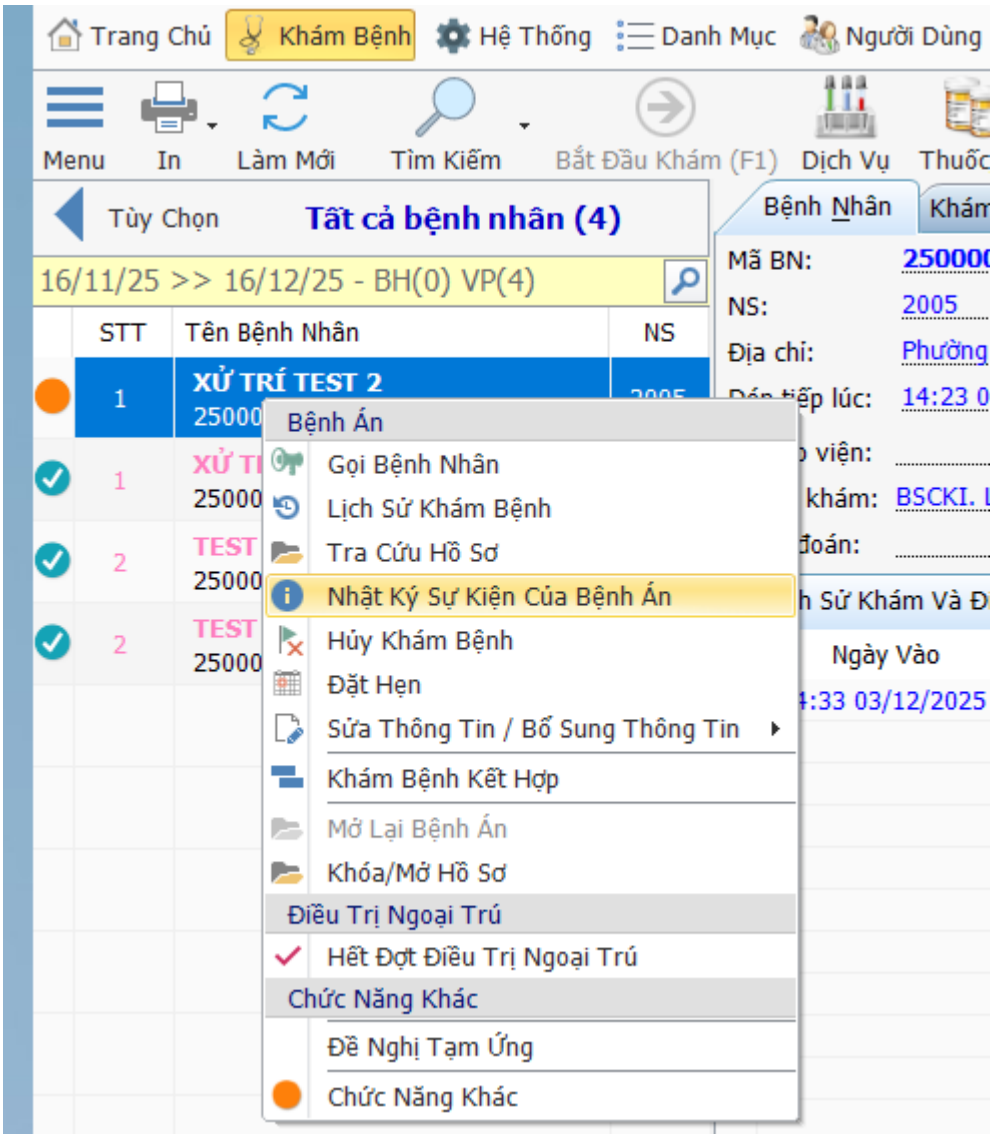

Kiểm tra bệnh nhân khám trong ngày, thông tuyến BHYT
Phiếu thanh toán dịch vụ

7. Quản lý bệnh nhân điều trị nội trú

Điều trị nội trú

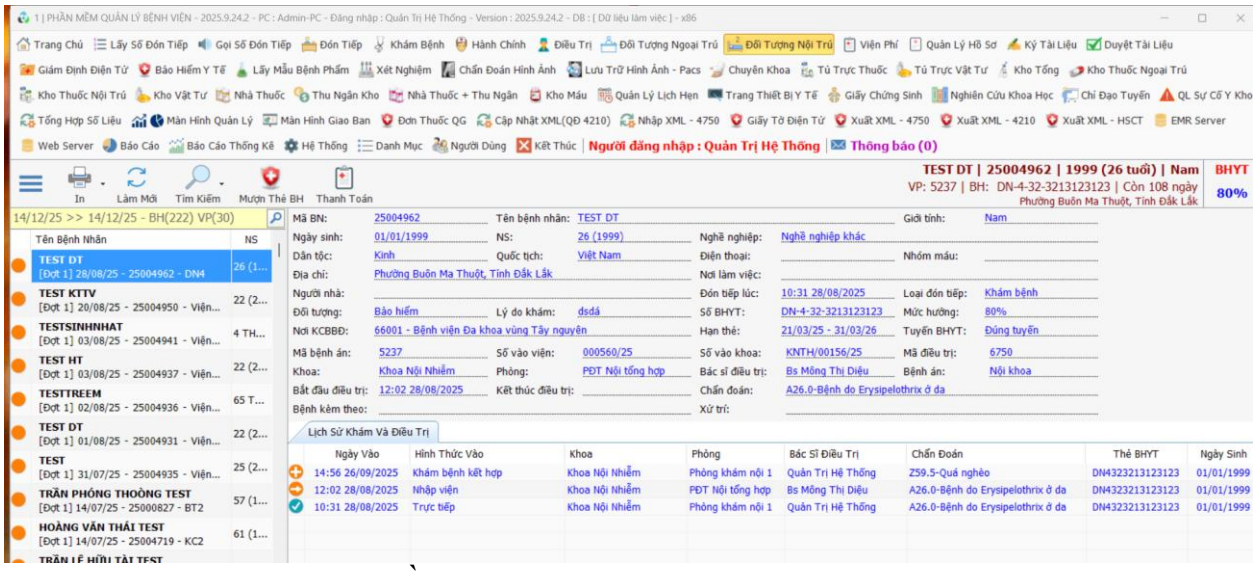

Ghi nhận thông tin điều trị

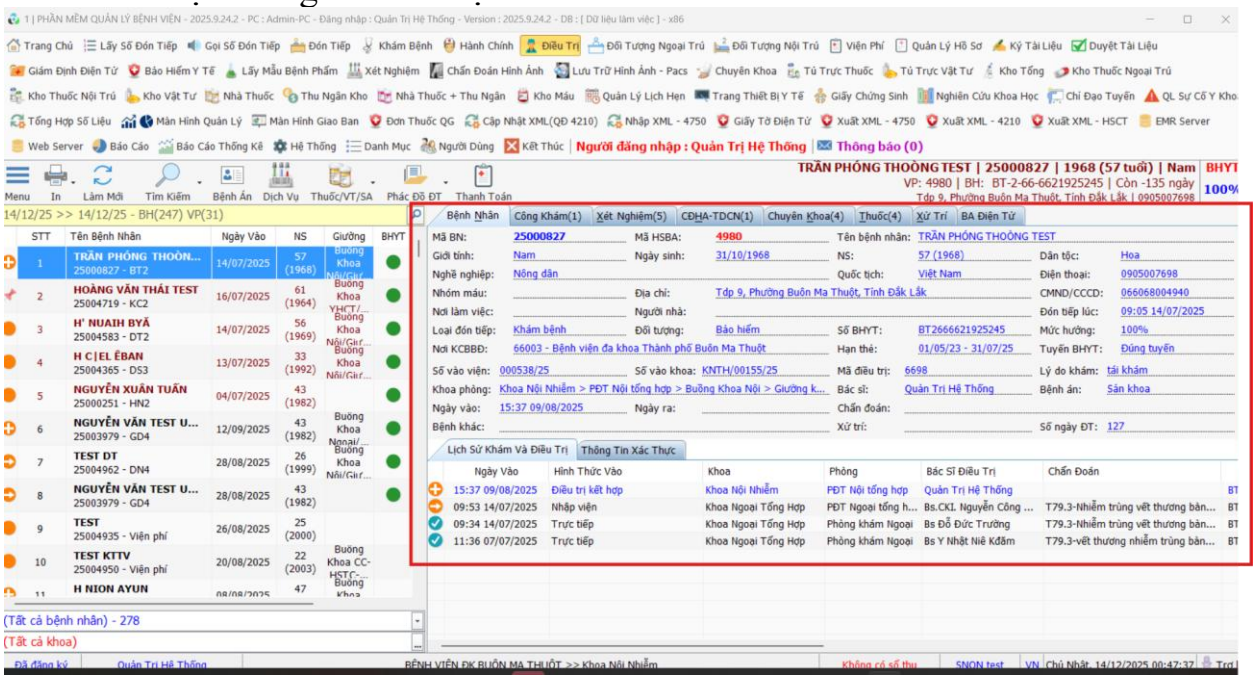

Nhận bệnh
Nhập khoa

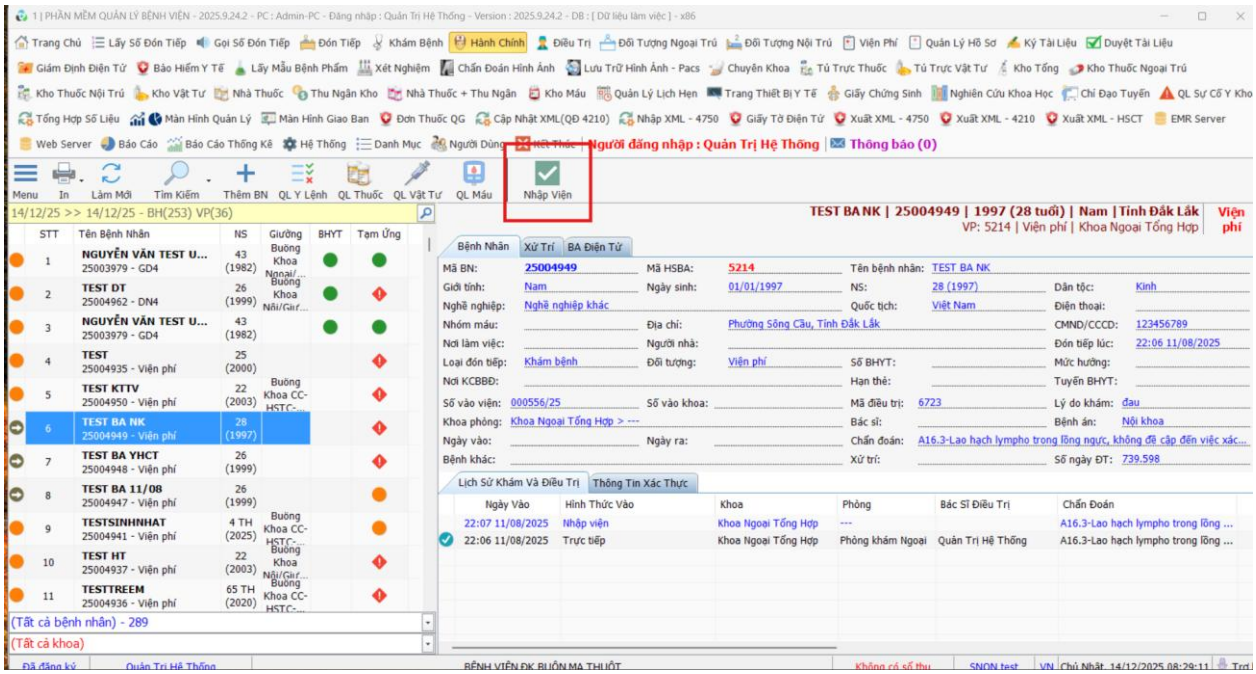

Chỉ định cận lâm sàng

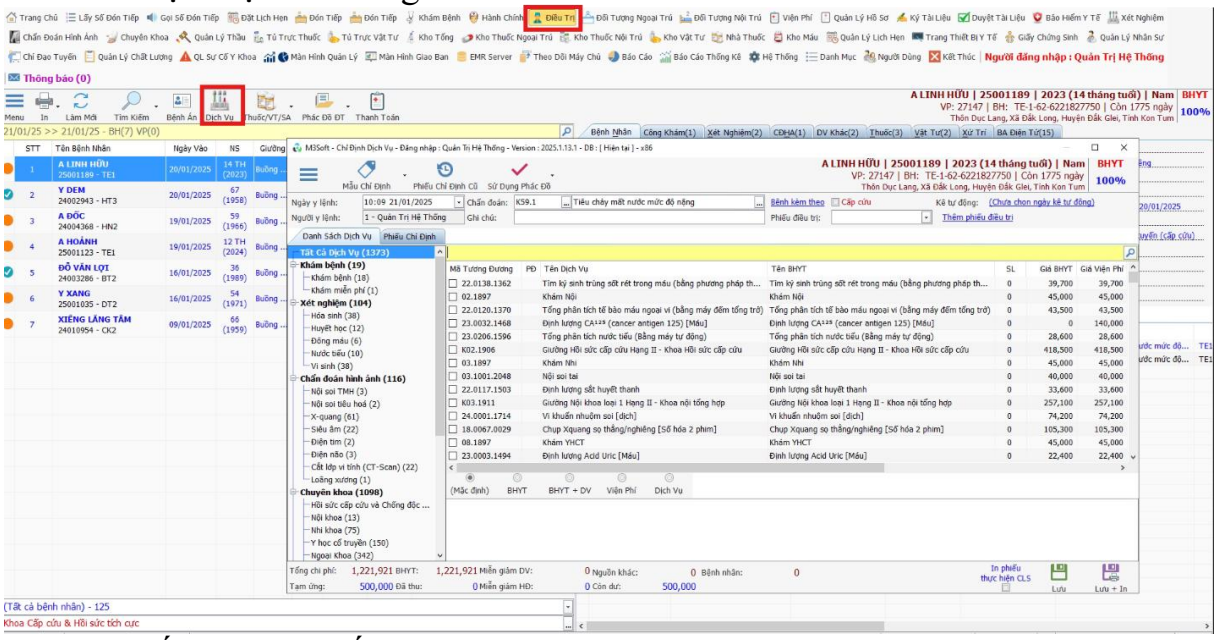

Lập phiếu dự trù thuốc, vật tư theo người bệnh

Lập phiếu xuất tủ trực theo người bệnh, xem tồn đầu và cơ số tủ trực

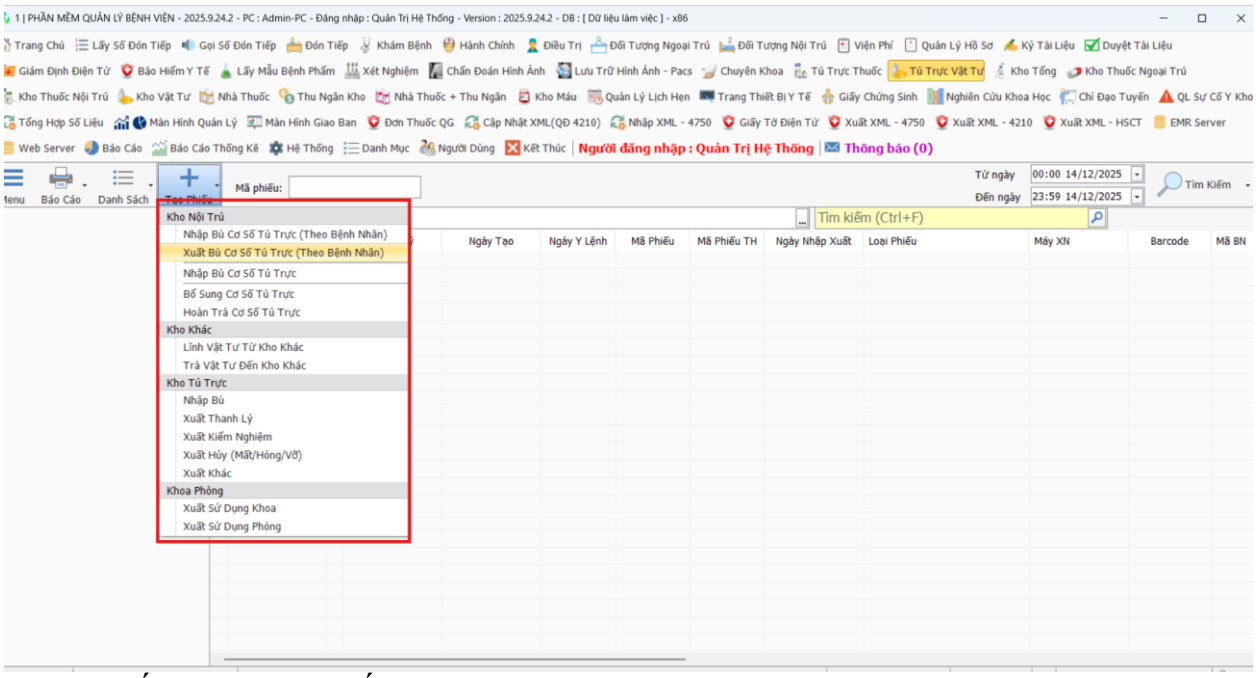

Phiếu hoàn trả thuốc, vật tư

Phiếu hoàn trả thừa tại khoa

Lập phiếu bổ sung/hoàn trả cơ số tủ trực

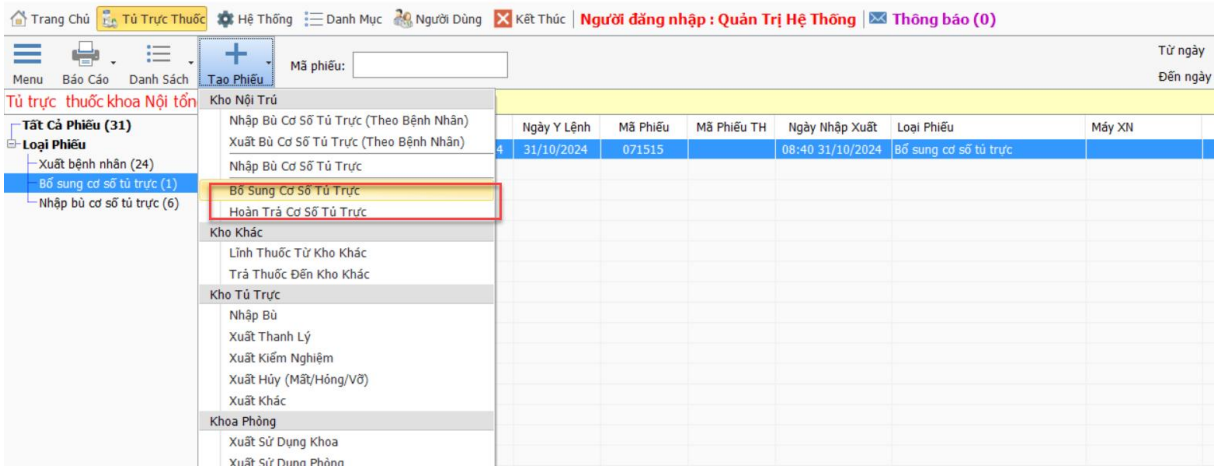

Quản lý Phẫu thuật - thủ thuật

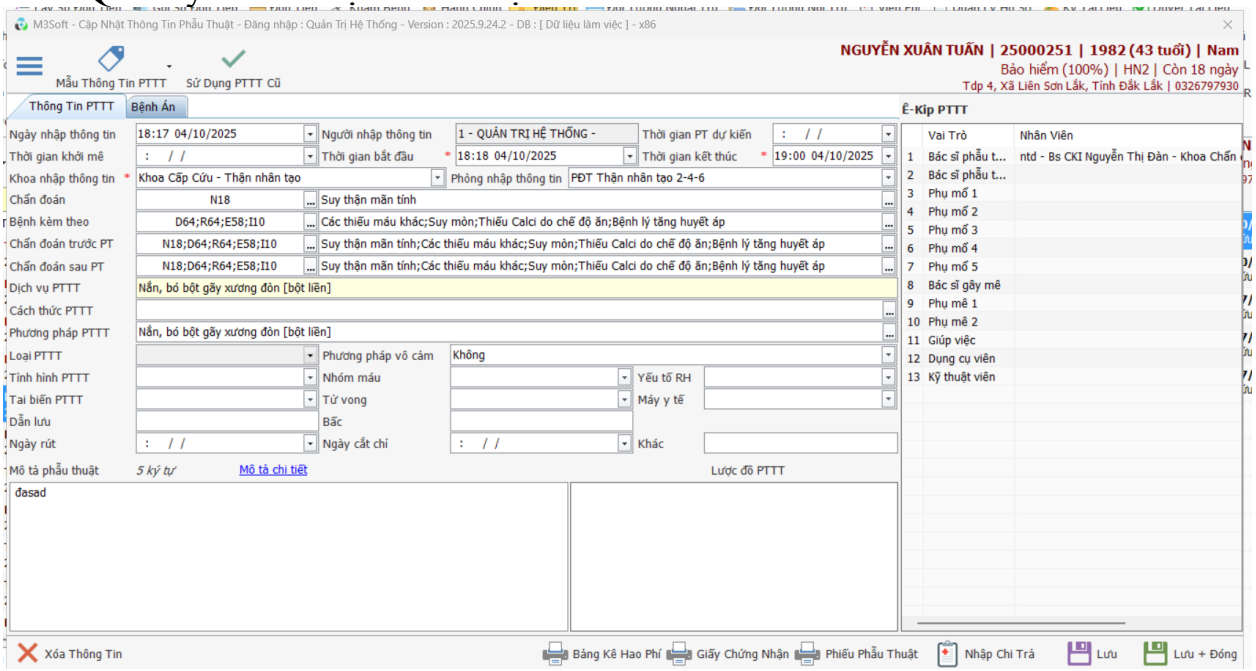

Quản lý tai nạn thương tích, giao thông

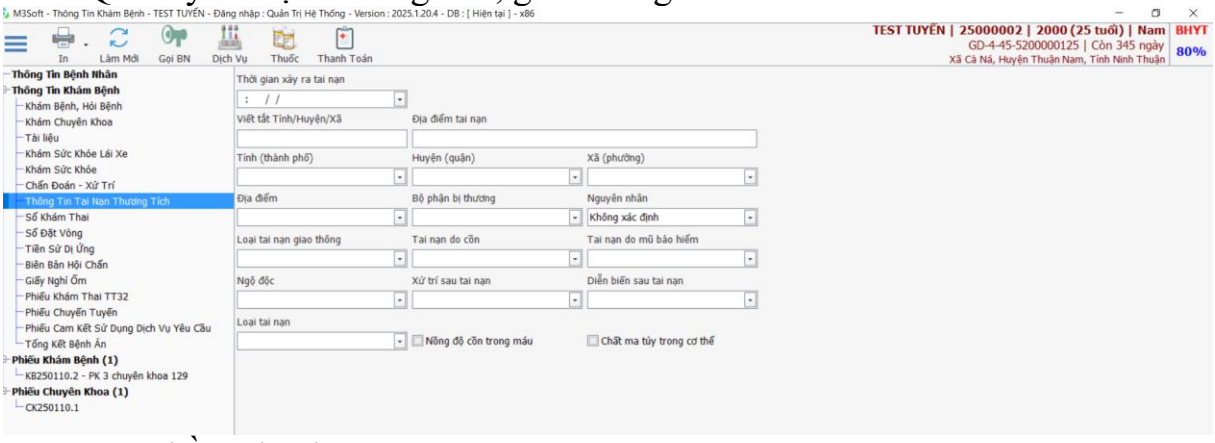

Xem hồ sơ bệnh án

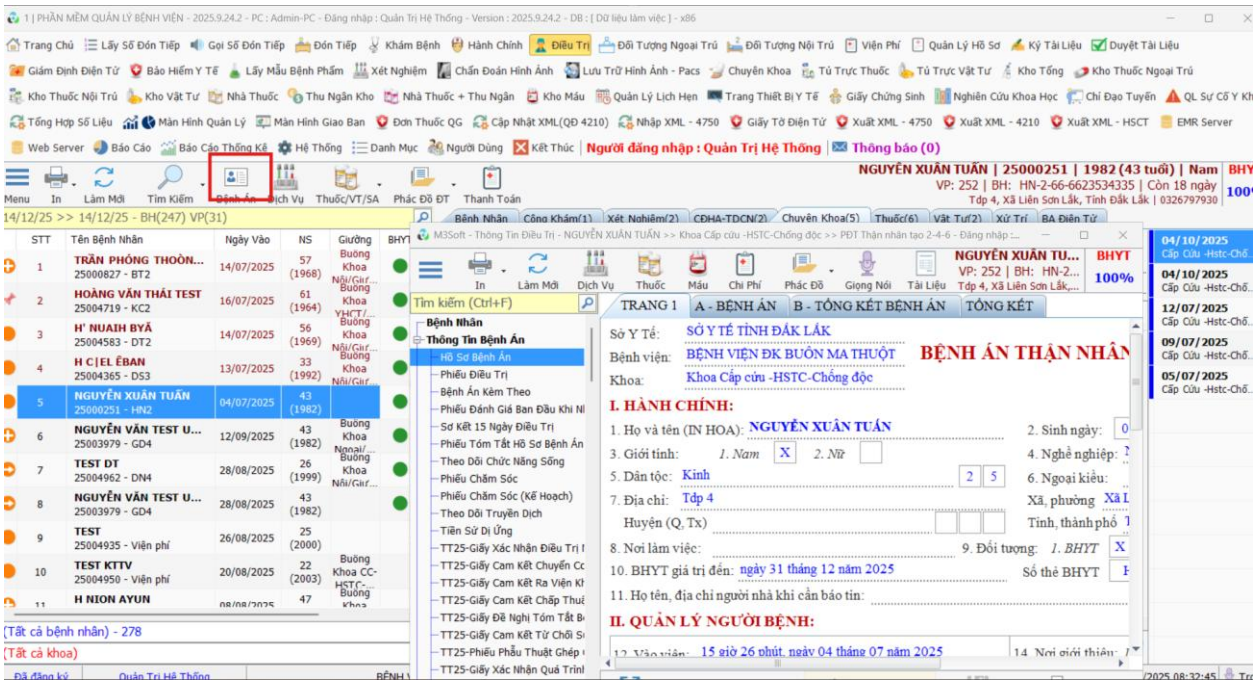

Chỉ định tạm ứng

Chỉ định khám chuyên khoa

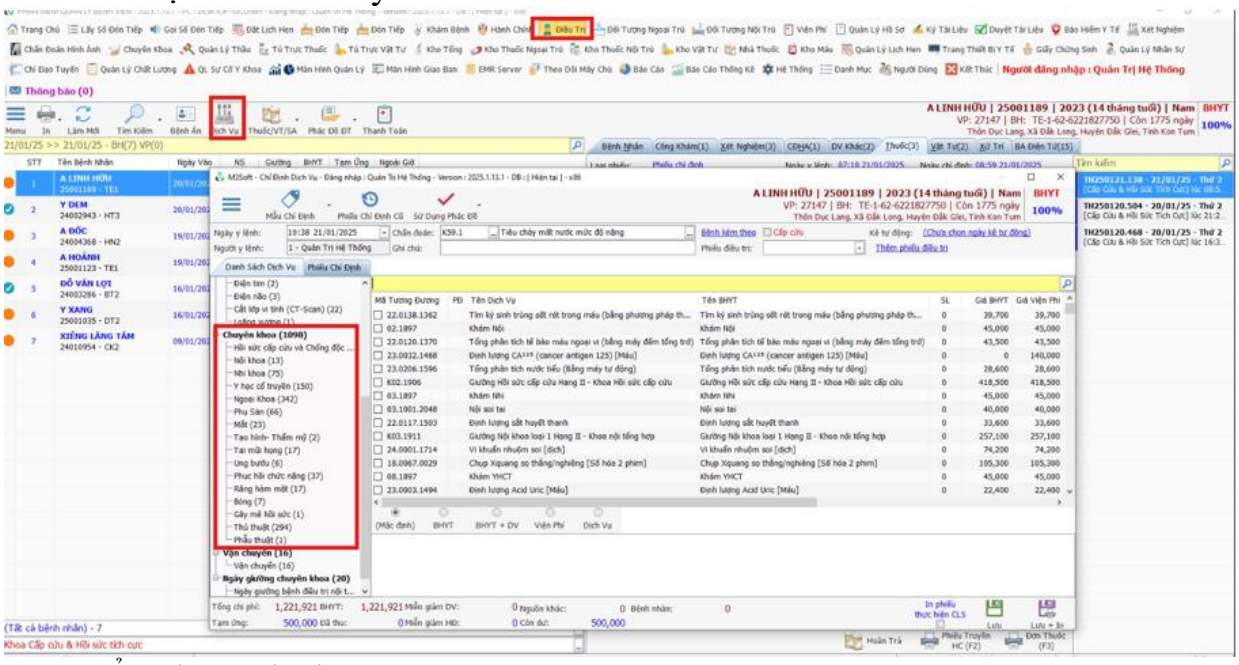

Tổng hợp y lệnh

In phiếu lĩnh

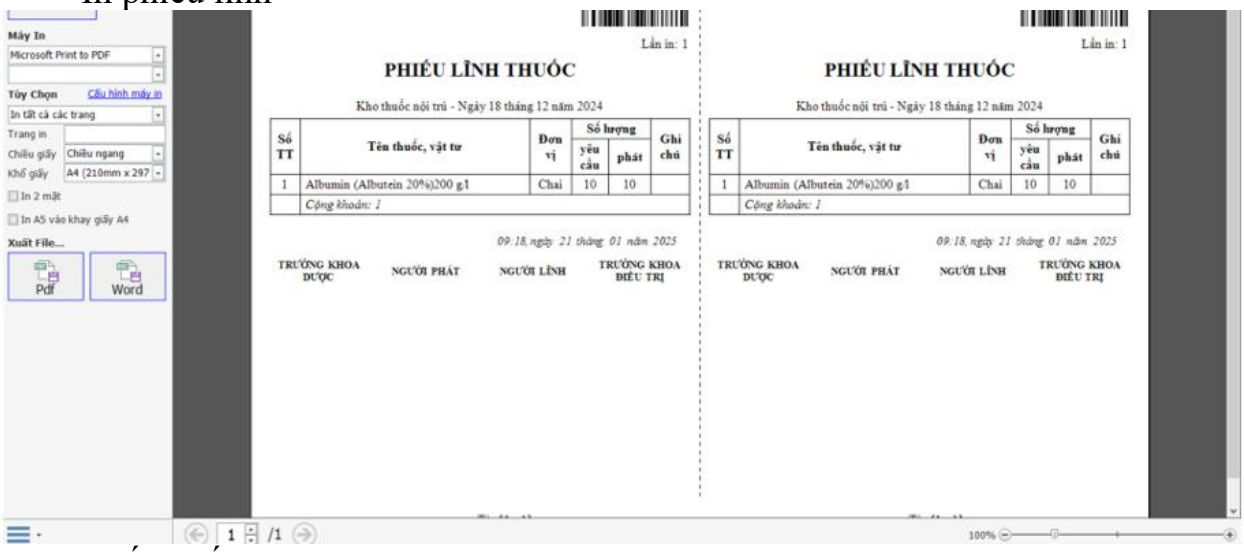

In phiếu xuất

Phiếu công khai thuốc & dịch vụ

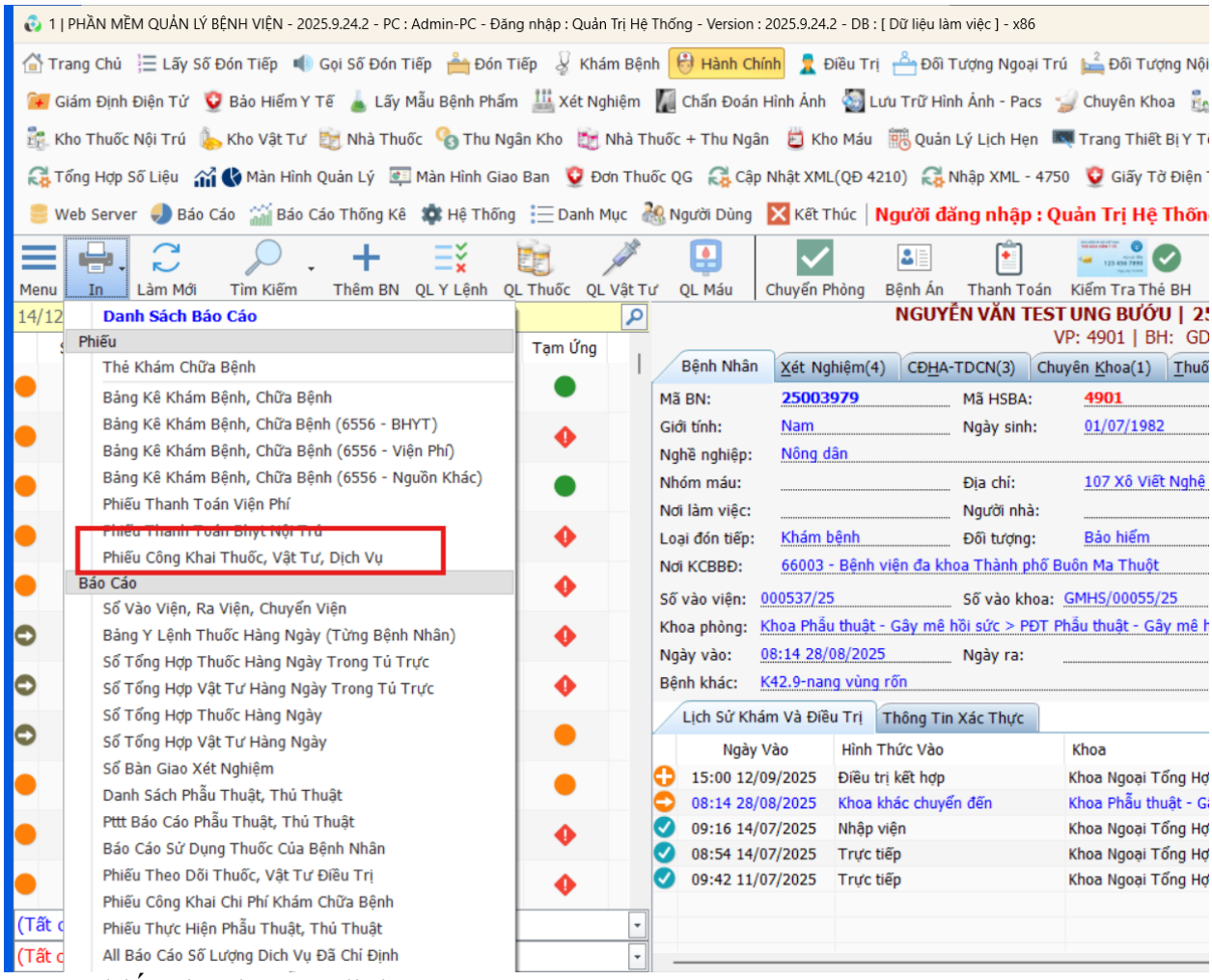

Phiếu thanh toán dịch vụ

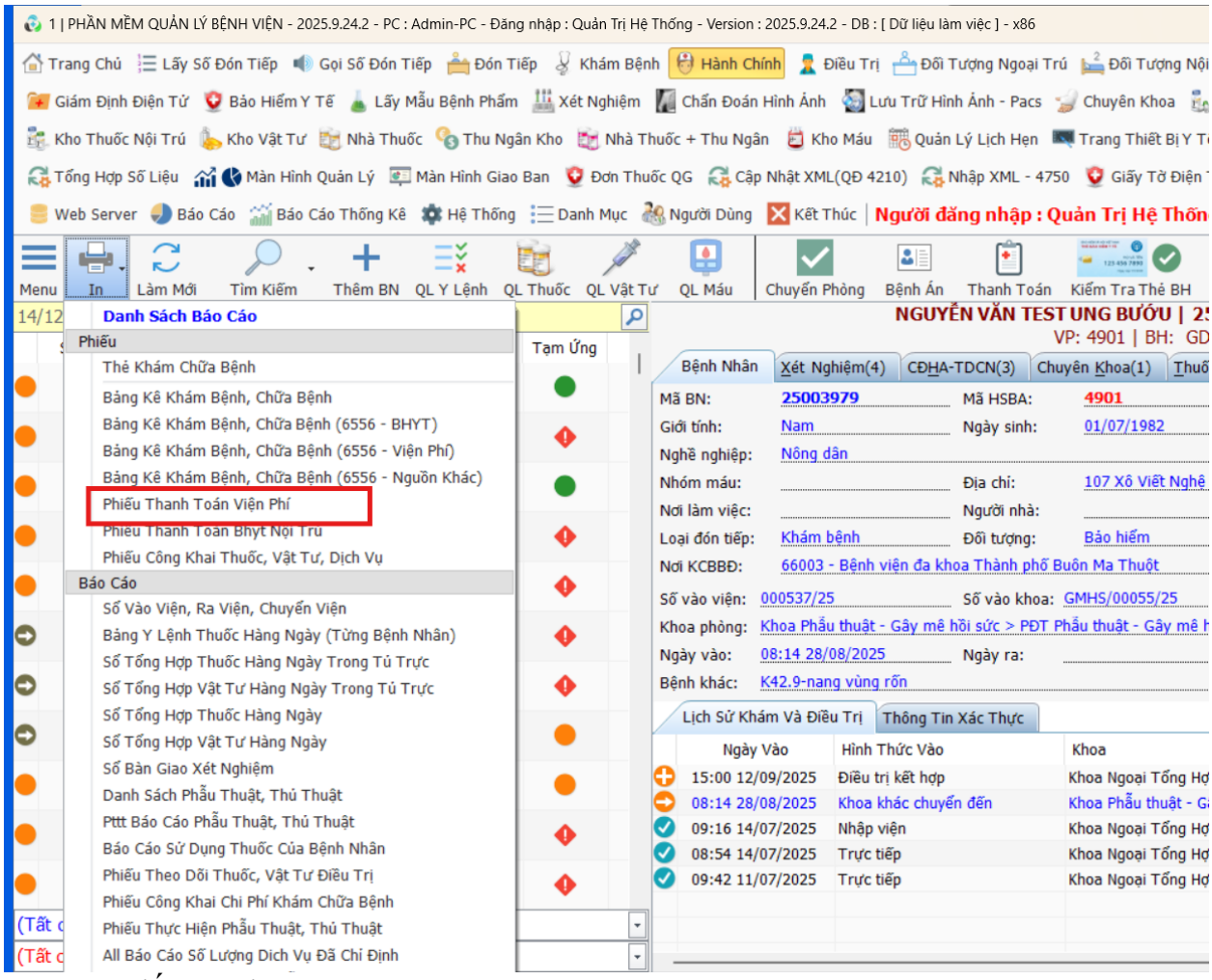

In giấy ra viện

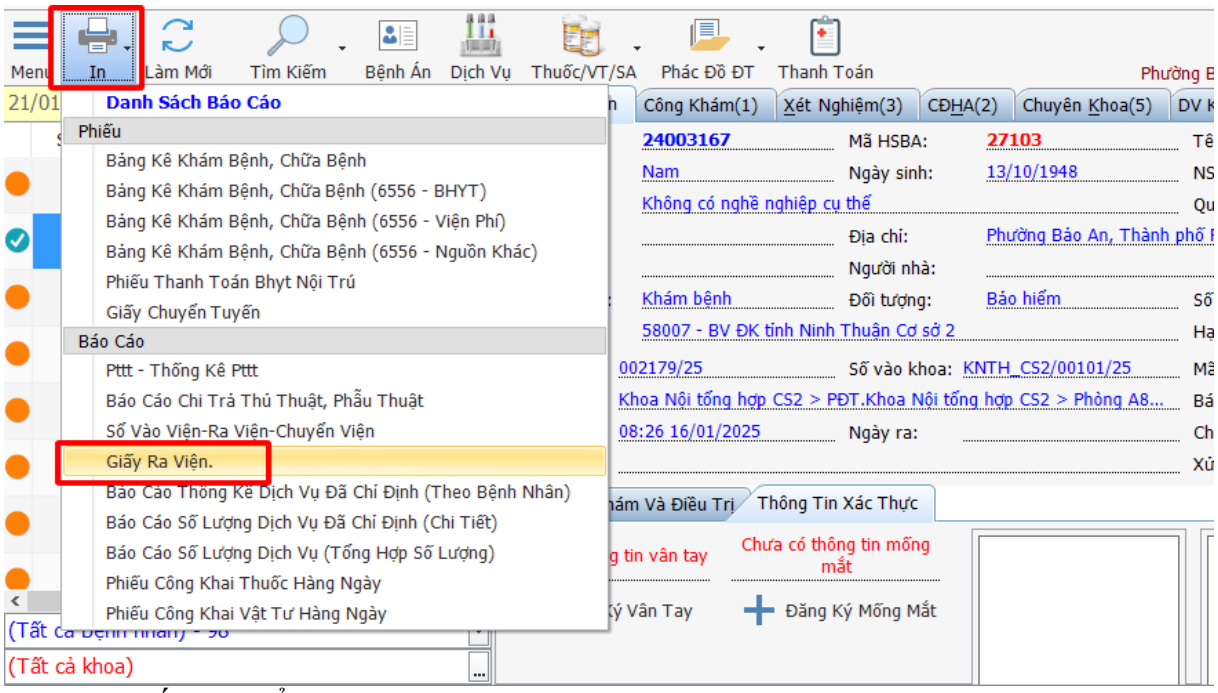

In giấy chuyển viện

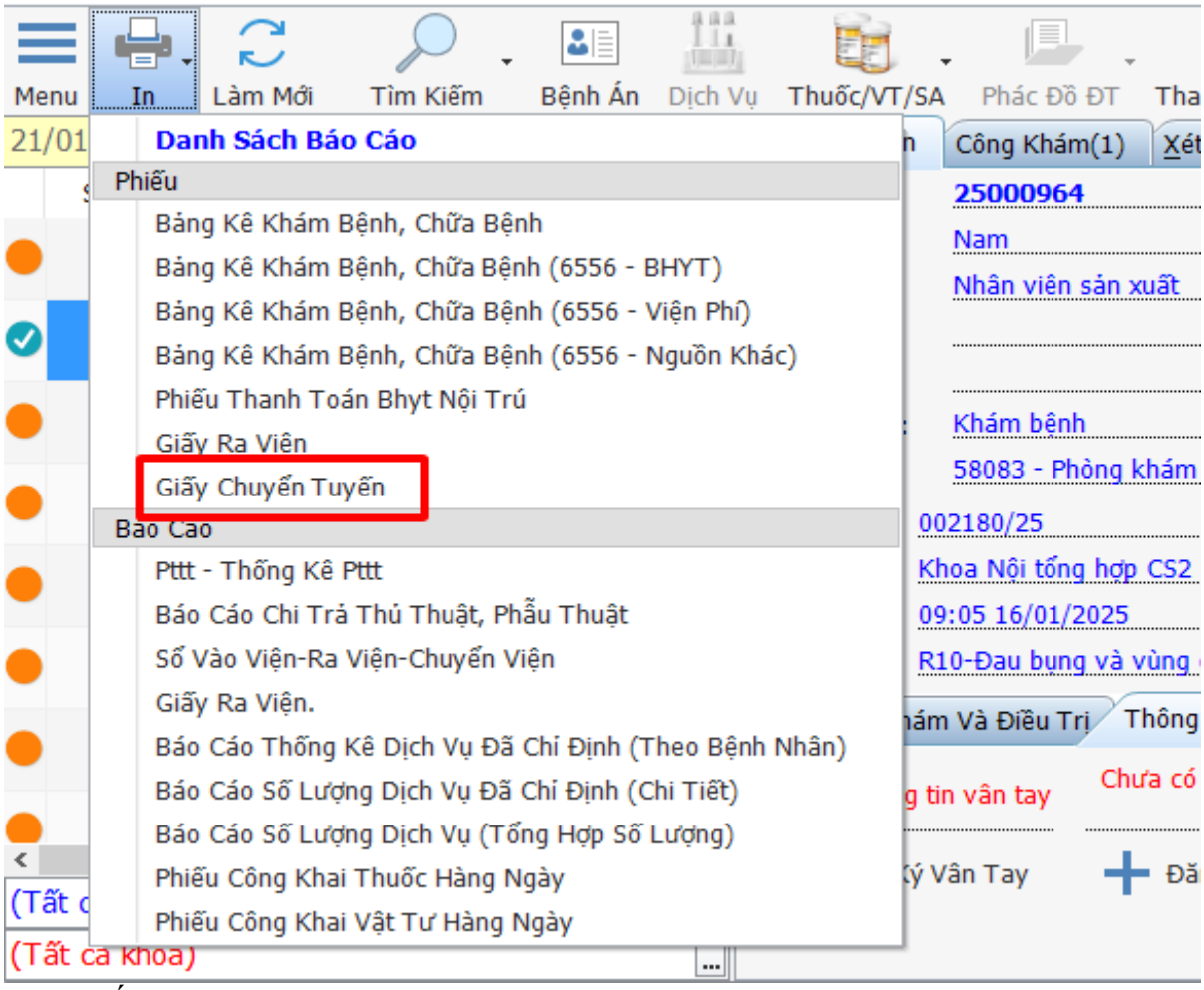

In giấy chứng sinh

In giấy báo tử

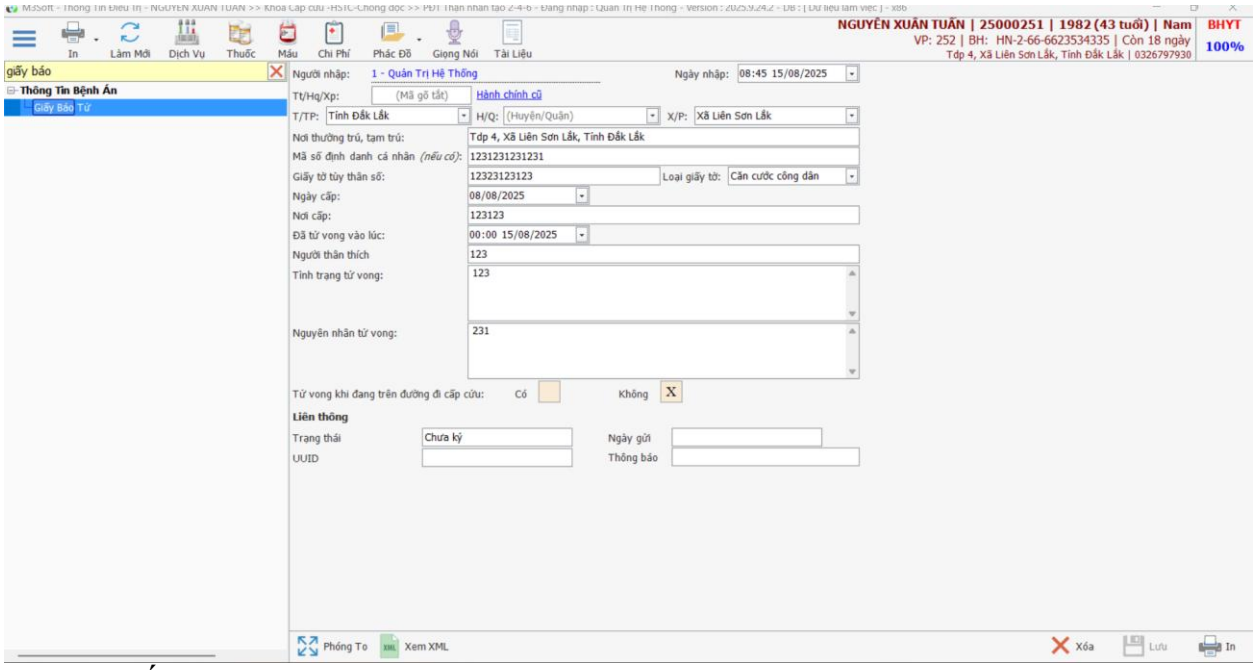

Tìm kiếm thông tin

Báo cáo và truy vấn thông tin

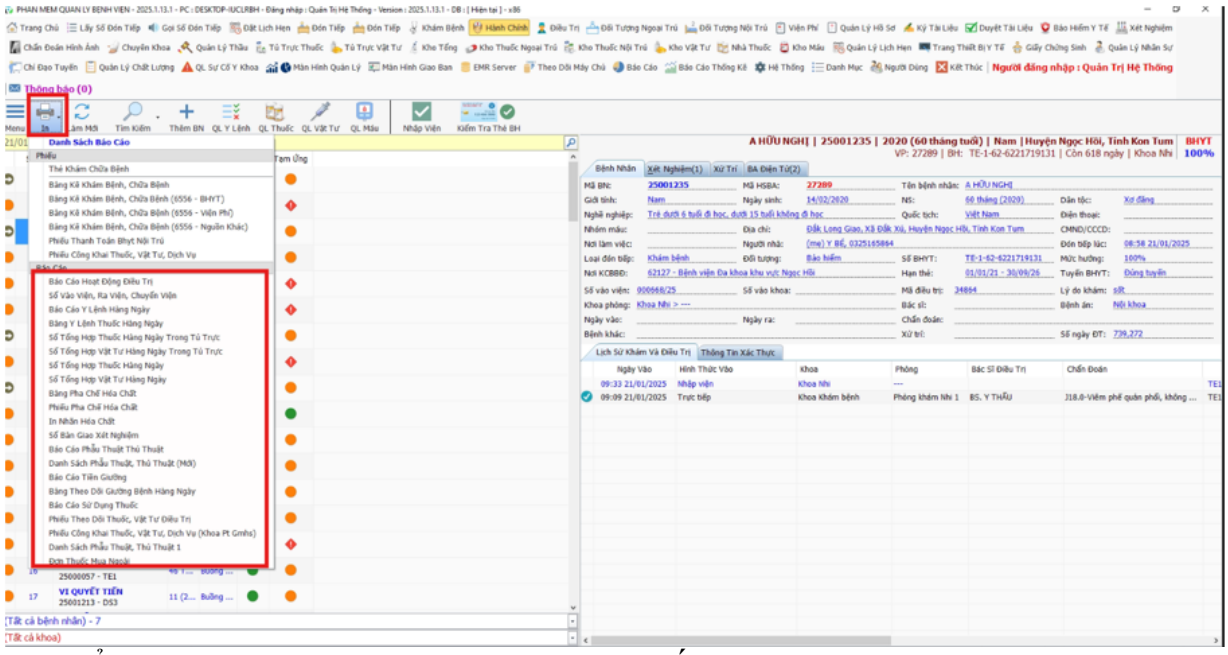

Tổng hợp báo cáo theo quy định Bộ Y Tế

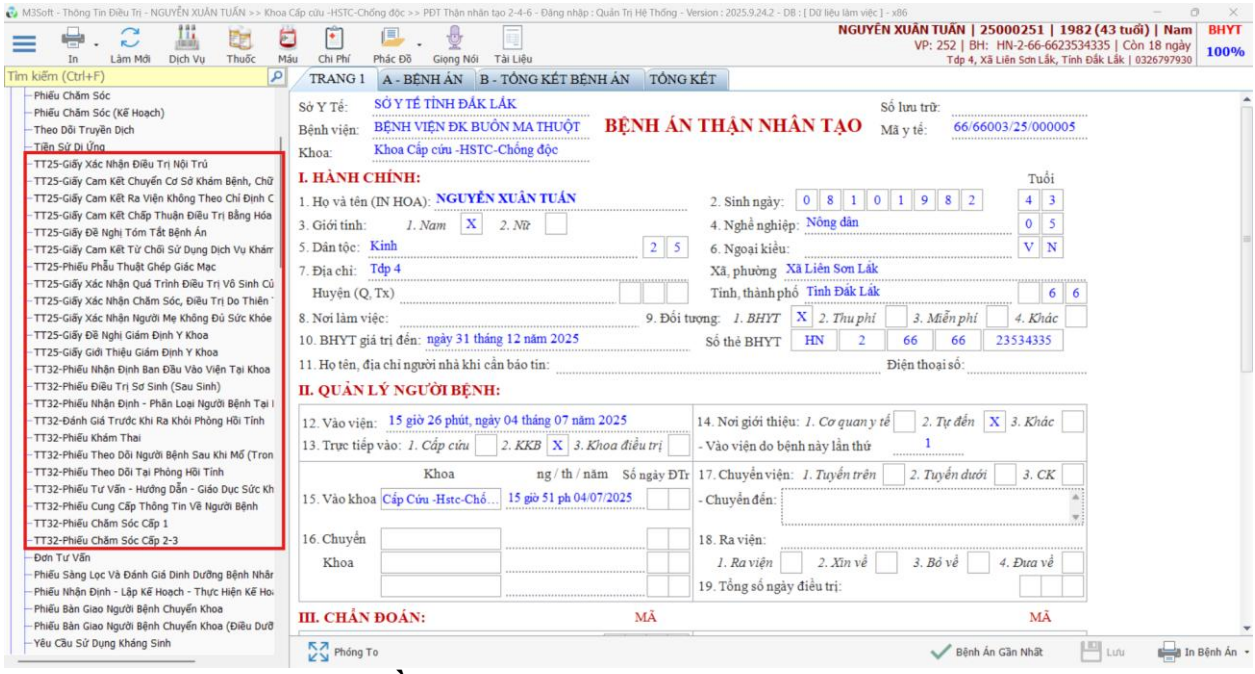

8. Quản lý kho lưu trữ hồ sơ bệnh án

Lưu trữ hồ sơ
Scan hồ sơ
Mượn trả hồ sơ
Tìm kiếm hồ sơ bệnh án

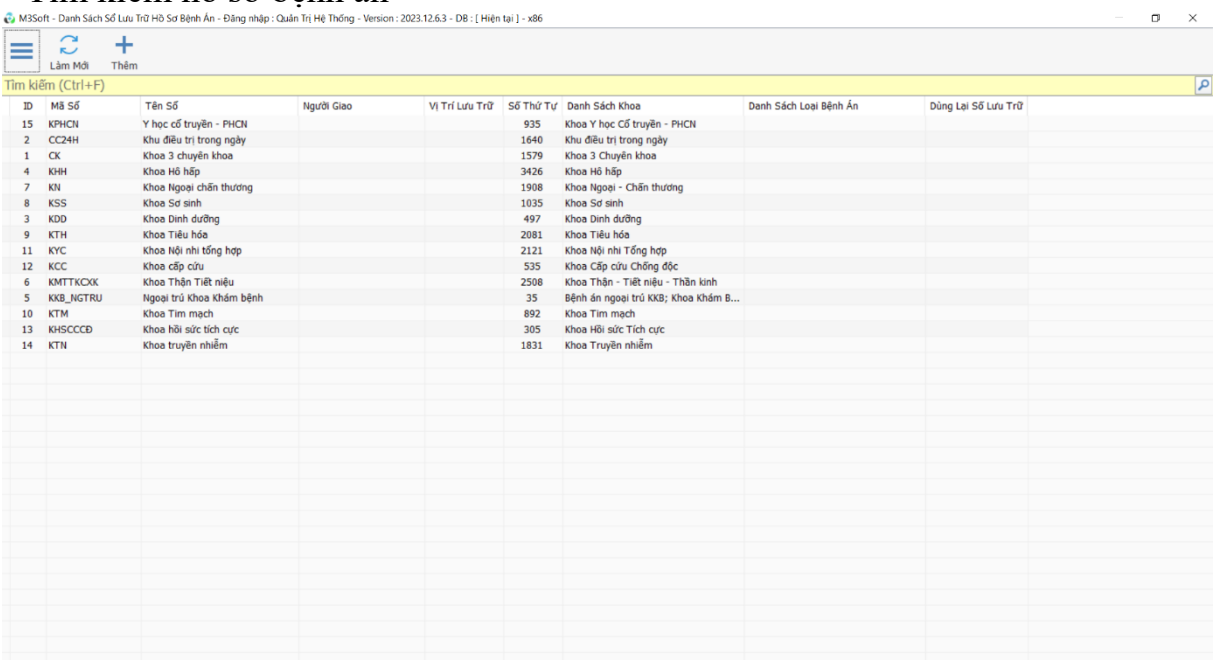

ID	Mã Số	Tên Số	Người Giao	Vị Trí Lưu Trữ	Số Thứ Tự	Danh Sách Khoa	Danh Sách Loại Bệnh Án	Dùng Lại Số Lưu Trữ
15	KPHCN	Y học cổ truyền - PHCN			935	Khoa Y học Cổ truyền - PHCN		
2	CC24H	Khu điều trị trong ngày			1640	Khu điều trị trong ngày		
1	CK	Khoa 3 chuyên khoa			1579	Khoa 3 Chuyên khoa		
4	KHH	Khoa Hô hấp			3426	Khoa Hô hấp		
7	KN	Khoa Ngoại chấn thương			1908	Khoa Ngoại - Chấn thương		
8	KSS	Khoa Sơ sinh			1035	Khoa Sơ sinh		
3	KDD	Khoa Dinh dưỡng			497	Khoa Dinh dưỡng		
9	KTH	Khoa Tiêu hóa			2081	Khoa Tiêu hóa		
11	KYC	Khoa Nội nhi tổng hợp			2121	Khoa Nội nhi Tổng hợp		
12	KCC	Khoa cấp cứu			535	Khoa Cấp cứu Chống độc		
6	KMTTKCXK	Khoa Thận Tiết niệu			2508	Khoa Thận - Tiết niệu - Thần kinh		
5	KKB_NGTRU	Ngoại trú Khoa Khám bệnh			35	Bệnh án ngoại trú KKB; Khoa Khám B...		
10	KTM	Khoa Tim mạch			892	Khoa Tim mạch		
13	KHSCCCĐ	Khoa hồi sức tích cực			305	Khoa Hồi sức Tích cực		
14	KTN	Khoa truyền nhiễm			1831	Khoa Truyền nhiễm		

9. Sắp lịch phòng mổ

Chức năng khoa đăng ký lịch mổ
Phòng mổ sắp xếp, kiểm duyệt lịch mổ
Báo cáo thống kê lịch mổ

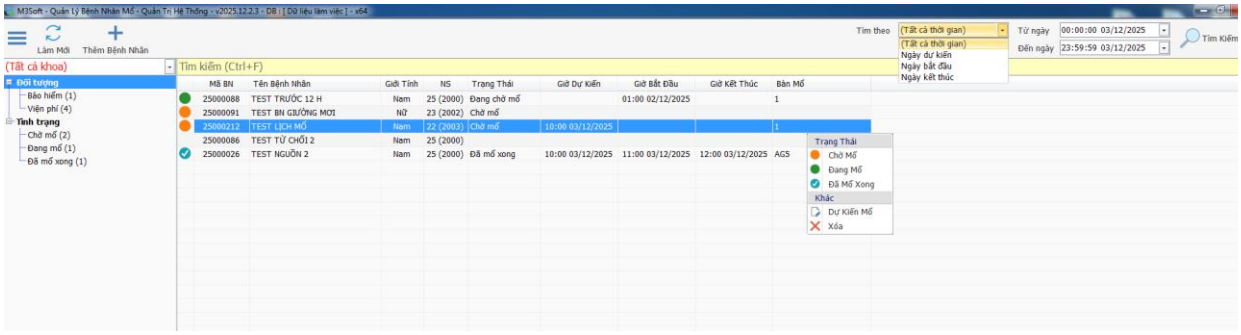

10. Quản lý phòng giường

Khai báo phòng, giường
Sơ đồ giường
Quản lý giường trống cho bệnh nhân

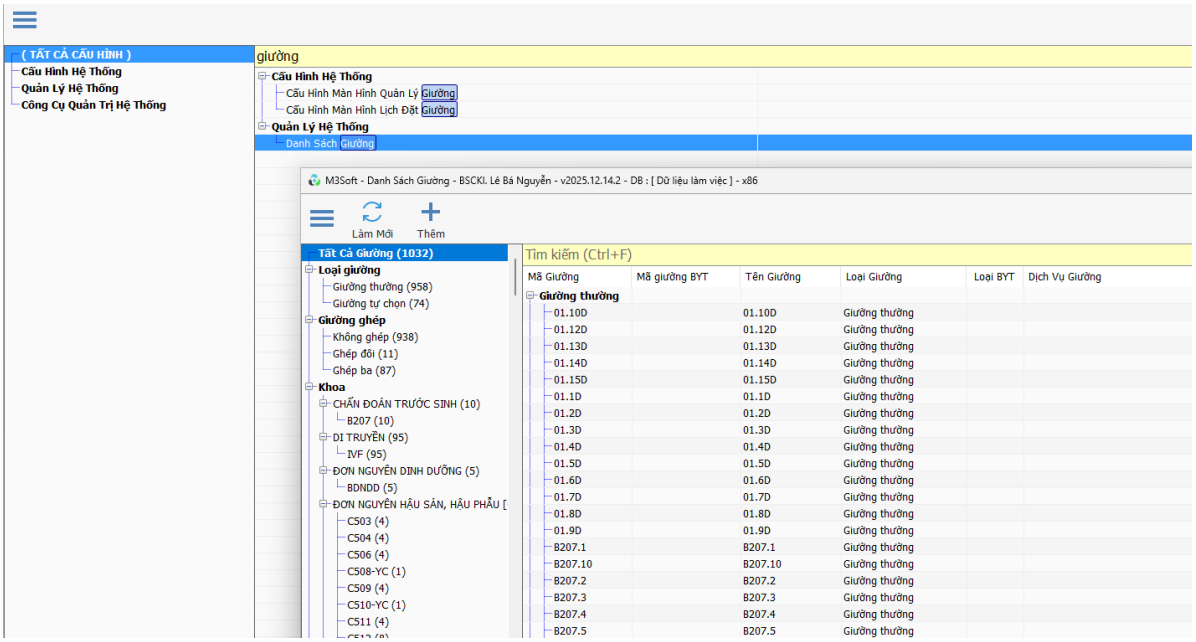

11. Quản lý khoa Dược

Khai báo danh mục thuốc theo quy định bảo hiểm, thầu

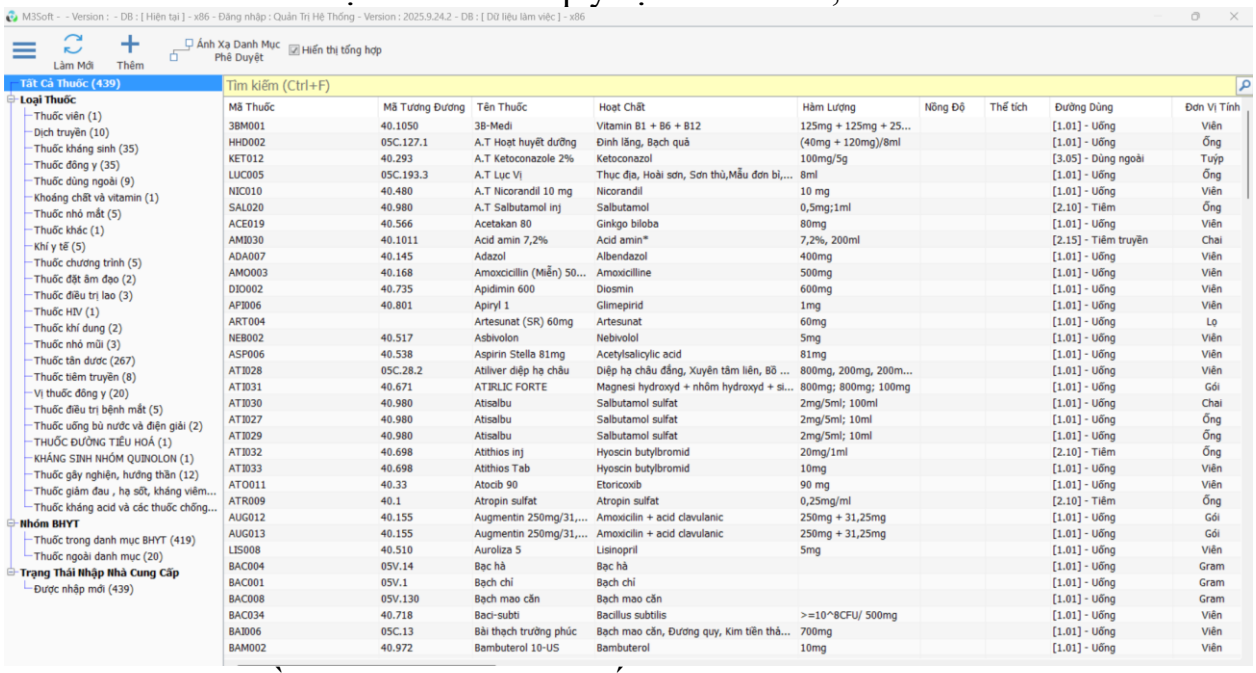

Quản lý nguồn, giá, hạn dùng, lô, số đăng ký

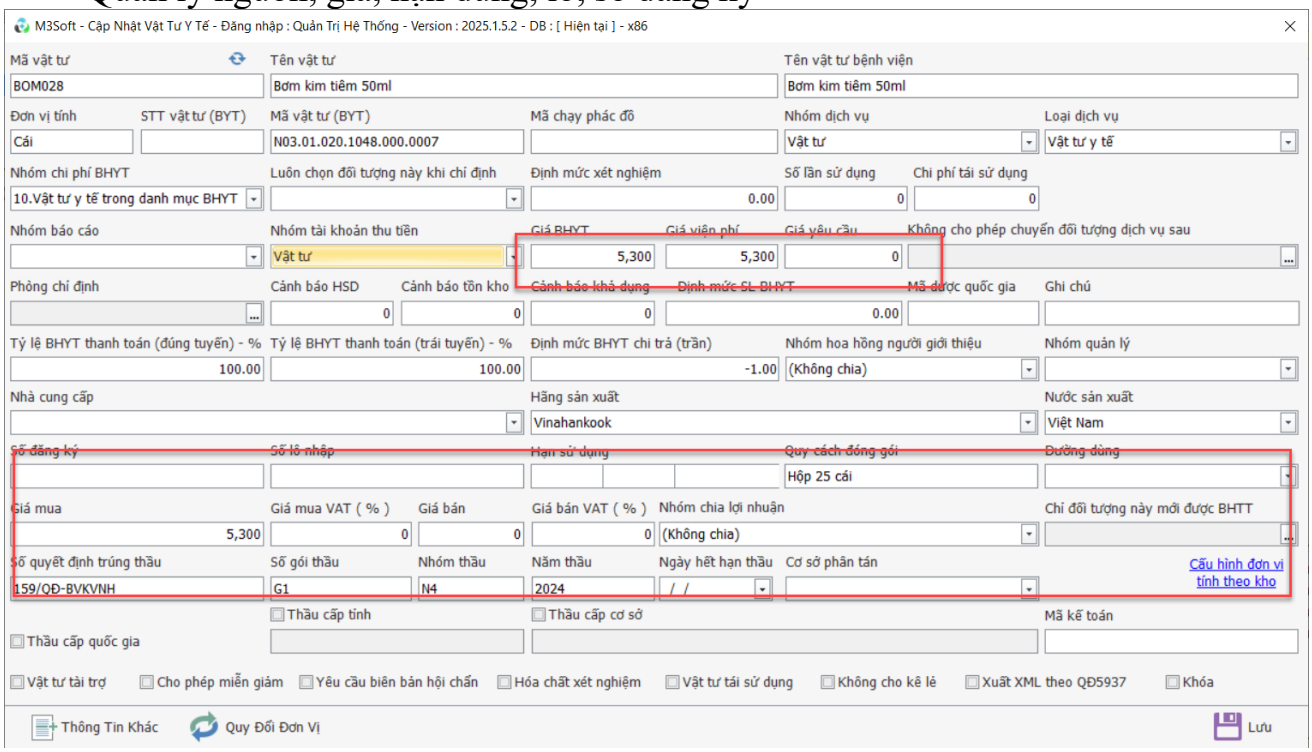

Lập dự trù mua hàng tháng, năm
Duyệt phiếu dự trù kho
Quản lý nhập
o Mới

o Tái nhập

Hoàn trả

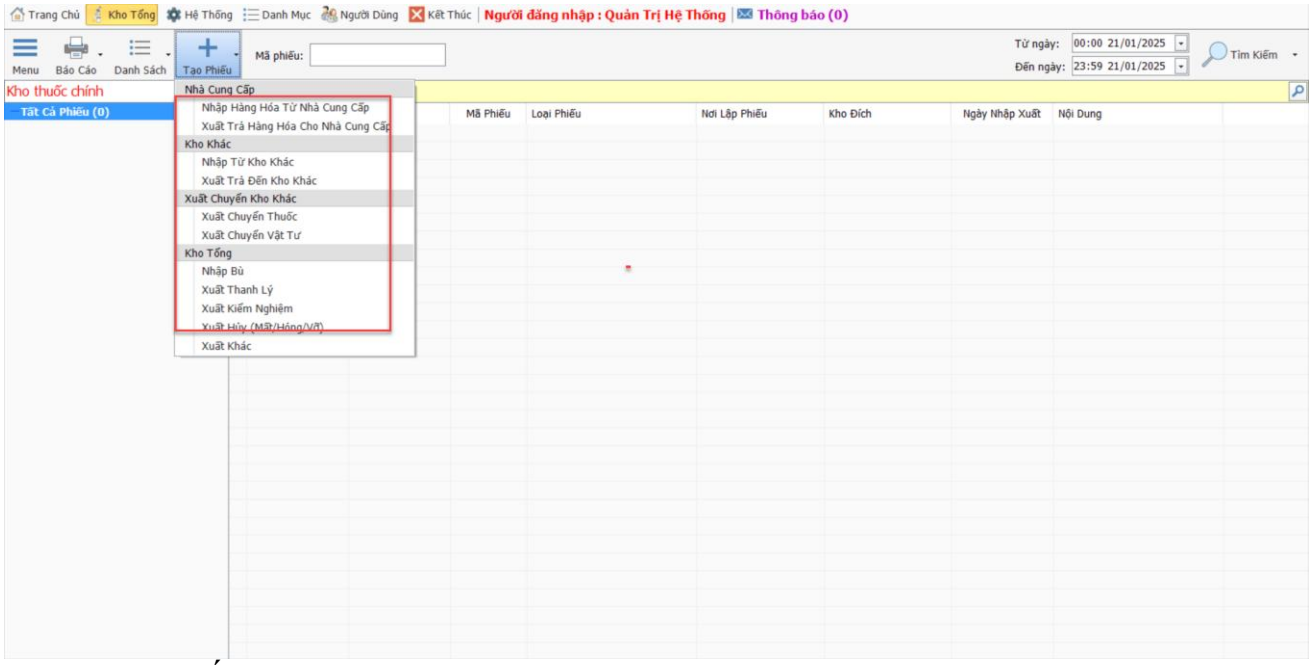

Quản lý xuất

o Duyệt cấp theo người bệnh

o Bù cơ số tủ trực theo người bệnh

o Duyệt hoàn trả thuốc,vtyt theo người bệnh

o Duyệt cấp hao phí theo phiếu khoa/phòng

o Lập phiếu hoàn trả theo kho hoàn

o Duyệt phiếu hoàn trả theo kho hoàn

o Xuất trả nhà cung cung cấp

o Xuất chuyển kho

o Chuyển nguồn

o Xuất Khác (hết date, hỏng vỡ, …)

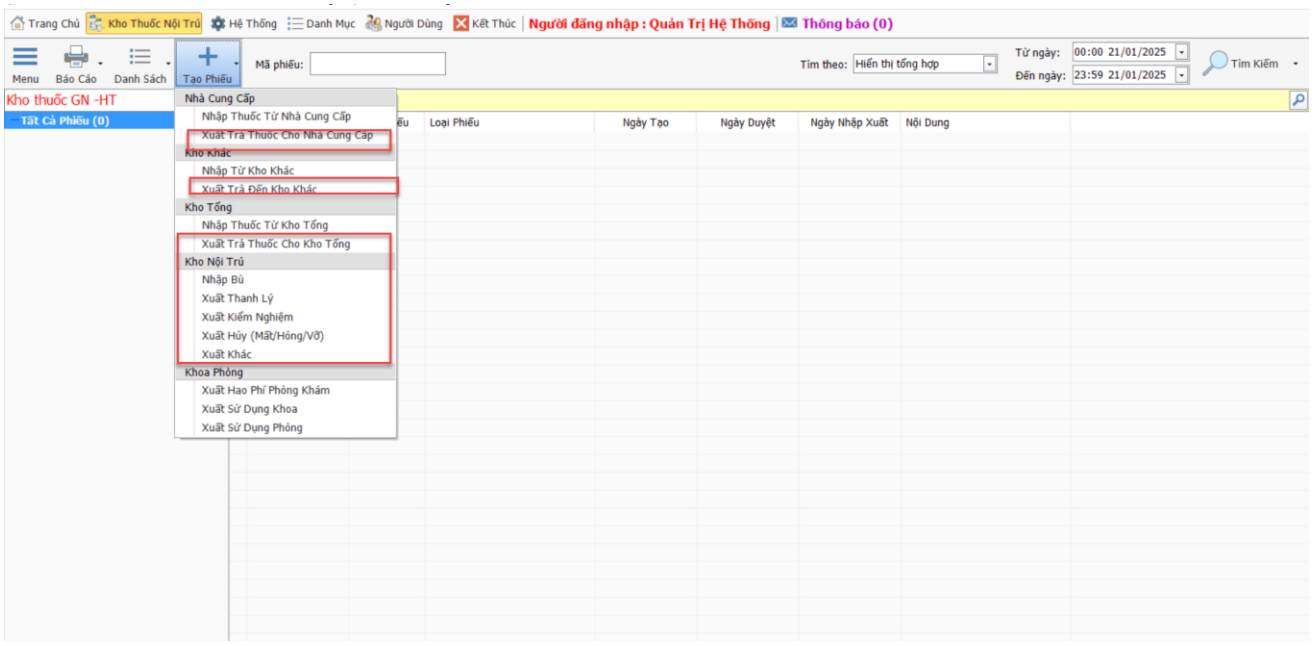

o Quản lý tủ trực
o Bổ sung
o Thu hồi
o Hoàn trả

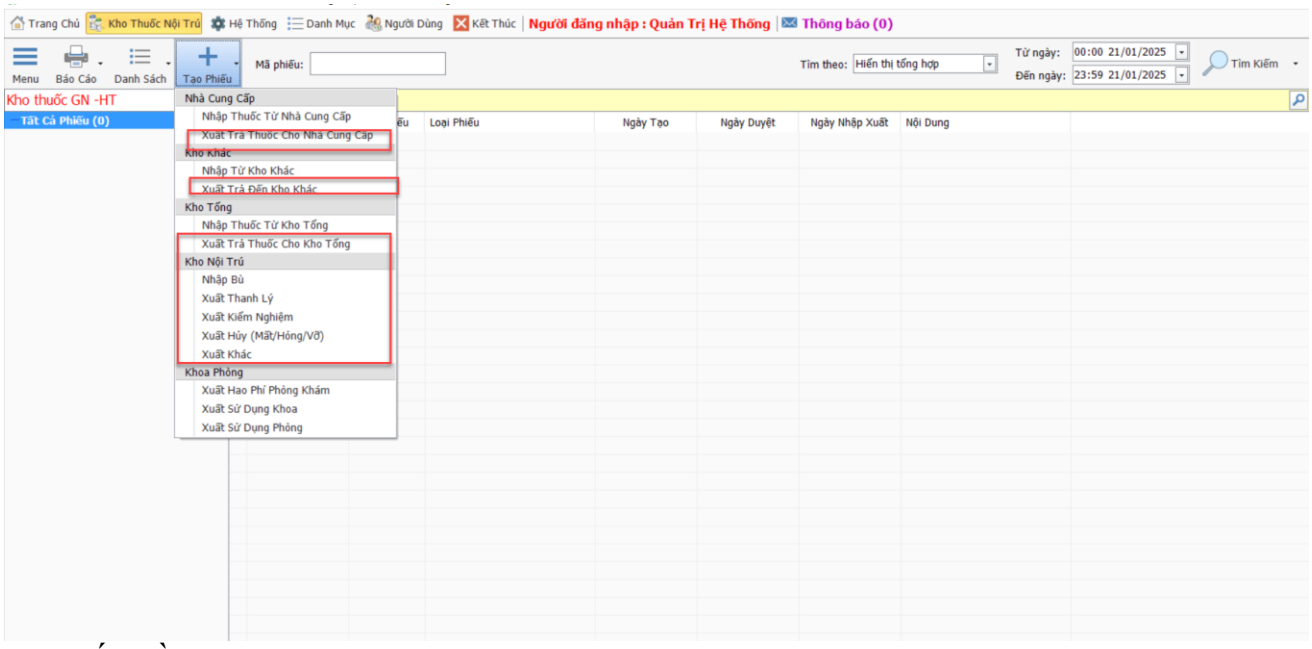

Phiếu đề nghị thanh toán
Biên bản kiểm nhập

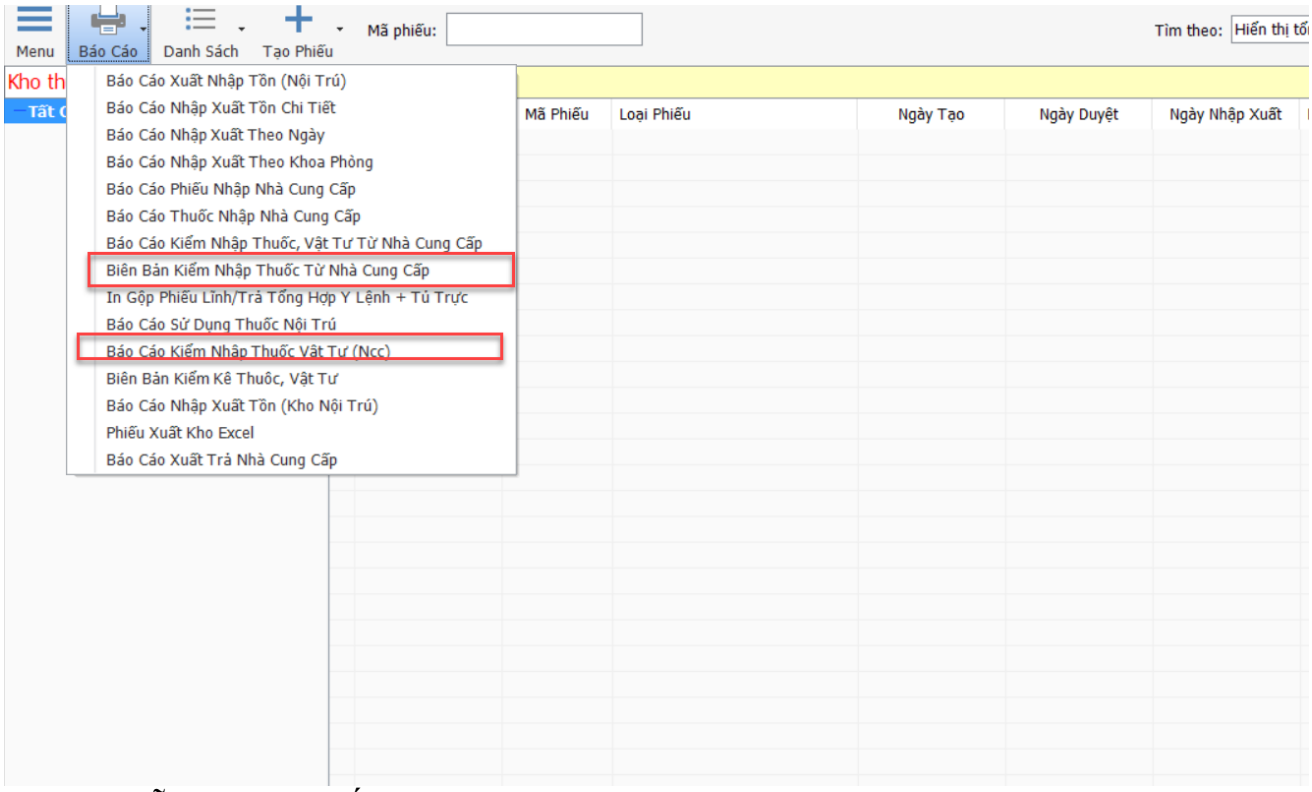

Đánh dẫu những phiếu đã phát
Đánh dấu phát toa
Thống kê báo cáo và truy vấn thông tin
o Thông báo hết, gần hết hạn dùng
o Biến động giá
o Hạn dùng, lô, số đăng ký
o Nhà cung cấp
o Khoa/phòng
o Nhập
o Xuất
o Nhập xuất tồn
o Thẻ kho, sổ kho, sổ chi tiết
o Bảng kê bán hàng
o Biên bản
Tổng hợp báo cáo theo quy định Bộ Y Tế, BHYT

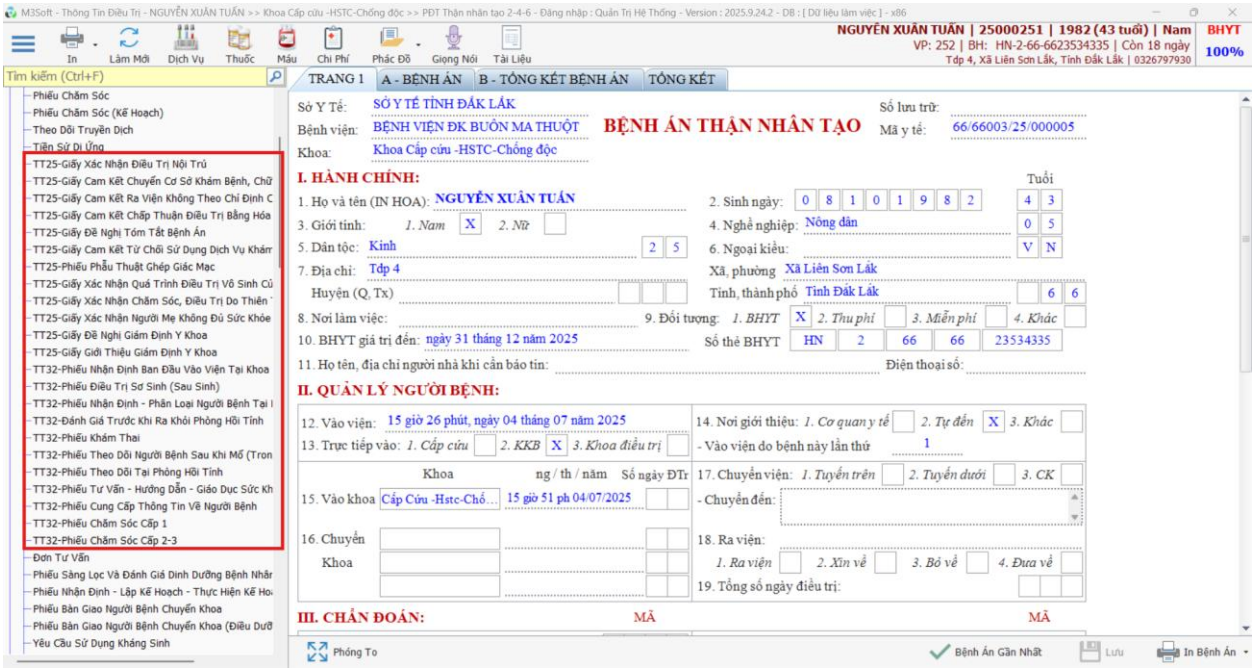

12. Quản lý nhà thuốc

Khai báo danh mục thuốc nhà thuốc

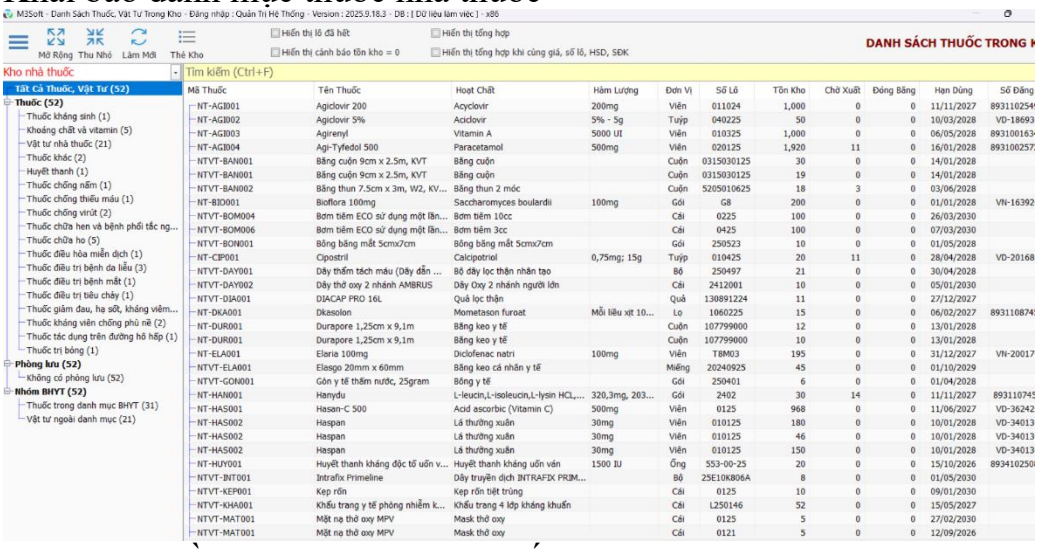

Quản lý nguồn, giá, hạn dùng, lô, số đăng ký

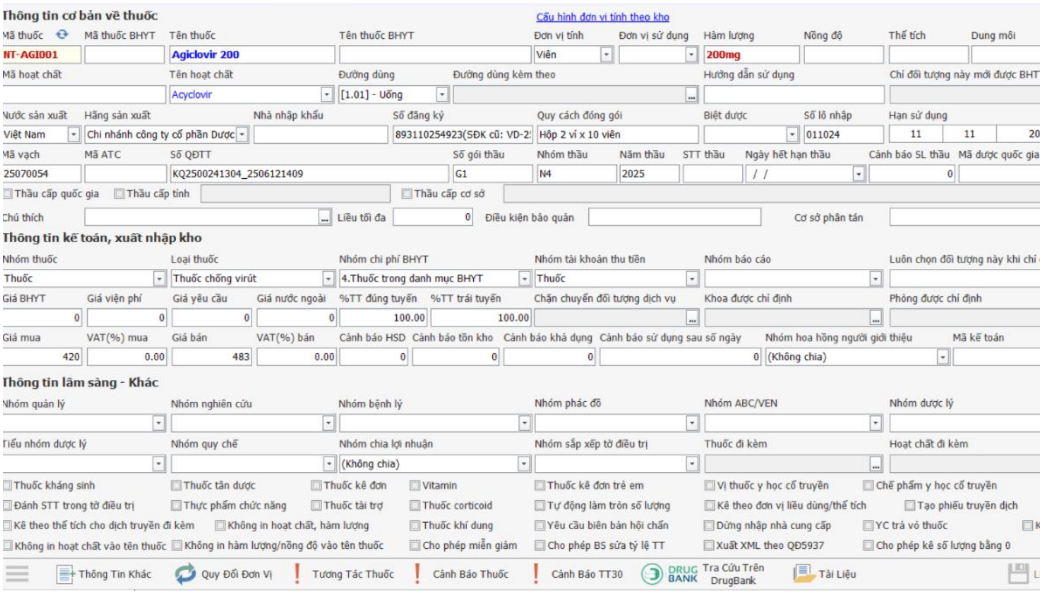

Lập dự trù mua hàng tháng, năm

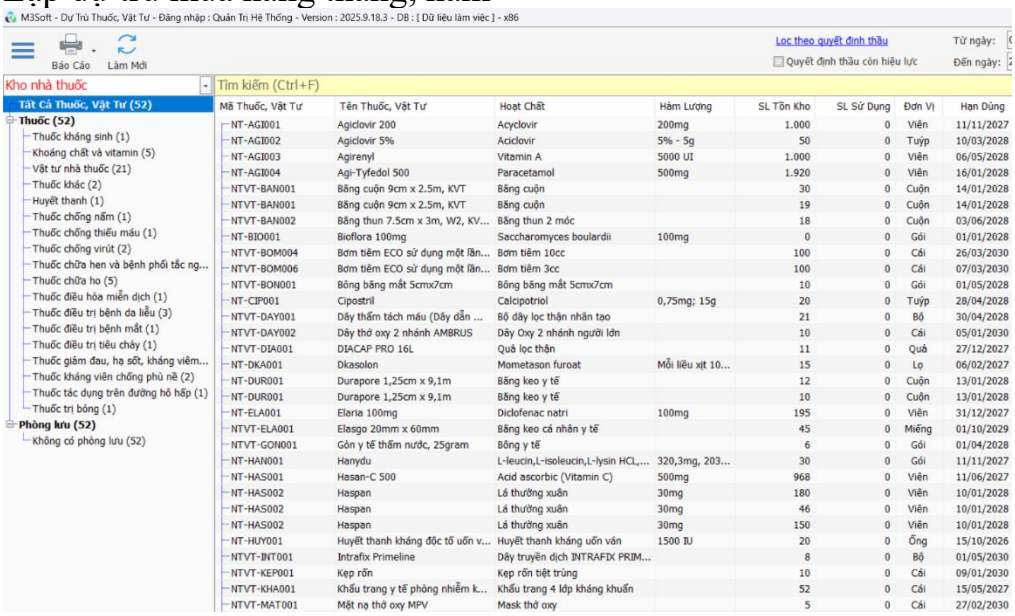

Quản lý nhập

o Mới

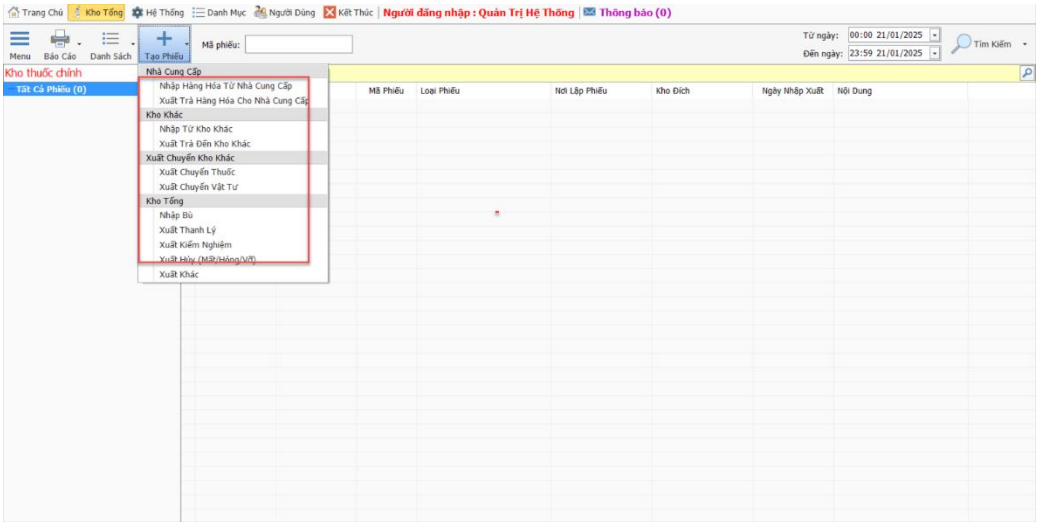

o Tái nhập

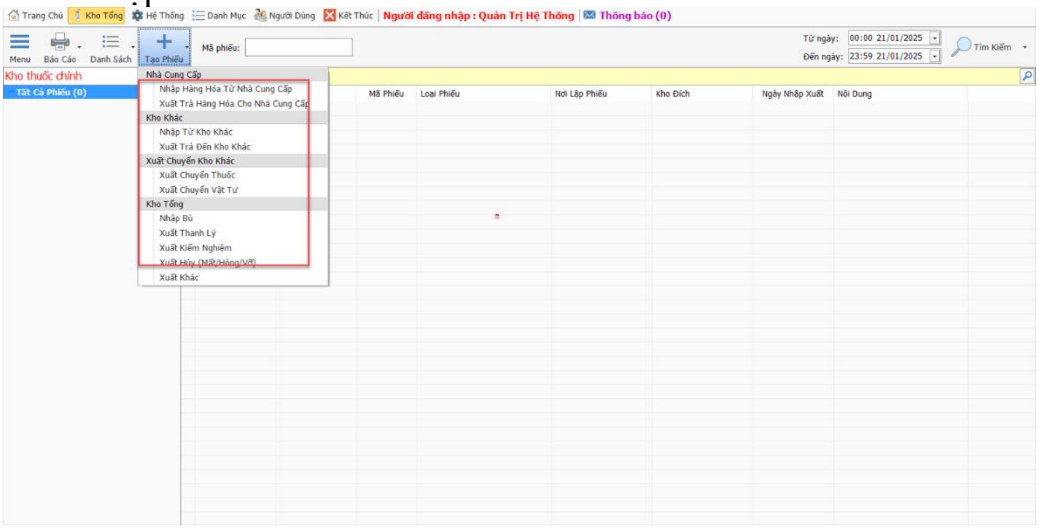

o Hoàn trả

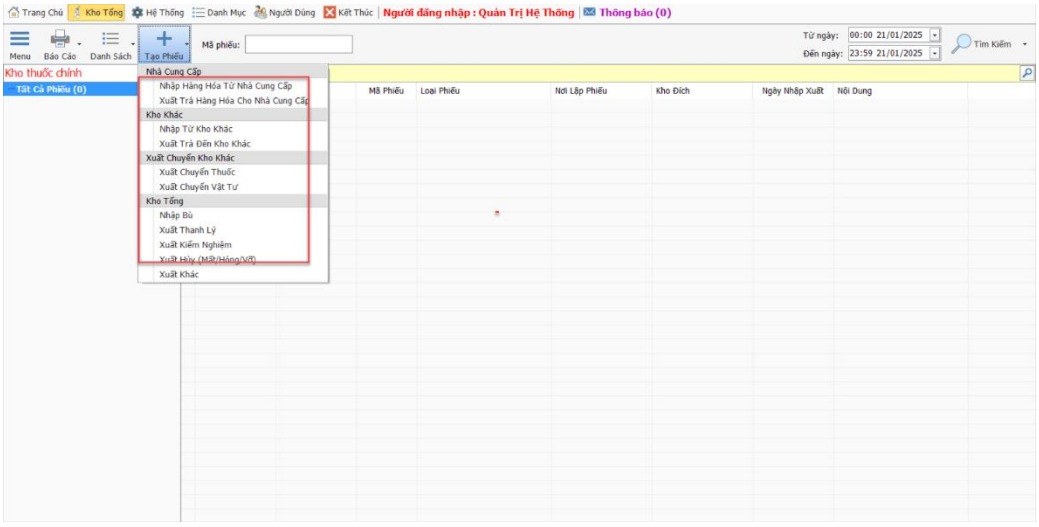

Quản lý xuất

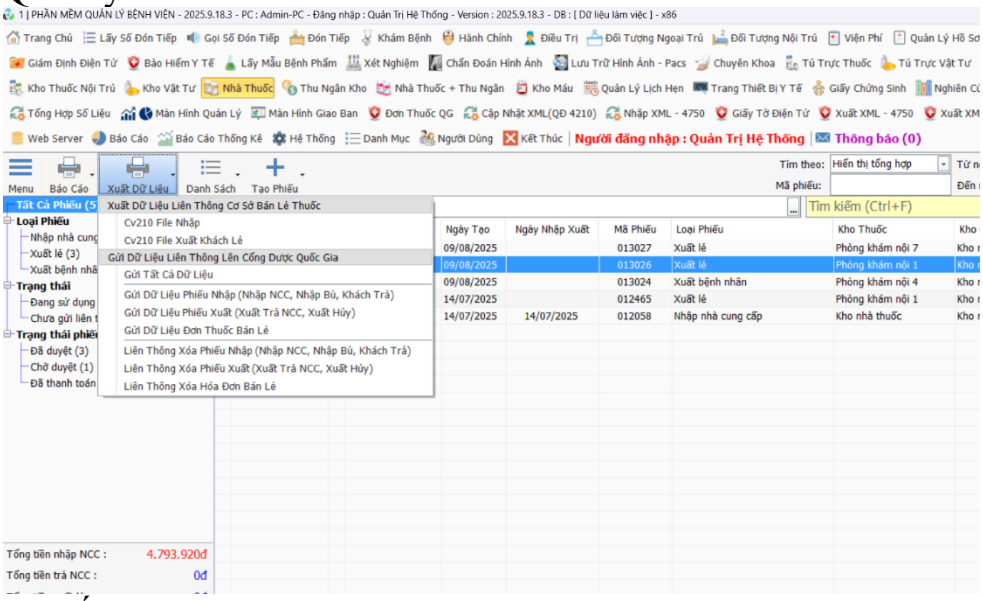

o Xuất bán

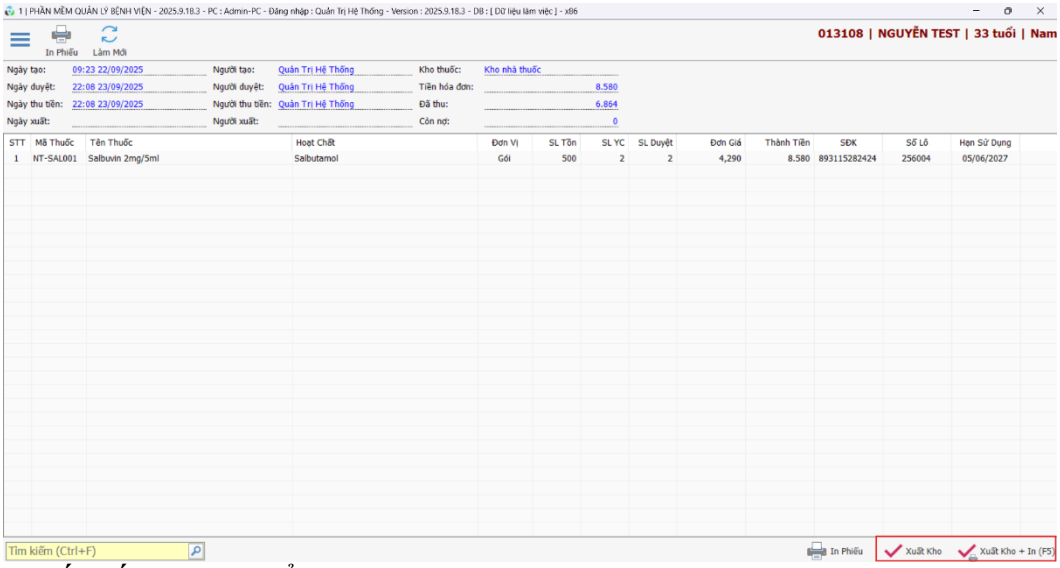

o Kết nối dữ liệu cổng dữ liệu cục quản lý dược

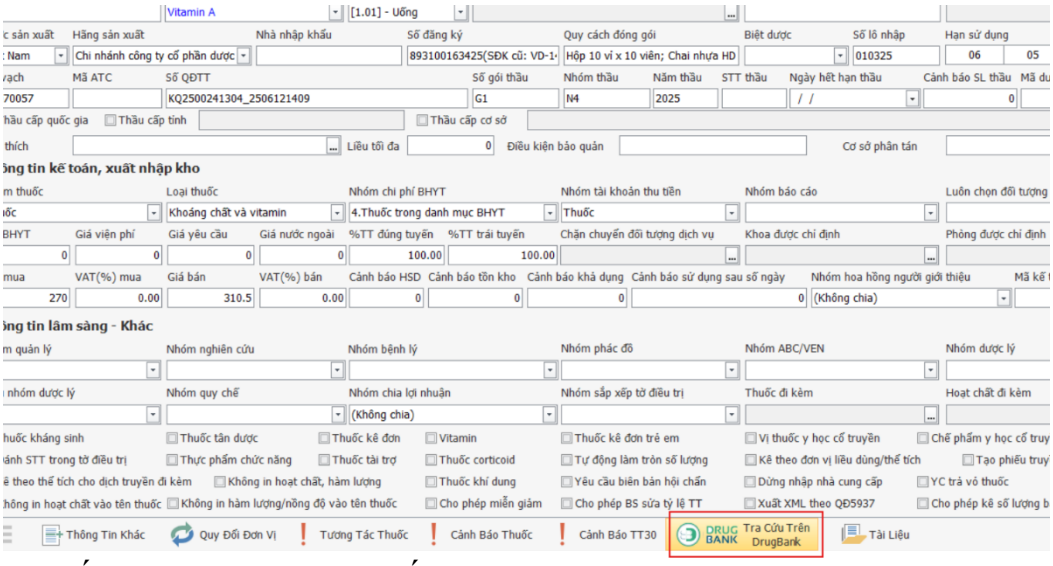

o Xuất trả nhà cung cung cấp
o Xuất chuyển kho

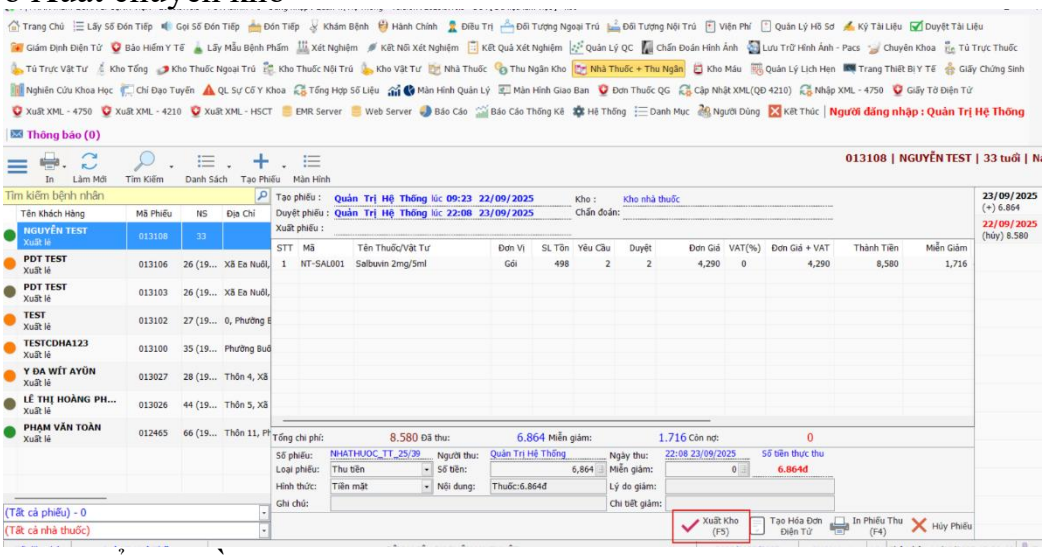

o Chuyển nguồn
o Xuất Khác (hết date, hỏng vở, …)

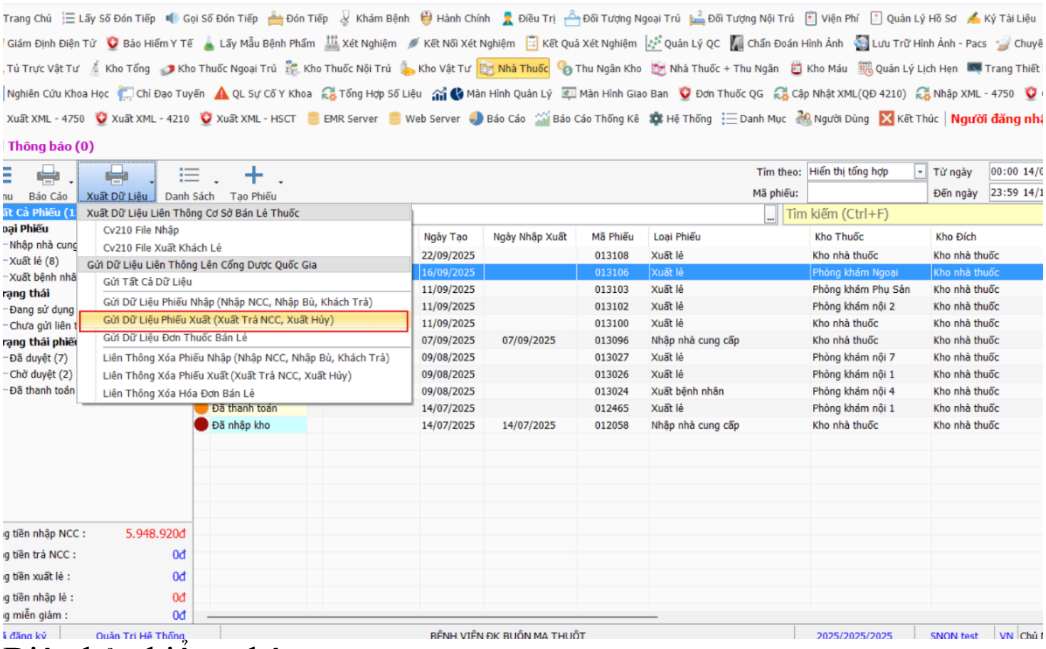

Biên bản kiểm nhập

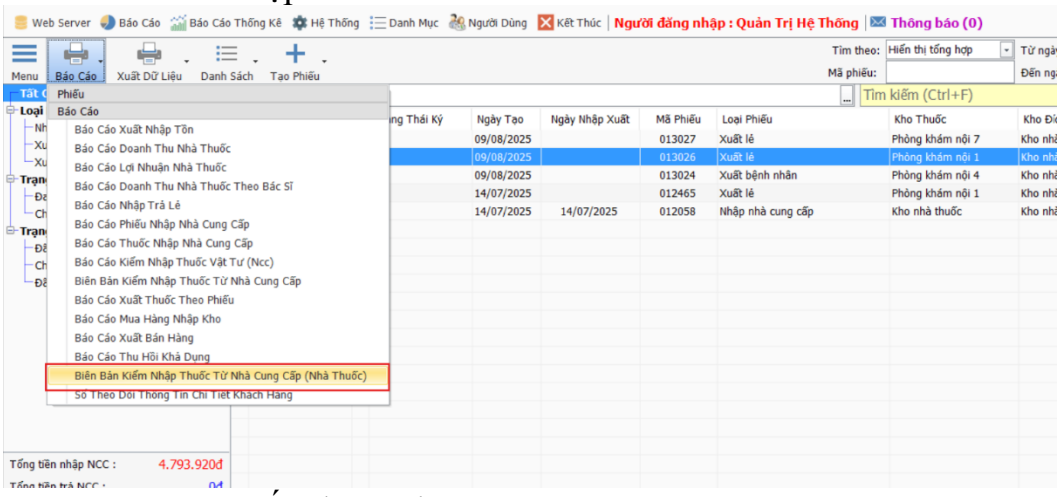

Báo cáo và truy vấn thông tin

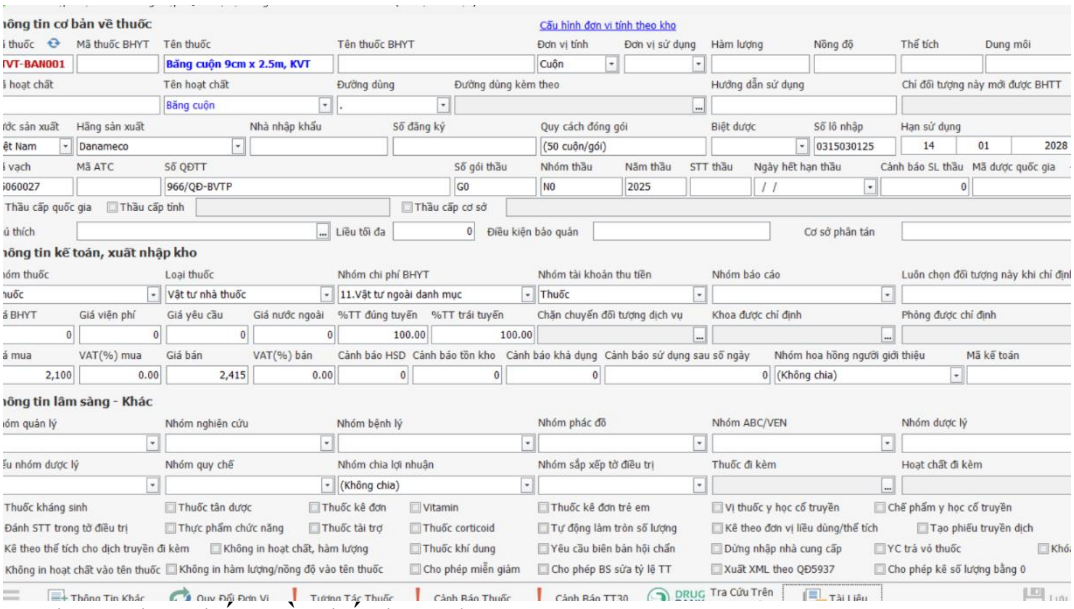

o Thông báo hết, gần hết hạn dùng
o Biến động giá
o Hạn dùng, lô, số đăng ký
o Nhà cung cấp
o Khoa/phòng
o Nhập
o Xuất
o Nhập xuất tồn
o Thẻ kho, sổ kho, sổ chi tiết
o Bảng kê bán hàng
o Biên bản
Tổng hợp báo cáo theo quy định Bộ Y Tế, BHYT

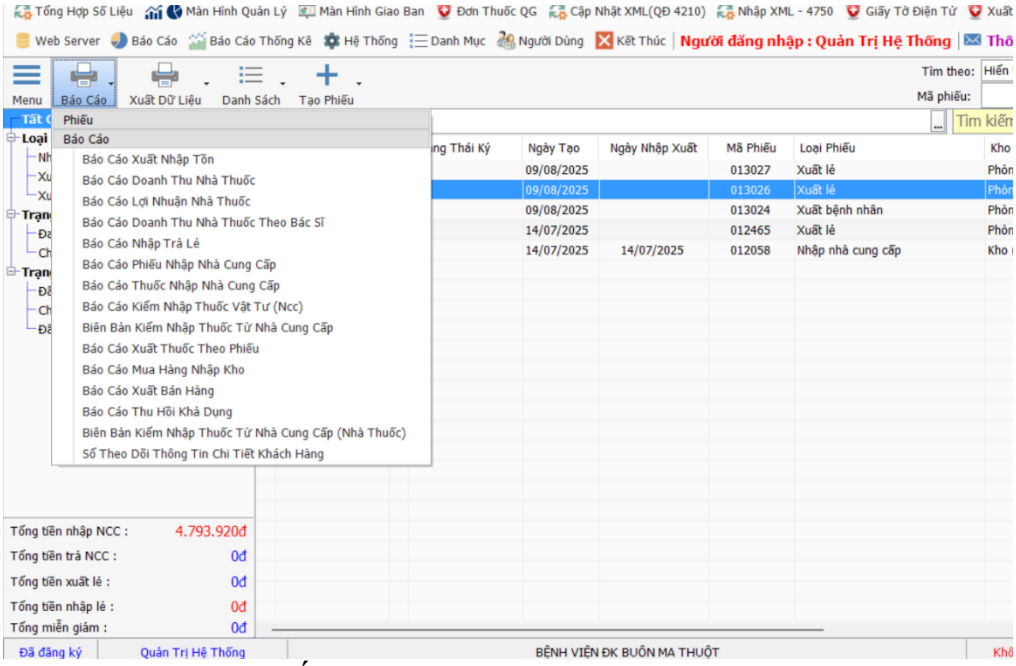

Liên thông nhà thuốc lên https://duocquocgia.com.vn/ theo công văn 2406/QLD-Ttra 2018

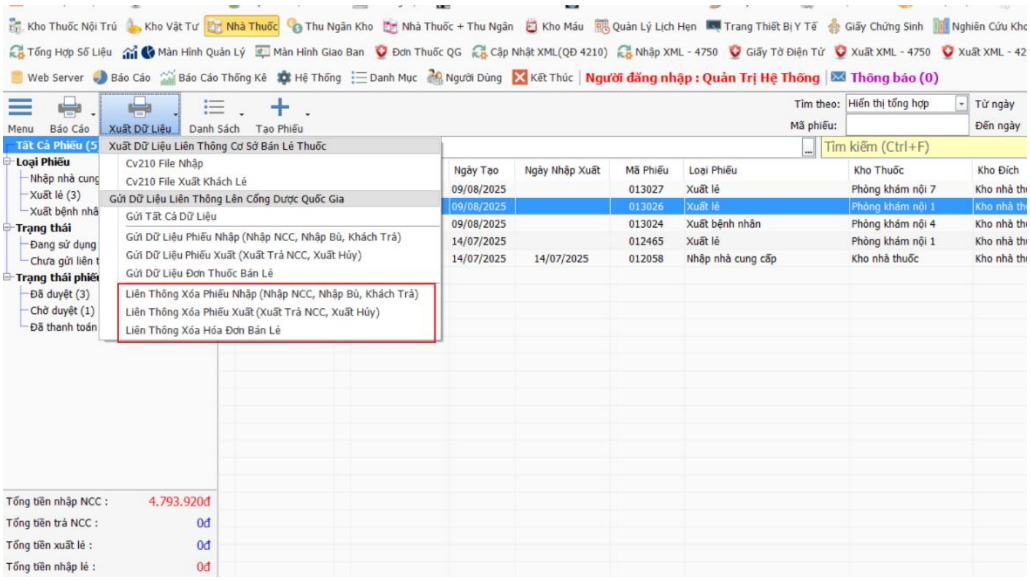

Liên thông toa thuốc điện tử theo quyết định 808/QĐ-BYT năm 2022, thông tư 04/2022/TT-BYT năm 2022

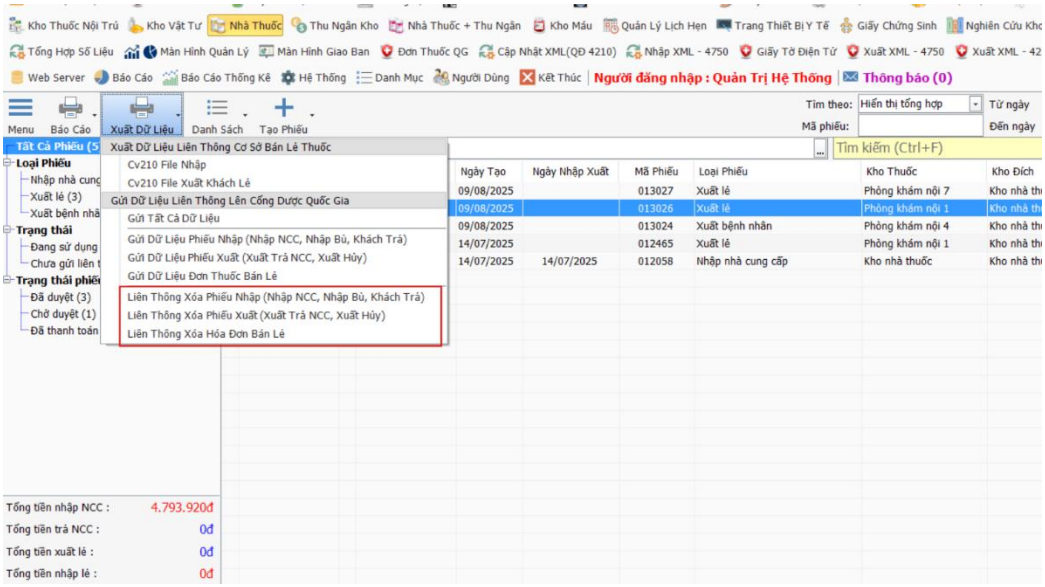

13. Quản lý viện phí

Quản lý viện phí khám ngoại chẩn, điều trị ngoại trú

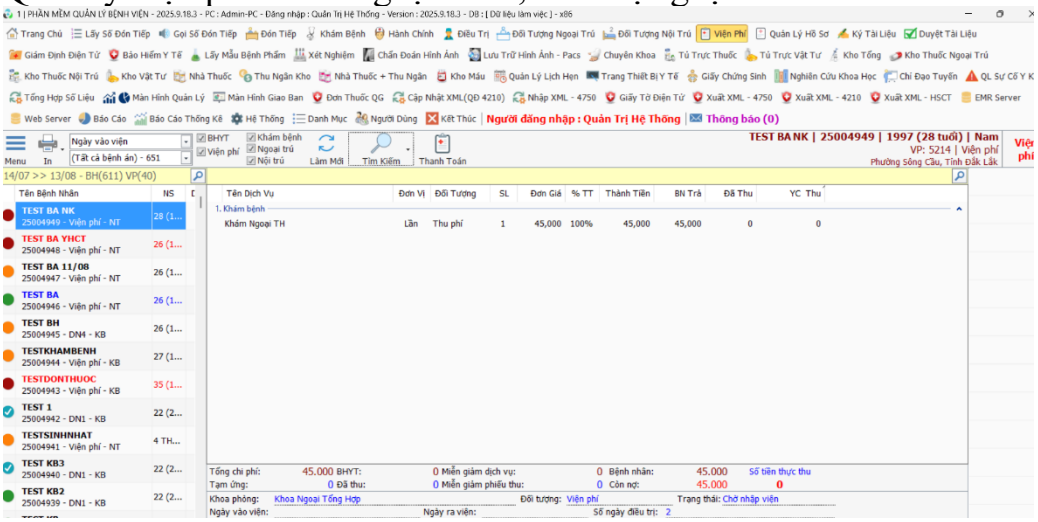

Dùng để ghi nhận số tiền thu từ bệnh nhân hay hoàn trả các dịch vụ khám ngoại chẩn như: khám bệnh, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, thủ thuật và các dịch vụ khác

Giúp tự động lấy các thông tin yêu cầu khám từ tiếp nhận, chỉ định CLS, thủ thuật, dịch vụ khác tại phòng khám hoặc khoa lâm sàng đưa vào hóa đơn, không cần nhập lại từng nội dung

Nhận thông tin viện phí của bệnh nhân được chuyển đến từ phòng khám, thu ngân tiền khám

Thu ngân các chỉ định cận lâm sàng theo yêu cầu của phòng khám do phòng khám chuyển đến.

Thu ngân thủ thuật và các dịch vụ kỹ thuật khác được thực hiện tại phòng khám

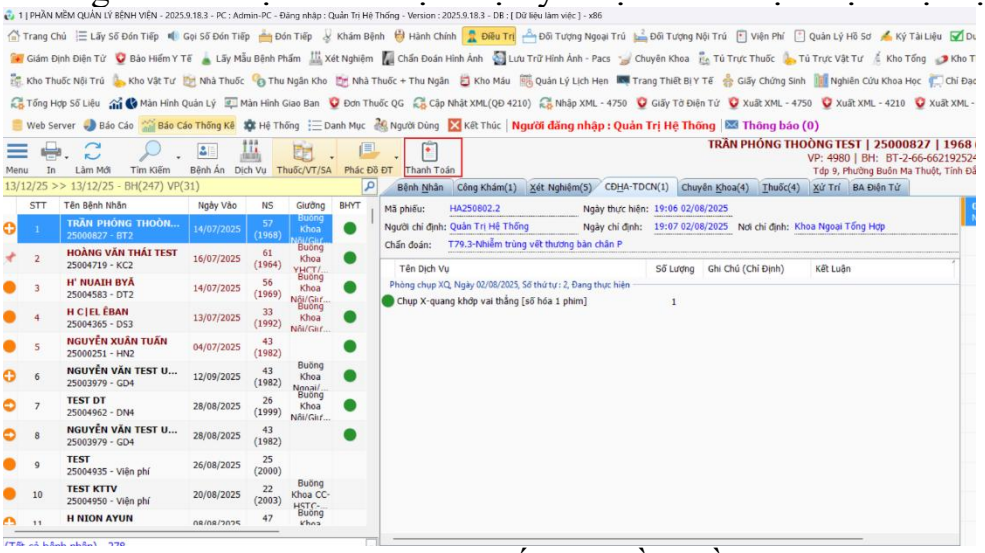

In được hóa đơn thanh toán trực tiếp từ phần mềm

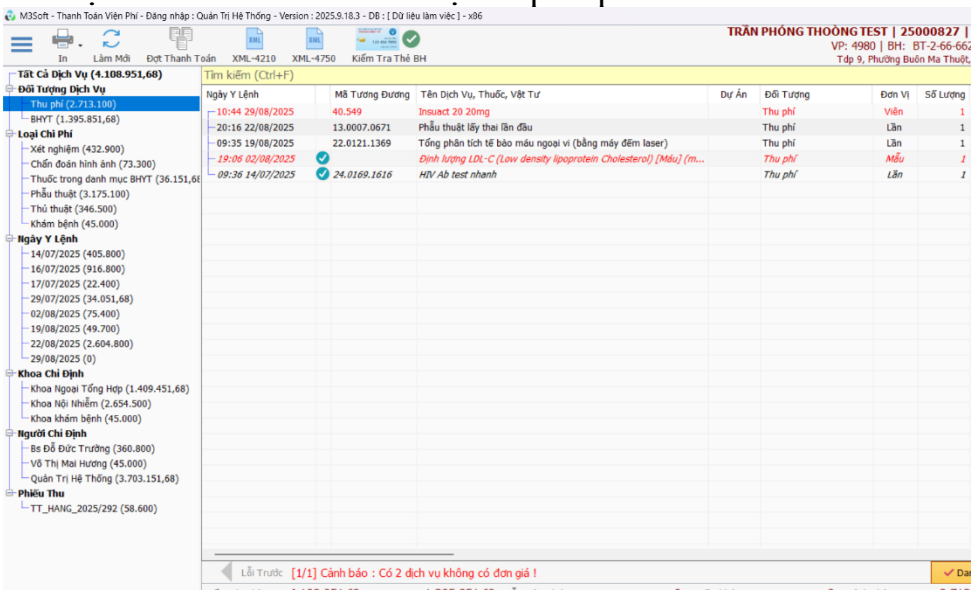

Thực hiện các nghiệp vụ hủy hóa đơn, hoàn trả hóa đơn qua ngày, tạo hóa đơn mới thay cho hóa đơn cũ đã bị hủy

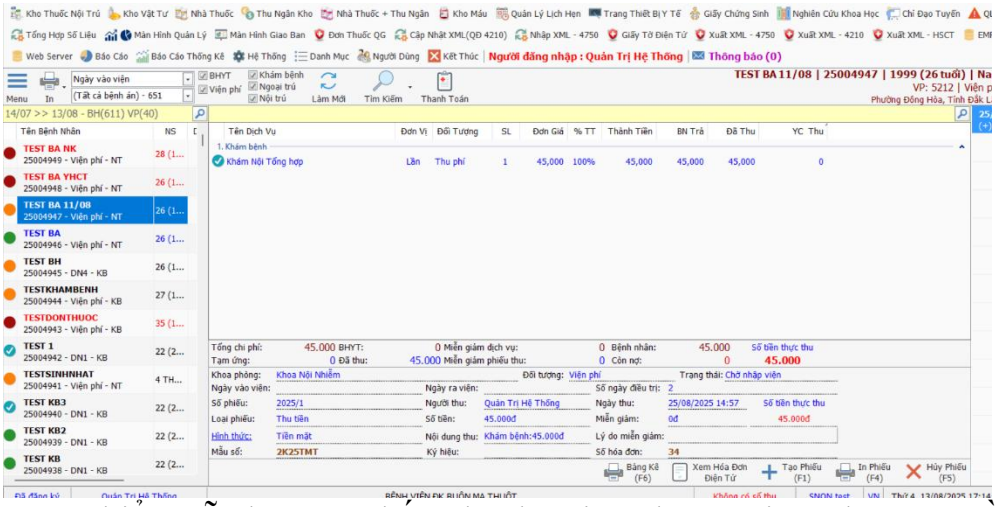

In các biểu mẫu báo cáo thống kê thu viện phí ngoại trú theo yêu cầu của Bệnh viện: báo cáo quyển hoá đơn dùng trong ngày, báo cáo các dịch vụ đã thu tiền trong ngày, tổng hợp tài chính cuối tháng.

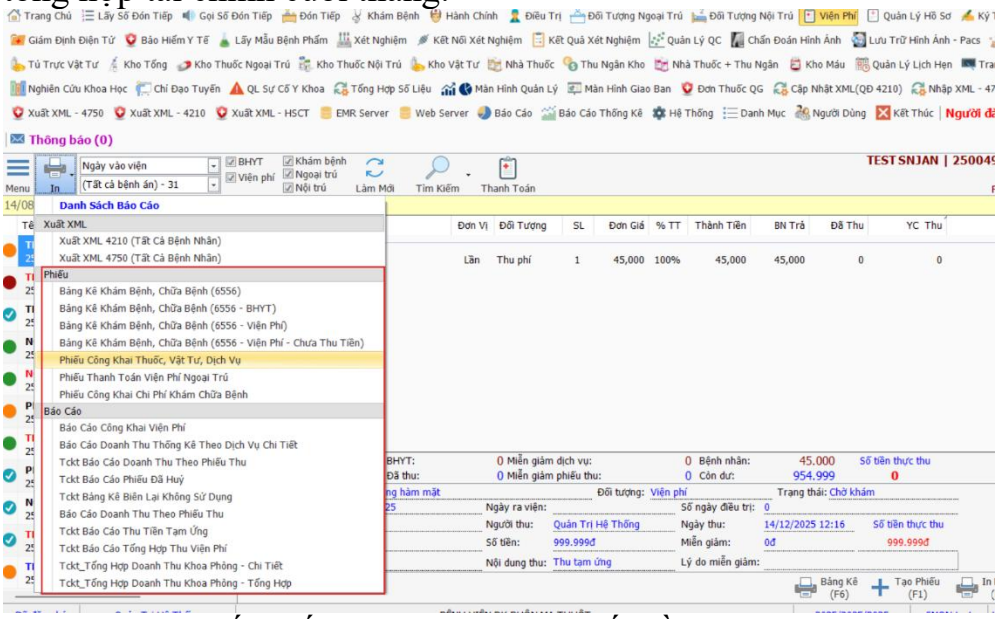

In báo cáo và kết xuất được dữ liệu chi tiết về chi phí khám chữa bệnh của đối tượng người bệnh có thẻ BHYT.

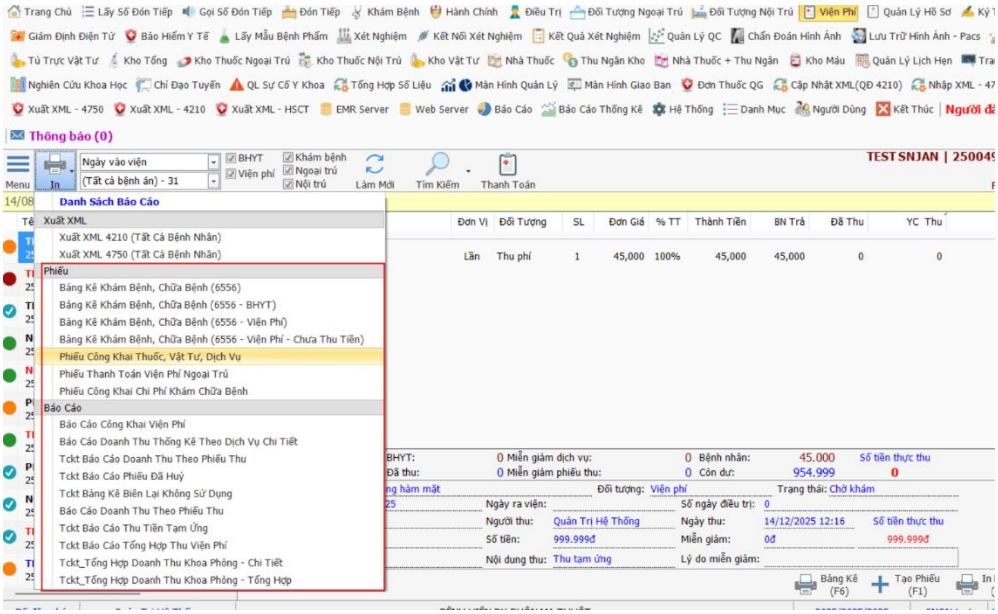

Quản lý viện phí nội trú (theo bệnh nhân bệnh án lâm sàng)

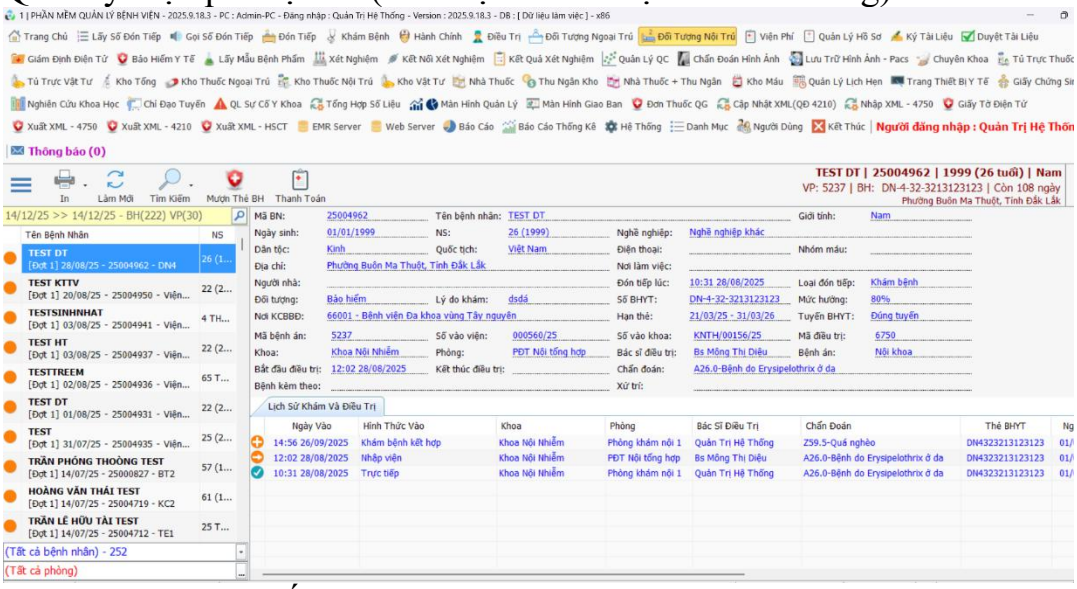

Quản lý, theo dõi tất cả chi phí của bệnh nhân nội trú từ lúc nhập viện, điều trị cho đến lúc ra viện. Cho phép tính toán viện phí cho tất cả các đối tượng người bệnh tại bất kỳ thời điểm nào của quá trình điều trị và với bất kỳ hình thức thu phí nào.

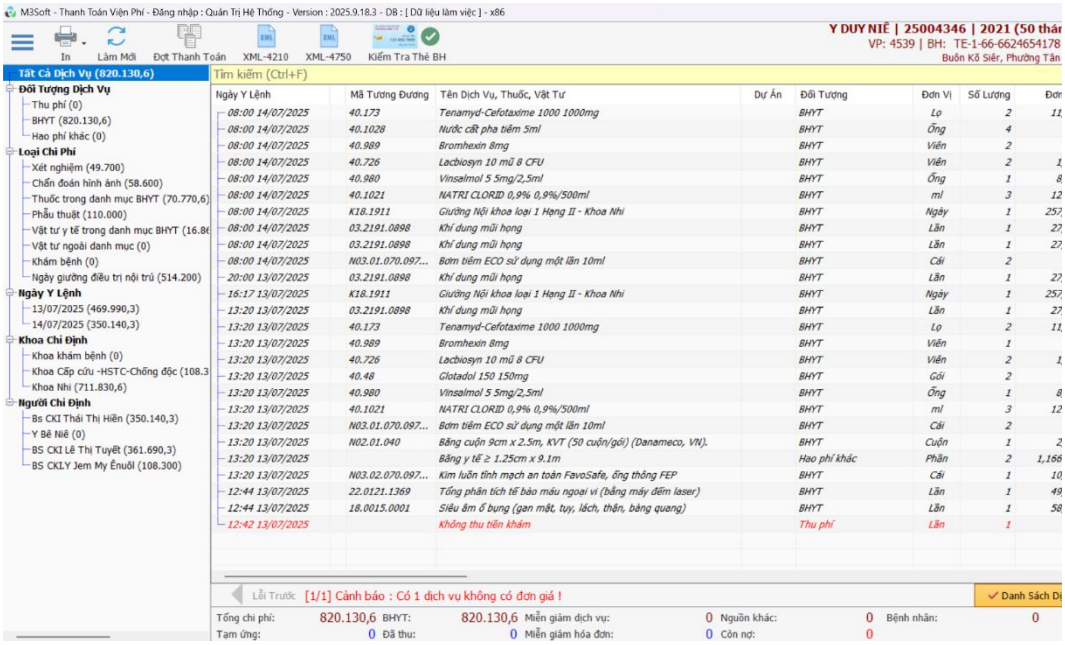

Thu tạm ứng bệnh nhân

Theo dõi tình hình phát sinh chi phí điều trị bệnh nhân so với số tiền tạm ứng. Nếu chi phí vượt tạm ứng thì cần thu thêm tạm ứng.

In bảng kê viện phí: Tiền khám bệnh, tiền giường, tiền thuốc, tiền xét nghiệm. Tùy theo chính sách quản lý viện phí của Bệnh viện mà việc thanh toán có thể thực hiện mỗi khi chuyển khoa hoặc thanh toán một lần khi xuất viện

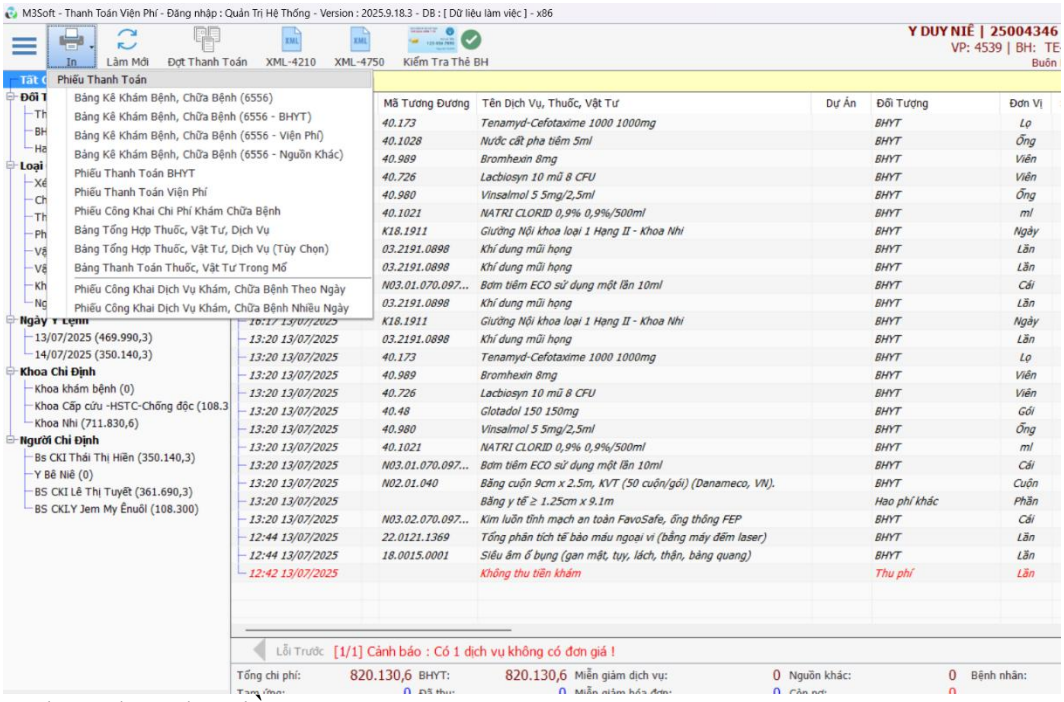

In hóa đơn thu tiền.

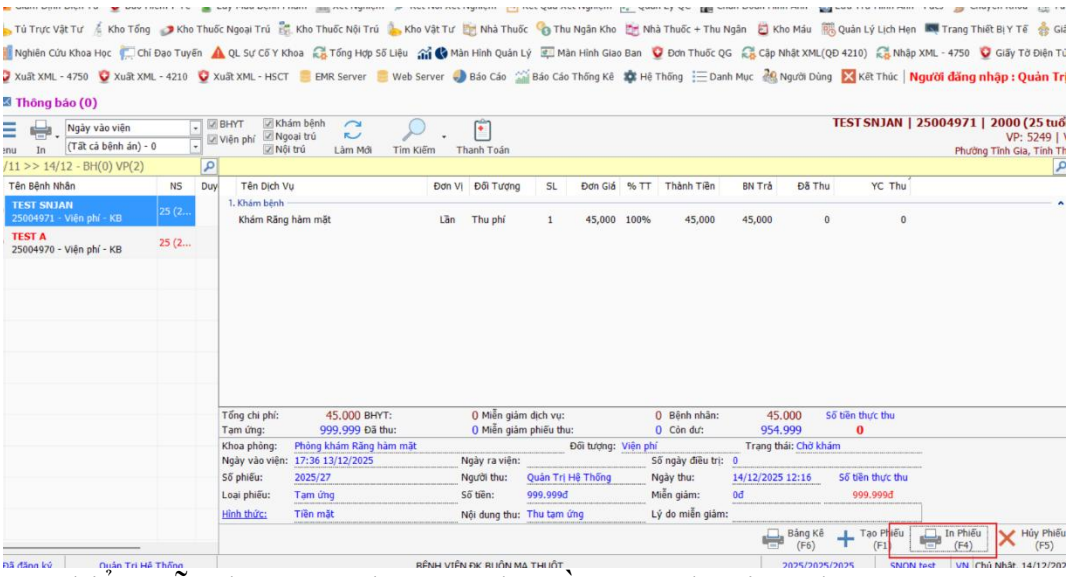

Các biểu mẫu, báo cáo phục vụ nhu cầu quản lý viện phí, BHYT

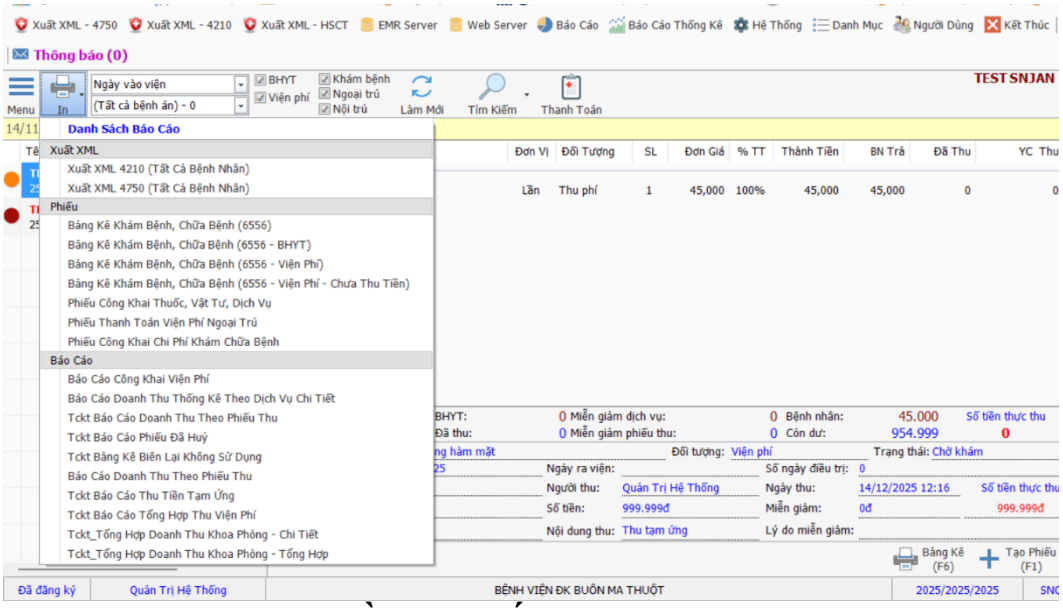

14. Quản lý lịch hẹn điều trị, nhắc lịch hẹn tái khám

Tích hợp cổng API nhắc hẹn tái khám, nhắc lịch điều trị qua tin nhắn sms, zalo,…

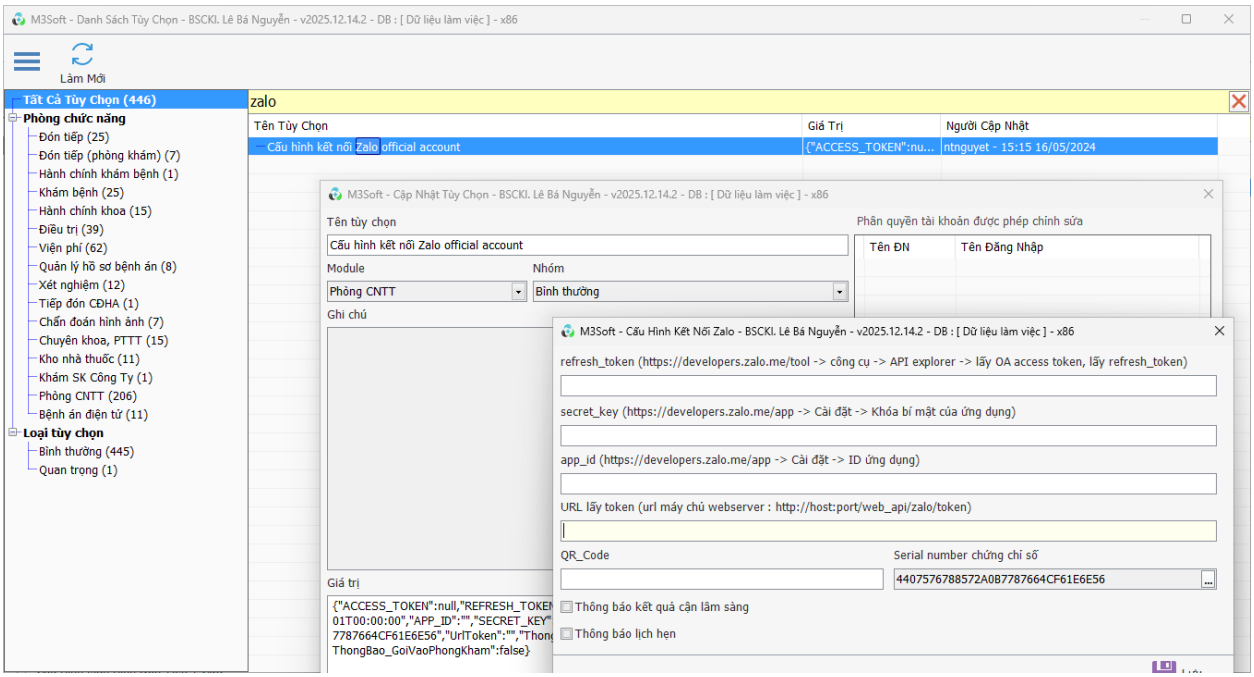

15. Quản lý giải phẫu bệnh lý

Nhập kết quả giải phẫu bệnh
In phiếu kết quả
Lưu hình ảnh trong ứng dụng để phục vụ bệnh án
Tìm kiếm thông tin
Báo cáo thống kê

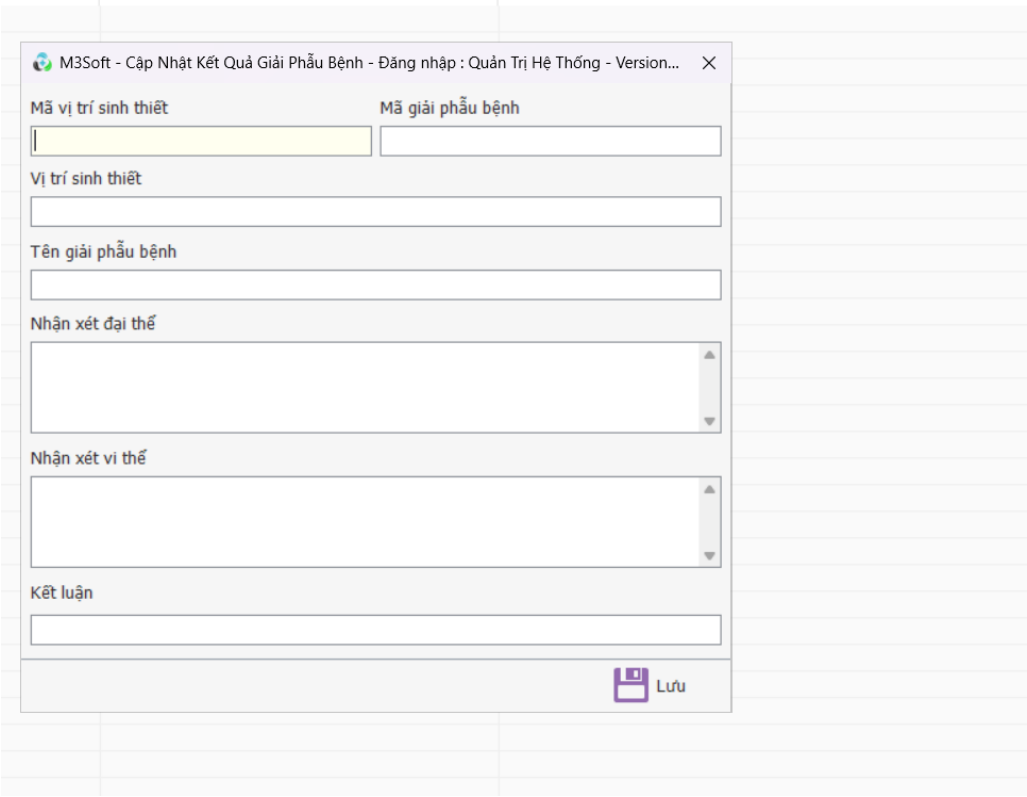

16. Quản lý kho ngân hàng máu

Nhập túi máu từ người hiến

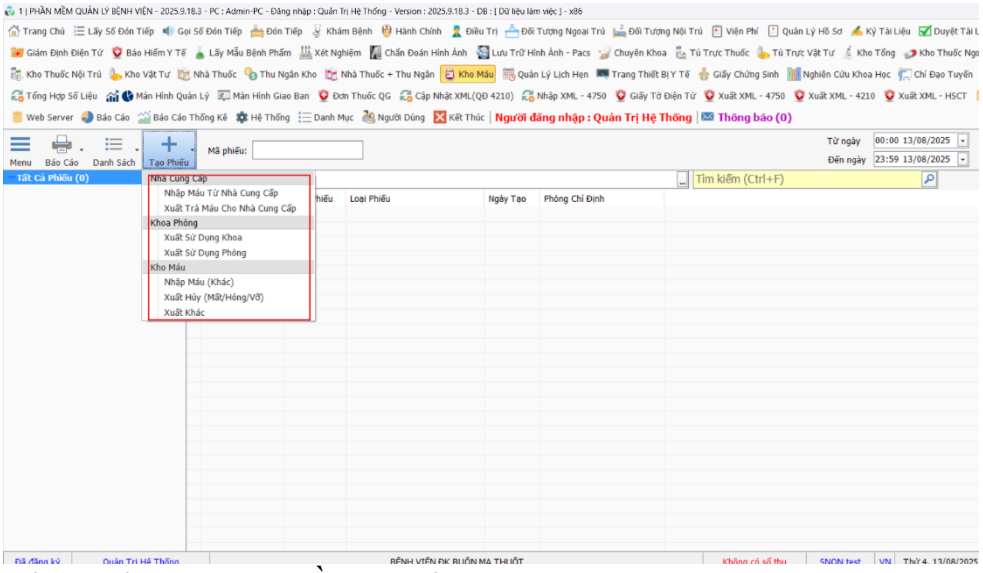

Nhập túi máu từ nguồn ngoài

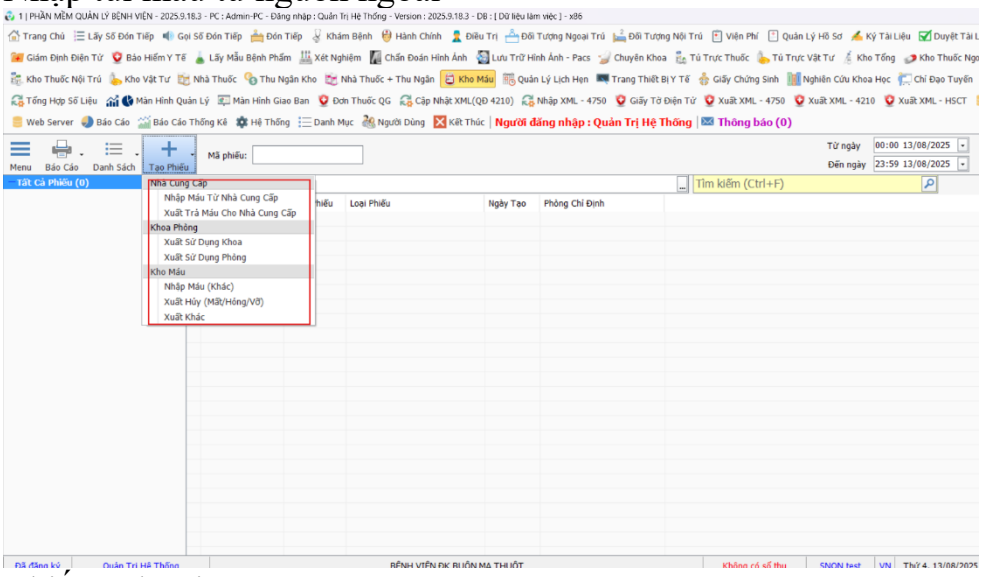

Chiết tách túi máu
Ghép túi máu
Sàng lọc túi máu

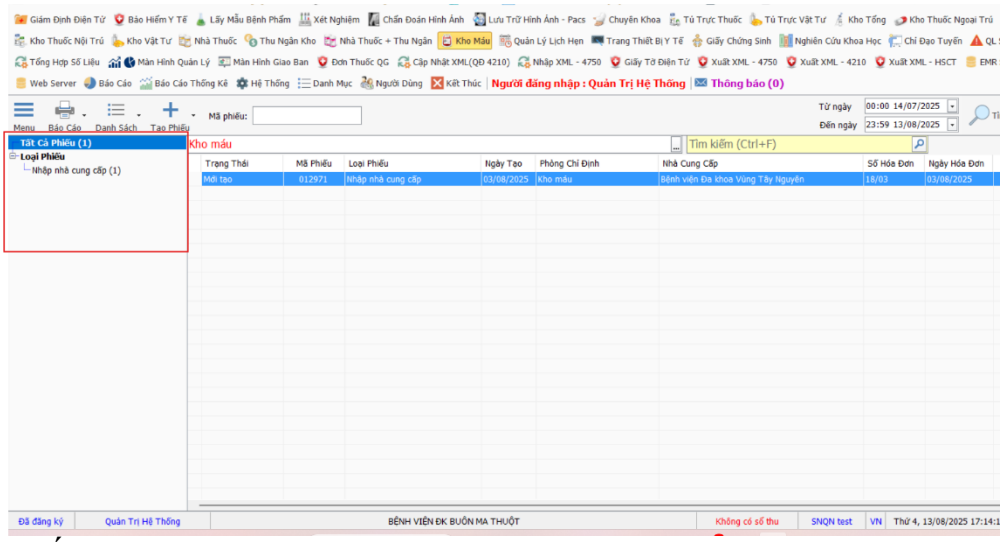

Xuất túi máu theo người bệnh

Xuất phế thải

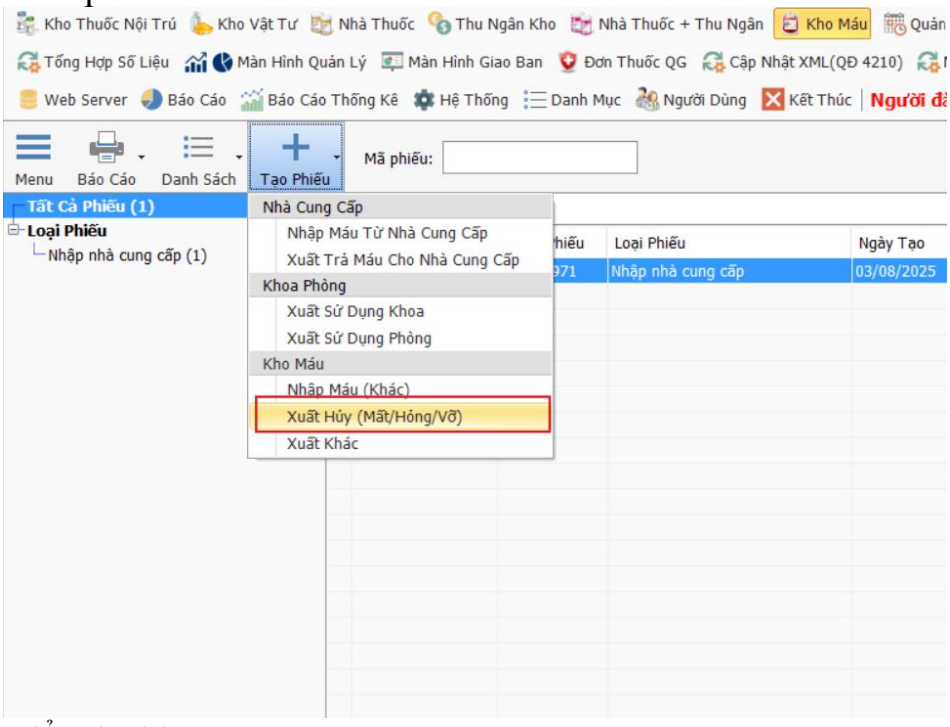

Kiểm kê kho

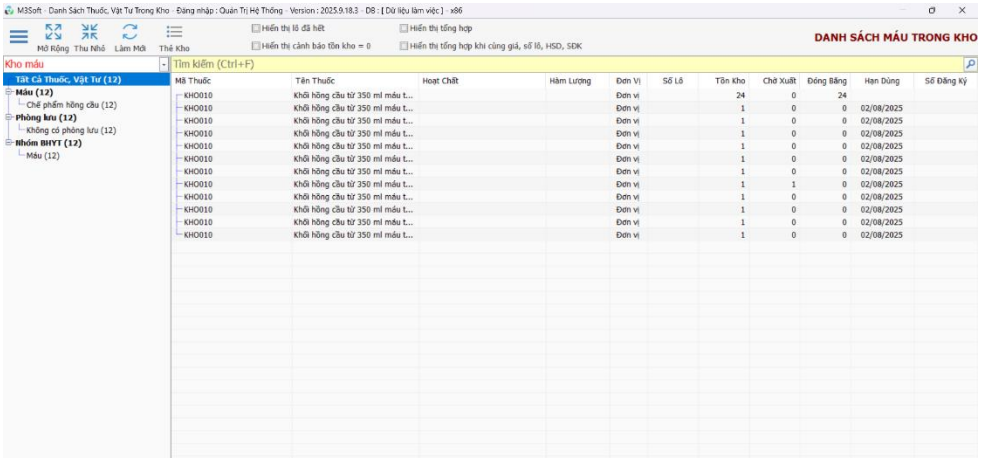

Thống kê kho

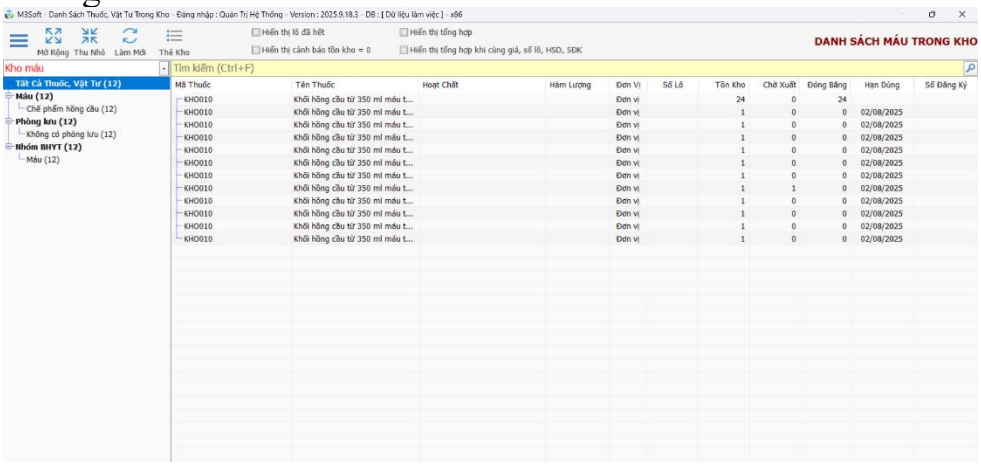

Tìm túi máu

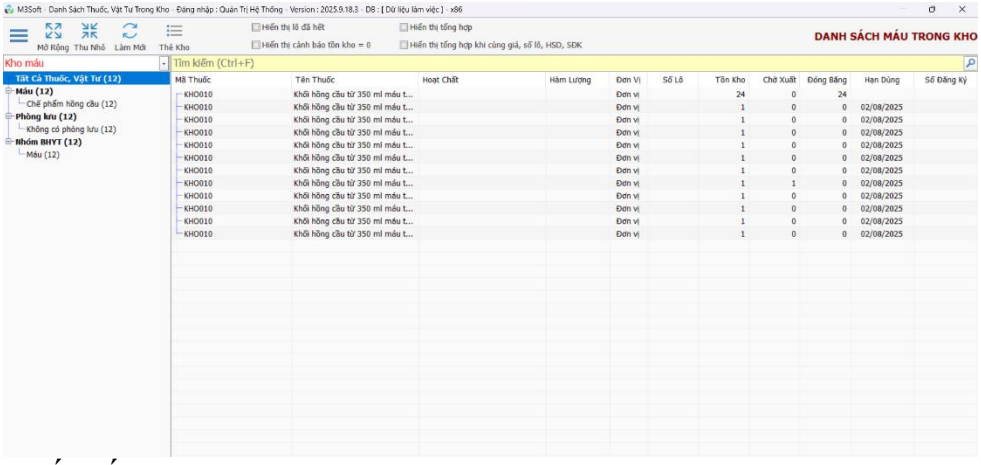

Xuất kết quả xét nghiệm túi máu
Thông tin mẫu máu

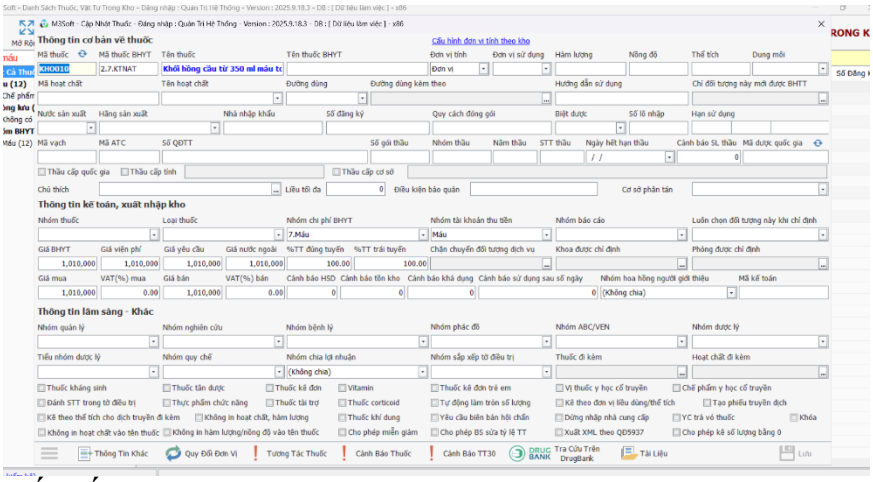

Kết nối máy XN

Thống kê báo cáo

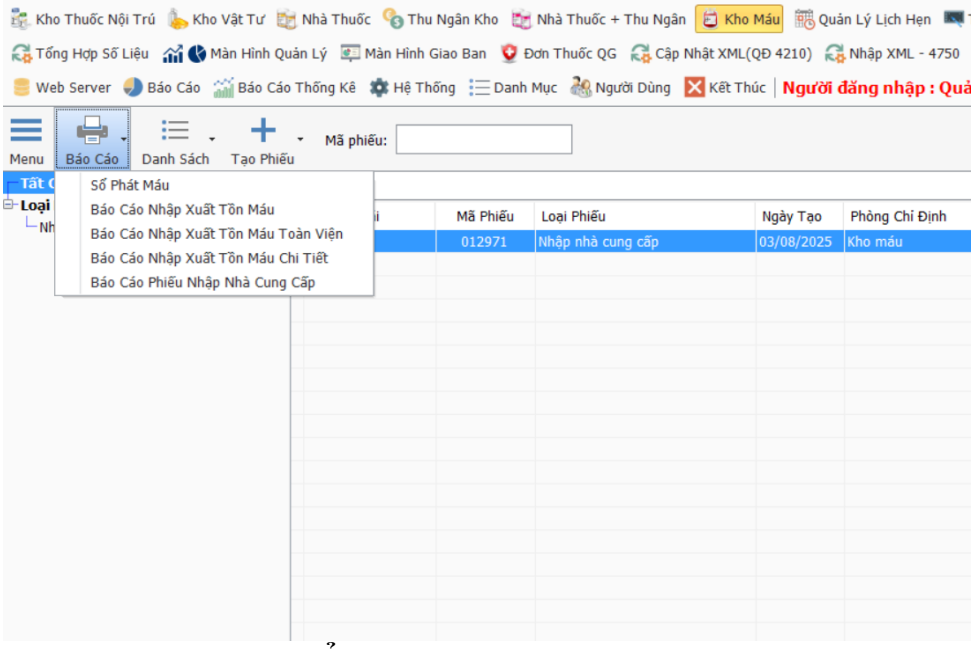

17. Quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh cơ bản

Siêu âm

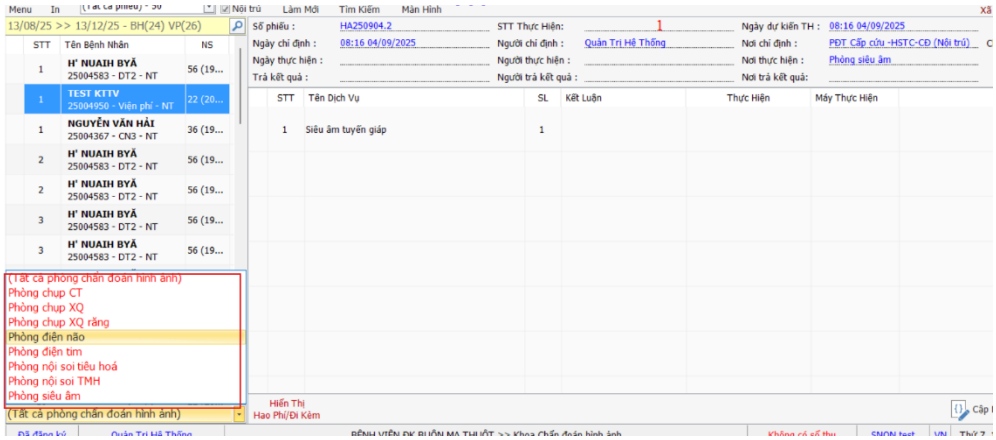

Nội soi

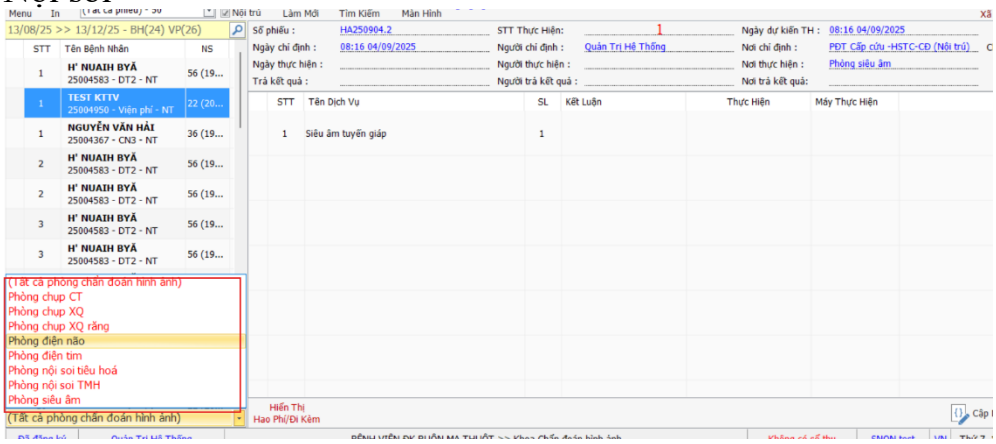

X Quang

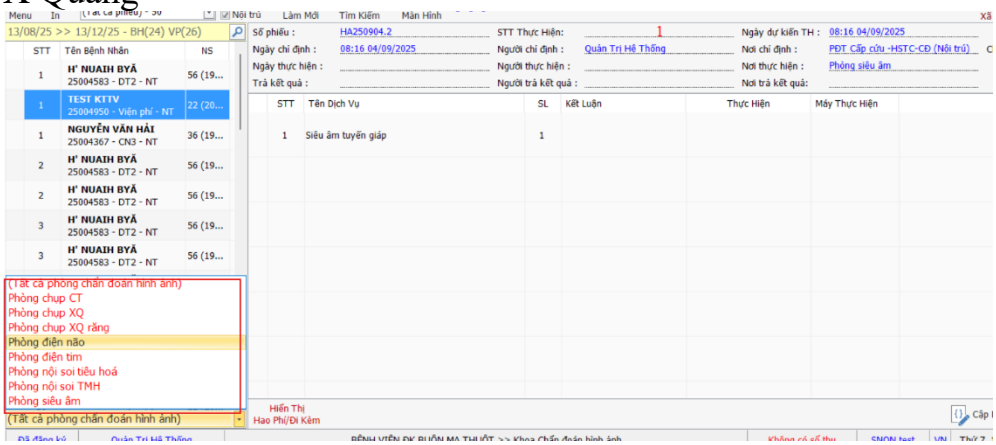

Điện tim

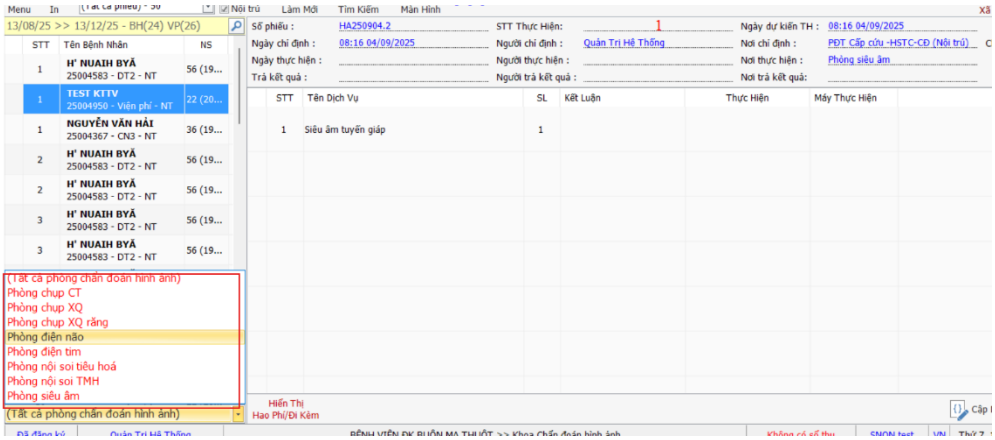

Điện não

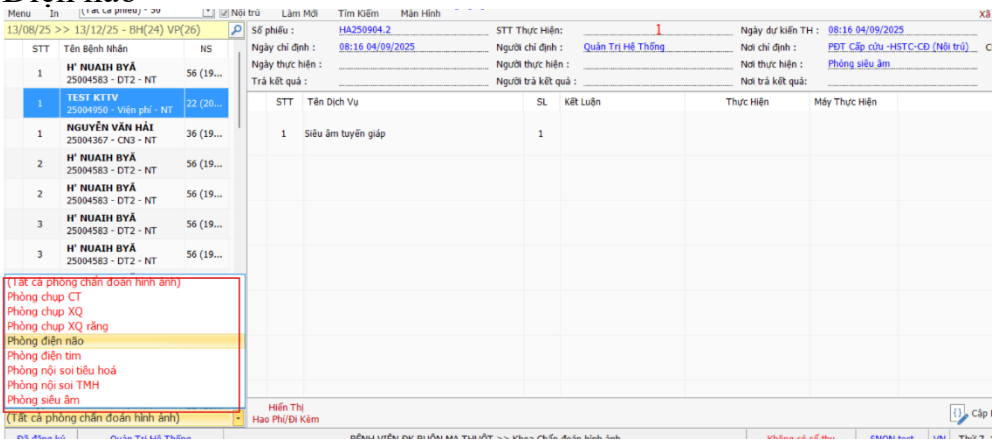

CT-Scanner, MRI

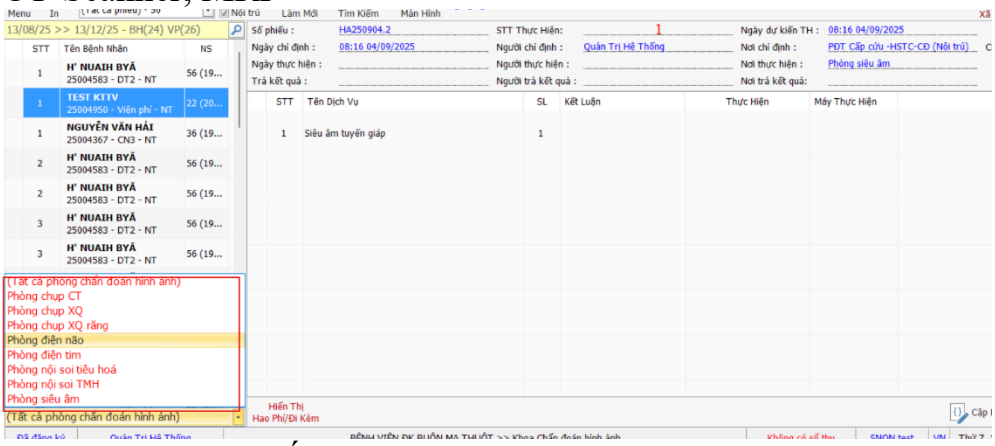

Đo chức năng hô hấp
Điện cơ
Đo thính lực
Quản lý danh mục chẩn đoán hình ảnh

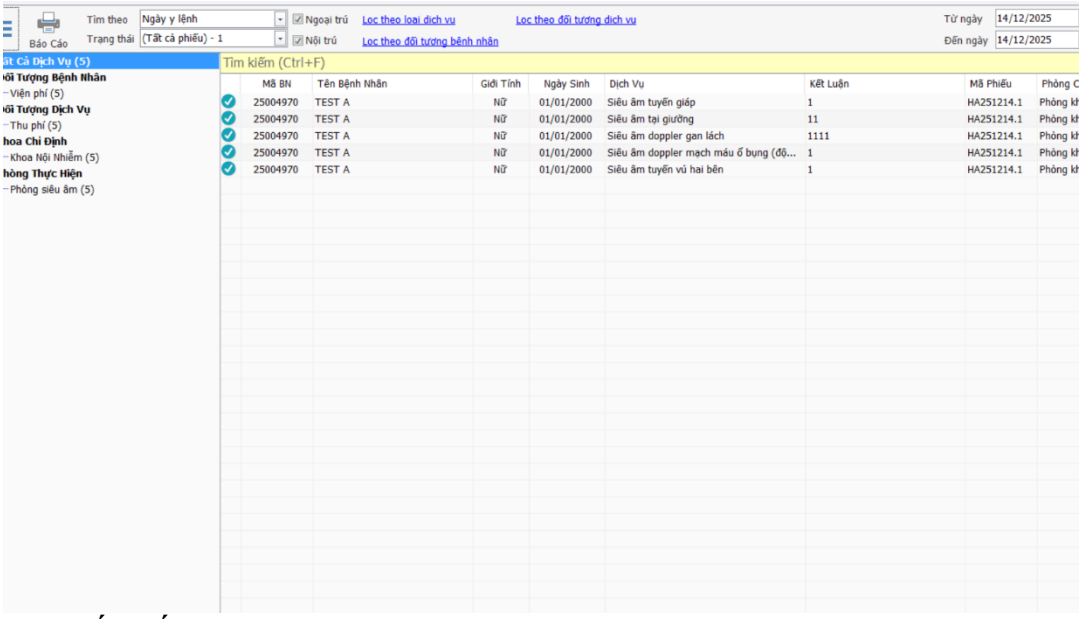

In phiếu kết quả

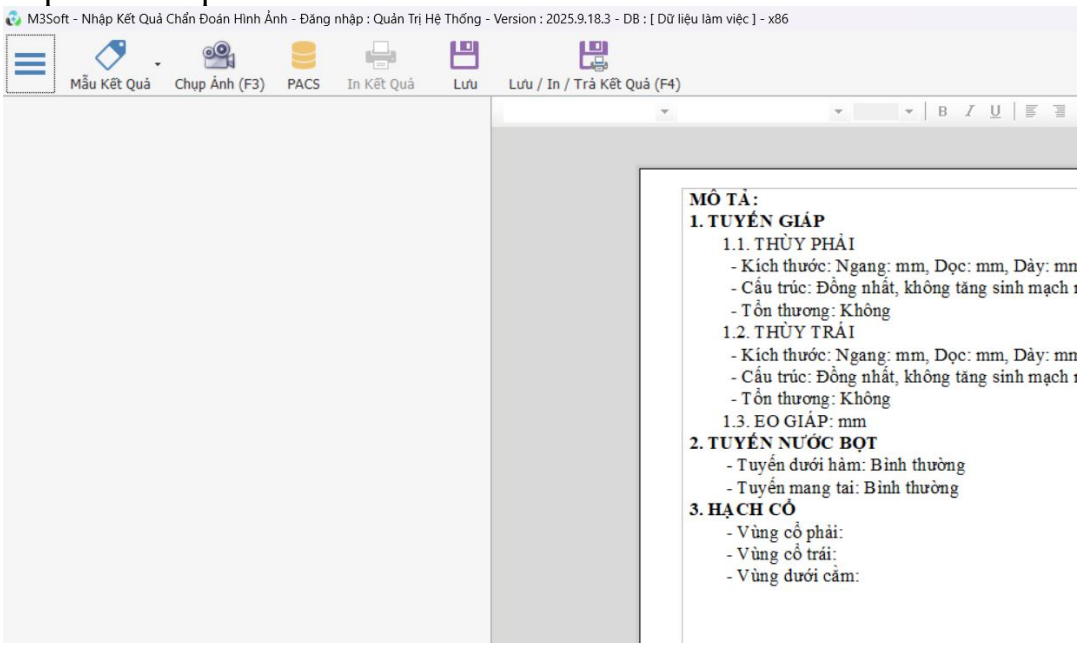

Quản lý định mức vật tư tiêu hao trong kỹ thuật thực hiện.

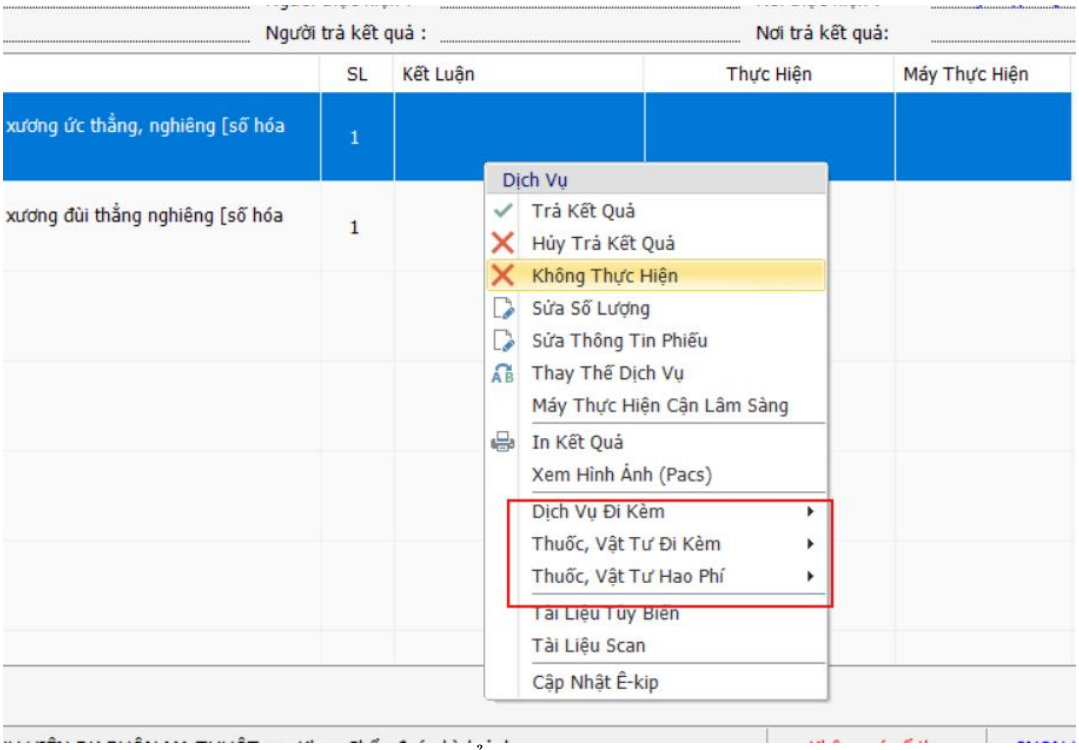

Lưu hình ảnh trong ứng dụng để phục vụ bệnh án

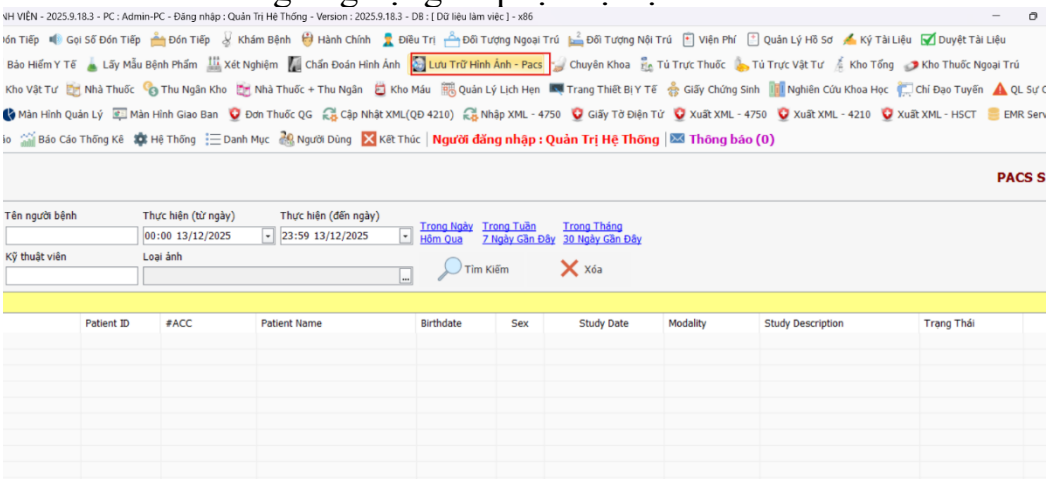

Tìm kiếm thông tin
Báo cáo và truy vấn thông tin

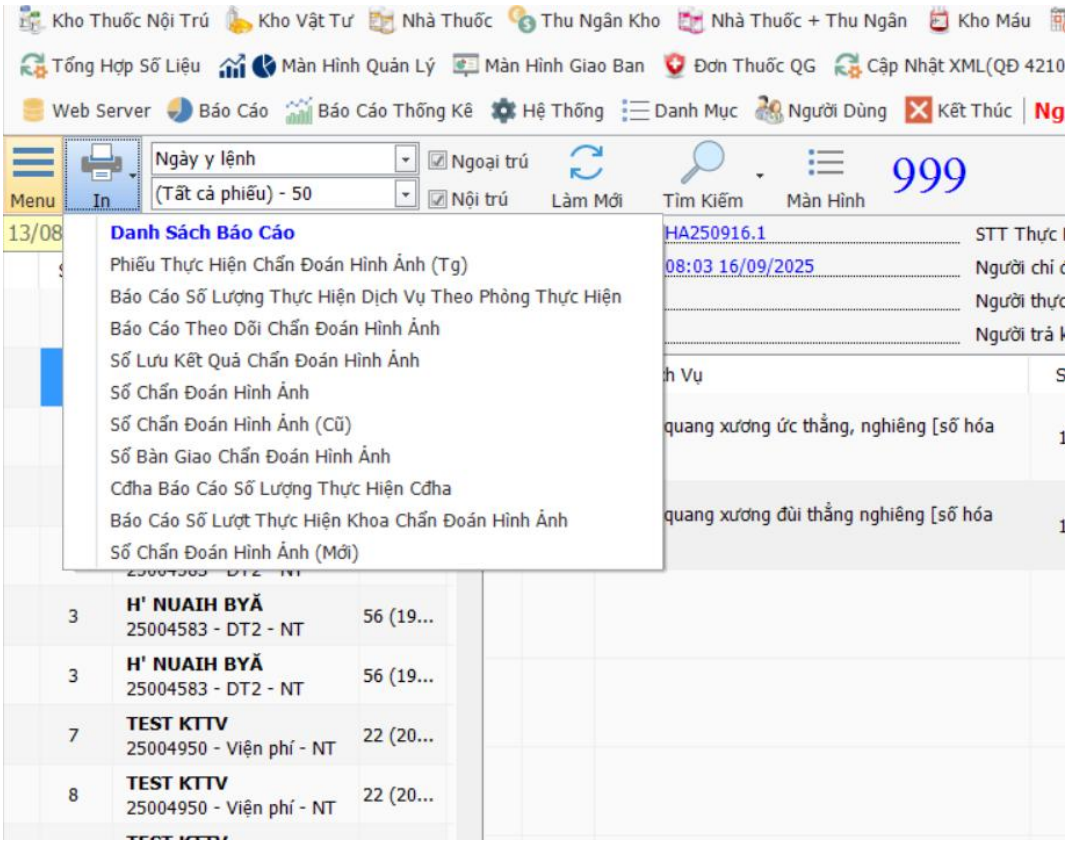

18. Quản lý thăm dò chức Năng

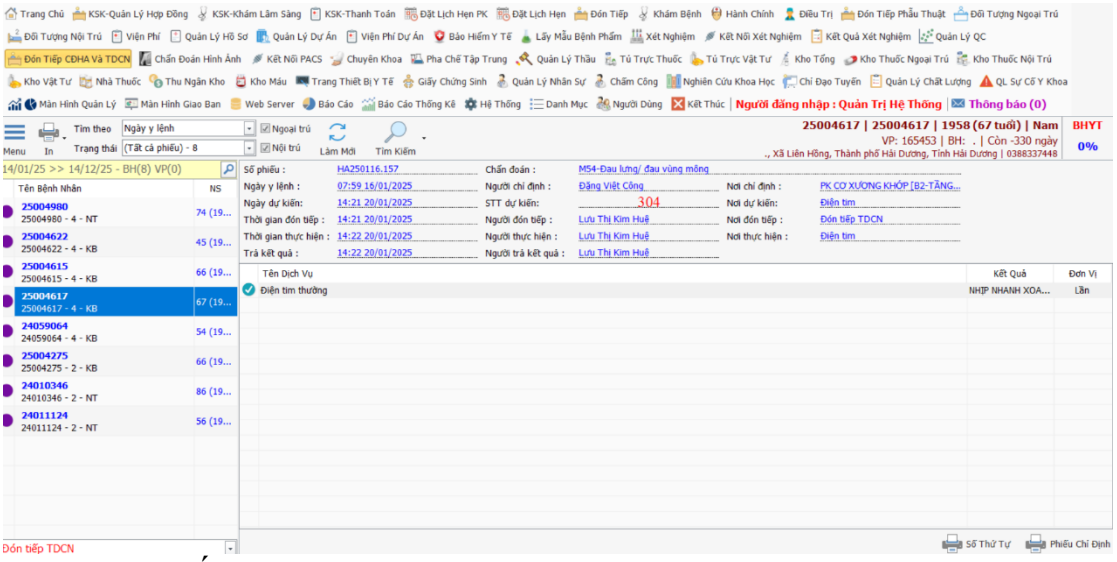

Nhập và in kết quả Điện tim thường quy;

Nhập và in kết quả Điện tim gắng sức;
Nhập và in kết quả Nội soi các loại;

Nhập và in kết quả Đo loãng xương;
Nhập và in kết quả Điện não;
Nhập và in kết quả Điện cơ;
Nhập và in kết quả Đo chức năng hô hấp;
Nhập và in kết quả Đo thính lực;
Chương trình kết nối với Card video các máy để lấy (Capture) hình ảnh, xuất ra và đưa vào in chung trên kết quả, tiết kiệm được chi phí in hình riêng trên giấy in chuyên dụng của máy;
Chương trình cho phép lưu trữ được nhiều hình ảnh và có các mẫu kết quả định nghĩa sẵn để việc nhập kết quả được nhanh chóng;
Quản lý vật tư, hóa chất tiêu hao phục vụ thăm dò chức năng;
Các biểu mẫu, báo cáo phục vụ nhu cầu quản lý tại khoa thăm dò chức năng
Hiệu quả phân hệ mang lại:
Phục vụ tốt nhu cầu tham khảo kết quả thăm dò chức năng trong quá trình khám và chữa bệnh của các Bác sĩ.

19. Quản lý suất ăn dinh dưỡng

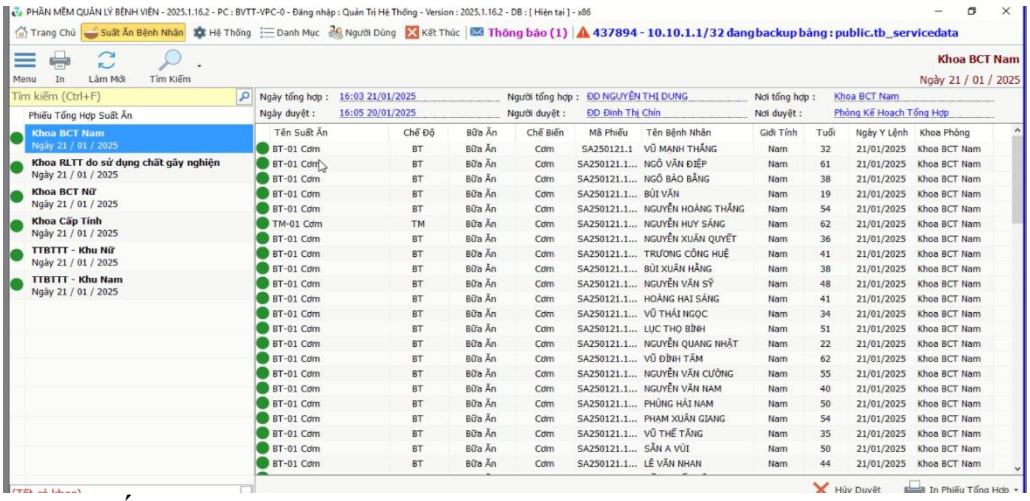

Lập phiếu báo ăn
Duyệt phiếu báo ăn
In phiếu báo ăn

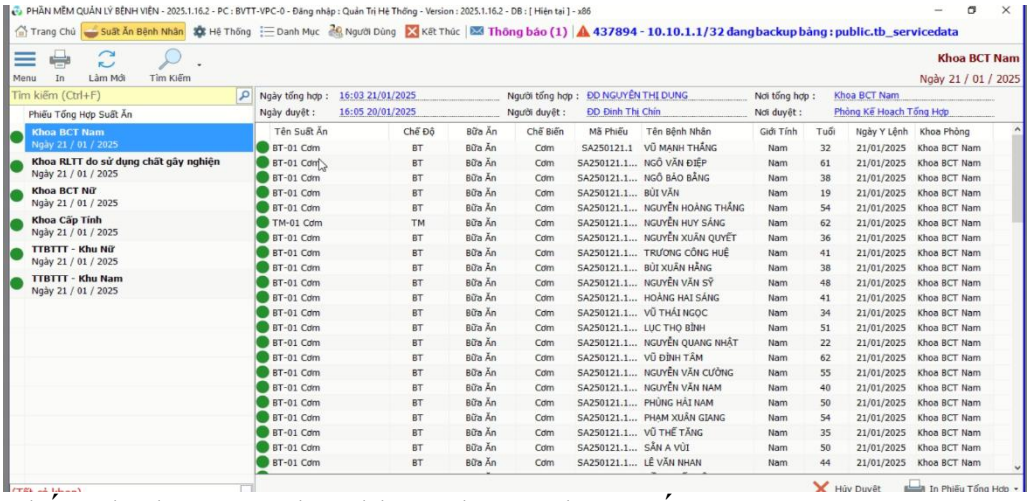

Thống kê báo ăn: Theo khoa phòng, theo suất ăn…

20. Quản lý văn phòng phẩm

Nhập từ nhà cung cấp: Nhập kho sau khi mua văn phòng phẩm. Sau khi hoàn tất phiếu nhập ở tình trạng đã nhập kho thì số lượng tồn kho của văn phòng phẩm, vật tư sẽ tăng lên. Các thông tin cần quản lý như Ngày nhập, Nhà cung cấp, Thông tin hóa đơn, số chứng từ gốc, người giao, người nhận, Danh sách các mặt hàng nhập kho…

Lập phiếu lĩnh: Các khoa phòng cần lĩnh văn phòng phẩm nhập phiếu yêu cầu cấp phát.
Xuất sử dụng: Văn phòng phẩm sau khi nhập kho sẽ được xuất sử dụng theo nhu cầu của các khoa phòng.
Các biểu mẫu, báo cáo phục vụ quản lý văn phòng phẩm.

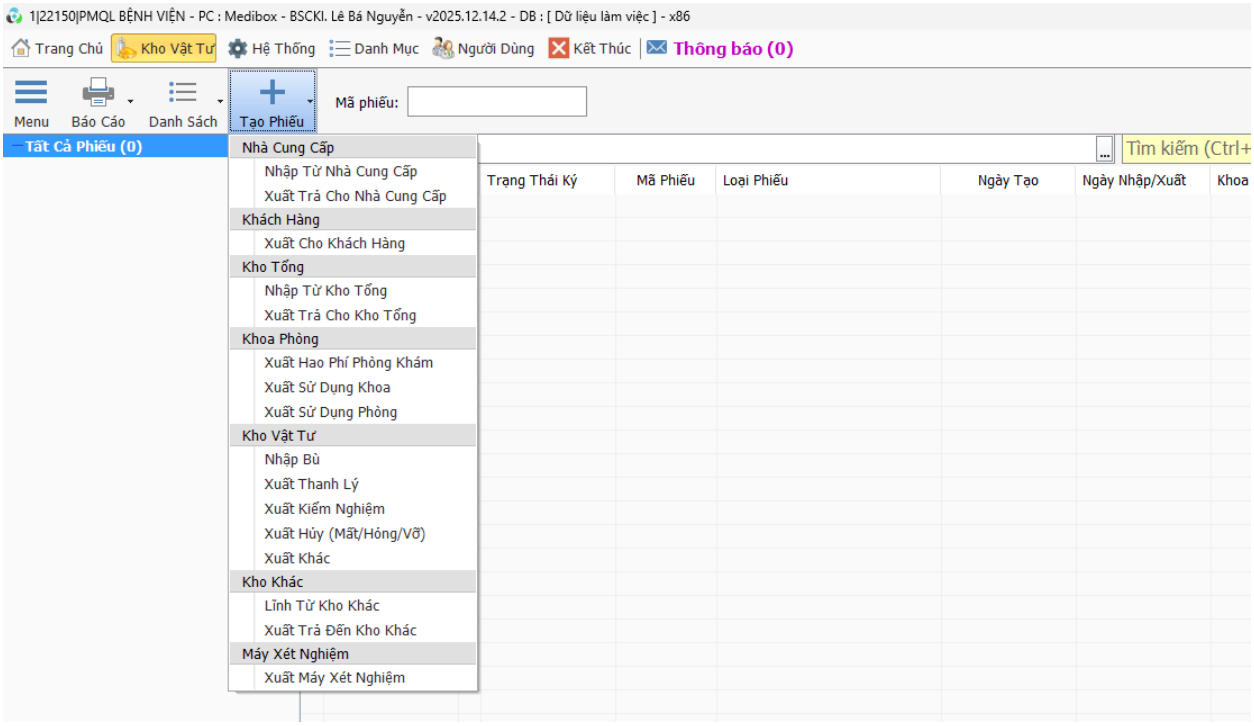

21. Quản lý kiểm soát nhiễm khuẩn

Quản lý giao nhận đồ giặt , đồ vải
Quản lý xuất nhập tồn kho
Quản lý lịch giám sát, vệ sinh vô trùng phòng mổ…

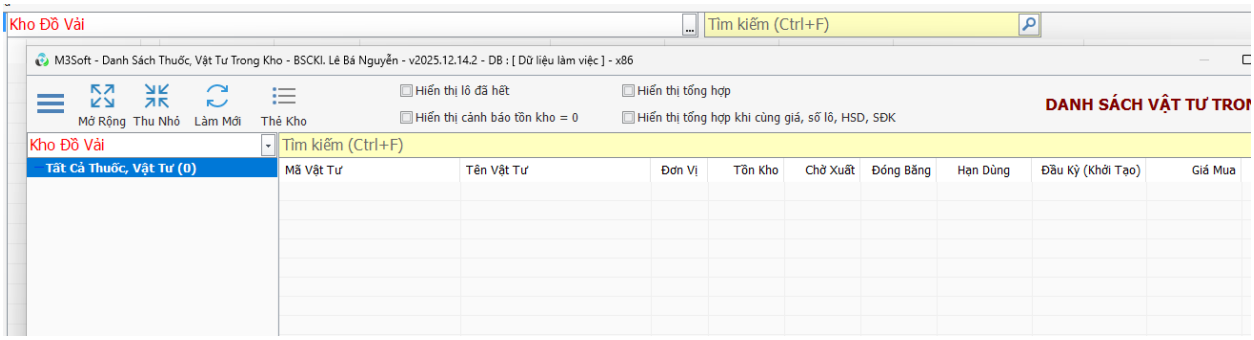

22. Quản lý vật tư

Khai báo danh mục theo quy định bảo hiểm, thầu

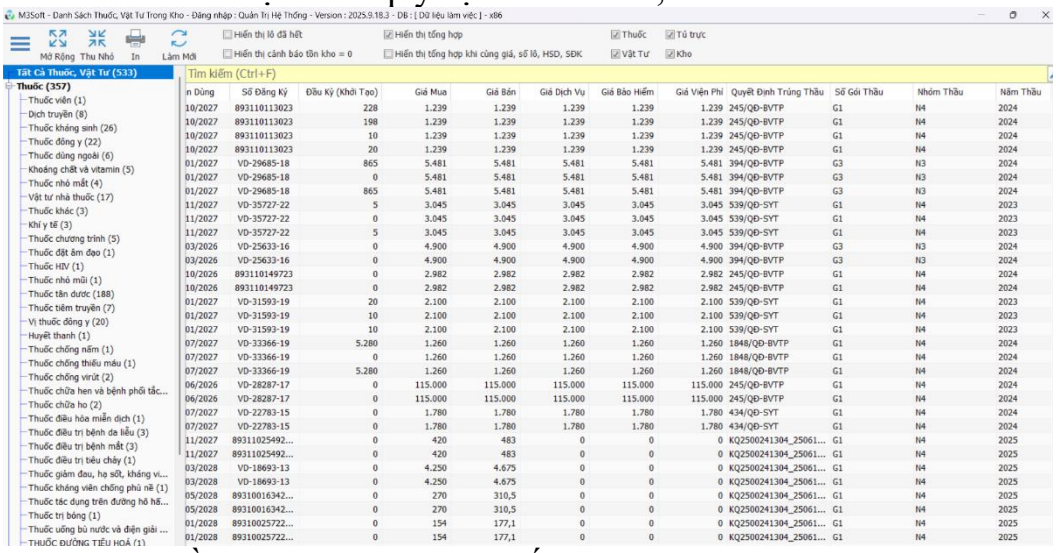

n Dùng	Số Đăng Ký	Đầu Kỳ (Khởi Tạo)	Giá Mua	Giá Bán	Giá Dịch Vụ	Giá Bảo Hiểm	Giá Viện Phí	Quyết Định Trúng Thầu	Số Gói Thầu	Nhóm Thầu	Năm Thầu
10/2027	893110113023	228	1.239	1.239	1.239	1.239	1.239	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
10/2027	893110113023	198	1.239	1.239	1.239	1.239	1.239	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
10/2027	893110113023	10	1.239	1.239	1.239	1.239	1.239	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
10/2027	893110113023	20	1.239	1.239	1.239	1.239	1.239	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
01/2027	VD-29685-18	865	5.481	5.481	5.481	5.481	5.481	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
01/2027	VD-29685-18	0	5.481	5.481	5.481	5.481	5.481	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
01/2027	VD-29685-18	865	5.481	5.481	5.481	5.481	5.481	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
11/2027	VD-35727-22	5	3.045	3.045	3.045	3.045	3.045	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
11/2027	VD-35727-22	0	3.045	3.045	3.045	3.045	3.045	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
11/2027	VD-35727-22	5	3.045	3.045	3.045	3.045	3.045	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
03/2026	VD-25633-16	0	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
03/2026	VD-25633-16	0	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
10/2026	893110149723	0	2.982	2.982	2.982	2.982	2.982	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
10/2026	893110149723	0	2.982	2.982	2.982	2.982	2.982	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
01/2027	VD-31593-19	20	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
01/2027	VD-31593-19	10	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
01/2027	VD-31593-19	10	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
07/2027	VD-33366-19	5.280	1.260	1.260	1.260	1.260	1.260	1848/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
07/2027	VD-33366-19	0	1.260	1.260	1.260	1.260	1.260	1848/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
07/2027	VD-33366-19	5.280	1.260	1.260	1.260	1.260	1.260	1848/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
06/2026	VD-28287-17	0	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
06/2026	VD-28287-17	0	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
07/2027	VD-22783-15	0	1.780	1.780	1.780	1.780	1.780	434/QĐ-SYT	G1	N4	2024
07/2027	VD-22783-15	0	1.780	1.780	1.780	1.780	1.780	434/QĐ-SYT	G1	N4	2024
11/2027	89311025492...	0	420	483	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
11/2027	89311025492...	0	420	483	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
03/2028	VD-18693-13	0	4.250	4.675	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
03/2028	VD-18693-13	0	4.250	4.675	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
05/2028	89310016342...	0	270	310,5	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
05/2028	89310016342...	0	270	310,5	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
01/2028	89310025722...	0	154	177,1	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
01/2028	89310025722...	0	154	177,1	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025

Quản lý nguồn, giá, hạn dùng, lô, số đăng ký

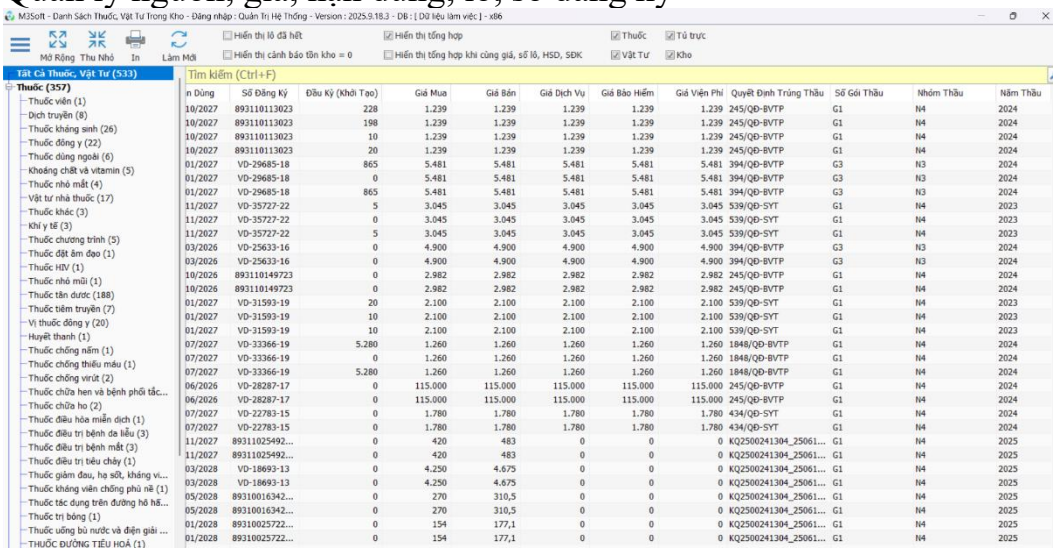

n Dùng	Số Đăng Ký	Đầu Kỳ (Khởi Tạo)	Giá Mua	Giá Bán	Giá Dịch Vụ	Giá Bảo Hiểm	Giá Viện Phí	Quyết Định Trúng Thầu	Số Gói Thầu	Nhóm Thầu	Năm Thầu
10/2027	893110113023	228	1.239	1.239	1.239	1.239	1.239	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
10/2027	893110113023	198	1.239	1.239	1.239	1.239	1.239	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
10/2027	893110113023	10	1.239	1.239	1.239	1.239	1.239	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
10/2027	893110113023	20	1.239	1.239	1.239	1.239	1.239	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
01/2027	VD-29685-18	865	5.481	5.481	5.481	5.481	5.481	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
01/2027	VD-29685-18	0	5.481	5.481	5.481	5.481	5.481	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
01/2027	VD-29685-18	865	5.481	5.481	5.481	5.481	5.481	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
11/2027	VD-35727-22	5	3.045	3.045	3.045	3.045	3.045	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
11/2027	VD-35727-22	0	3.045	3.045	3.045	3.045	3.045	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
11/2027	VD-35727-22	5	3.045	3.045	3.045	3.045	3.045	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
03/2026	VD-25633-16	0	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
03/2026	VD-25633-16	0	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	394/QĐ-BVTP	G3	N3	2024
10/2026	893110149723	0	2.982	2.982	2.982	2.982	2.982	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
10/2026	893110149723	0	2.982	2.982	2.982	2.982	2.982	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
01/2027	VD-31593-19	20	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
01/2027	VD-31593-19	10	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
01/2027	VD-31593-19	10	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	539/QĐ-SYT	G1	N4	2023
07/2027	VD-33366-19	5.280	1.260	1.260	1.260	1.260	1.260	1848/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
07/2027	VD-33366-19	0	1.260	1.260	1.260	1.260	1.260	1848/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
07/2027	VD-33366-19	5.280	1.260	1.260	1.260	1.260	1.260	1848/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
06/2026	VD-28287-17	0	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
06/2026	VD-28287-17	0	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	245/QĐ-BVTP	G1	N4	2024
07/2027	VD-22783-15	0	1.780	1.780	1.780	1.780	1.780	434/QĐ-SYT	G1	N4	2024
07/2027	VD-22783-15	0	1.780	1.780	1.780	1.780	1.780	434/QĐ-SYT	G1	N4	2024
11/2027	89311025492...	0	420	483	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
11/2027	89311025492...	0	420	483	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
03/2028	VD-18693-13	0	4.250	4.675	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
03/2028	VD-18693-13	0	4.250	4.675	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
05/2028	89310016342...	0	270	310,5	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
05/2028	89310016342...	0	270	310,5	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
01/2028	89310025722...	0	154	177,1	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025
01/2028	89310025722...	0	154	177,1	0	0	0	KQ2500241304_25061...	G1	N4	2025

Lập dự trù mua hàng tháng, năm

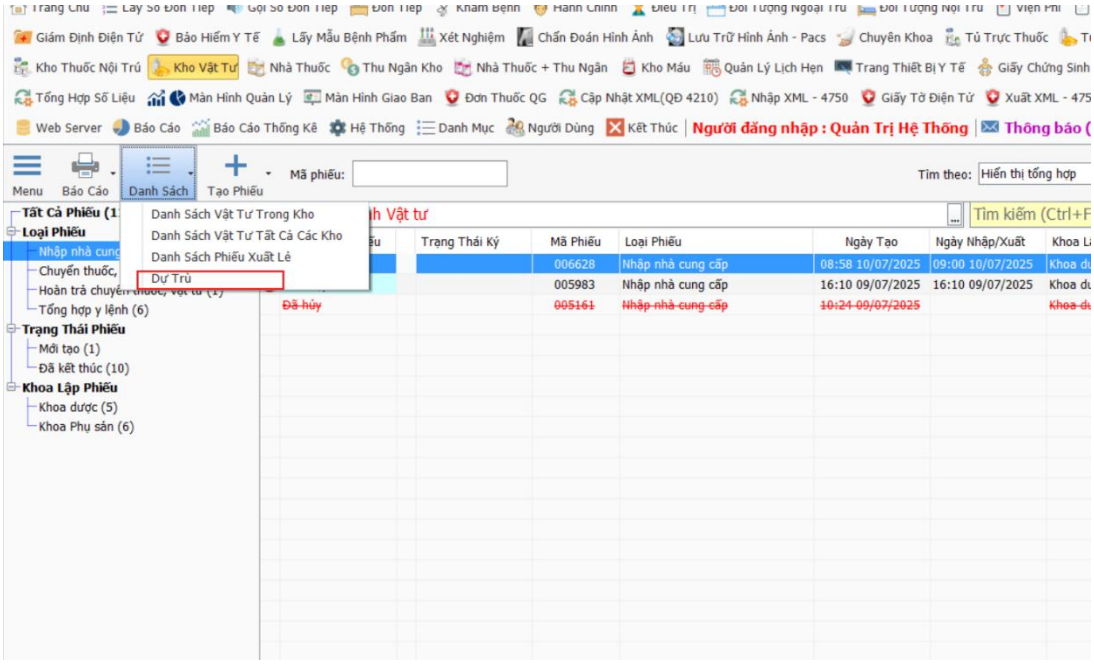

Quản lý nhập

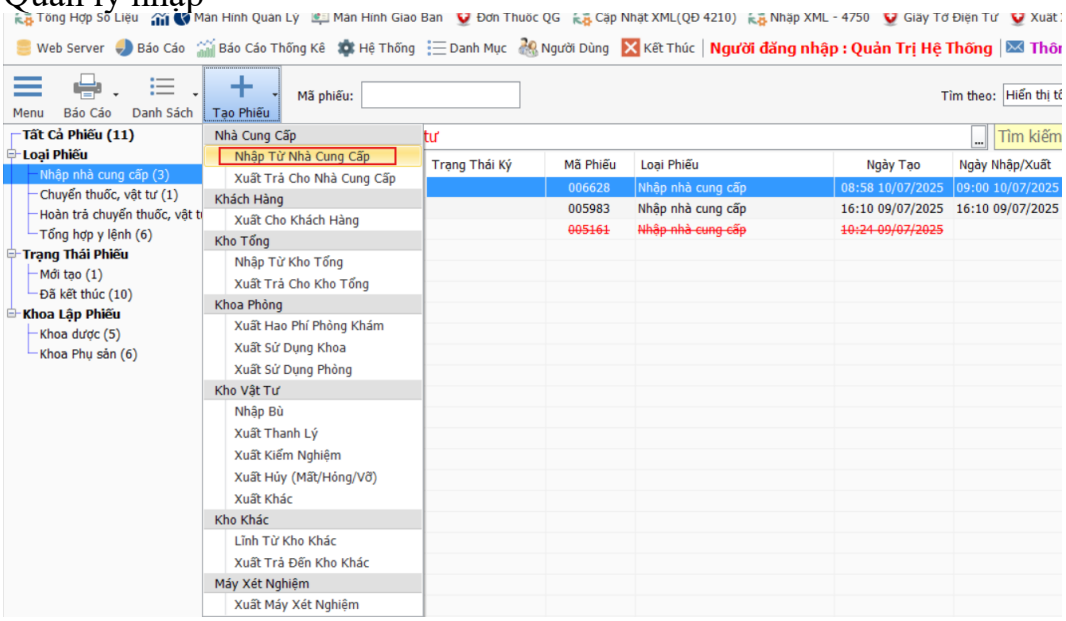

Mới

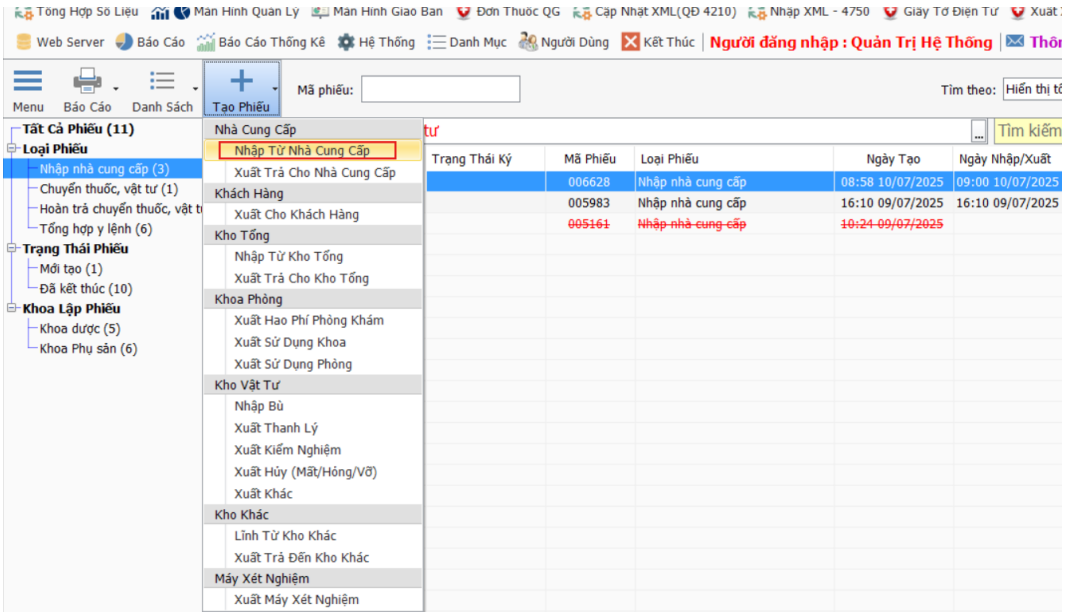

Tái nhập

Hoàn trả

Quản lý xuất

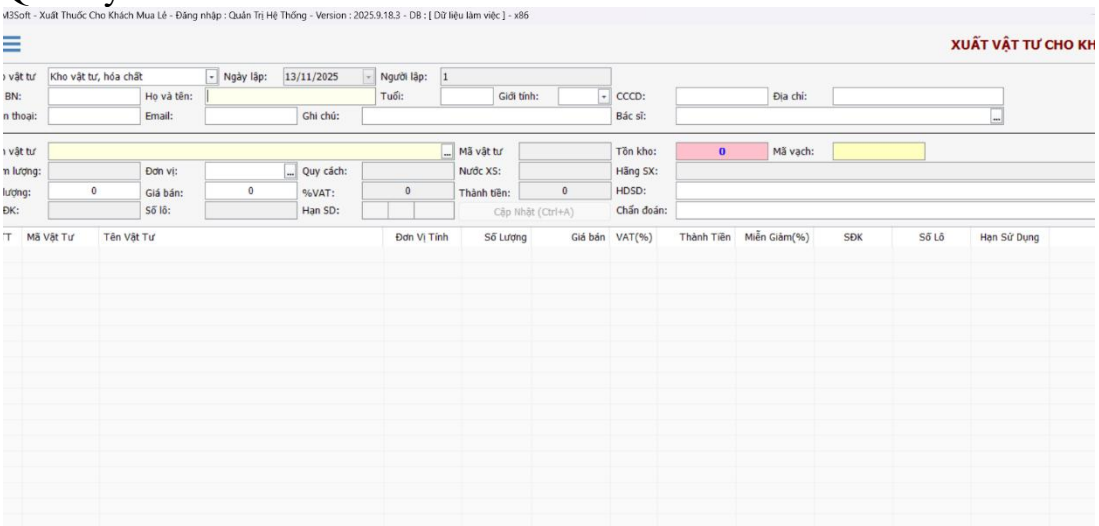

Duyệt cấp theo người bệnh

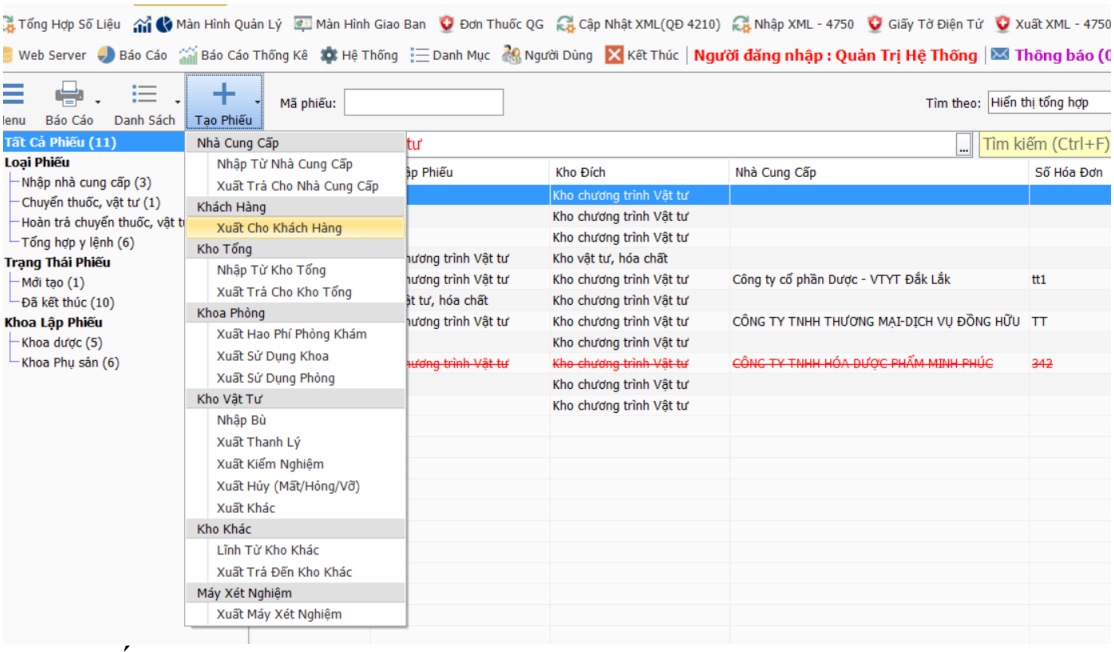

Bù cơ số tủ trực theo người bệnh

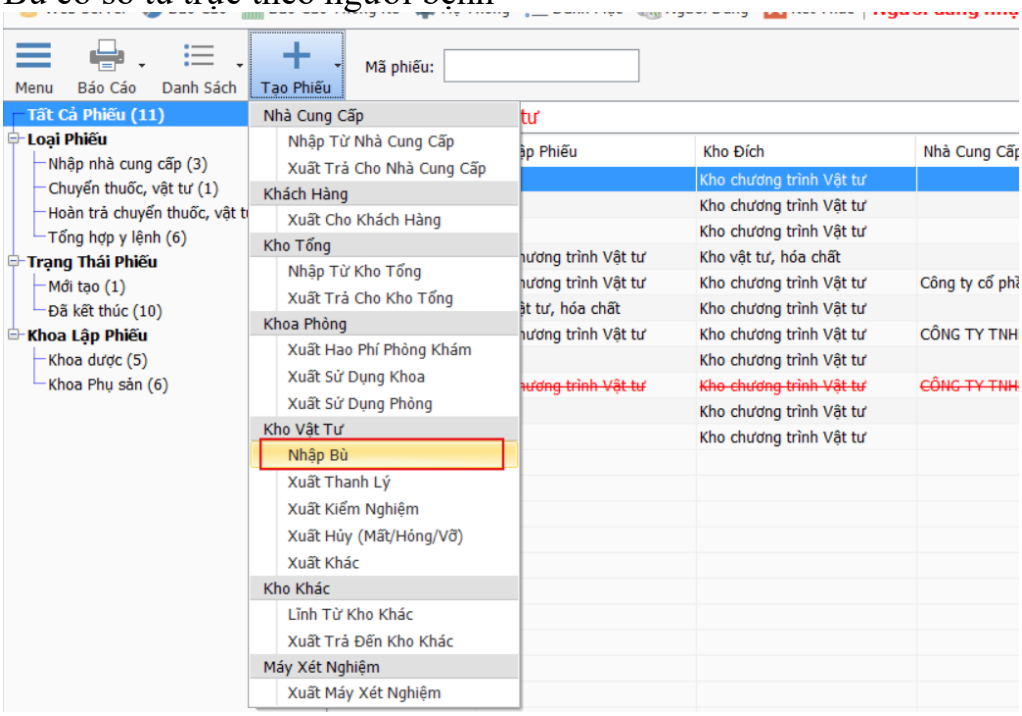

Duyệt hoàn trả,vtyt theo người bệnh
Duyệt cấp hao phí theo phiếu khoa/phòng
Lập phiếu hoàn trả theo kho hoàn

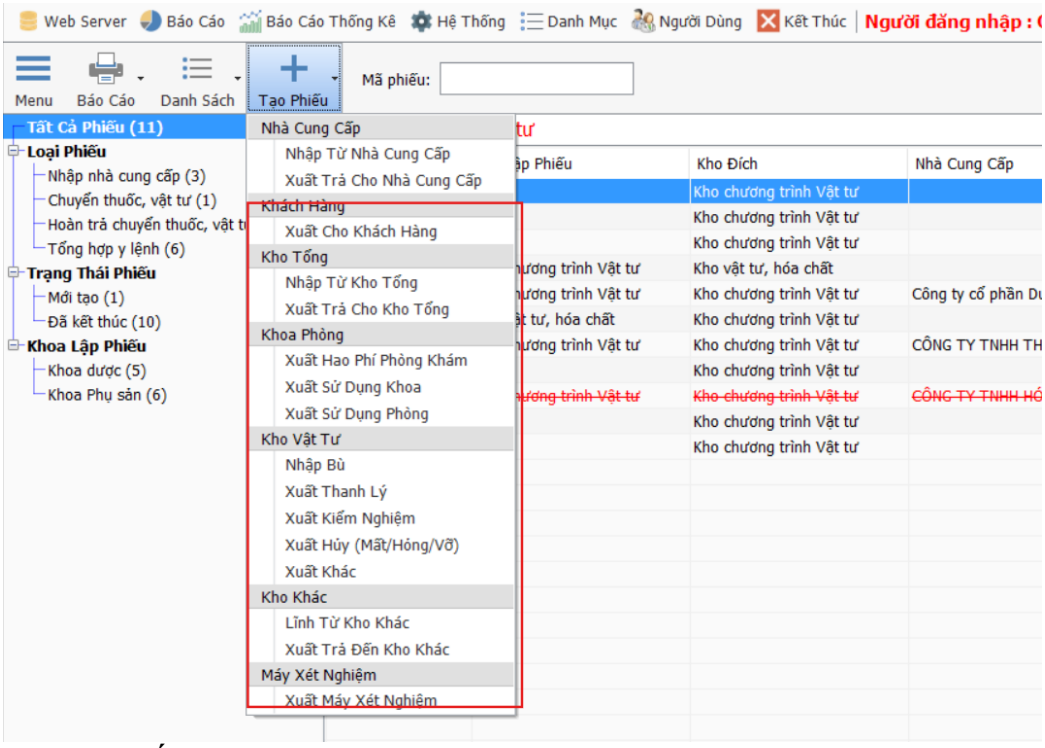

Duyệt phiếu hoàn trả theo kho hoàn
Xuất trả nhà cung cung cấp
Xuất chuyển kho

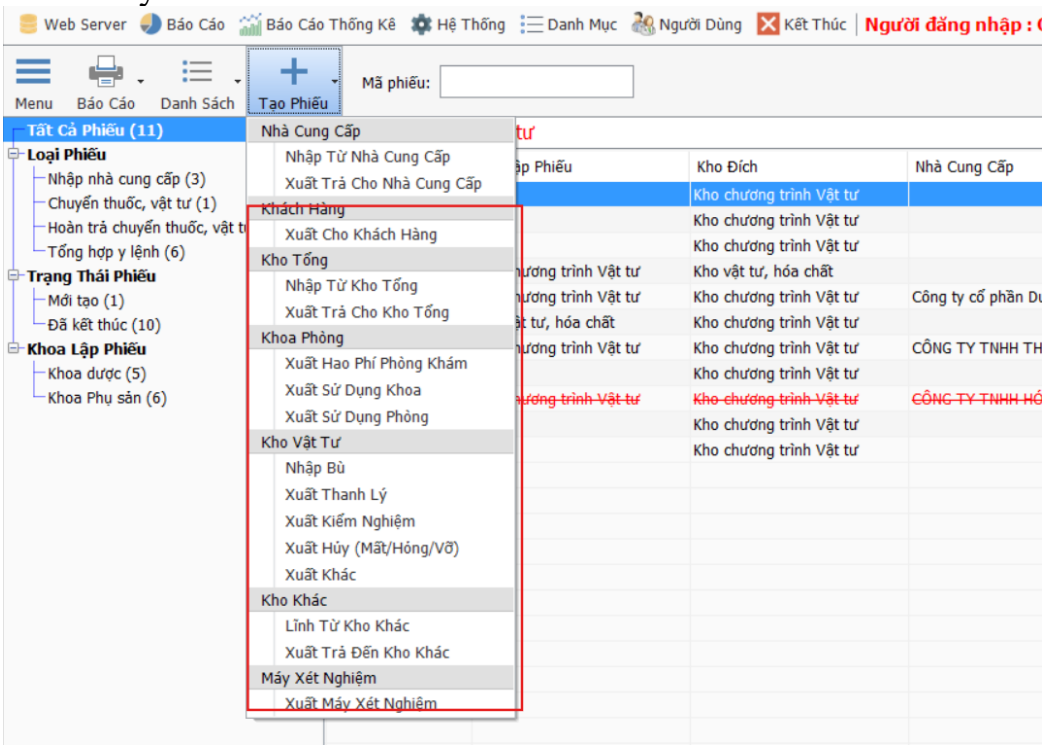

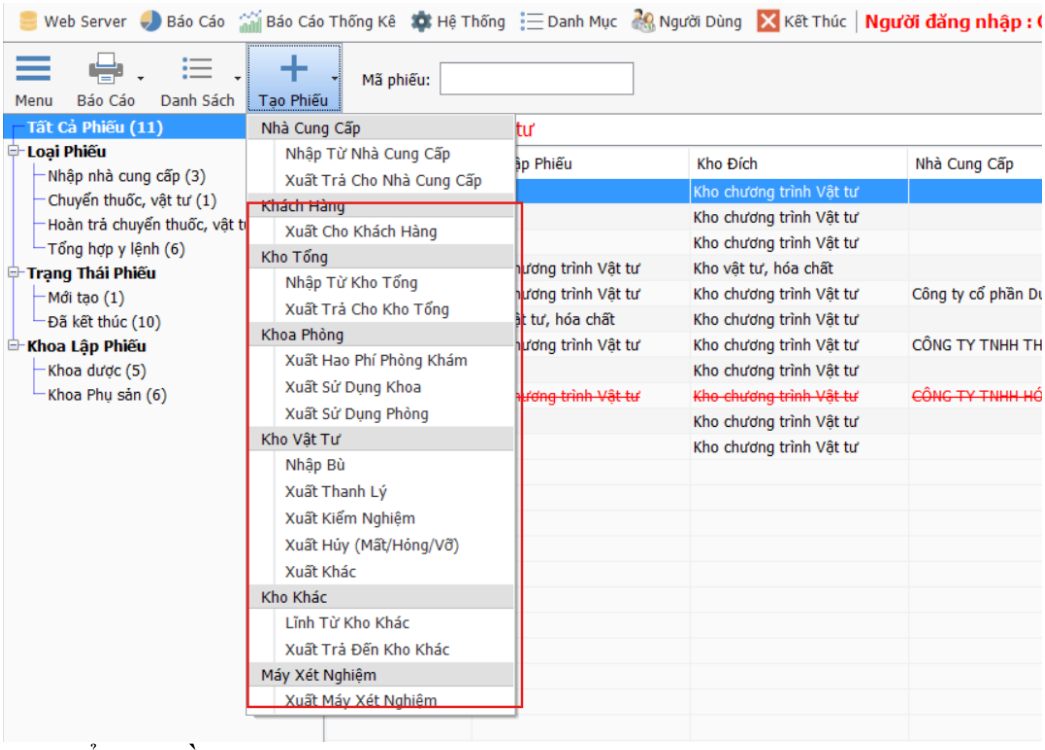

Chuyển nguồn
Xuất Khác (hết date, hỏng vỡ, …)

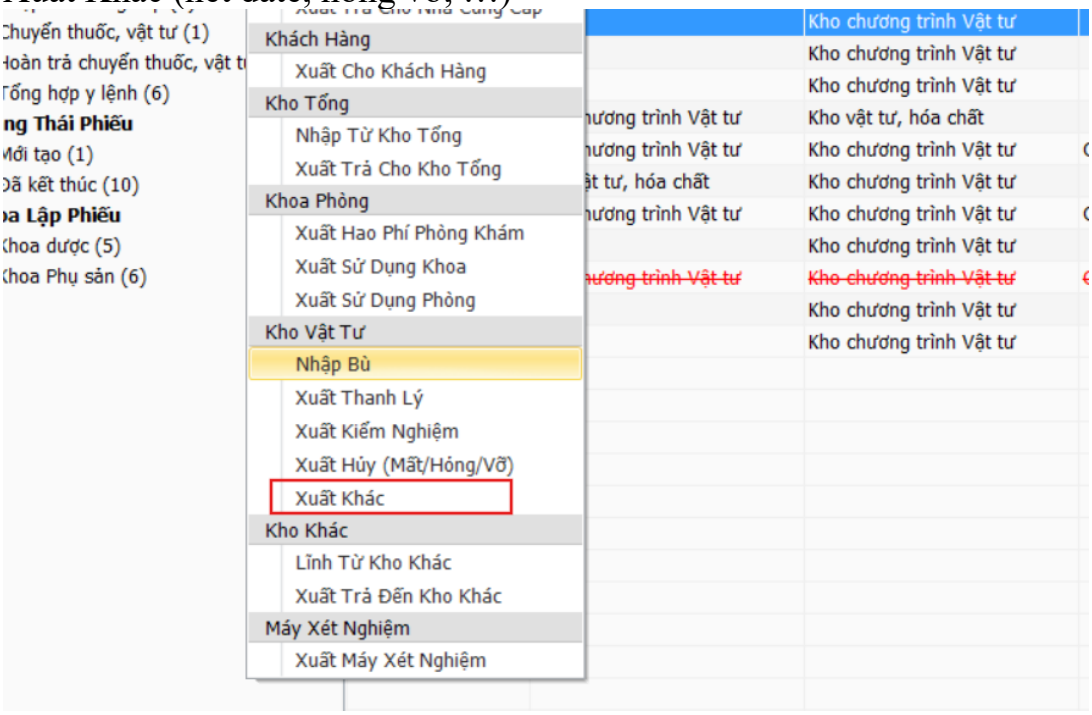

Quản lý tủ trực

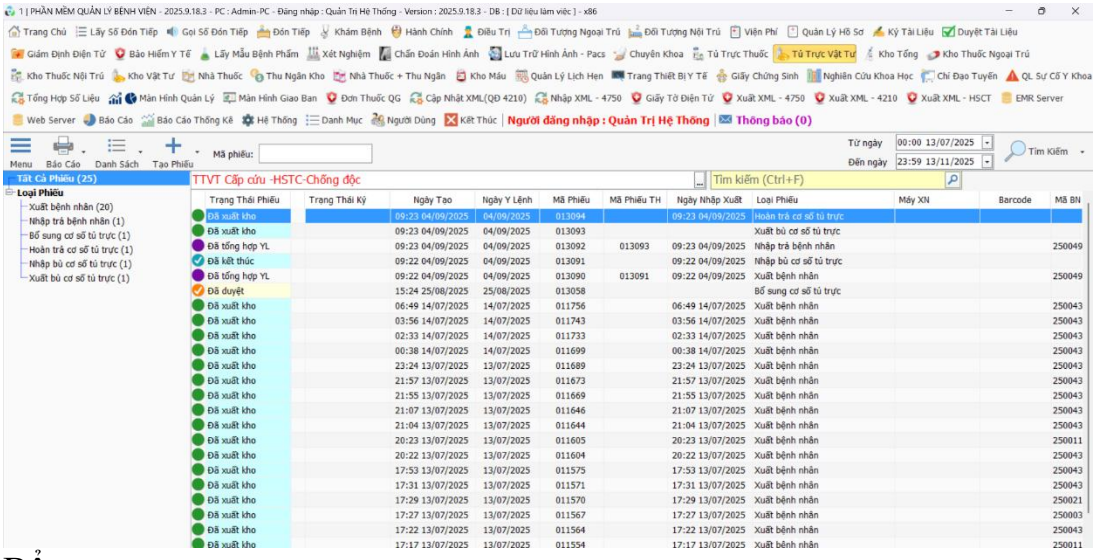

Bổ sung

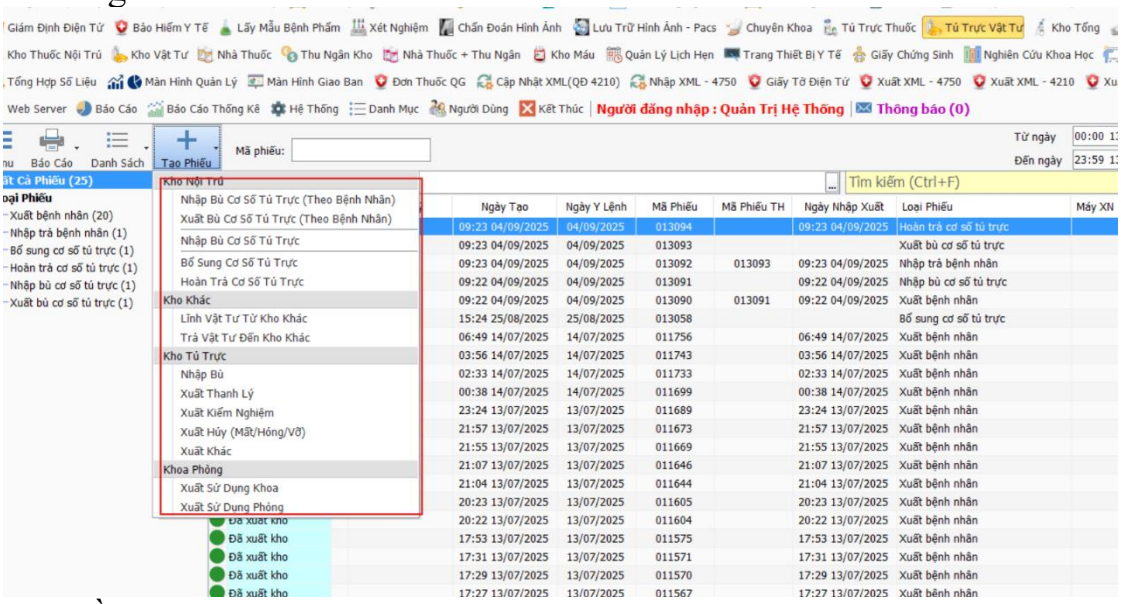

Thu hồi

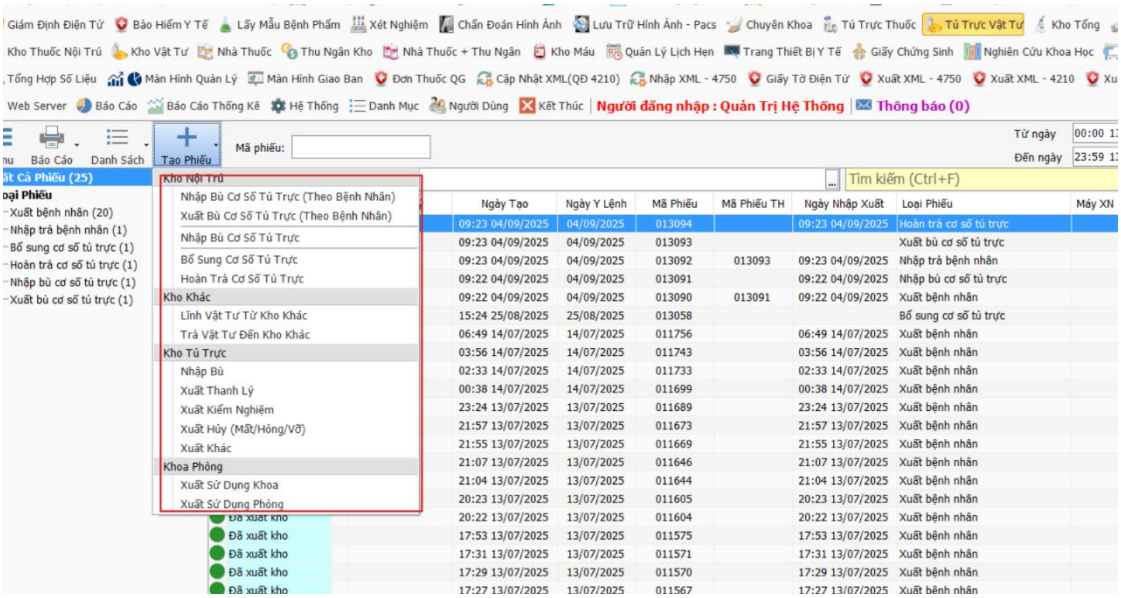

Hoàn trả

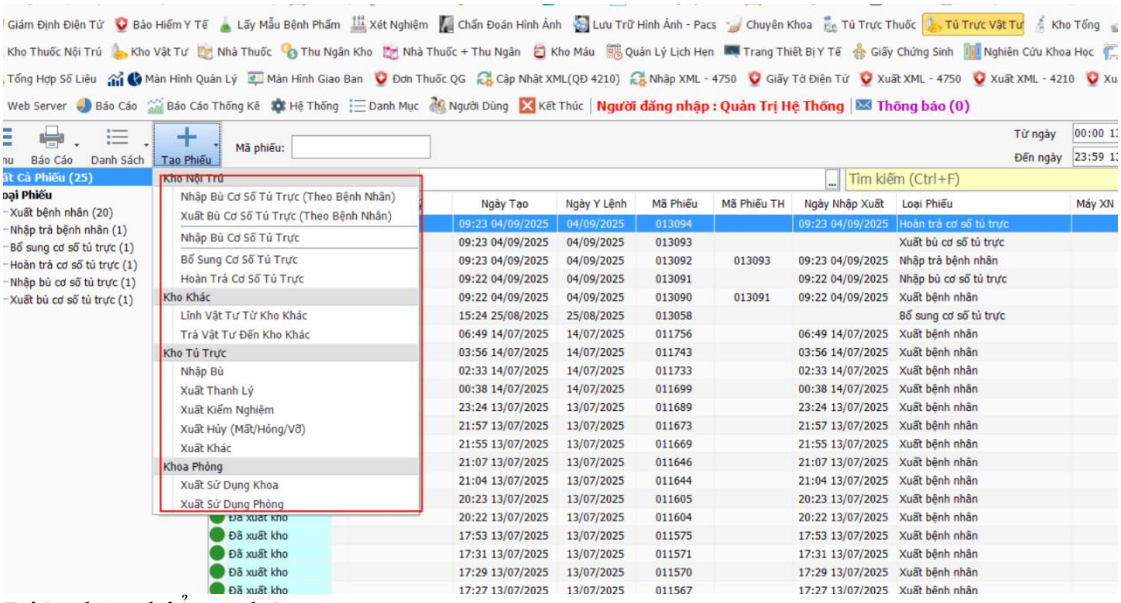

Biên bản kiểm nhập

Thống kê báo cáo và truy vấn thông tin

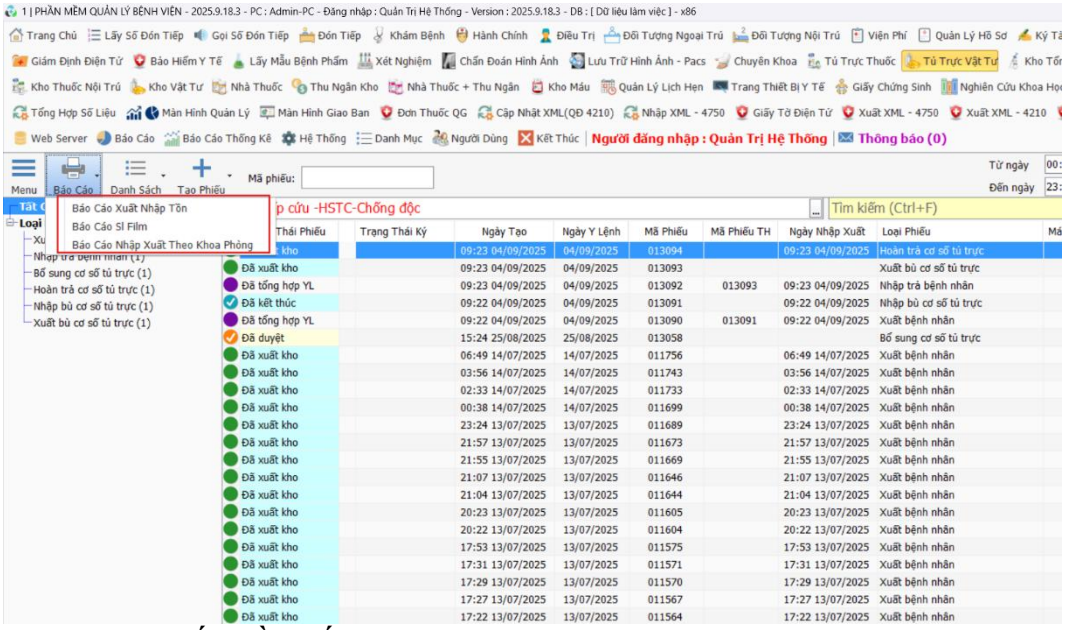

Thông báo hết, gần hết hạn dùng

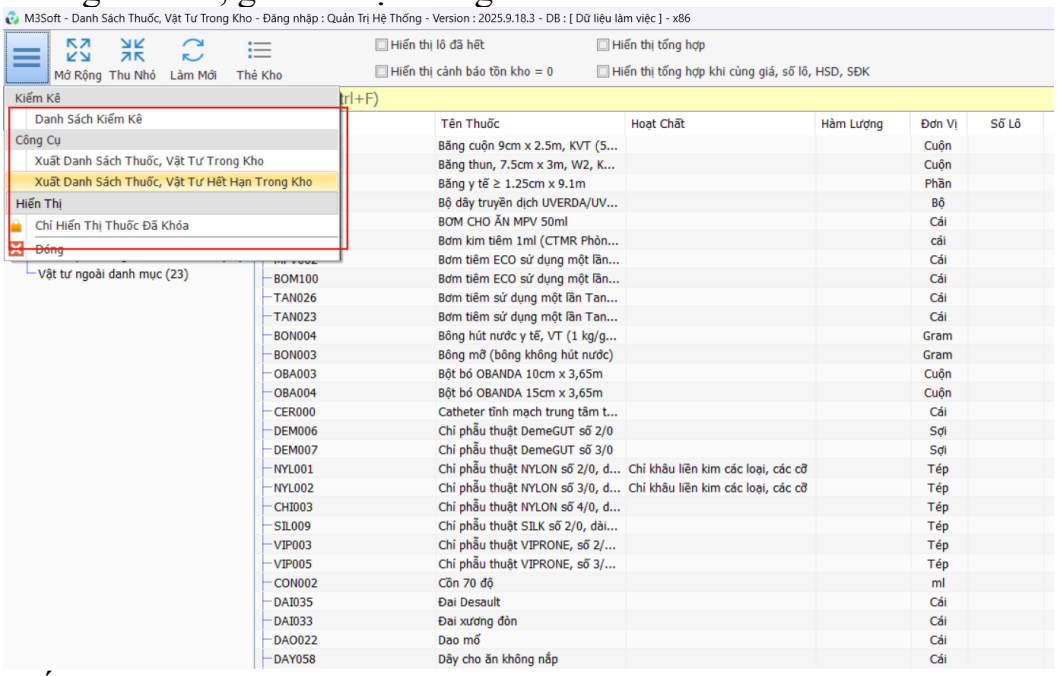

Biến động giá
Hạn dùng, lô, số đăng ký

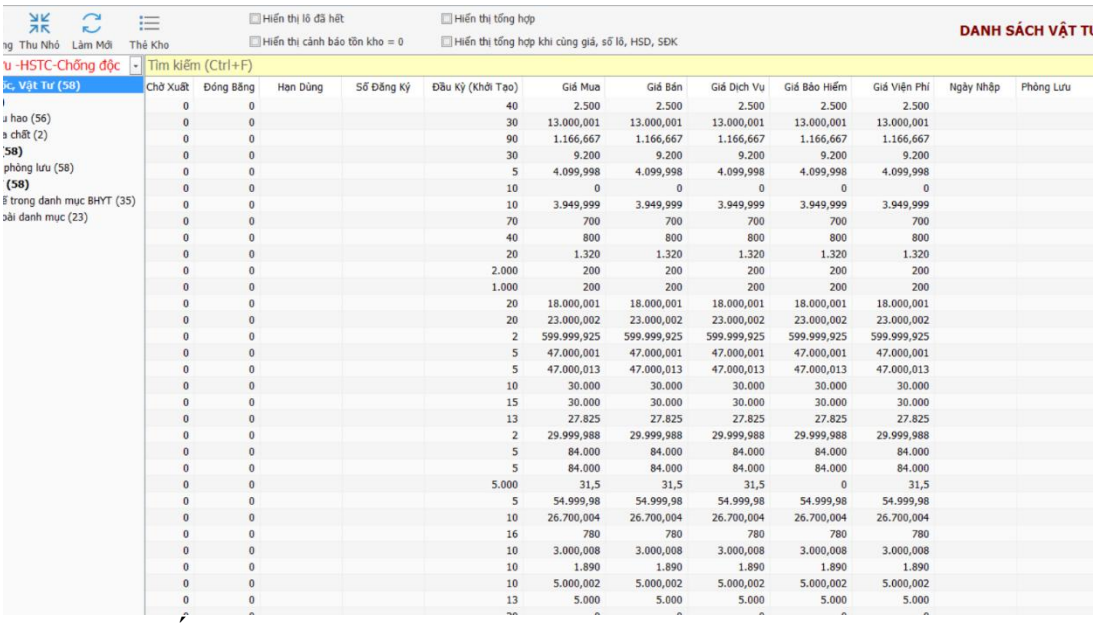

Chờ Xuất	Đóng Băng	Hạn Dùng	Số Đăng Ký	Đầu Kỳ (Khởi Tạo)	Giá Mua	Giá Bán	Giá Dịch Vụ	Giá Bảo Hiểm	Giá Viện Phí	Ngày Nhập	Phòng Lưu
0	0			40	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500		
0	0			30	13.000,001	13.000,001	13.000,001	13.000,001	13.000,001		
0	0			90	1.166,667	1.166,667	1.166,667	1.166,667	1.166,667		
0	0			30	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200		
0	0			5	4.099,998	4.099,998	4.099,998	4.099,998	4.099,998		
0	0			10	0	0	0	0	0		
0	0			10	3.949,999	3.949,999	3.949,999	3.949,999	3.949,999		
0	0			70	700	700	700	700	700		
0	0			40	800	800	800	800	800		
0	0			20	1.320	1.320	1.320	1.320	1.320		
0	0			2.000	200	200	200	200	200		
0	0			1.000	200	200	200	200	200		
0	0			20	18.000,001	18.000,001	18.000,001	18.000,001	18.000,001		
0	0			20	23.000,002	23.000,002	23.000,002	23.000,002	23.000,002		
0	0			2	599.999,925	599.999,925	599.999,925	599.999,925	599.999,925		
0	0			5	47.000,001	47.000,001	47.000,001	47.000,001	47.000,001		
0	0			5	47.000,013	47.000,013	47.000,013	47.000,013	47.000,013		
0	0			10	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000		
0	0			15	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000		
0	0			13	27.825	27.825	27.825	27.825	27.825		
0	0			2	29.999,988	29.999,988	29.999,988	29.999,988	29.999,988		
0	0			5	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000		
0	0			5	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000		
0	0			5.000	31,5	31,5	31,5	0	31,5		
0	0			5	54.999,98	54.999,98	54.999,98	54.999,98	54.999,98		
0	0			10	26.700,004	26.700,004	26.700,004	26.700,004	26.700,004		
0	0			16	780	780	780	780	780		
0	0			10	3.000,008	3.000,008	3.000,008	3.000,008	3.000,008		
0	0			10	1.890	1.890	1.890	1.890	1.890		
0	0			10	5.000,002	5.000,002	5.000,002	5.000,002	5.000,002		
0	0			13	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000		

Nhà cung cấp

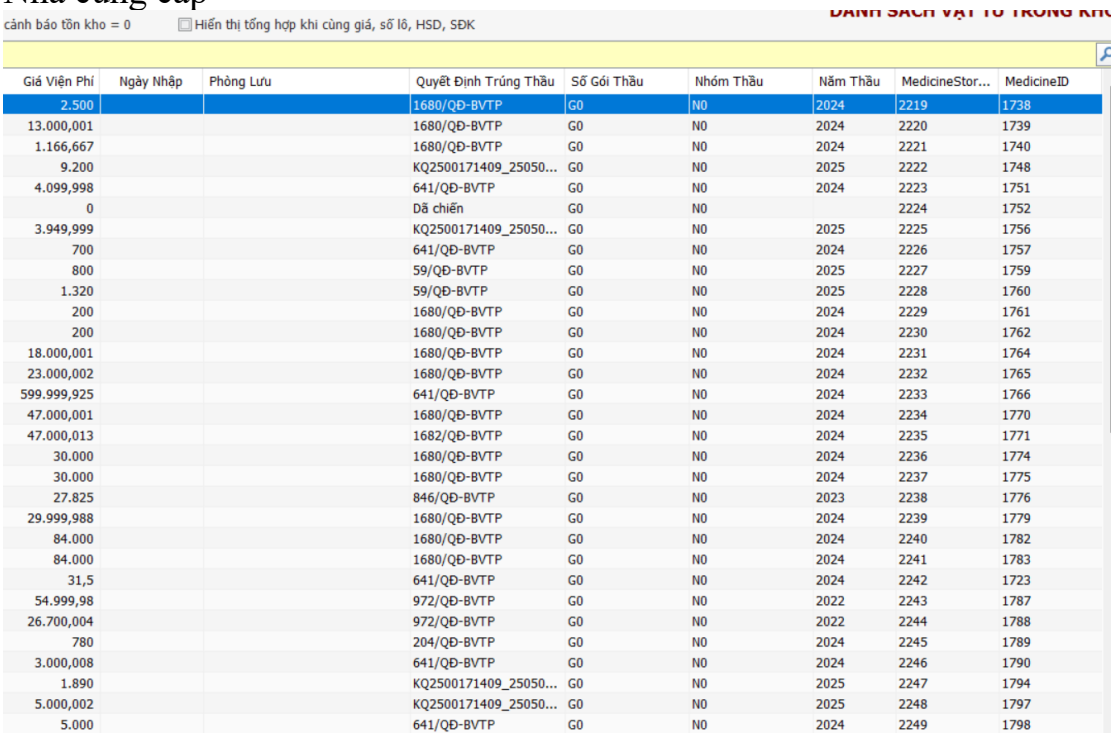

Giá Viện Phí	Ngày Nhập	Phòng Lưu	Quyết Định Trúng Thầu	Số Gói Thầu	Nhóm Thầu	Năm Thầu	MedicineStor...	MedicineID
2.500			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2219	1738
13.000,001			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2220	1739
1.166,667			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2221	1740
9.200			KQ2500171409_25050...	G0	N0	2025	2222	1748
4.099,998			641/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2223	1751
0			Dã chiến	G0	N0		2224	1752
3.949,999			KQ2500171409_25050...	G0	N0	2025	2225	1756
700			641/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2226	1757
800			59/QĐ-BVTP	G0	N0	2025	2227	1759
1.320			59/QĐ-BVTP	G0	N0	2025	2228	1760
200			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2229	1761
200			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2230	1762
18.000,001			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2231	1764
23.000,002			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2232	1765
599.999,925			641/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2233	1766
47.000,001			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2234	1770
47.000,013			1682/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2235	1771
30.000			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2236	1774
30.000			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2237	1775
27.825			846/QĐ-BVTP	G0	N0	2023	2238	1776
29.999,988			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2239	1779
84.000			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2240	1782
84.000			1680/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2241	1783
31,5			641/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2242	1723
54.999,98			972/QĐ-BVTP	G0	N0	2022	2243	1787
26.700,004			972/QĐ-BVTP	G0	N0	2022	2244	1788
780			204/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2245	1789
3.000,008			641/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2246	1790
1.890			KQ2500171409_25050...	G0	N0	2025	2247	1794
5.000,002			KQ2500171409_25050...	G0	N0	2025	2248	1797
5.000			641/QĐ-BVTP	G0	N0	2024	2249	1798

Khoa/phòng

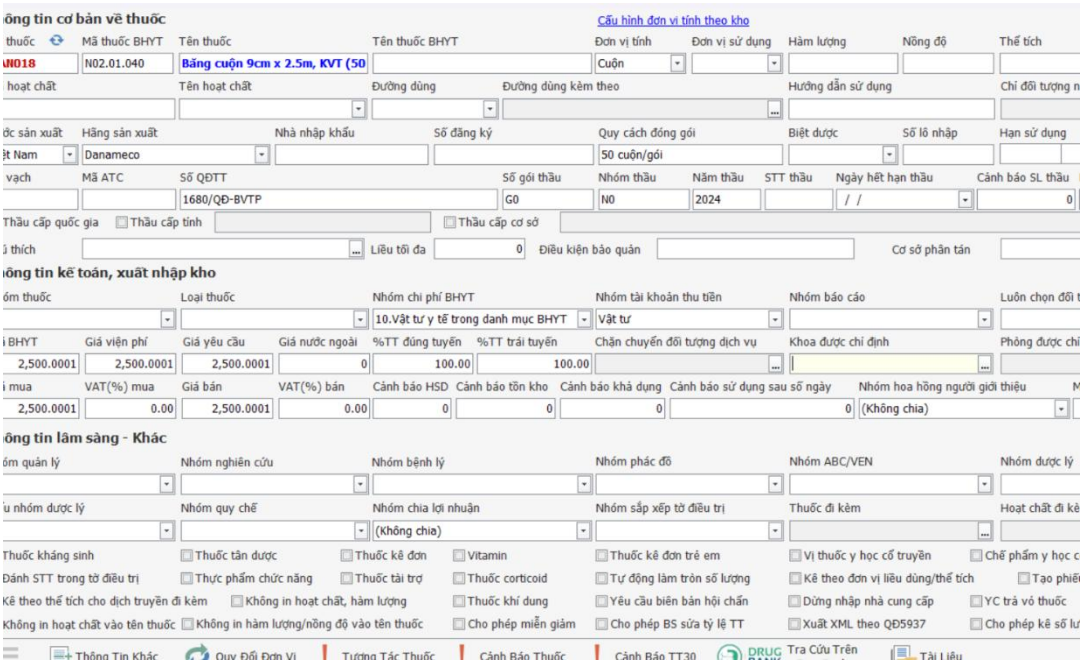
Cấu hình đơn vị tính theo kho
Mã thuốc BHYT
Tên thuốc
Tên thuốc BHYT
Đơn vị tính
Đơn vị sử dụng
Hàm lượng
Nồng độ
Thể tích
N02.01.040
Băng cuộn 9cm x 2.5m, KVT (50
Cuộn
Tên hoạt chất
Đường dùng
Đường dùng kèm theo
Hướng dẫn sử dụng
Hãng sản xuất
Nhà nhập khẩu
Số đăng ký
Quy cách đóng gói
Biệt dược
Số lô nhập
Hạn sử dụng
Danameco
50 cuộn/gói
Mã ATC
Số QĐTT
Số gói thầu
Nhóm thầu
Năm thầu
STT thầu
Ngày hết hạn thầu
Cảnh báo SL thầu
1680/QĐ-BVTP
G0
N0
2024
Thầu cấp quốc gia
Thầu cấp tỉnh
Thầu cấp cơ sở
Liều tối đa
Điều kiện bảo quản
Cơ sở phân tán
Nhóm chi phí BHYT
Nhóm tài khoản thu tiền
Nhóm báo cáo
10.Vật tư y tế trong danh mục BHYT
Vật tư
Giá viện phí
Giá yêu cầu
Giá nước ngoài
%TT đúng tuyến
%TT trái tuyến
Chặn chuyển đổi tượng dịch vụ
Khoa được chỉ định
2,500.0001
100.00
100.00
Giá bán
VAT(%) bán
Cảnh báo HSD
Cảnh báo tồn kho
Cảnh báo khả dụng
Cảnh báo sử dụng sau số ngày
Nhóm hoa hồng người giới thiệu
(Không chia)
Nhóm quản lý
Nhóm nghiên cứu
Nhóm bệnh lý
Nhóm phác đồ
Nhóm ABC/VEN
Nhóm quy chế
Nhóm chia lợi nhuận
Nhóm sắp xếp tờ điều trị
Thuốc đi kèm
Thuốc kháng sinh
Thuốc tân dược
Thuốc kê đơn
Vitamin
Thuốc kê đơn trẻ em
Vị thuốc y học cổ truyền
Đánh STT trong tờ điều trị
Thực phẩm chức năng
Thuốc tài trợ
Thuốc corticoid
Tự động làm tròn số lượng
Kê theo đơn vị liều dùng/thể tích
Kê theo thể tích cho dịch truyền đi kèm
Không in hoạt chất, hàm lượng
Thuốc khí dung
Yêu cầu biên bản hội chẩn
Dừng nhập nhà cung cấp
YC trả vỏ thuốc
Không in hoạt chất vào tên thuốc
Không in hàm lượng/nồng độ vào tên thuốc
Cho phép miễn giảm
Cho phép BS sửa tỷ lệ TT
Xuất XML theo QĐ5937
Thông Tin Khác
Quy Đổi Đơn Vị
Tương Tác Thuốc
Cảnh Báo Thuốc
Cảnh Báo TT30
Tra Cứu Trên
Tài Liệu

Nhập

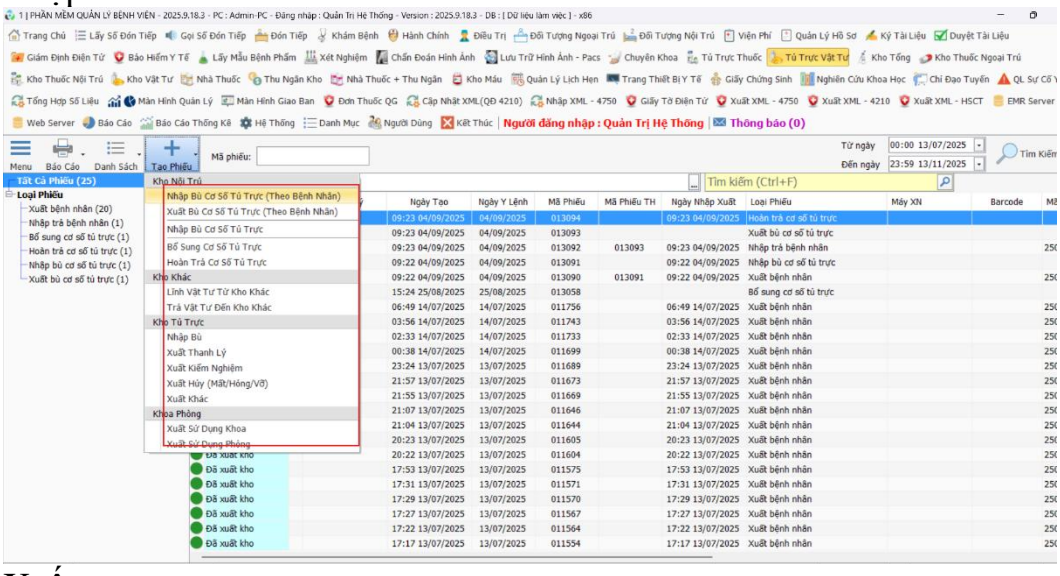
Menu
Báo Cáo
Danh Sách
Tạo Phiếu
Mã phiếu:
Từ ngày
Đến ngày
Tất Cả Phiếu (25)
Loại Phiếu
Xuất bệnh nhân (20)
Nhập trả bệnh nhân (1)
Bổ sung cơ số tủ trực (1)
Hoàn trả cơ số tủ trực (1)
Nhập bù cơ số tủ trực (1)
Xuất bù cơ số tủ trực (1)
Kho Nội Trú
Nhập Bù Cơ Số Tủ Trực (Theo Bệnh Nhân)
Xuất Bù Cơ Số Tủ Trực (Theo Bệnh Nhân)
Nhập Bù Cơ Số Tủ Trực
Bổ Sung Cơ Số Tủ Trực
Hoàn Trả Cơ Số Tủ Trực
Kho Khác
Lĩnh Vật Tư Từ Kho Khác
Trả Vật Tư Đến Kho Khác
Kho Tủ Trực
Nhập Bù
Xuất Thanh Lý
Xuất Kiểm Nghiệm
Xuất Hủy (Mất/Hỏng/Vỡ)
Xuất Khác
Khoa Phòng
Xuất Sử Dụng Khoa
Xuất Sử Dụng Phòng
Tìm kiếm (Ctrl+F)
Ngày Tạo
Ngày Y Lệnh
Mã Phiếu
Mã Phiếu TH
Ngày Nhập Xuất
Loại Phiếu
Máy XN
Barcode
Người đăng nhập : Quản Trị Hệ Thống
Thông báo (0)

Xuất

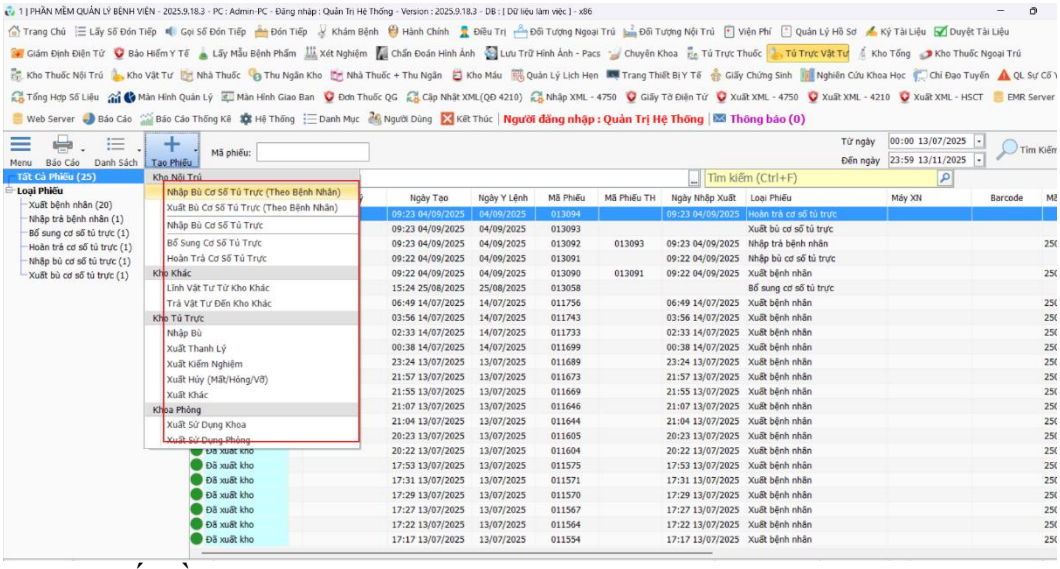

Nhập xuất tồn

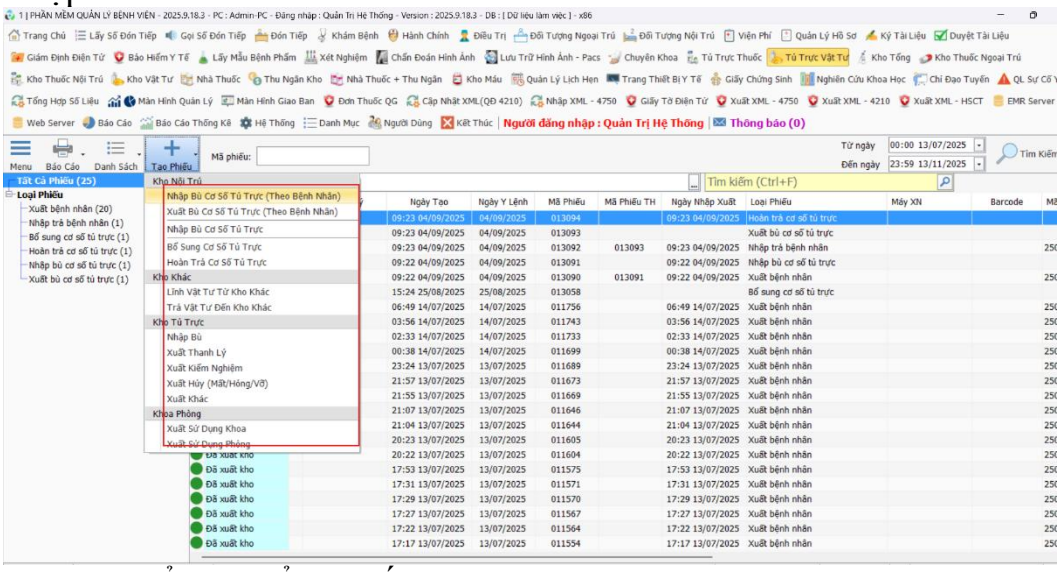

Thẻ kho, sổ kho, sổ chi tiết

Bảng kê bán hàng
Biên bản
Tổng hợp báo cáo theo quy định Bộ Y Tế, BHYT

23. Quản lý trang thiết bị y tế

Nhập tài sản: Nhập kho các tài sản cố định, trang thiết bị y tế từ nhà cung cấp. Làm đầu vào thông tin cho quá trình xuất sử dụng sau này. Các thông tin cần lưu trữ gồm mã số tài sản, tên tài sản, ĐVT, số lượng, đơn giá, thành tiền, giá trị VAT, nguyên giá, giá trị còn lại, loại phân bổ, số năm khấu hao, số seri, model, năm sản xuất, nước sản xuất, ngày bắt đầu sử dụng, mức tiêu thụ điện, công suất, tài liệu đi kèm, các phụ kiện, phụ tùng kèm theo… và các thông tin khác về chi phí như: chạy thử, vận chuyển...

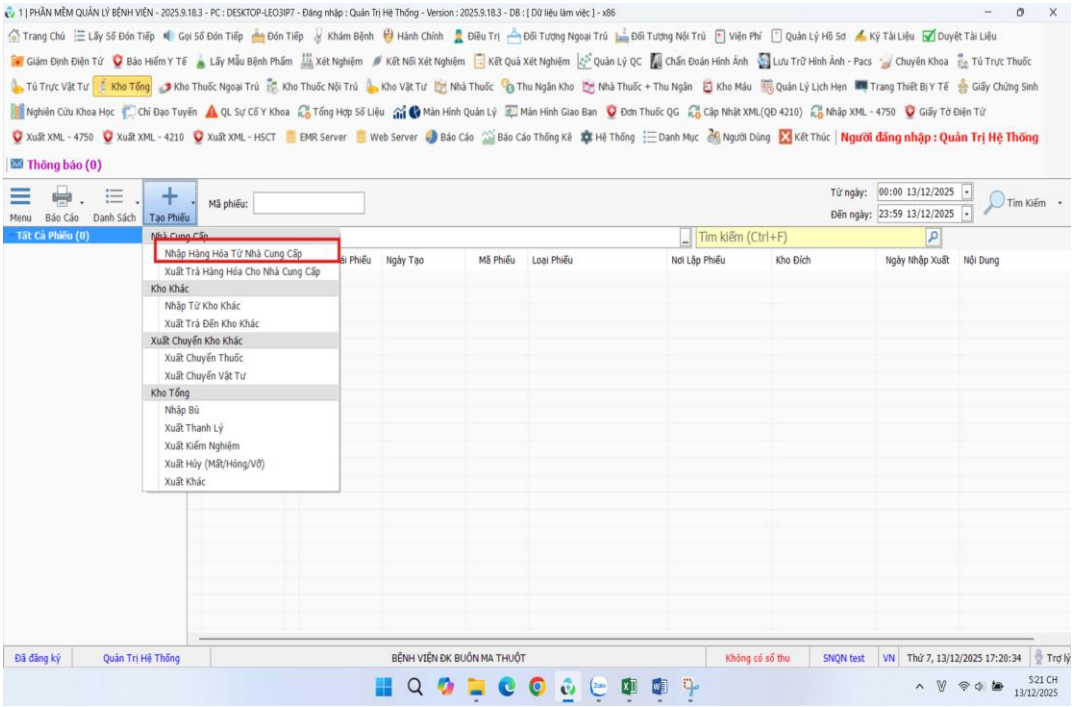

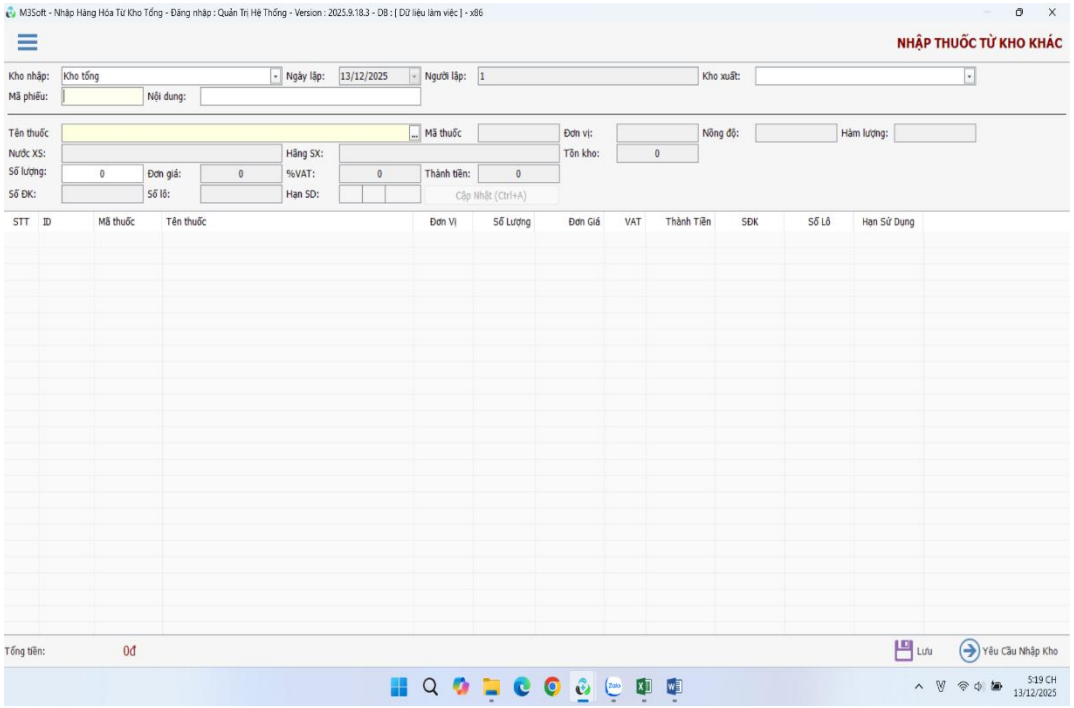

2.Xuất sử dụng tài sản, trang thiết bị y tế: Xuất tài sản, trang thiết bị y tế sử dụng, bắt đầu tính khấu hao tài sản

3.Điều chuyển tài sản, trang thiết bị y tế: Điều chuyển các tài sản, trang thiết bị y tế từ bộ phận này sang bộ phận khác trong Bệnh viện sử dụng. Điều kiện đầu vào là các tài sản, trang thiết bị y tế đã được xuất sử dụng.

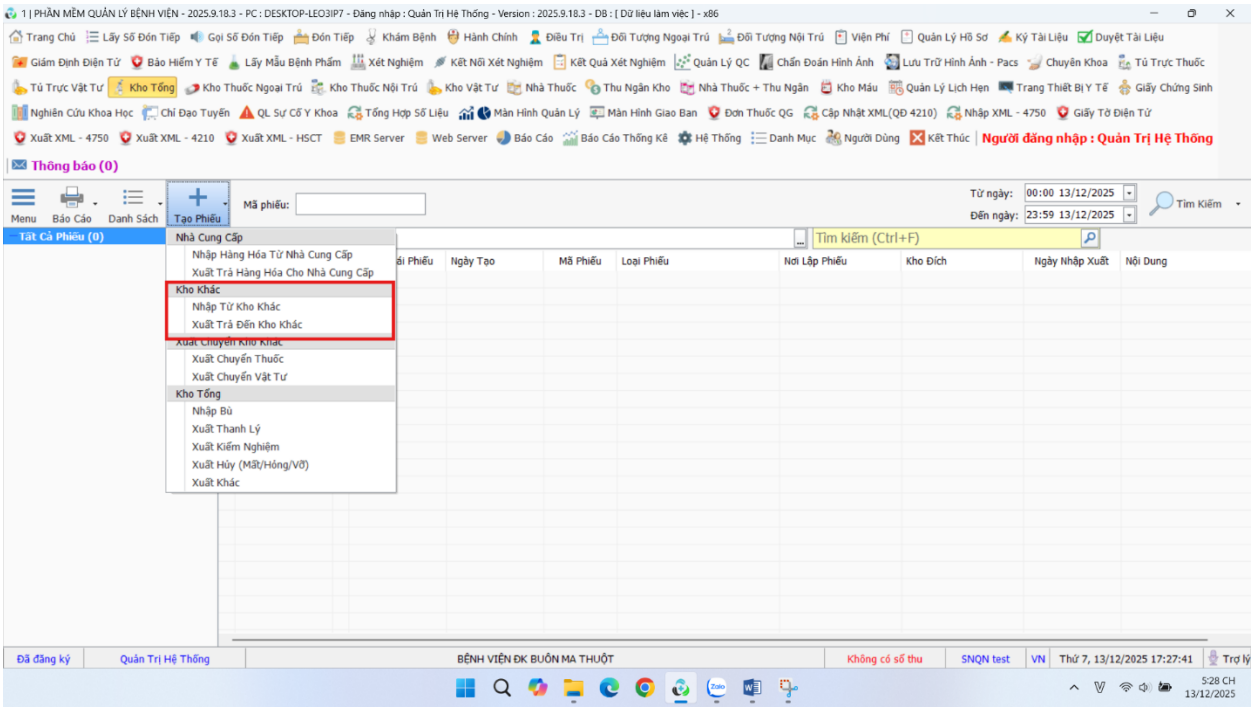
Menu
Báo Cáo
Danh Sách
Tạo Phiếu
Mã phiếu:
Từ ngày: 00:00 13/12/2025
Đến ngày: 23:59 13/12/2025
Tìm Kiếm
Tất Cả Phiếu (0)
Nhà Cung Cấp
Nhập Hàng Hóa Từ Nhà Cung Cấp
Xuất Trả Hàng Hóa Cho Nhà Cung Cấp
Kho Khác
Nhập Từ Kho Khác
Xuất Trả Đến Kho Khác
Xuất Chuyển Thuốc
Xuất Chuyển Vật Tư
Kho Tổng
Nhập Bù
Xuất Thanh Lý
Xuất Kiểm Nghiệm
Xuất Hủy (Mất/Hỏng/Vỡ)
Xuất Khác
Tìm kiếm (Ctrl+F)
Ngày Tạo
Mã Phiếu
Loại Phiếu
Nơi Lập Phiếu
Kho Đích
Ngày Nhập Xuất
Nội Dung
Đã đăng ký
Quản Trị Hệ Thống
BỆNH VIỆN ĐK BUÔN MA THUỘT
Không có sổ thu
SNQN test
VN
Thứ 7, 13/12/2025 17:27:41

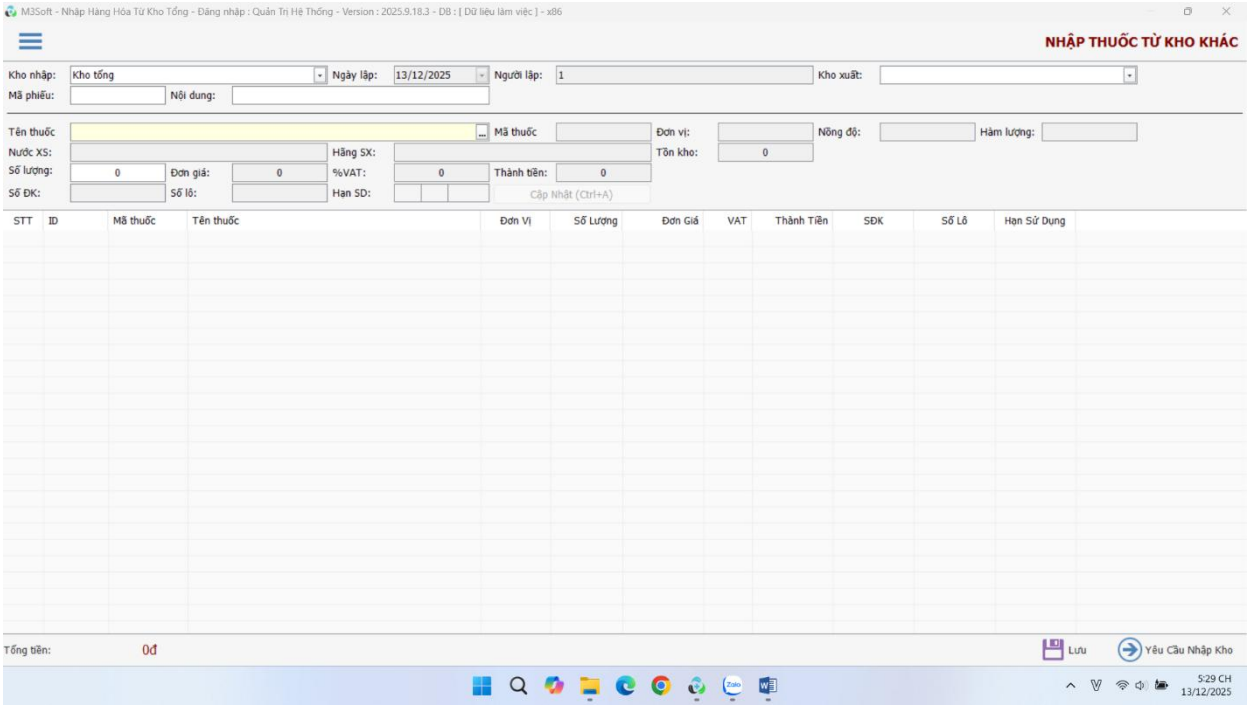
NHẬP THUỐC TỪ KHO KHÁC
Kho nhập: Kho tổng
Ngày lập: 13/12/2025
Người lập: 1
Kho xuất:
Mã phiếu:
Nội dung:
Tên thuốc
Mã thuốc
Đơn vị:
Nồng độ:
Hàm lượng:
Nước XS:
Hãng SX:
Tồn kho: 0
Số lượng: 0
Đơn giá: 0
%VAT: 0
Thành tiền: 0
Số ĐK:
Số lô:
Hạn SD:
Cập Nhật (Ctrl+A)
STT
ID
Mã thuốc
Tên thuốc
Đơn Vị
Số Lượng
Đơn Giá
VAT
Thành Tiền
SĐK
Số Lô
Hạn Sử Dụng
Tổng tiền: 0đ
Lưu
Yêu Cầu Nhập Kho

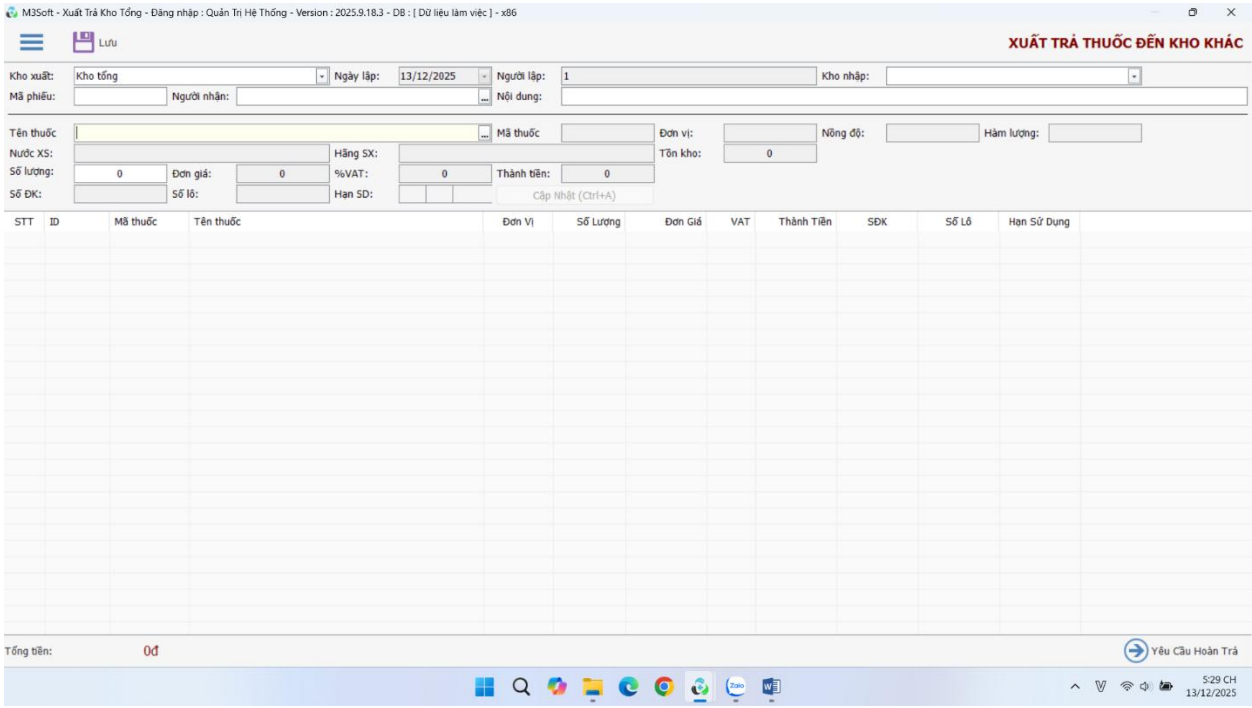

Sau khi điều chuyển thành công, giá trị thanh lý của tài sản kể từ ngày điều chuyển sẽ được tính vào chi phí của khoa phòng mới điều đến.

Sửa chữa: Quản lý các thông tin về sửa chữa tài sản, trang thiết bị y tế như mã tài sản, bộ phận sửa chữa, chi phí dự toán, nội dung sửa chữa, kết quả kiểm tra, chi phí thực tế.

Đánh giá lại tài sản, trang thiết bị y tế: Đánh giá lại tài sản, trang thiết bị y tế nhằm đảm bảo cho giá trị tài sản, trang thiết bị y tế phù hợp với mặt bằng giá do có sự thay đổi lớn vì tình hình lạm phát. Các thông tin đánh giá gồm nguyên giá mới, số năm khấu hao mới...

Thu hồi: Thu hồi các tài sản, trang thiết bị y tế không sử dụng nữa, hư hỏng tại nơi đang sử dụng. Chuyển tài sản, trang thiết bị y tế hư hỏng về kho tài sản chung của Bệnh viện để chờ thanh lý

Thanh lý: Thanh lý các tài sản, trang thiết bị y tế đã được thu hồi về kho chính chờ thanh lý. Sau khi thanh lý, quá trình tính khấu hao gắn với tài sản này kết thúc.

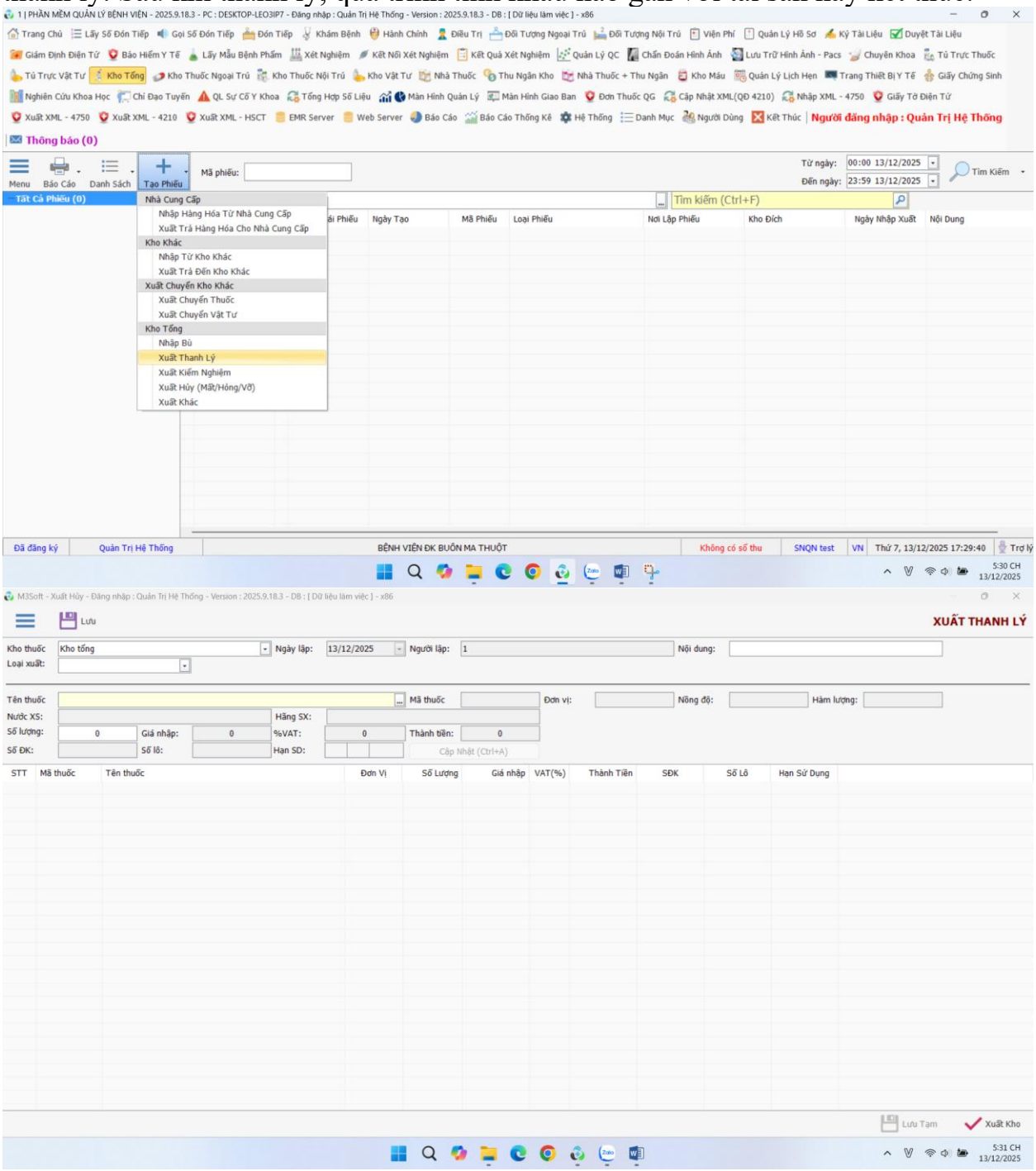

Khấu hao: Tính toán khấu hao tài sản, trang thiết bị y tế đồng thời phân bổ chi phí khấu hao hàng tháng vào các khoa phòng sử dụng

Các biểu mẫu, báo cáo phục vụ quản lý tài sản cố định

24. Hệ thống quản lý chất lượng Bệnh viện

Giám sát thời gian chờ đợi

Dự kiến thời gian chờ khám thời gian thực

Thống kê đo lường thời gian thực

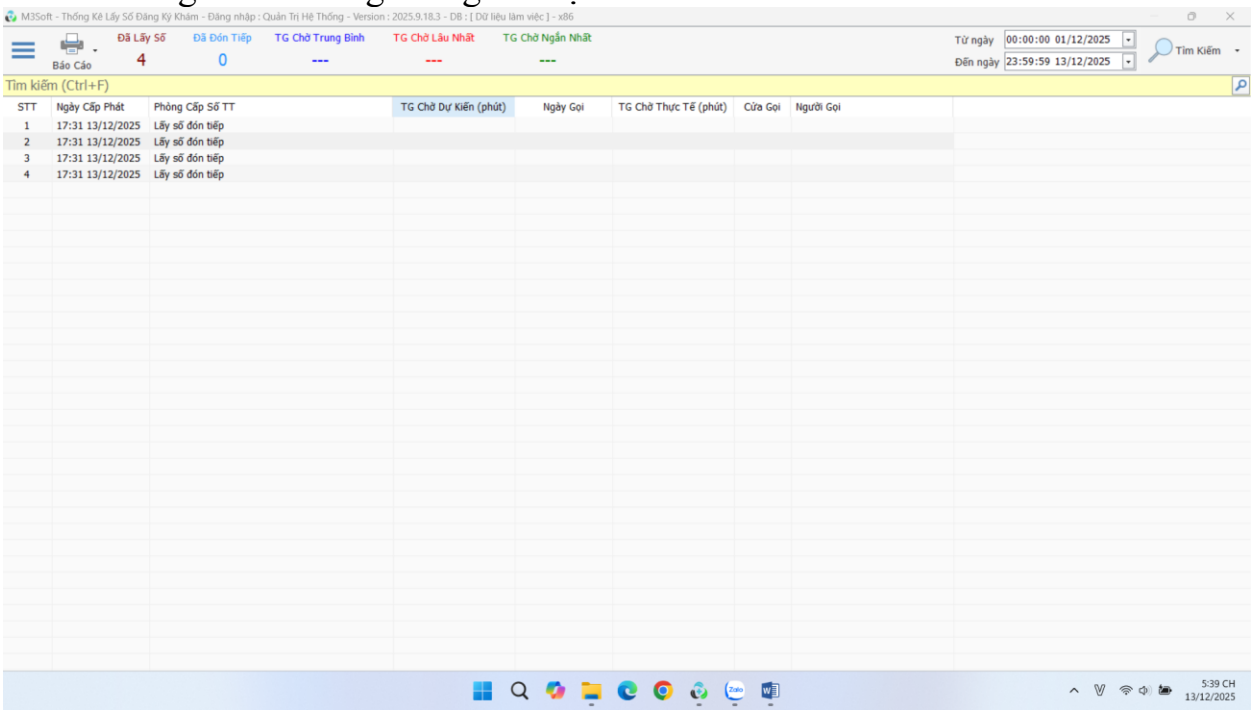

Tổng quan thông tin: Lượt khám, tình trạng thanh toán của phòng khám nội trú và cấp cứu.

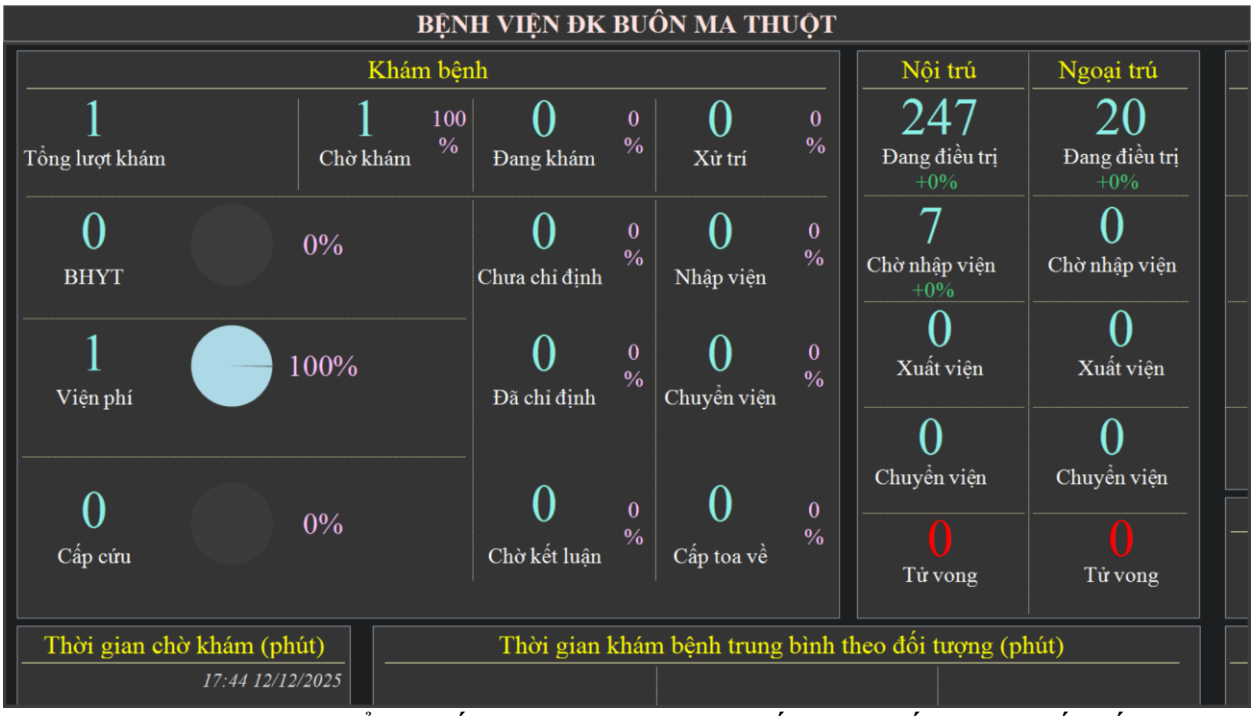

Giám sát chi phí bảo hiểm y tế theo phòng khám, cấu hình số mục thuốc tối đa trên toa.

Hệ thống cảnh báo: Trùng hoạt chất, trùng biệt dược, tương tác thuốc (Khai báo theo mã ATC), dị ứng thuốc, cảnh báo thuốc theo độ tuổi.

Công cụ hỗ trợ cấp toa thuốc: Cho lại toa cũ, khai báo toa mẫu, xem tỷ lệ sử dụng một loại thuốc (biểu đồ) 2 năm gần nhất.

Thống kê báo cáo.

25. Quản trị hệ thống (Quản lý người dùng, quản lý cấu hình)

Quản lý người dung

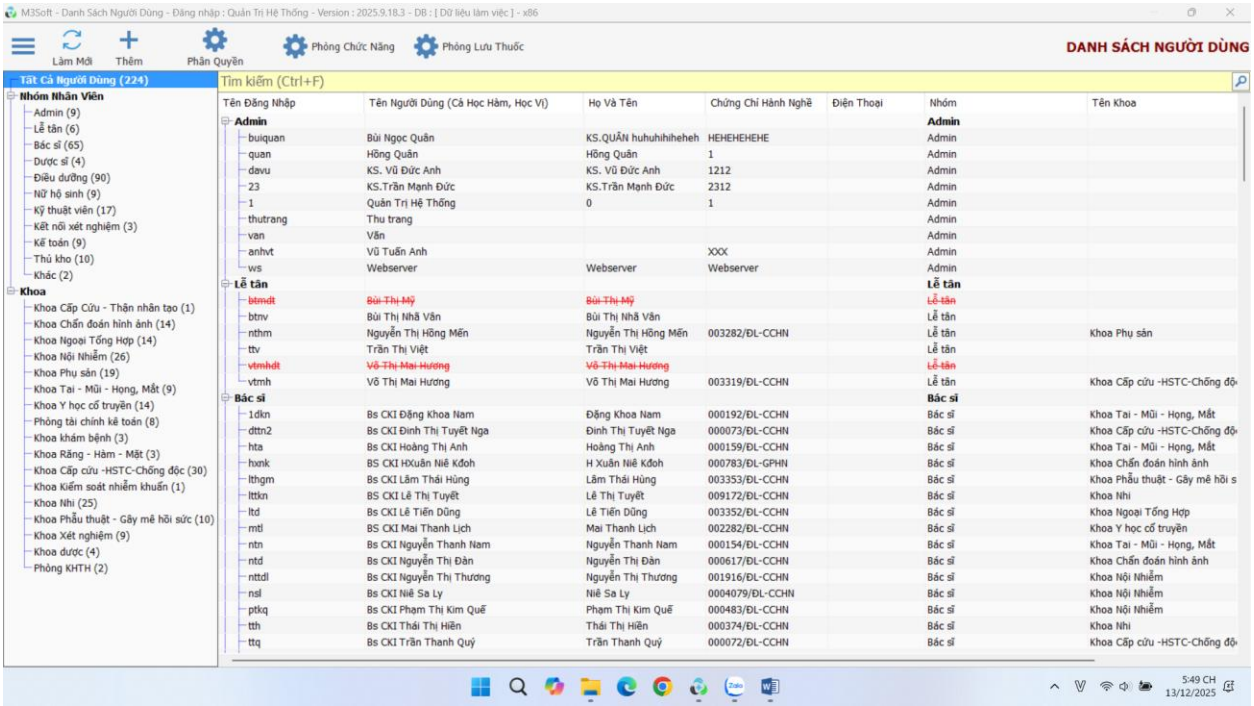

Quản lý cấu hình

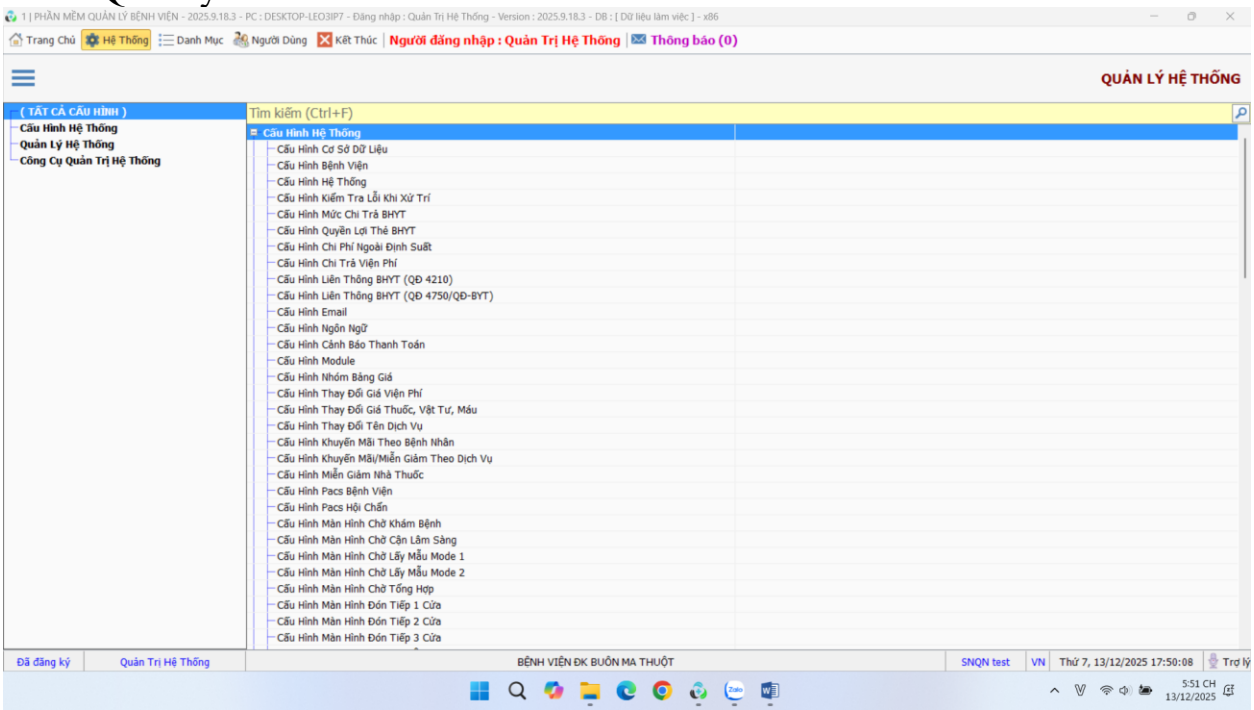

Quản lý khoa, phòng

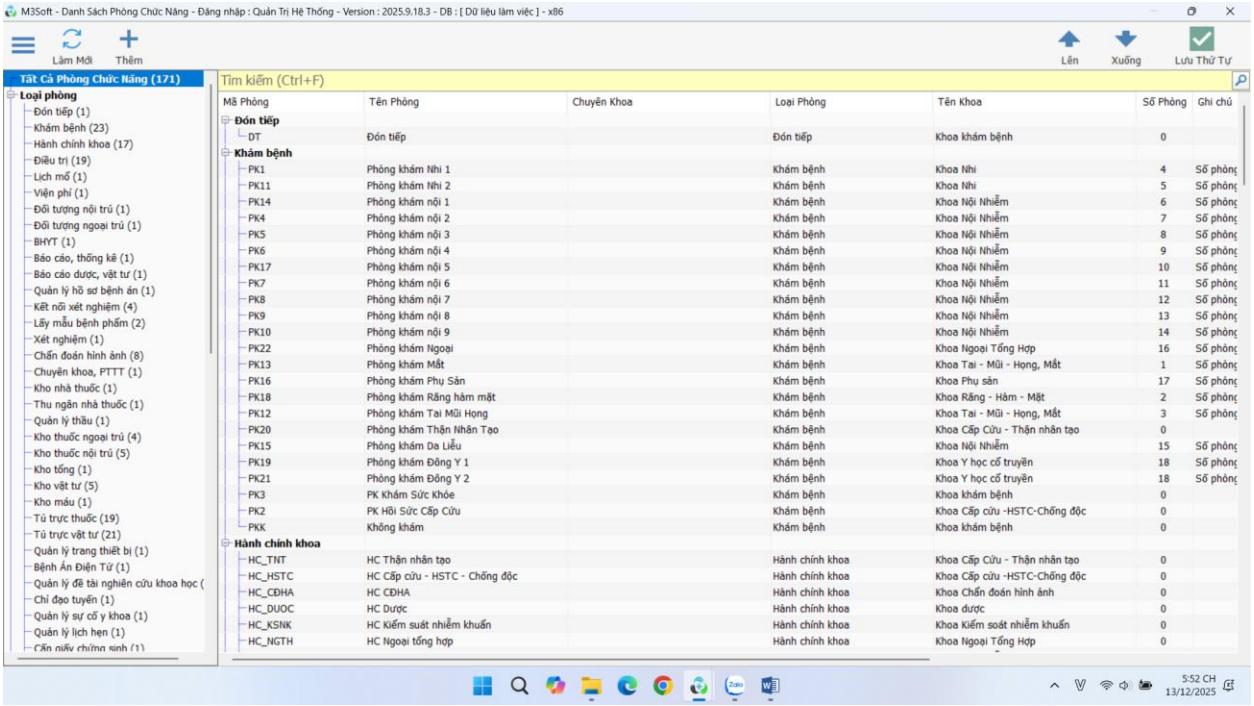

Ghi vết (log) lại toàn bộ tác động của các người dùng trên hệ thống, lưu trữ tập trung trên máy chủ để làm cơ sở phân tích các lỗi hoặc quá trình tác động hệ thống khi cần thiết

Giám sát hệ thống

Hệ thống thông báo thông qua tin nhắn sms, gửi mail, zalo…giám sát hệ thống , gửi lịch tái khám , nhắc uống thuốc, gửi chương trình khuyến mãi.

Cấu hình hệ thống quản lý phòng khám vệ tinh, 1 Bệnh viện nhiều CSYT

26. Quản lý danh mục dùng chung

Danh mục đơn vị hành chính.
Danh mục các dân tộc Việt Nam.

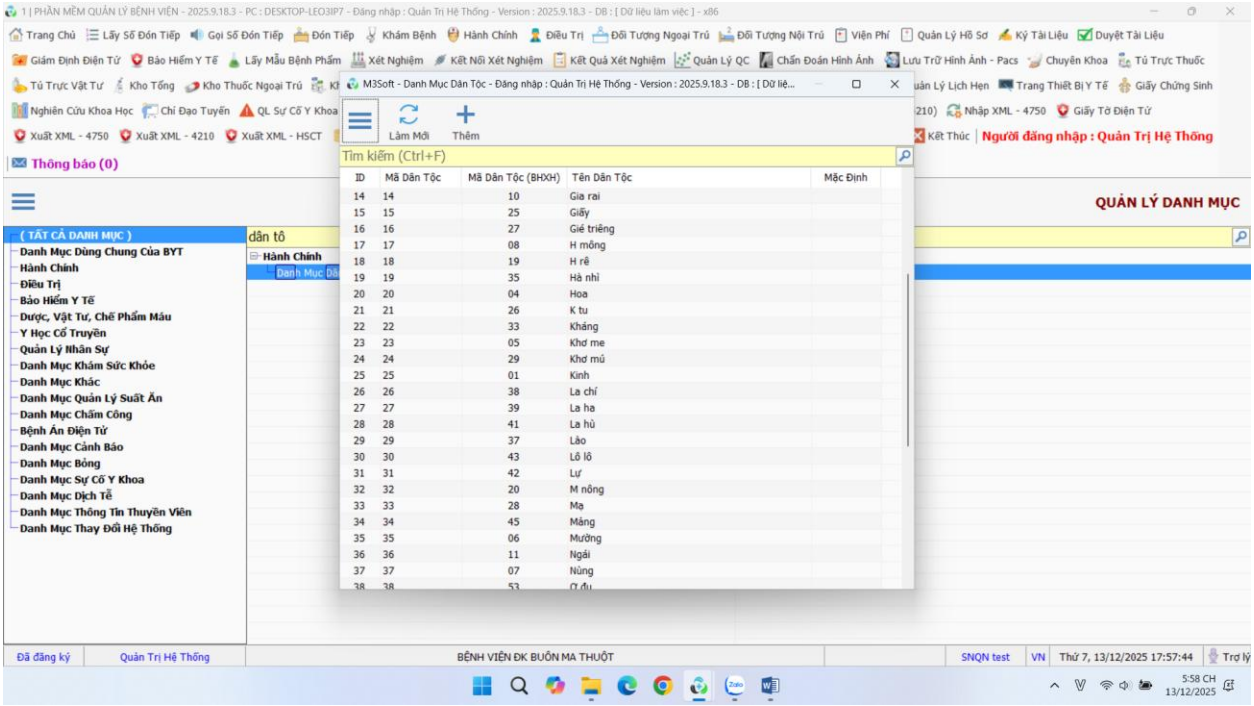

Danh mục nhân viên tại cơ sở khám, chữa bệnh.
Danh mục quản lý bệnh tật IC10.

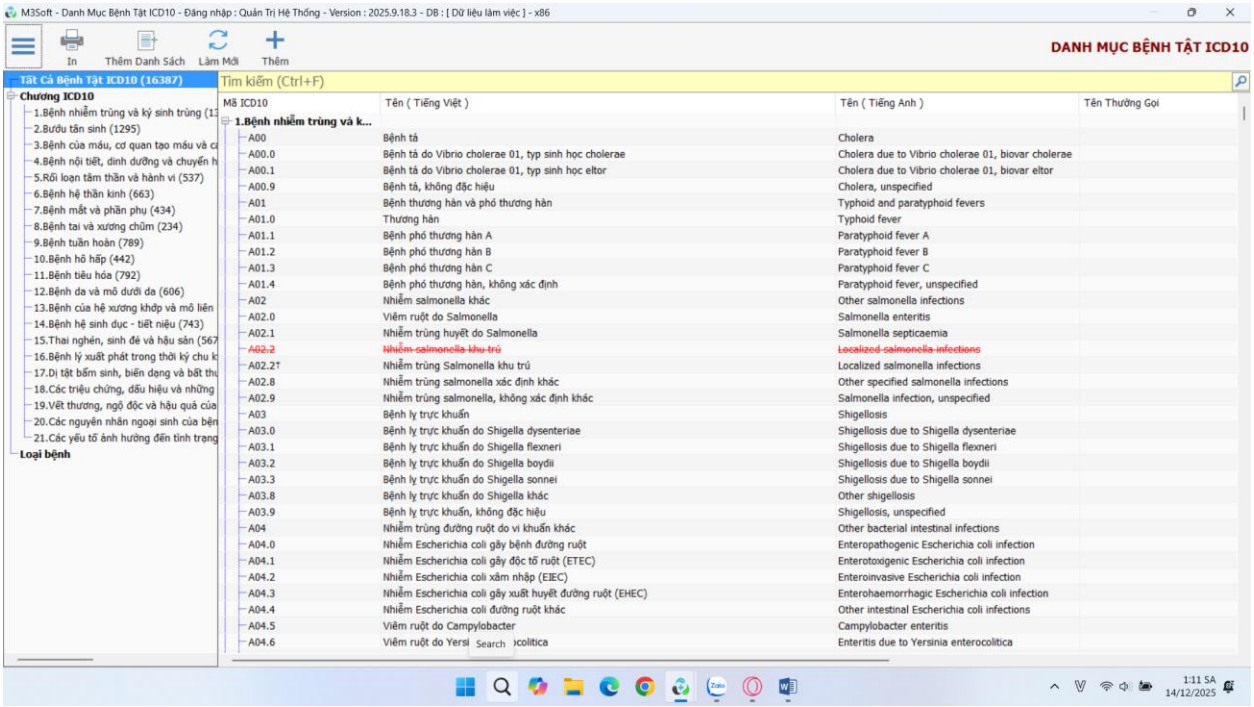

Danh mục dùng chung trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế (BHYT) của Bộ Y tế.

27.Hệ thống báo cáo tổng hợp

✓ Hệ thống báo cáo và mã nguồn Khoa Khám Bệnh:

1. Khám bệnh -> Báo cáo hoạt động phòng khám
2. Khám bệnh -> Thống kê tiếp nhận theo địa bàn cư trú
3. Khám bệnh -> Thống kê bệnh nhân BHYT mới
4. Khám bệnh -> Tình hình hoạt động BHYT mẫu 1
5. Khám bệnh -> Tình hình hoạt động BHYT mẫu 2
6. Khám bệnh ->Thống kê tình hình hoạt động khám bệnh
7. Khám bệnh ->Số liệu khám bệnh

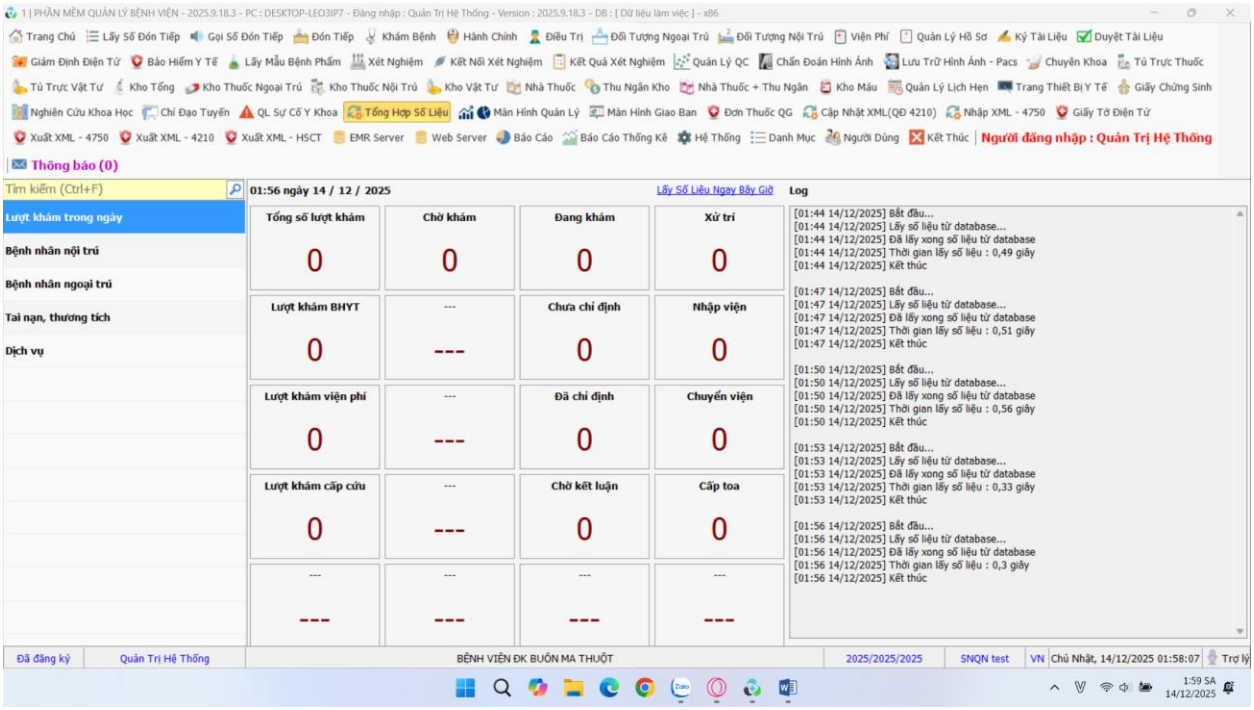

8. Khám bệnh ->Báo cáo hoạt động phòng khám
9. Khám bệnh ->Báo cáo đăng ký khám bệnh
10. Khám bệnh ->Báo cáo hoạt động khoa khám bệnh
11. Khám bệnh ->Báo cáo lấy mẫu xét nghiệm
12. Khám bệnh ->Báo cáo khám bệnh theo Bác Sĩ
13. Khám bệnh ->Danh sách đăng ký khám bệnh
14. Khám bệnh ->Danh sách khám bệnh
15. Khám bệnh ->Báo cáo số lần nhập viện
16. Khám bệnh ->Tìm kiếm thông tin người bệnh
17. Khám bệnh ->Nhật ký BHYT
18. Khám bệnh ->Danh sách hẹn tái khám
19. Khám bệnh ->Sổ khám bệnh
20. Khám bệnh ->Danh sách bệnh nhân khám bệnh bỏ về
21. Khám bệnh ->Báo cáo phòng tiếp nhận
22. Khám bệnh ->Báo cáo số liệu khám bệnh
23. Khám bệnh ->Báo cáo giao ban
24. Khám bệnh ->Thống kê 10 bệnh mắc nhiều nhất
25. Khám bệnh ->Danh sách bệnh nhân bỏ qua kiểm tra phác đồ
26. Khám bệnh ->Danh sách khám bệnh chi tiết
27. Khám bệnh ->Danh sách bệnh nhân - SMS
28. Khám bệnh ->Danh sách chỉ định CLS

29. Khám bệnh ->Danh sách chỉ định CLS chưa thực hiện
30. Khám bệnh ->Danh sách khám sức khỏe
31. Khám bệnh ->Danh sách khám sức khỏe chi tiết
32. Khám bệnh ->Danh sách khám sức khỏe theo đoàn
33. Khám bệnh ->Danh sách khám sức khỏe tổng hợp
34. Khám bệnh ->Báo cáo khám sức khỏe theo kết quả
35. Khám bệnh ->Báo cáo doanh thu theo bác sĩ
36. Khám bệnh ->Danh sách đoàn khám sức khỏe
37. Khám bệnh ->Thống kê khám sức khỏe tổng quát
38. Khám bệnh ->Danh sách bệnh nhân – Hồ sơ sức khỏe
39. Khám bệnh ->Thống kê số lượng chỉ định dịch vụ theo nhóm
40. Khám bệnh ->Danh sách chăm sóc theo mức độ
41. Khám bệnh ->Danh sách bệnh nhân làm xét nghiệm, CLS bỏ về
42. Khám bệnh ->Báo cáo khám bệnh theo ICD

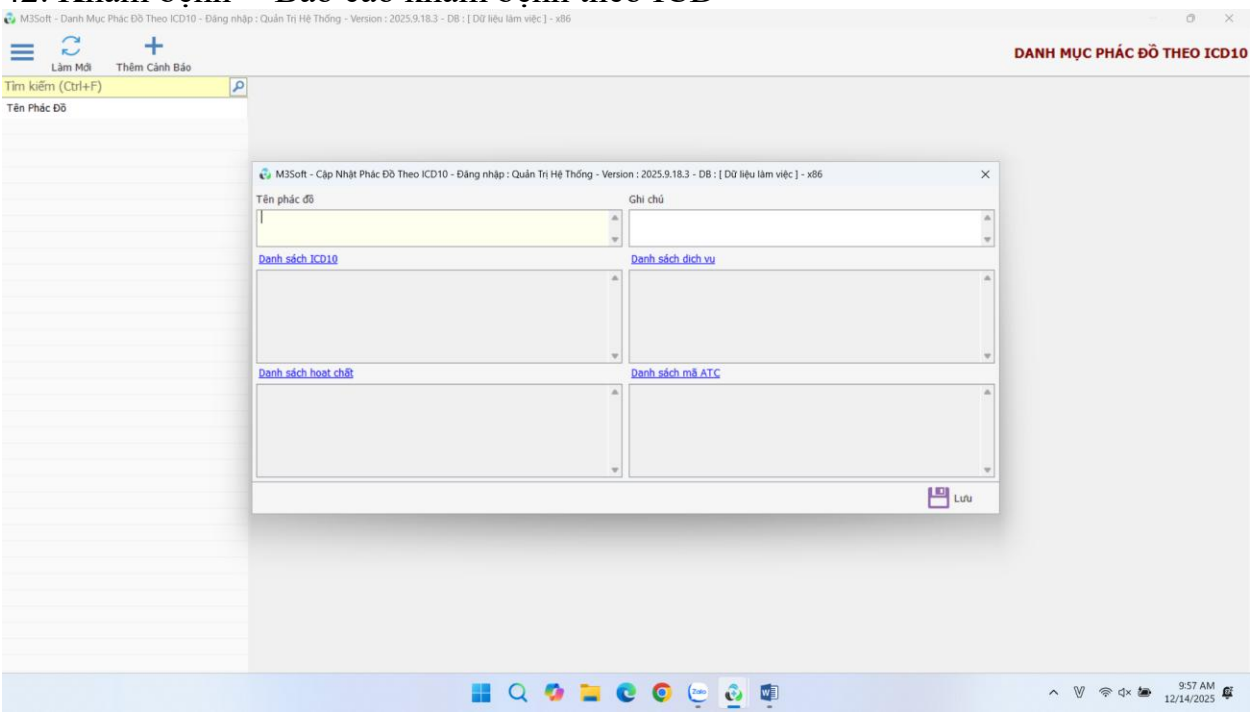

✓ Hệ thống báo cáo Khoa Dược

1. Dược -> Chi tiết thuốc nhập từ nhà cung cấp
2. Dược -> Bảng kê chi tiết thuốc theo bệnh nhân nội trú
3. Dược -> Bảng kê chi tiết thuốc theo ngày
4. Dược -> Báo cáo chi tiết thuốc nhập kho
5. Dược -> Tình hình nhập dược từ nhà cung cấp
6. Dược -> Báo cáo tình hình xuất thuốc khoa
7. Dược -> Danh sách người bệnh pha thuốc theo tháng

8. Dược -> Báo cáo tình hình xuất thuốc khoa phòng chi tiết theo đối tượng
9. Dược -> Thống kê nhập xuất kho theo ngày

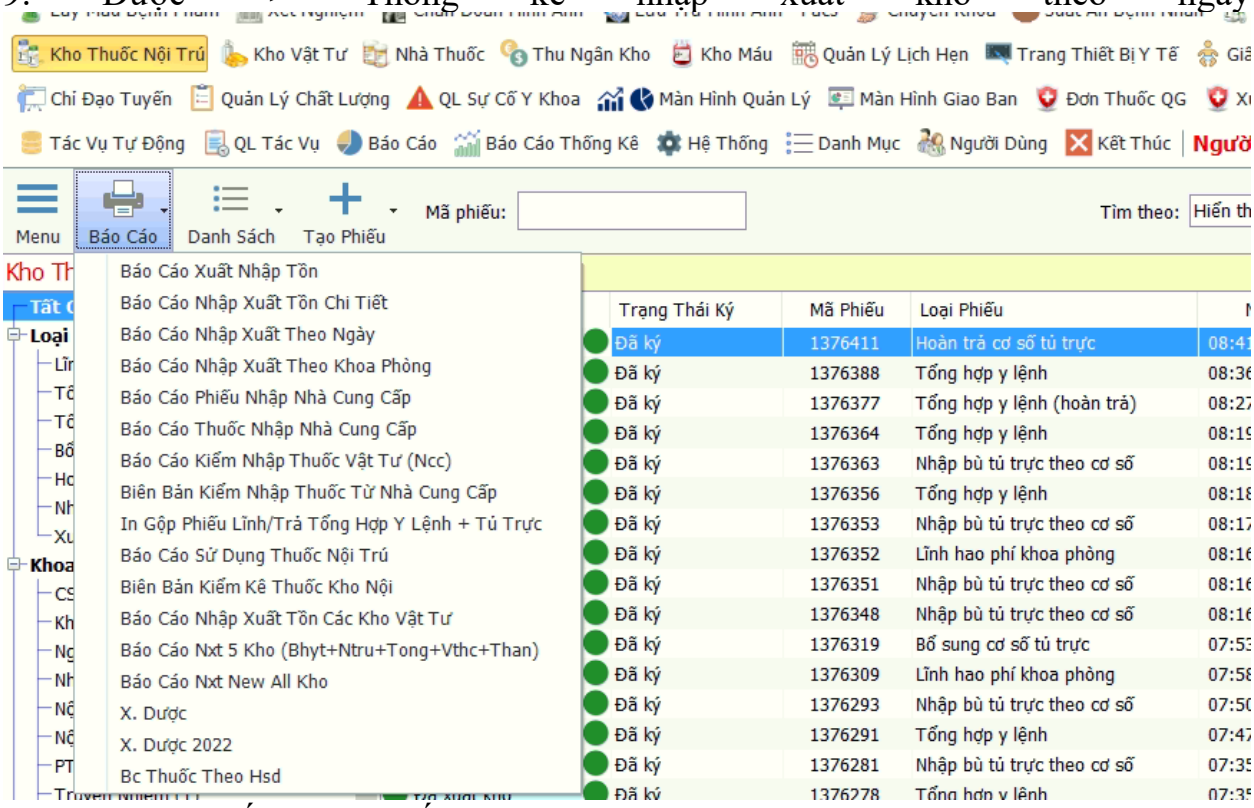

10. Dược -> Xuất kho chi tiết theo ngày
11. Dược -> Nhập xuất tồn kho chi tiết
12. Dược -> Nhập xuất tồn toàn viện
13. Dược -> Thẻ kho

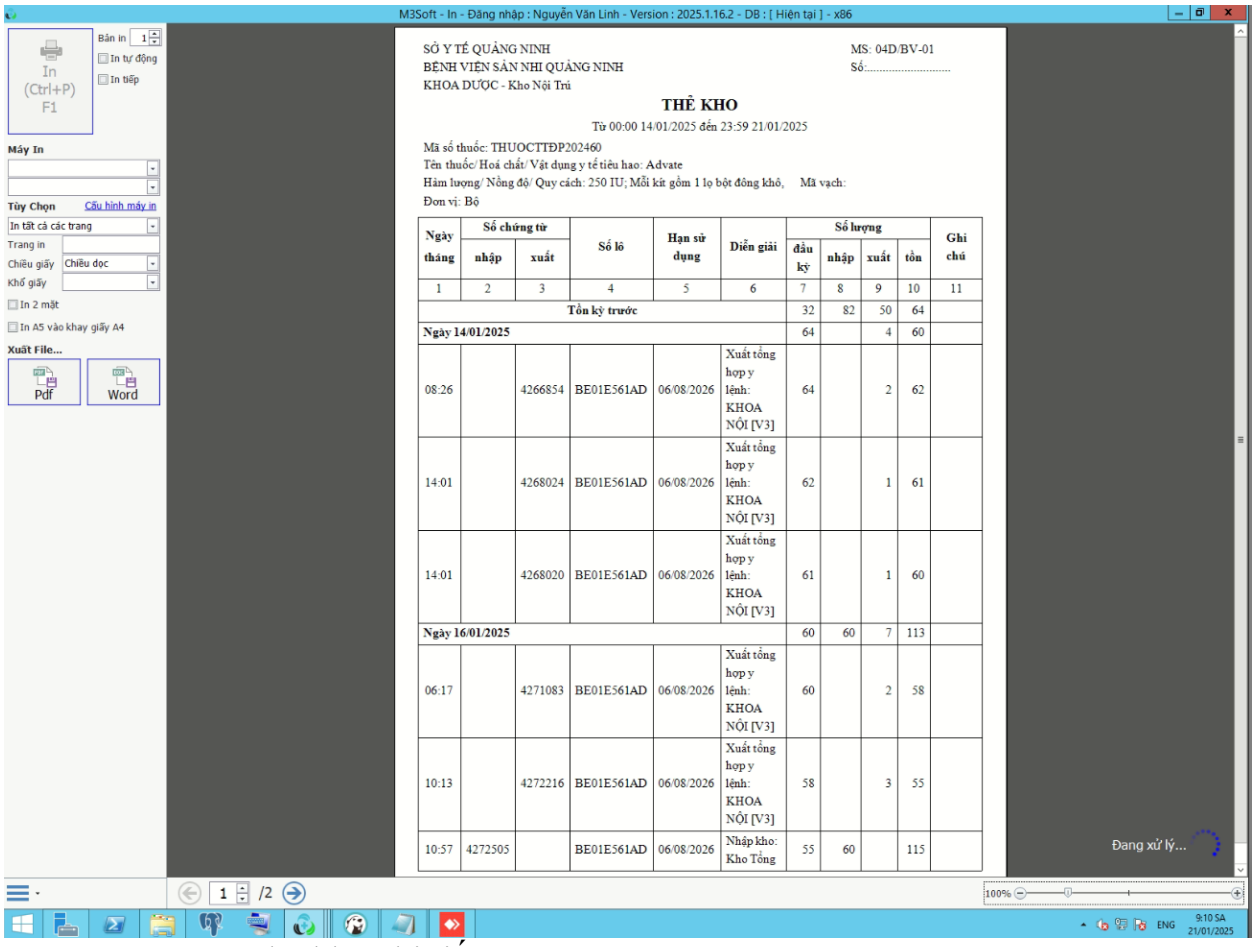

14. Dược -> Thẻ kho chi tiết
15. Dược -> Báo cáo thuốc viện trợ
16. Dược -> Báo cáo thuốc ARV
17. Dược -> Bảng dự trừ theo kho

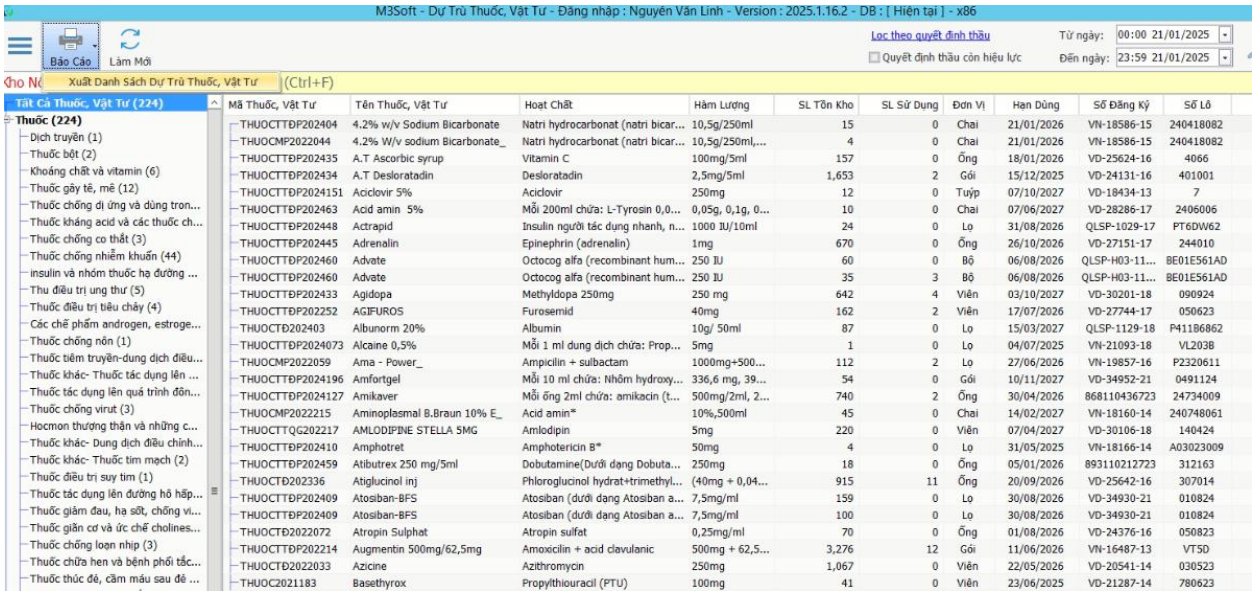

18. Dược -> Báo cáo công tác Dược bệnh viện
19. Dược -> Báo cáo tiền thuốc sử dụng
20. Dược -> Báo cáo sử dụng kháng sinh
21. Dược -> Báo cáo sử dụng hóa chất
22. Dược -> Báo cáo hao phí theo khoa phòng
23. Dược -> Báo cáo sử dụng thuốc- VTYT tiêu hao

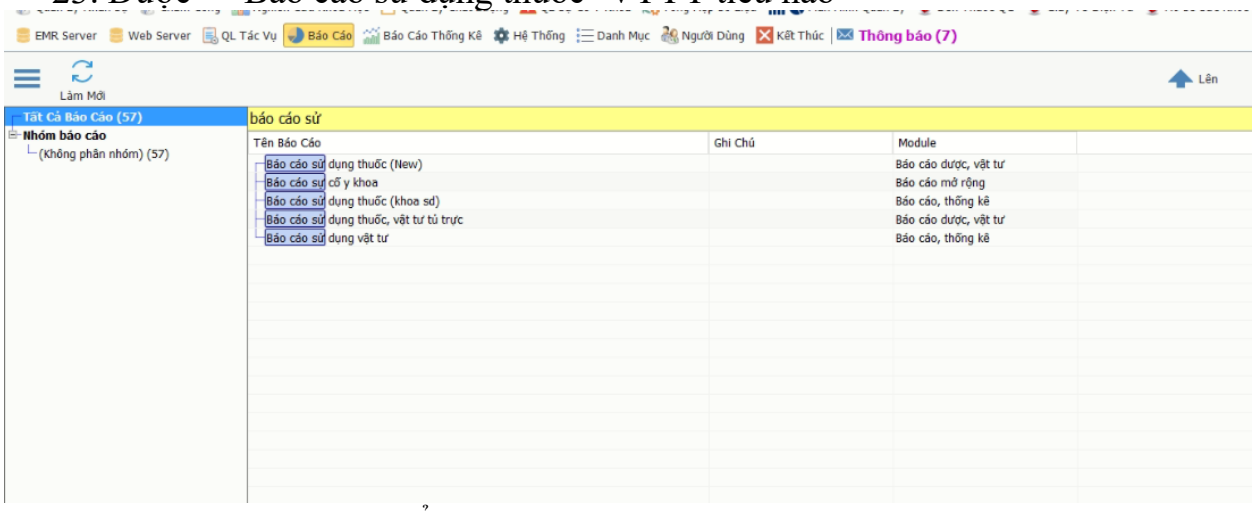

24. Dược -> Biên bản kiểm kê
25. Dược -> Biên bản kiểm kê thuốc – VTYT
26. Dược -> Biên bản kiểm kê hóa chất

27. Dược -> Biên bản kiểm kê thuốc – VTYT tiêu hao

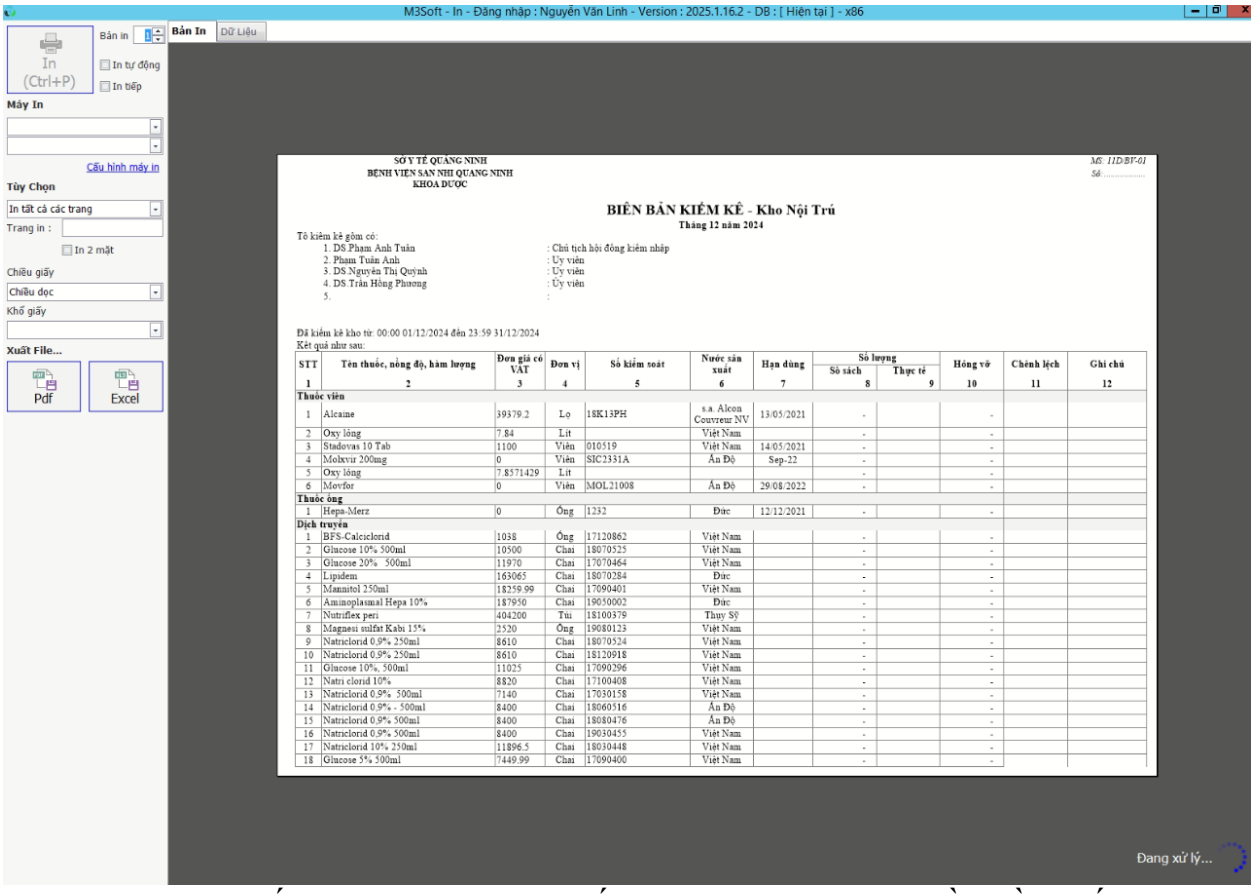

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI QUẢNG NINH
KHOA DƯỢC

MẪ: 11D-BF-01
Số: .....

BIÊN BẢN KIỂM KÊ - Kho Nội Trú
Tháng 12 năm 2024

Tổ kiểm kê gồm có:
1. DS.Phạm Anh Tuấn : Chủ tịch hội đồng kiểm nhập
2. Phạm Tuấn Anh : Ủy viên
3. DS.Nguyễn Thị Quỳnh : Ủy viên
4. DS.Trần Hồng Phương : Ủy viên
5. :

Đã kiểm kê kho từ: 00:00 01/12/2024 đến 23:59 31/12/2024
Kết quả như sau:

STT	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn giá có VAT	Đơn vị	Số kiểm soát	Nước sản xuất	Hạn dùng	Số lượng		Hỏng vỡ	Chênh lệch	Ghi chú
							Sổ sách	Thực tế			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Thuốc viên											
1	Alcaine	39379.2	Lọ	18K13PH	s.a. Alcon Couvreur NV	13/05/2021	-		-		
2	Oxy lỏng	7.84	Lít		Việt Nam		-		-		
3	Stadovas 10 Tab	1100	Viên	010519	Việt Nam	14/05/2021	-		-		
4	Molxvir 200mg	0	Viên	SIC2331A	Ấn Độ	Sep-22	-		-		
5	Oxy lỏng	7.8571429	Lít				-		-		
6	Movfor	0	Viên	MOL21008	Ấn Độ	29/08/2022	-		-		
Thuốc ống											
1	Hepa-Merz	0	Ống	1232	Đức	12/12/2021	-		-		
Dịch truyền											
1	BFS-Calciclorid	1038	Ống	17120862	Việt Nam		-		-		
2	Glucose 10% 500ml	10500	Chai	18070525	Việt Nam		-		-		
3	Glucose 20% 500ml	11970	Chai	17070464	Việt Nam		-		-		
4	Lipidem	163065	Chai	18070284	Đức		-		-		
5	Mannitol 250ml	18259.99	Chai	17090401	Việt Nam		-		-		
6	Aminoplasmal Hepa 10%	187950	Chai	19050002	Đức		-		-		
7	Nutriflex peri	404200	Túi	18100379	Thụy Sỹ		-		-		
8	Magnesi sulfat Kabi 15%	2520	Ống	19080123	Việt Nam		-		-		
9	Natriclorid 0,9% 250ml	8610	Chai	18070524	Việt Nam		-		-		
10	Natriclorid 0,9% 250ml	8610	Chai	18120918	Việt Nam		-		-		
11	Glucose 10%, 500ml	11025	Chai	17090296	Việt Nam		-		-		
12	Natri clorid 10%	8820	Chai	17100408	Việt Nam		-		-		
13	Natriclorid 0,9% 500ml	7140	Chai	17030158	Việt Nam		-		-		
14	Natriclorid 0,9% - 500ml	8400	Chai	18060516	Ấn Độ		-		-		
15	Natriclorid 0,9% 500ml	8400	Chai	18080476	Ấn Độ		-		-		
16	Natriclorid 0,9% 500ml	8400	Chai	19030455	Việt Nam		-		-		
17	Natriclorid 10% 250ml	11896.5	Chai	18030448	Việt Nam		-		-		
18	Glucose 5% 500ml	7449.99	Chai	17090400	Việt Nam		-		-		

28. Dược -> Kết quả kinh doanh thuốc gây nghiện,hướng thần,tiền chất
29. Dược -> Tổng hợp chi phí sử dụng thuốc theo chương trình
30. Dược -> Tổng hợp tình hình cung ứng và sử dụng thuốc
31. Dược -> Tổng hợp thuốc xuất kho – chuyển kho
32. Dược -> Báo cáo tình hình sử dụng thuốc tỷ lệ
33. Dược -> Danh mục thuốc gần hết hạn sử dụng
34. Dược -> Tình hình thực hiện kế hoạch công tác Dược
35. Dược -> Bảng theo dõi giá nhập kho
36. Dược -> Tổng hợp tình hình cung ứng và sử dụng thuốc
37. Dược -> Báo cáo hoàn trả theo khoa phòng
38. Dược -> Danh sách bệnh nhân sử dụng thuốc theo nhóm – loại
39. Dược -> Biên bản kiểm nhập vật tư - hàng hóa nhập kho
40. Dược -> Biên bản kiểm nhập
41. Dược -> Danh mục phiếu kiểm nhập theo nhóm
42. Dược -> Tổng hợp danh mục thuốc ngưng sử dụng
43. Dược -> Danh mục thuốc bán lẻ

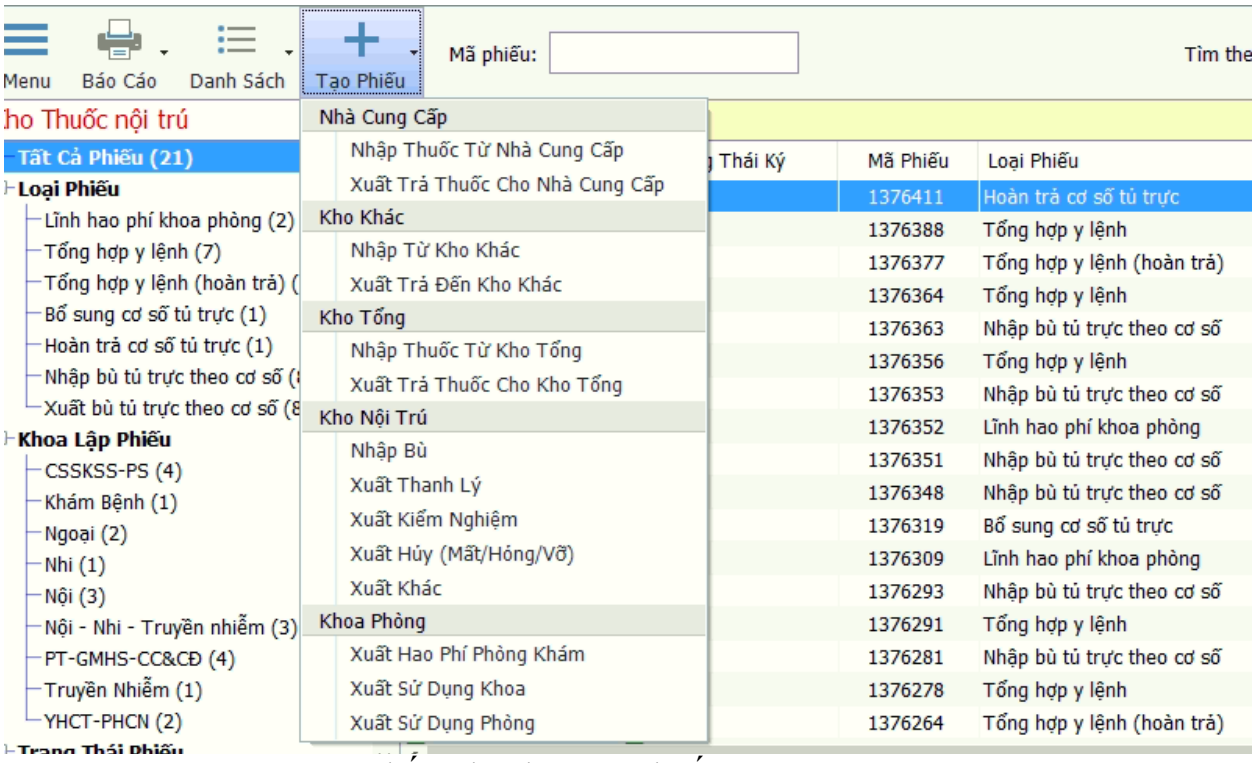

44. Dược -> Báo cáo thống kê theo toa thuốc
45. Dược -> Sổ theo dõi tài sản cố định và dịch vụ
46. Dược -> Sổ chi tiết vật tư – sản phẩm – hàng hóa

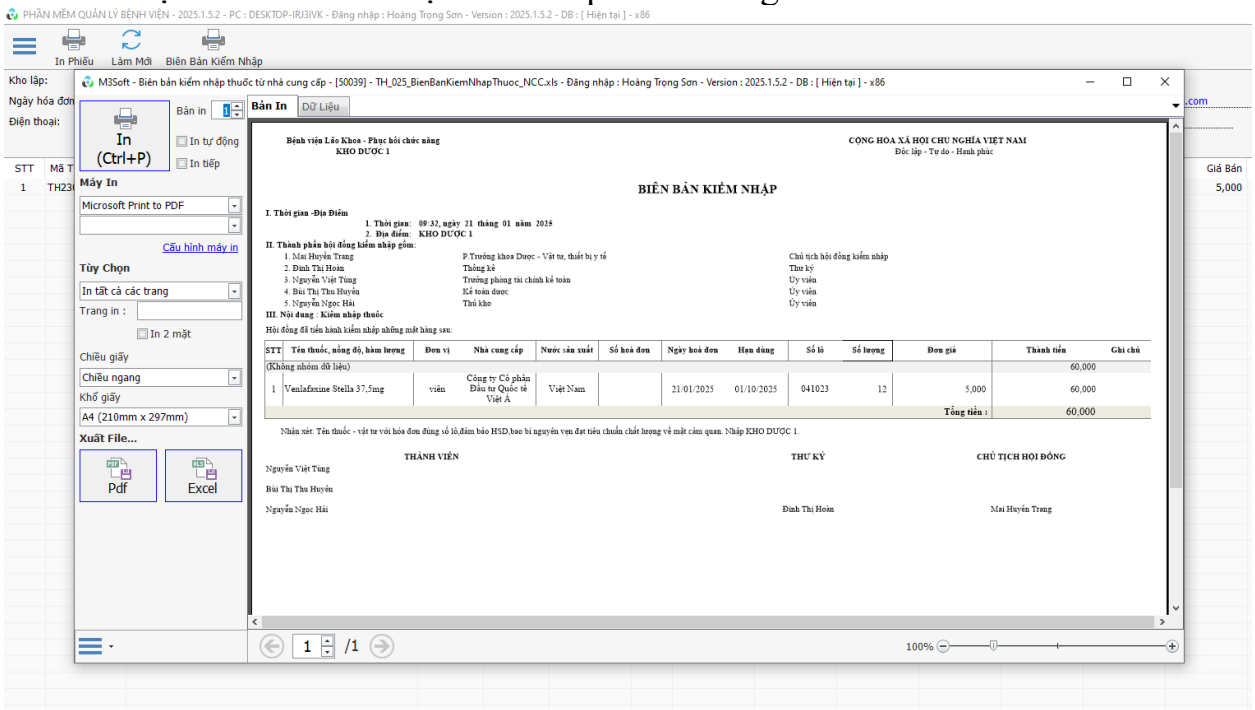

47. Dược -> Tổng hợp tình hình cung ứng và sử dụng thuốc
48. Dược -> Thẻ kho theo cơ số tủ trực

49. Dược -> Chi tiết xuất kho theo mặt hàng
50. Dược -> Sổ theo dõi chi tiết xuất thuốc theo bệnh nhân
51. Dược -> Tổng hợp thuốc xuất theo khoa
52. Dược -> Báo cáo cơ số tủ trực các khoa
53. Dược -> Báo cáo nhập xuất tồn khoa
54. Dược -> Báo cáo tình hình sử dụng thuốc tại khoa
55. Dược -> Báo cáo chi phí thuốc BHYT nội trú
56. Dược -> Báo cáo thuốc thừa theo khoa phòng
57. Dược -> Bảng tổng hợp chi phí KCB theo nhóm
58. Dược -> Bảng chi phí thanh toán KCB (theo nhóm) chưa thanh toán
59. Dược -> Tổng hợp nhập kho
60. Dược -> Báo cáo nhập kho theo nhà cung cấp
61. Dược -> Tổng hợp chi trả theo nhà cung cấp
62. Dược -> Tổng hợp danh mục thuốc tái nhập kho
63. Dược -> Danh mục thuốc nhập kho theo nhóm
64. Dược -> Báo cáo xuất hao phí theo khoa phòng
65. Dược -> Chi tiết xuất theo theo khoa phòng và đối tượng
66. Dược -> Tổng hợp xuất khác theo lý do
67. Dược -> Thống kê số phiếu xuất kho theo nhóm
68. Dược -> Danh sách phiếu phát thuốc sử dụng, tủ trực

✓ Hệ thống báo cáo phòng TCKT

1. Viện phí -> Bảng kê chứng từ bán lẻ
2. Viện phí -> Báo cáo bảng giá điều trị
3. Viện phí -> Bảng kê thu tiền (nội trú)
4. Viện phí -> Bảng kê biên lai thu tiền ngoại trú

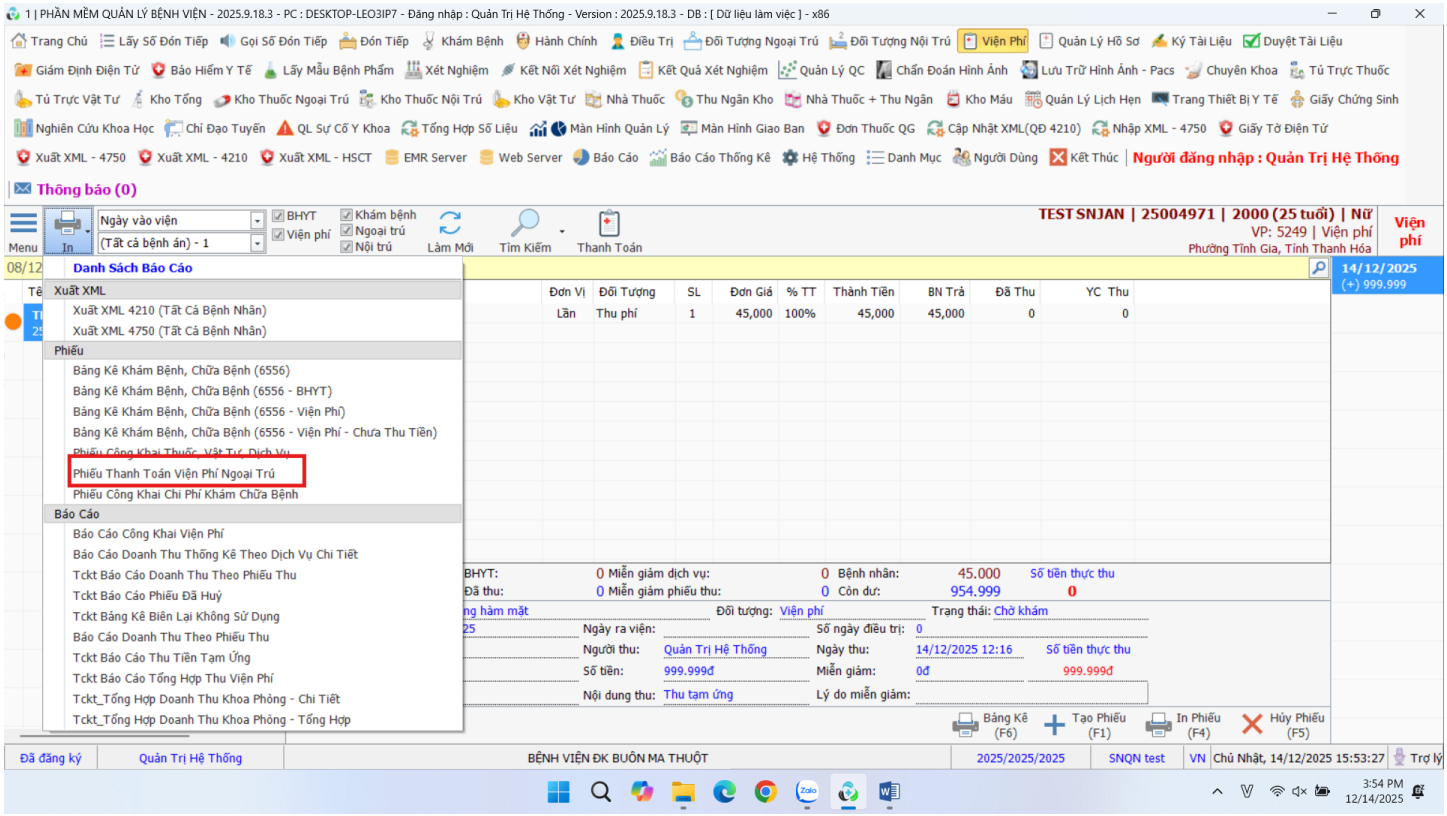

5. Viện phí -> Bảng kê nộp tiền bệnh nhân BHYT làm XN trong ngày

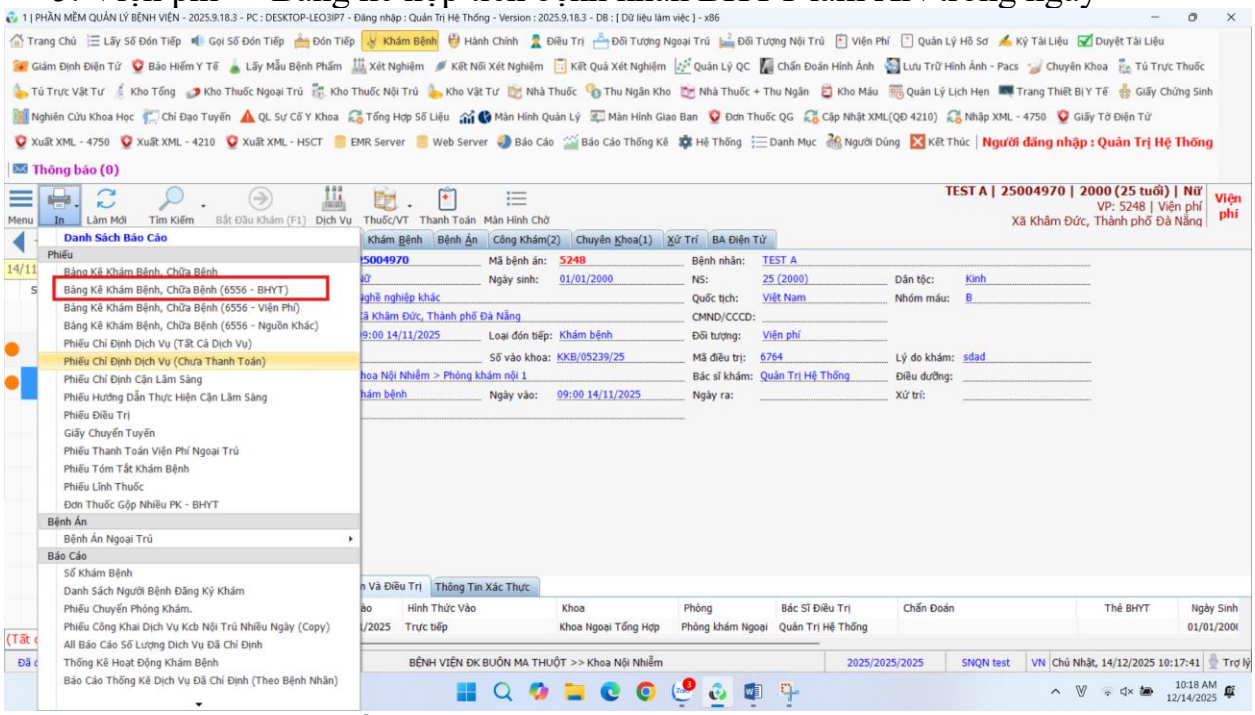

6. Viện phí -> Chi tiết danh sách bệnh nhân thực hiện xét nghiệm
7. Viện phí -> Bảng kê theo dõi tiền tài trợ cho bệnh nhân

8. Viện phí -> Bảng kê theo dõi dịch vụ thực hiện cho bệnh viện ngoài (TM-CK)
9. Viện phí -> Doanh thu viện phí nội trú
10. Viện phí -> Bảng kê thu tiền tài trợ
11. Viện phí -> Báo cáo tiền tài trợ của bệnh nhân
12. Viện phí -> Bảng kê phiếu thu bệnh nhân

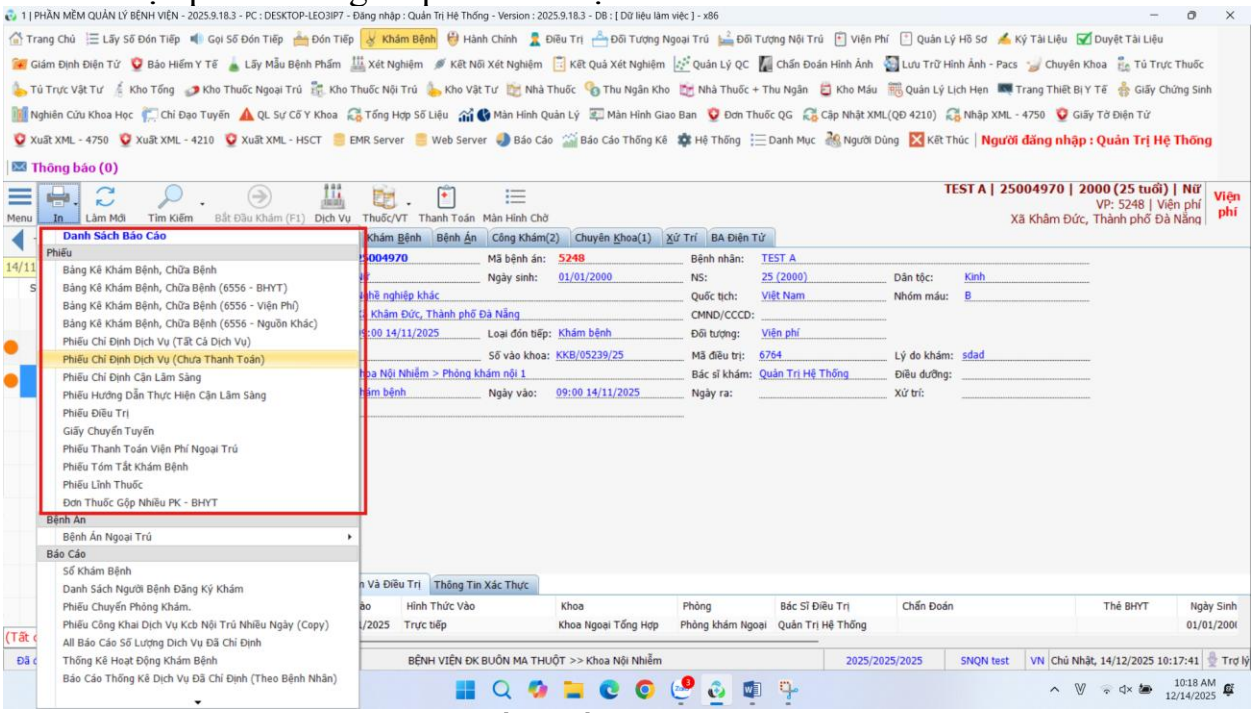

13. Viện phí -> Bảng kê thu tiền phần ăn
14. Viện phí -> Bảng kê thu tiền sổ khám bệnh
15. Viện phí -> Bảng kê chi phí KCB ngoại trú (79a) (tổng hợp+chi tiết)
16. Viện phí -> Bảng kê chi phí KCB nội trú (80a) (tổng hợp+chi tiết)
17. Viện phí -> Tổng hợp dịch vụ BHYT ngoại trú
18. Viện phí -> Tổng hợp dịch vụ BHYT nội trú
19. Viện phí -> Báo cáo tình hình sử dụng máu và chế phẩm máu
20. Viện phí -> Bảng tổng hợp dữ liệu người bệnh xuất viện
21. Viện phí -> Bảng kê chi phí KCB ngoại trú NS
22. Viện phí -> Bảng kê chi phí KCB nội trú NS
23. Viện phí -> Sổ chi tiết vật tư phòng kế toán
24. Viện phí -> Bảng kê chứng từ bán lẻ tại quầy
25. Viện phí -> Báo cáo xuất thuốc người bệnh BHYT ngoại trú, nội trú xuất viện
26. Viện phí -> Báo cáo xuất thuốc người bệnh BHYT ngoại trú, nội trú đang nằm viện
27. Viện phí -> Chi tiết xuất phòng kế toán
28. Viện phí -> Chi tiết nhập phòng kế toán

29. Viện phí -> Bảng kê thu tiền máu ngoại trú
30. Viện phí -> Bảng kê thu tiền phản ứng chéo
31. Viện phí -> Sổ tổng hợp tạm ứng hoàn ứng
32. Viện phí -> Bảng công nợ tồn tạm ứng
33. Viện phí -> Bảng kê hóa đơn thu tạm ứng
34. Viện phí -> Bảng kê hóa đơn thu trực tiếp
35. Viện phí -> Bảng kê hóa đơn thu chi
36. Viện phí -> Bảng kê hoàn trả biên lai
37. Viện phí -> Bảng kê xuất bán
38. Viện phí -> Bảng kê chứng từ biên lai
39. Viện phí -> Bảng kê thu chi hàng ngày
40. Viện phí -> Báo cáo thu chi ra viện
41. Viện phí -> Báo cáo thu 1 phần viện phí
42. Viện phí -> Báo cáo thu tiền viện phí hàng ngày
43. Viện phí -> Báo cáo chi phí bệnh nhân xuất viện
44. Viện phí -> Danh sách bệnh nhân xuất viện chưa thanh toán
45. Viện phí -> Sổ thu phí chuyển viện
46. Viện phí -> Sổ thu viện phí
47. Viện phí -> Sổ thu tạm ứng

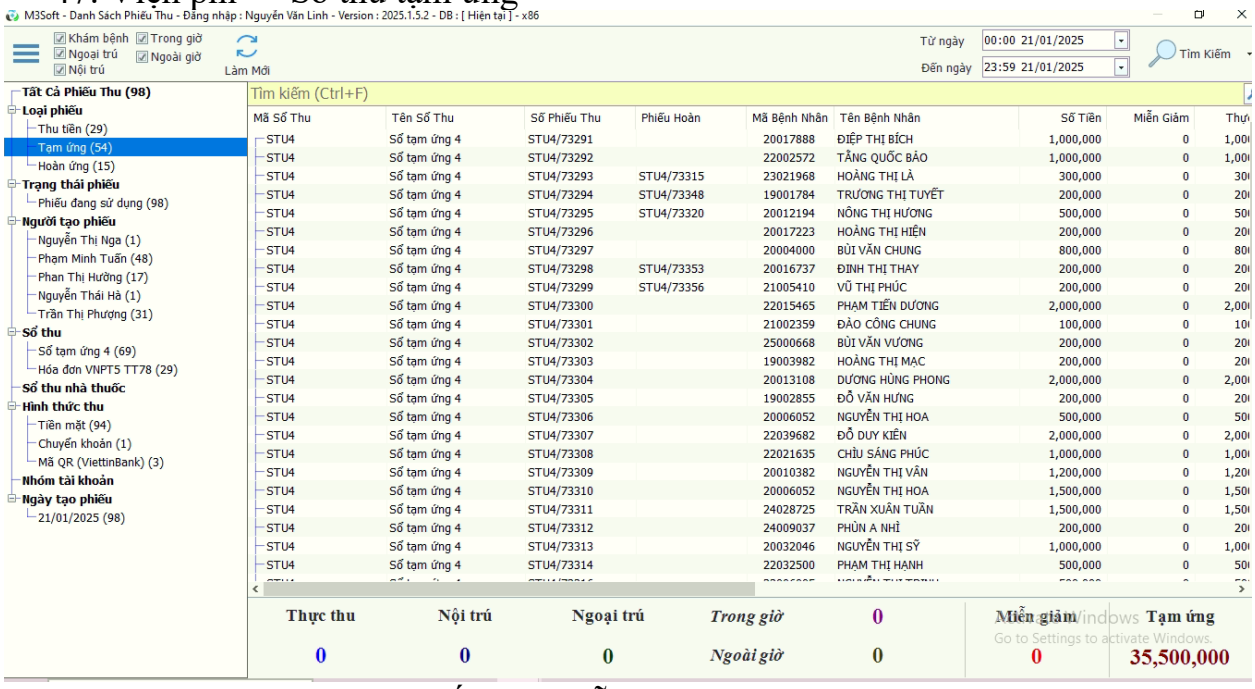

48. Viện phí -> Báo cáo thất thu, miễn giảm
49. Viện phí -> Báo cáo phụ cấp theo khoa, bác sĩ
50. Viện phí -> Báo cáo doanh thu tổng hợp
51. Viện phí -> Báo cáo doanh thu chi tiết theo khoa phòng

52. Viện phí -> Doanh thu công khám – CLS - PTTT
53. Viện phí -> Báo cáo hoạt động tài chính
54. Viện phí -> Bảng tổng hợp chi tiết theo giá viện phí
55. Viện phí -> Báo cáo viện phí đặc thù
56. Viện phí -> Báo cáo viện phí chi tiết
57. Viện phí -> Chi phí thực hiện xét nghiệm theo bệnh nhân
58. Viện phí -> Tổng hợp chi phí thực hiện CLS
59. Viện phí -> Báo cáo doanh thu theo khoa phòng
60. Viện phí -> Báo cáo doanh thu theo nhân viên
61. Viện phí -> Báo cáo thu tiền theo nhân viên
62. Viện phí -> Bảng kê chi tiết theo phân loại viện phí
63. Viện phí -> Bảng kê tổng hợp đối chiếu rà soát
64. Viện phí -> Bảng kê nhóm viện phí
65. Viện phí -> Bảng kê loại viện phí

✓ Hệ thống báo cáo Khoa Miễn Dịch – CĐHA – Xét Nghiệm

1. CDHA -> Báo cáo cấp phát máu
2. CDHA -> Báo cáo cấp phát máu (xuất kho)
3. CDHA -> Báo cáo cấp phát máu (nhập kho)
4. CDHA -> Báo cáo cấp phát máu (hoàn trả)
5. CDHA -> Danh sách booking máu
6. CDHA -> Danh sách máu tồn kho
7. CDHA -> Báo cáo hoạt động chuyên môn
8. CDHA -> Báo cáo bàn giao máu
9. CDHA -> Danh sách bác sĩ thực hiện SA, ECG, DSBN thực hiện (SA, ECG, XQ)
10. CDHA -> Danh sách KTV chụp XQ tại giường
11. CDHA -> Báo cáo tổng hợp
12. CDHA -> Danh sách chờ thực hiện CLS
13. CDHA -> Danh sách bệnh nhân đã thực hiện CLS
14. CDHA -> Danh sách bệnh nhân có chỉ định nhưng chưa đóng tiền
15. CDHA -> Tổng hợp doanh thu theo nhân viên
16. CDHA -> Tổng hợp số ca thực hiện theo nhân viên
17. CDHA -> Danh sách bệnh nhân đã lấy mẫu
18. CDHA -> Danh sách bệnh nhân chờ lấy mẫu
19. CDHA -> Danh sách bệnh nhân đã trả kết quả
20. CDHA -> Hoạt động xét nghiệm
21. CDHA -> Tổng hợp số người – số ca – tiêu bản
22. CDHA -> Tổng hợp xét nghiệm gửi
23. CDHA -> Tổng hợp số ca theo ngoại trú – nội trú – đối tượng

24. CDHA -> Thống kê số ca theo đối tượng
25. CDHA -> Thống kê kết quả xét nghiệm
26. CDHA -> Thống kê kết quả xét nghiệm khám sức khỏe theo đoàn
27. CDHA -> Thống kê kết quả xét nghiệm sinh học phân tử
28. CDHA -> Thống kê kết quả xét nghiệm tế bào
29. CDHA -> Thống kê xét nghiệm theo bệnh nhân
30. CDHA -> Thống kê số ca xét nghiệm
31. CDHA -> Thống kê số ca xét nghiệm theo máy
32. CDHA -> Thống kê số lượng xét nghiệm hàng ngày
33. CDHA -> Thống kê xét nghiệm theo chỉ định
34. CDHA -> Thống kê số lượng xét nghiệm theo khoa phòng – đối tượng
35. CDHA -> Thống kê chuyên môn
36. CDHA -> Thống kê bệnh nhân xét nghiệm HIV – HbsAg - HPV
37. CDHA -> Thống kê xét nghiệm kháng sinh đồ
38. CDHA -> Danh sách bệnh nhân hẹn
39. CDHA -> Tổng hợp sử dụng hóa chất theo định mức
40. CDHA -> Thống kê AFB
41. CDHA -> Báo cáo tổng hợp toàn viện
42. CDHA -> Thống kê thực hiện CLS – Siêu âm - Xquang
43. CDHA -> Thống kê chuyên môn
44. CDHA -> Chi tiết sử dụng thước phim
45. CDHA -> Tổng hợp sử dụng thước phim
46. CDHA -> Báo cáo hoạt động CLS
47. CDHA -> Định mức hao phí

✓ Báo cáo phòng PTTT

1. KHAC -> Báo cáo thống kê các loại thủ thuật – Phòng PTTT
2. KHAC -> Danh sách nhân viên thực hiện các loại thủ thuật
3. KHAC -> Danh sách bệnh nhân thực hiện thủ thuật
4. KHAC -> Danh sách nhân viên thực hiện đặt ống thông TMTT
5. KHAC -> Danh sách nhân viên thực hiện rút ống thông TMTT
6. KHAC -> Danh sách nhân viên thực hiện đặt Catheter tĩnh mạch ngoài
7. KHAC -> Danh sách nhân viên thực hiện gây mê
8. KHAC -> Báo cáo nộp BHYT

✓ Báo cáo phòng KHTH

1. TONG HOP -> Báo cáo tuần
2. TONG HOP -> Báo cáo tháng
3. TONG HOP -> Báo cáo danh sách bệnh nhân đầu kỳ
4. TONG HOP -> Tình hình cán bộ, công chức, viên chức (Biểu 01)

5. TONG HOP -> Báo cáo hoạt động khám bệnh (Biểu 02)
6. TONG HOP -> Báo cáo hoạt động điều trị (Biểu 03)
7. TONG HOP -> Báo cáo hoạt động PTTT (Biểu 04)
8. TONG HOP -> Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản (Biểu 05)
9. TONG HOP -> Báo cáo hoạt động CLS (Biểu 06)
10. TONG HOP -> Báo cáo dược bệnh viện (Biểu 07)
11. TONG HOP -> Báo cáo trang thiết bị y tế (Biểu 08)
12. TONG HOP -> Báo cáo hoạt động chỉ đạo tuyến (Biểu 09-1)
13. TONG HOP -> Báo cáo nghiên cứu khoa học (Biểu 09-2)
14. TONG HOP -> Hoạt động tài chính (Biểu 10.1)
15. TONG HOP -> HĐTC – Chi tiết về thu viện phí, bảo hiểm (Biểu 10.2.1)
16. TONG HOP -> HĐTC – Chi tiết về các khoản chi (Biểu 10.2.2)
17. TONG HOP -> HĐTC – Các khoản không thu được (Biểu 10.3)
18. TONG HOP -> Báo cáo tình hình bệnh tật tử vong tại bệnh viện (Biểu 11)
19. TONG HOP -> Hoạt động khám chữa bệnh (Biểu 11.1 – BCT)
20. TONG HOP -> Tình hình hoạt động BHYT theo tháng
21. TONG HOP -> Tình hình mắc bệnh và tử vong do tai nạn thương tích (Biểu 04/YTTN)
22. TONG HOP -> Hoạt động sức khỏe sinh sản (Biểu số 05/YTTN)
23. TONG HOP -> Hoạt động chăm sóc bà mẹ (Biểu 05/BCH)
24. TONG HOP -> Một số chỉ tiêu bổ sung (Biểu BS/BCH)
25. TONG HOP -> Tình hình bệnh truyền nhiễm gây dịch (Biểu 06/YTTN)
26. TONG HOP -> Báo cáo Dược bệnh viện chuyên khoa (Biểu 07-DBV)
27. TONG HOP -> Hoạt động PTTT theo chỉ định (Biểu 04 PT-TT)
28. TONG HOP -> Thông tin về sinh tử
29. TONG HOP -> Tình hình thu, chi ngân sách ngành y tế địa phương
30. TONG HOP -> Tình hình thu chi ngân sách theo tuyến
31. TONG HOP -> Tình hình cơ sở y tế và giường bệnh
32. TONG HOP -> Tình hình nhân lực y tế toàn huyện
33. TONG HOP -> Tình hình sản xuất kinh doanh dược
34. TONG HOP -> Tình hình trang thiết bị y tế địa phương
35. TONG HOP -> Chăm sóc sức khỏe trẻ em
36. TONG HOP -> Tình hình chăm sóc sức khỏe bà mẹ
37. TONG HOP -> Thực hiện công tác kế hoạch hóa gia đình
38. TONG HOP -> Công tác khám chữa bệnh và dịch vụ y tế
39. TONG HOP -> Thực hiện công tác phòng bệnh
40. TONG HOP -> Các bệnh lây và bệnh quan trọng
41. TONG HOP -> Báo cáo thống kê tai nạn thương tích
42. TONG HOP -> Danh sách bệnh nhiễm theo loại

43. TONG HOP -> Danh sách bệnh nhiễm tổng hợp
44. TONG HOP -> Danh sách bệnh nhiễm chi tiết theo bệnh nhân

✓ Báo cáo khoa phòng nội trú

1. NỘI TRÚ -> Danh sách bệnh nhân nhập viện
2. NỘI TRÚ -> Danh sách bệnh nhân xuất viện
3. NỘI TRÚ -> Danh sách bệnh nhân đầu kỳ
4. NỘI TRÚ -> Danh sách hẹn nhập viện
5. NỘI TRÚ -> Danh sách người bệnh vào điều trị ngoại trú
6. NỘI TRÚ -> Danh sách người bệnh kết thúc điều trị ngoại trú
7. NỘI TRÚ -> Tổng hợp tình hình người bệnh
8. NỘI TRÚ -> Danh sách nhập xuất
9. NỘI TRÚ -> Báo cáo ngoại trú theo bệnh
10. NỘI TRÚ -> Báo cáo tổng hợp điều trị ngoại trú
11. NỘI TRÚ -> Báo cáo điều trị ngoại trú các khoa
12. NỘI TRÚ -> Bảng kê số lượt khám và điều trị ngoại trú BHYT
13. NỘI TRÚ -> Báo cáo tai nạn giao thông đến cấp cứu
14. NỘI TRÚ -> Thống kê vào phòng lưu
15. NỘI TRÚ -> Thống kê ra phòng lưu
16. NỘI TRÚ -> Tổng hợp tình hình người bệnh tại phòng lưu
17. NỘI TRÚ -> Sổ khám bệnh – phòng lưu
18. NỘI TRÚ -> Báo cáo thu tiền thuốc tại khoa phòng
19. NỘI TRÚ -> Tổng hợp chi phí bệnh nhân chưa xuất viện
20. NỘI TRÚ -> Chi phí bệnh nhân xuất viện chưa thanh toán
21. NỘI TRÚ -> Kiểm tra chi phí thanh toán ra viện
22. NỘI TRÚ -> Xem chi tiết sử dụng thuốc và dịch vụ
23. NỘI TRÚ -> Thống kê tổng số tiền đã sử dụng
24. NỘI TRÚ -> Kiểm tra công nợ
25. NỘI TRÚ -> Báo cáo sử dụng Pap’s Mear
26. NỘI TRÚ -> Danh sách chỉ định viện phí
27. NỘI TRÚ -> Danh sách BN hủy số liệu chuyển xuống viện phí
28. NỘI TRÚ -> Thống kê hoạt động KCB nội trú
29. NỘI TRÚ -> Báo cáo thống kê sơ bộ 10 bệnh cao nhất
30. NỘI TRÚ -> Báo cáo suất ăn bệnh lý

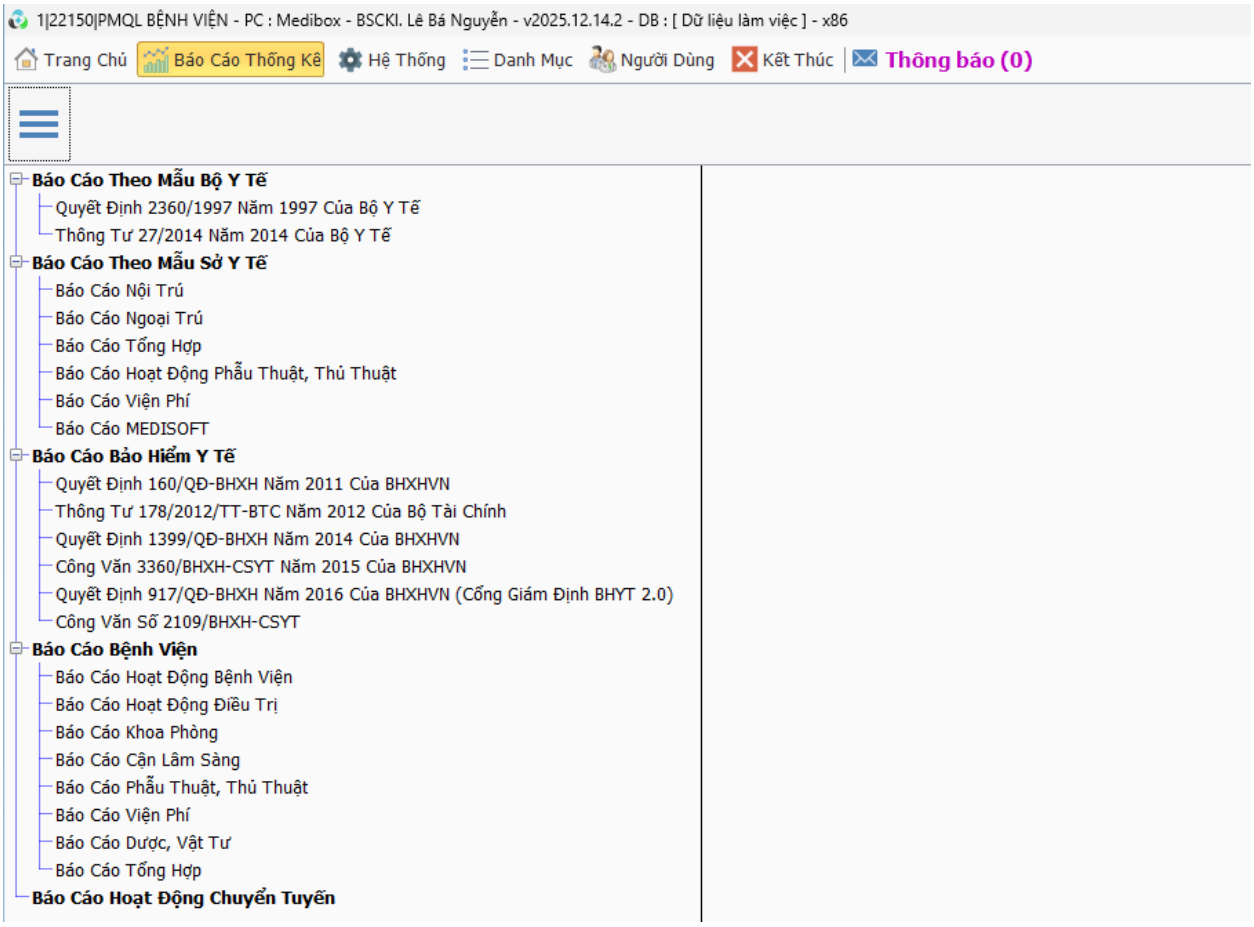

28- Hệ thống quản lý Bảo Hiểm Xã Hội

Tiếp nhận thông tin đầu vào đúng chuẩn quy định của bảo hiểm

In được các mẫu 01/BV, 02/BV theo đúng biểu mẫu của Bảo Hiểm Việt Nam.

Kết xuất được các mẫu báo cáo theo định kỳ như: mẫu 79, mẫu 80, mẫu 20, mẫu 19, mẫu 21 đúng định dạng Bảo Hiểm yêu cầu.

Kết xuất dữ liệu XML đồng bộ hóa lên trang giám định http://gdbhyt.baohiemxahoi.gov.vn/ theo quy định của văn bản 4750 của BYT.

Mã hóa danh mục dùng chung theo quyết định.

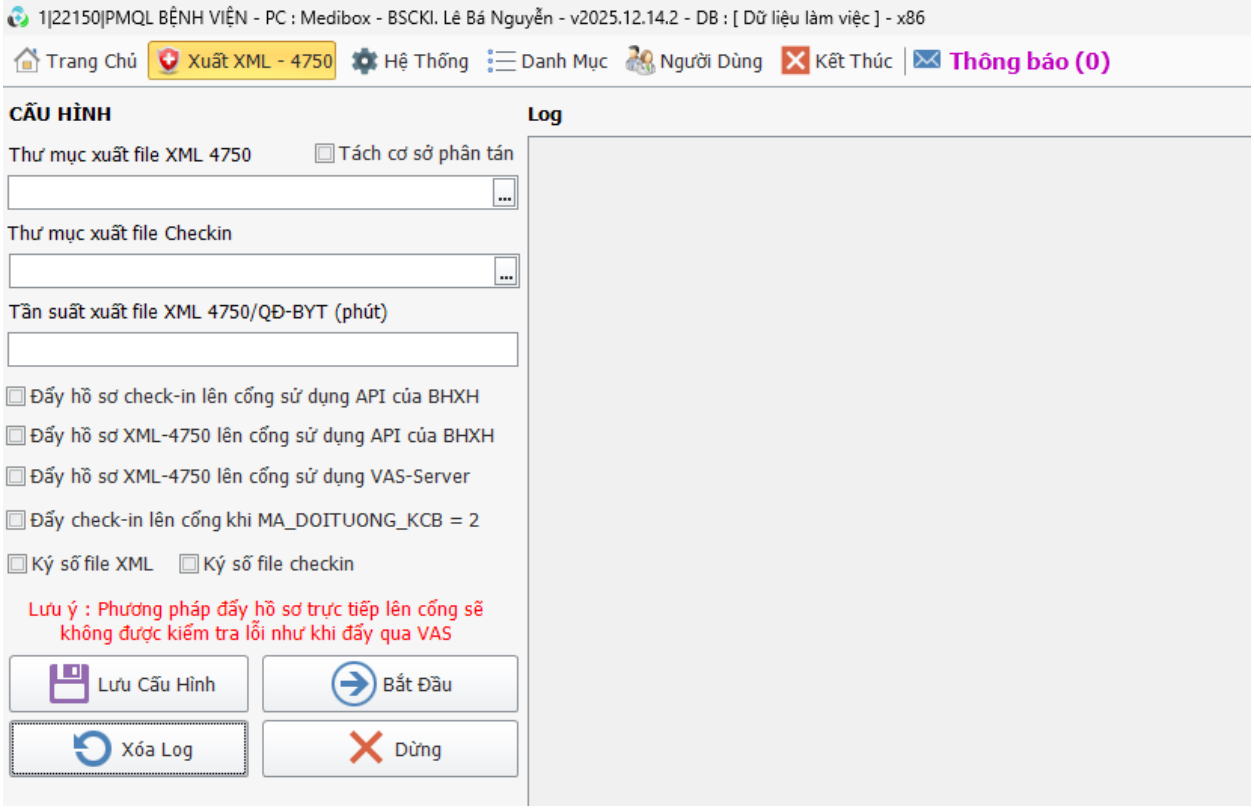

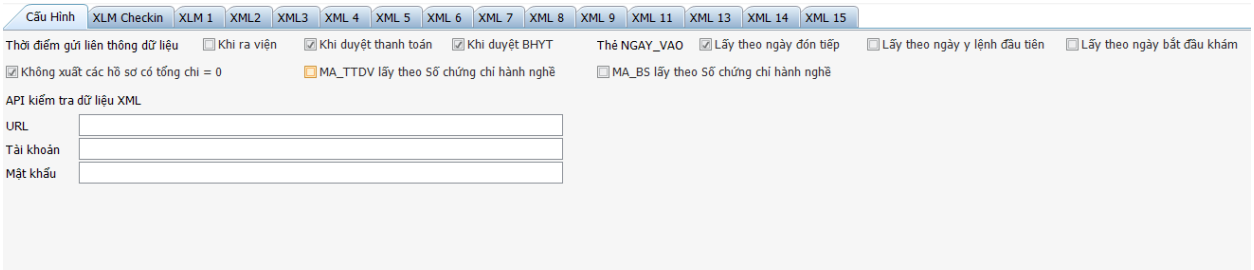

29- Quản lý tuân thủ phác đồ điều trị

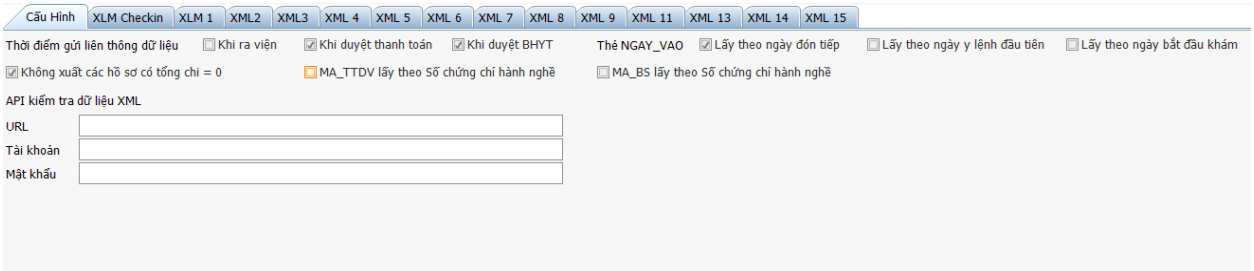

Khai báo phác đồ cận lâm sàng

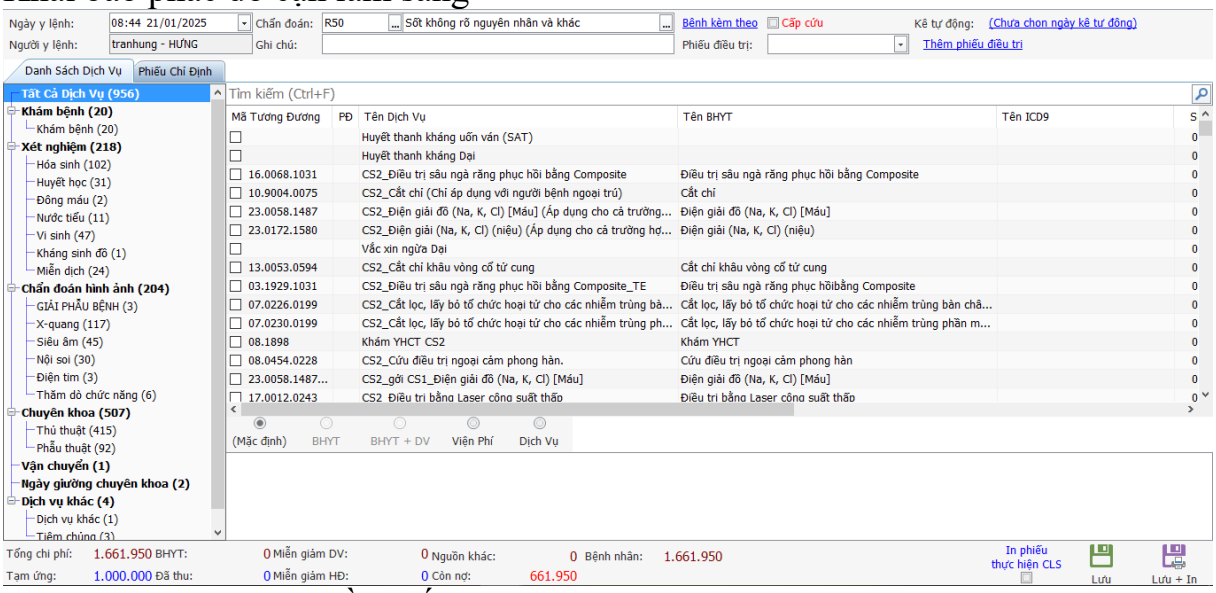

Khai báo phác đồ thuốc

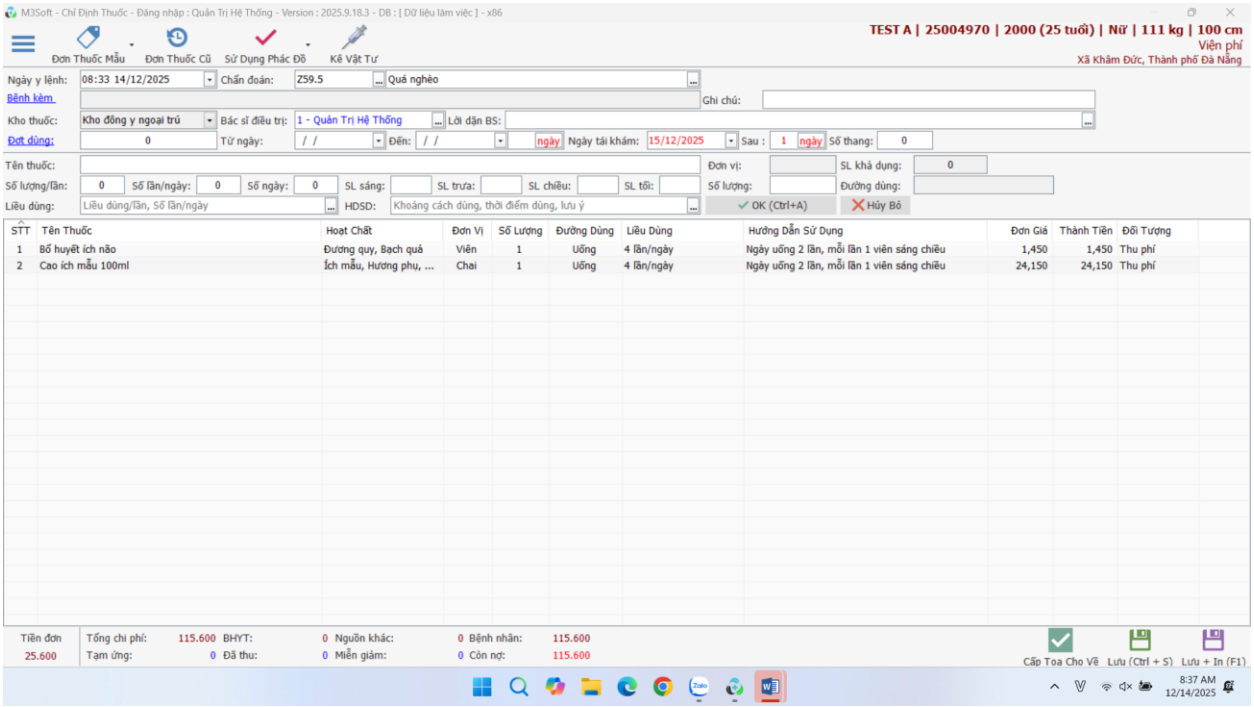

Giám sát bác sĩ kê đơn ngoài phát đồ

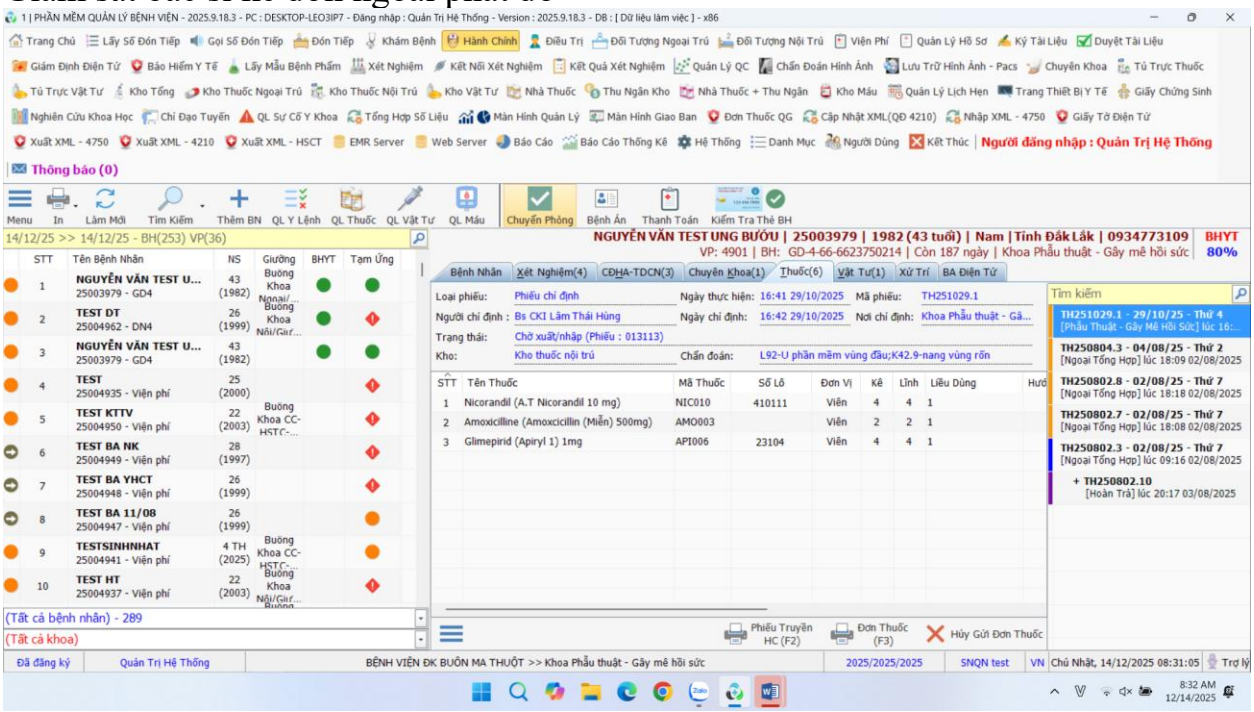

Dị ứng thuốc
Tương tác thuốc

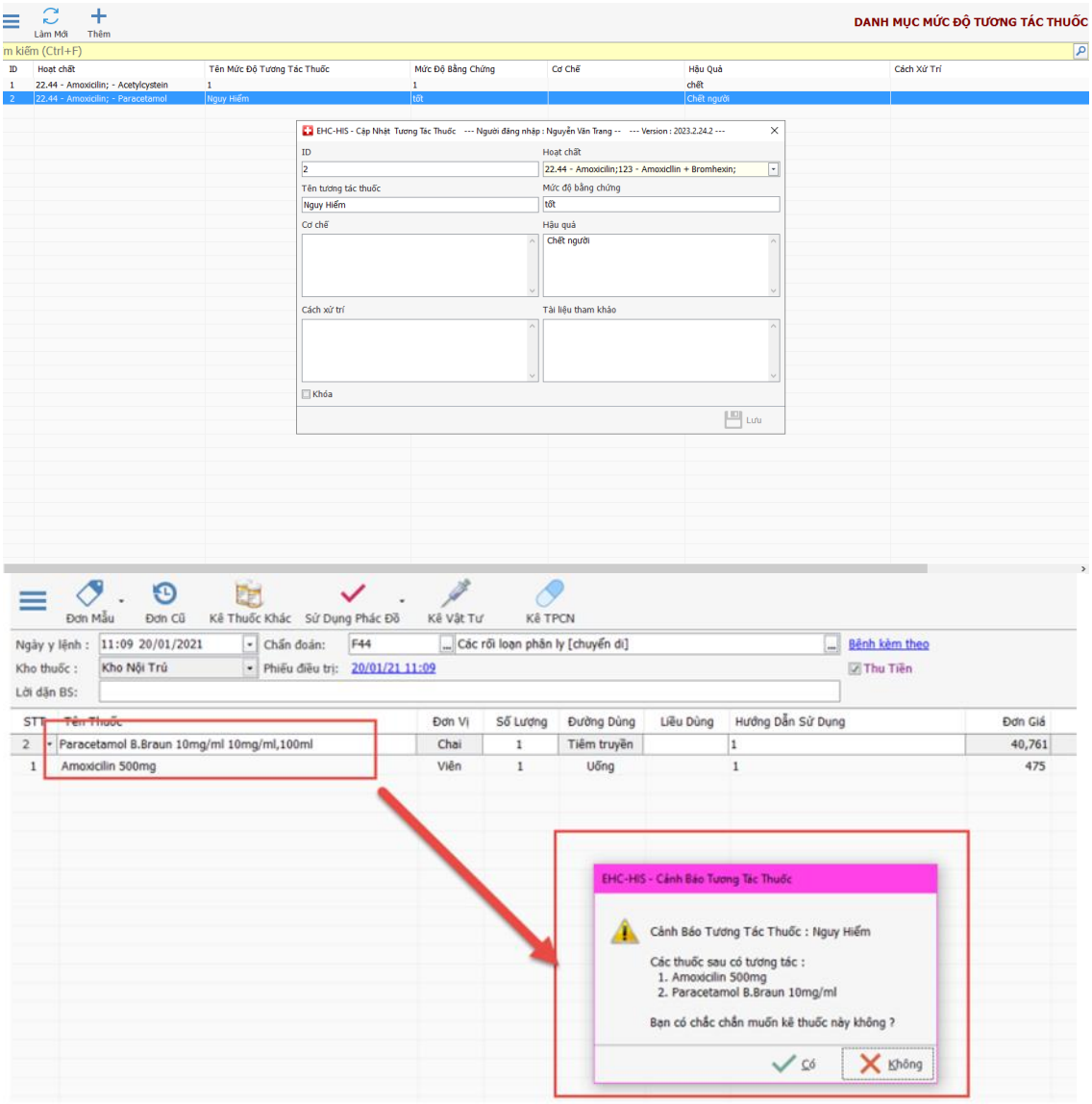

Tương tác theo mã ATC
Trùng hoạt chất, biệt dược
Chống chỉ định
Cảnh báo thuốc theo độ tuổi
Cảnh bảo thuốc theo liệu dùng
Cảnh báo chỉ định cận lâm sàng không phù hợp
Các công cụ thống kê biểu đồ

30. Phần mềm kết nối hóa đơn điện tử

Tích hợp công cụ trích xuất dữ liệu qua cổng API kết nối phần mềm hóa đơn điện tử.

Liên kết đẩy chứng từ bán hàng, phiếu nhập kho, xuất kho, phiếu thu tiền

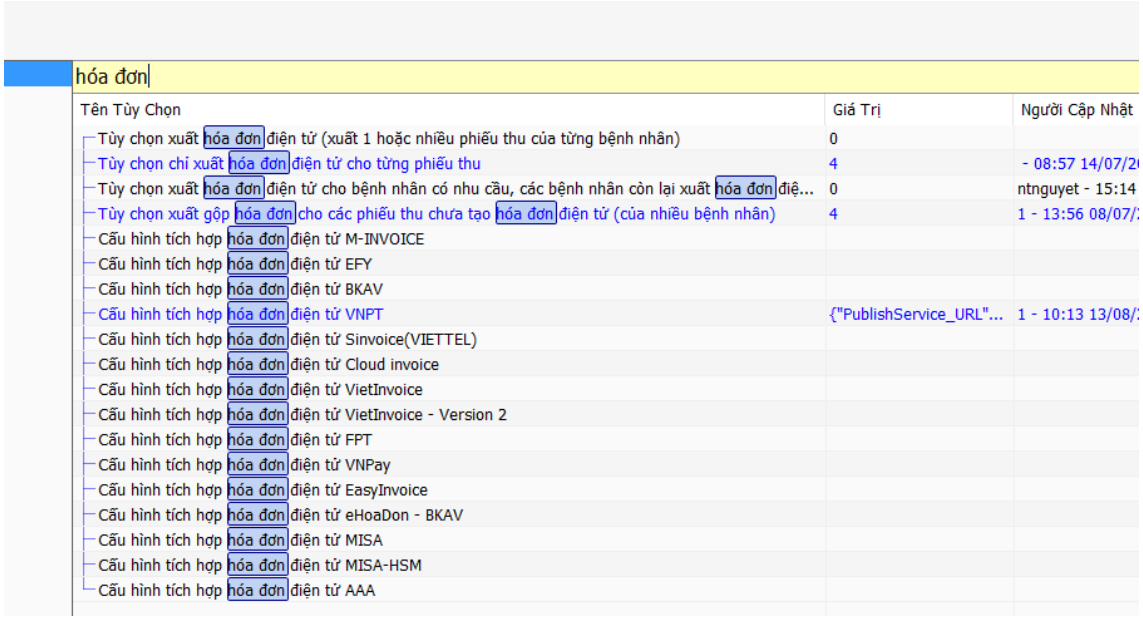

31. Quản lý nhân sự, nhân lực cơ bản

1.Khai báo Danh mục:

Danh mục Bộ phân/khoa phòng

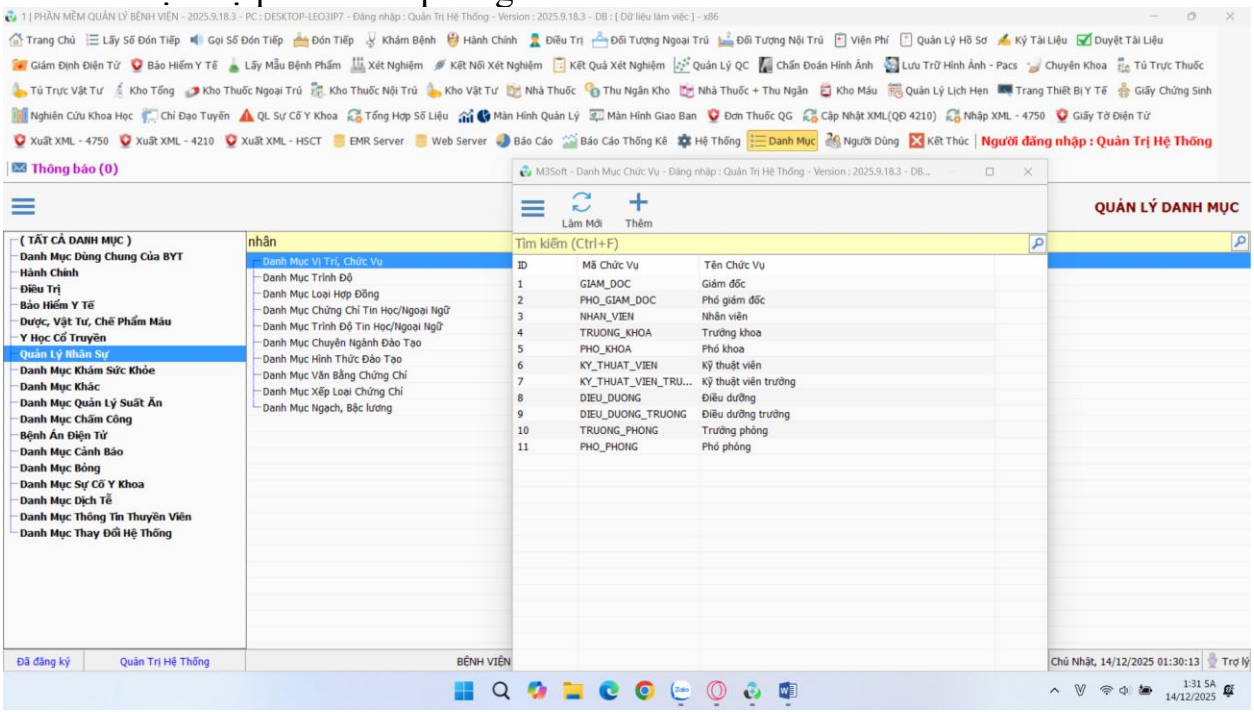

Danh mục Loại cán bộ

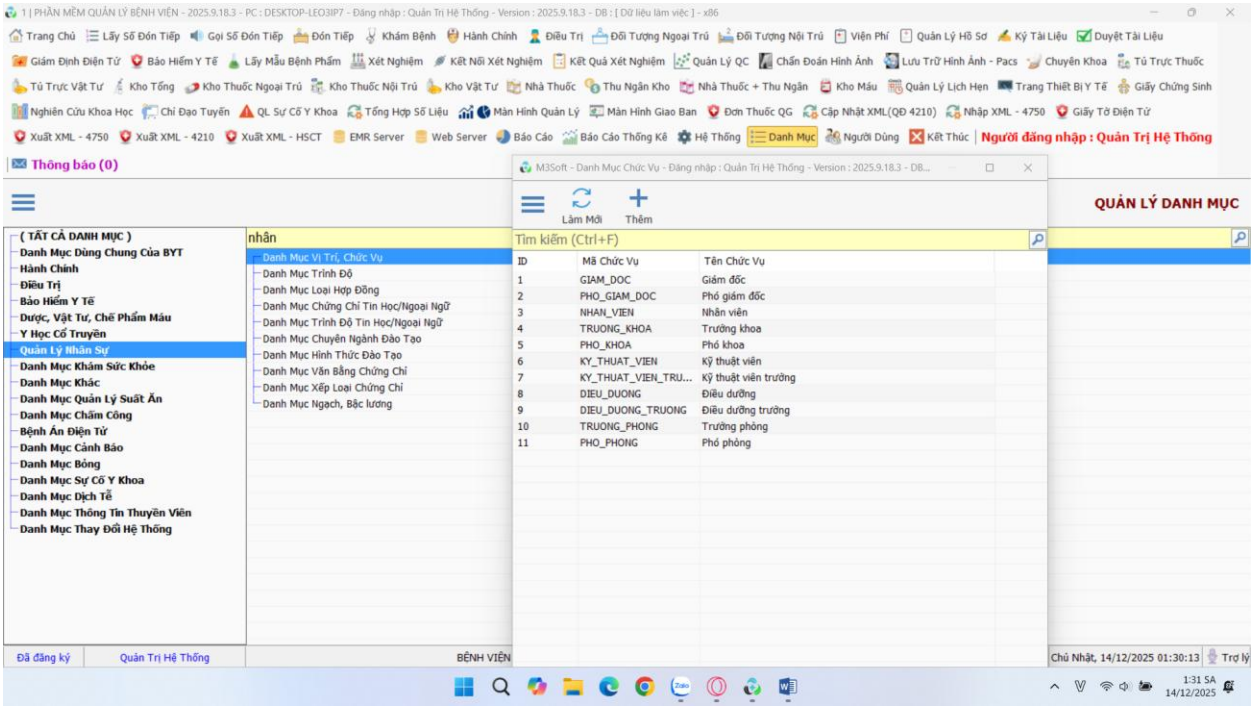

Danh mục Chức vụ

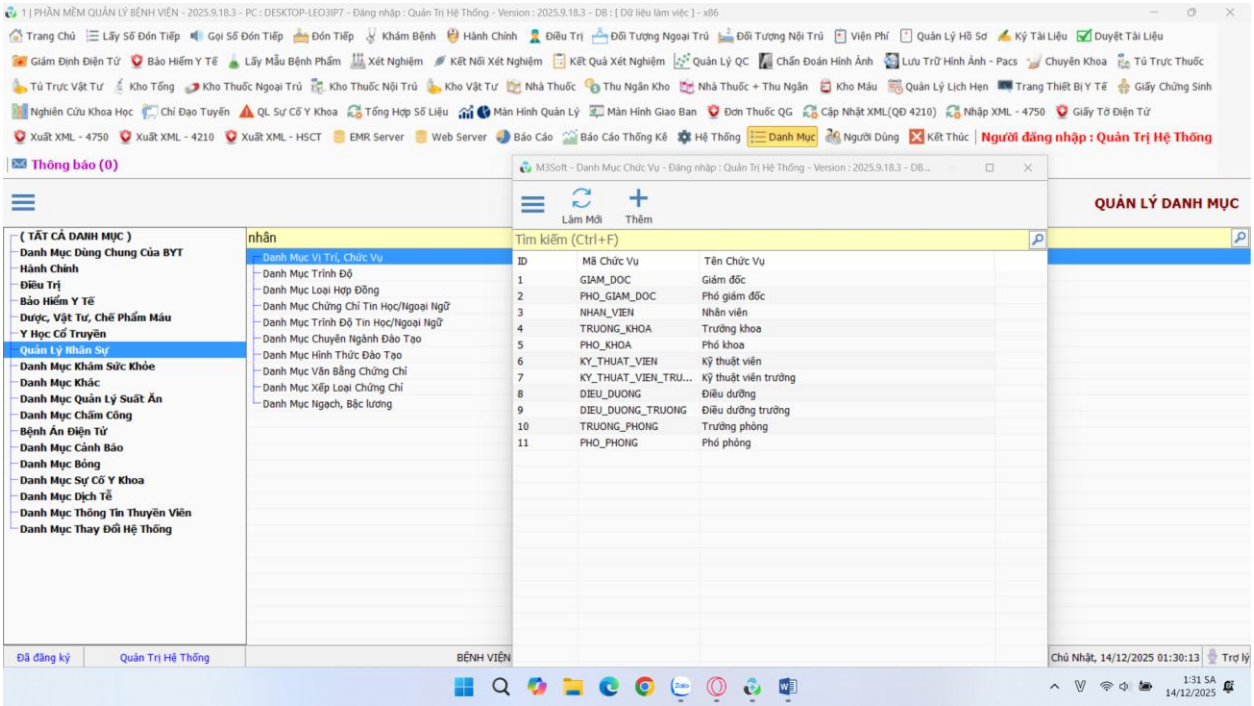

Danh mục Học vấn

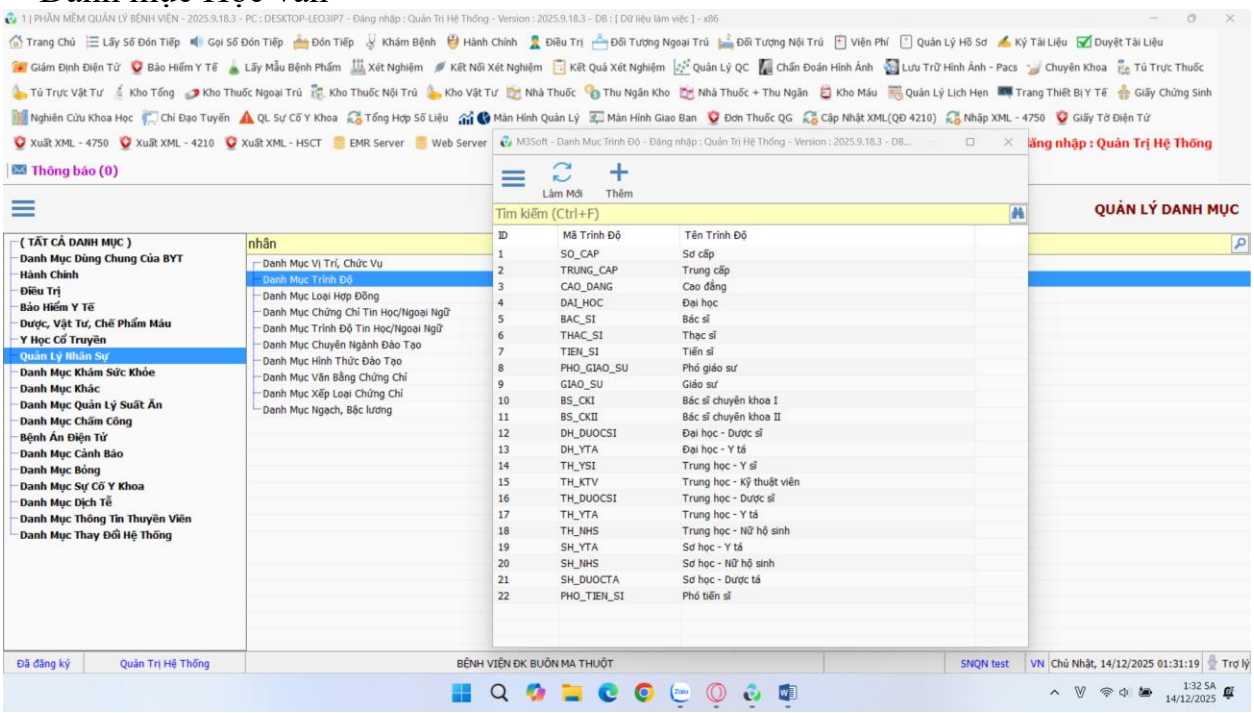

Danh mục Học vị
Danh mục Chức danh
Danh mục Học hàm
Danh mục Bảo hiểm
Danh mục Ngân hàng

Danh mục Thành phần gia đình Diện chính sách
Danh mục Tỉnh thành
Danh mục Quận huyện
Danh mục Phường xã
Danh mục Loại tài sản
Danh mục Thi đua
Danh mục Hình thức khen thưởng kỷ luật
Danh mục chấm công
Danh mục lý do nghỉ phép
Danh mục ca làm việc
Danh mục Phép chuẩn
Danh mục Giờ làm thêm
Danh mục Chấm trực
Danh mục Phiên trực
Danh mục Nhóm/Loại hợp đồng

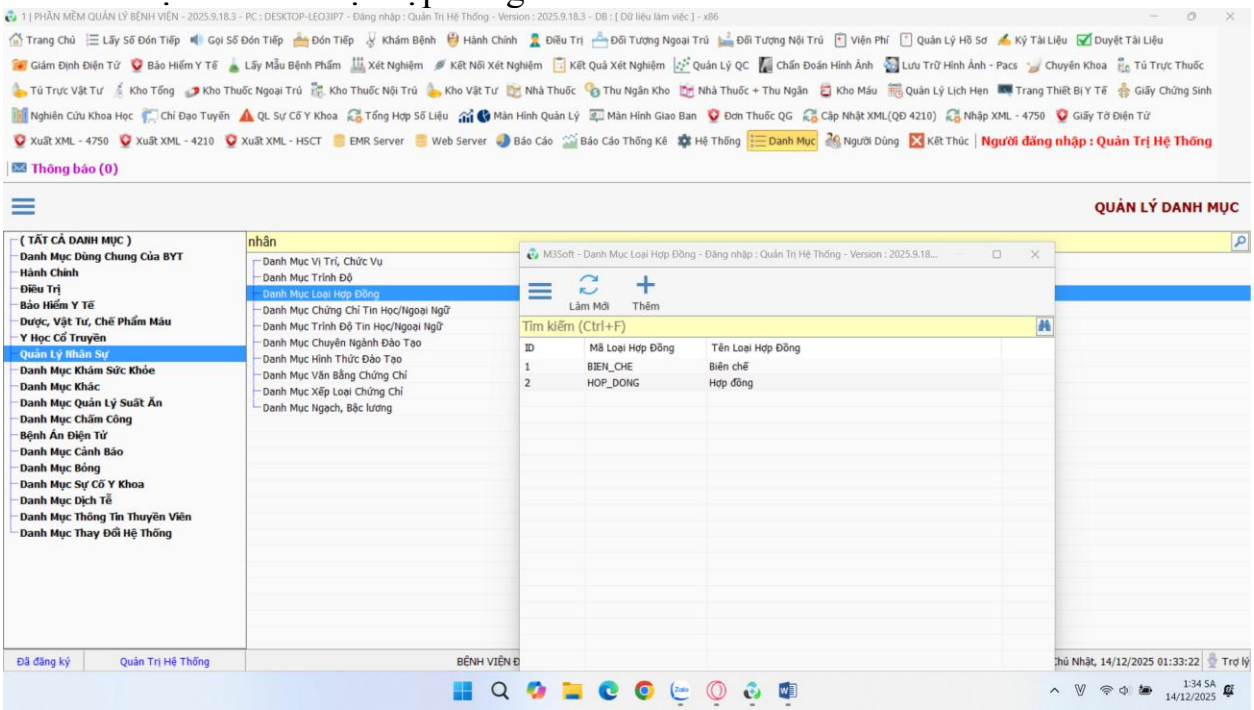

Danh mục Hợp đồng lao động

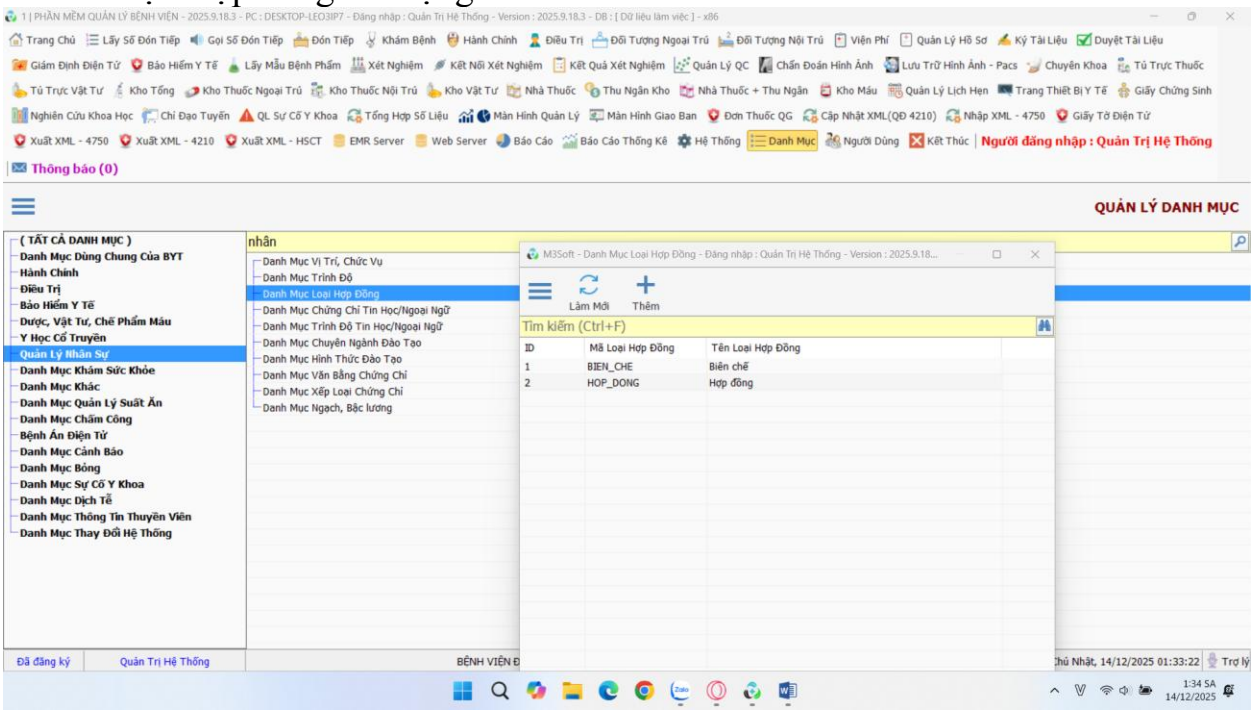

Danh mục Ngạch công chức

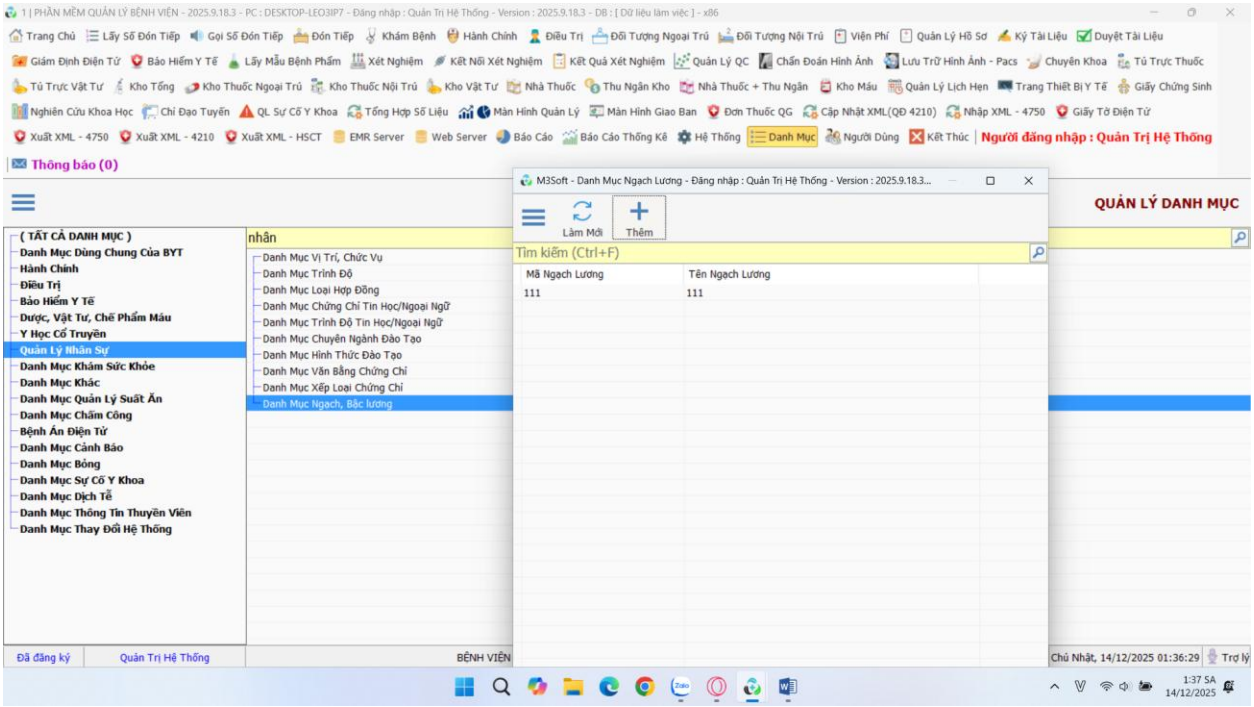

Danh mục Phụ cấp lương

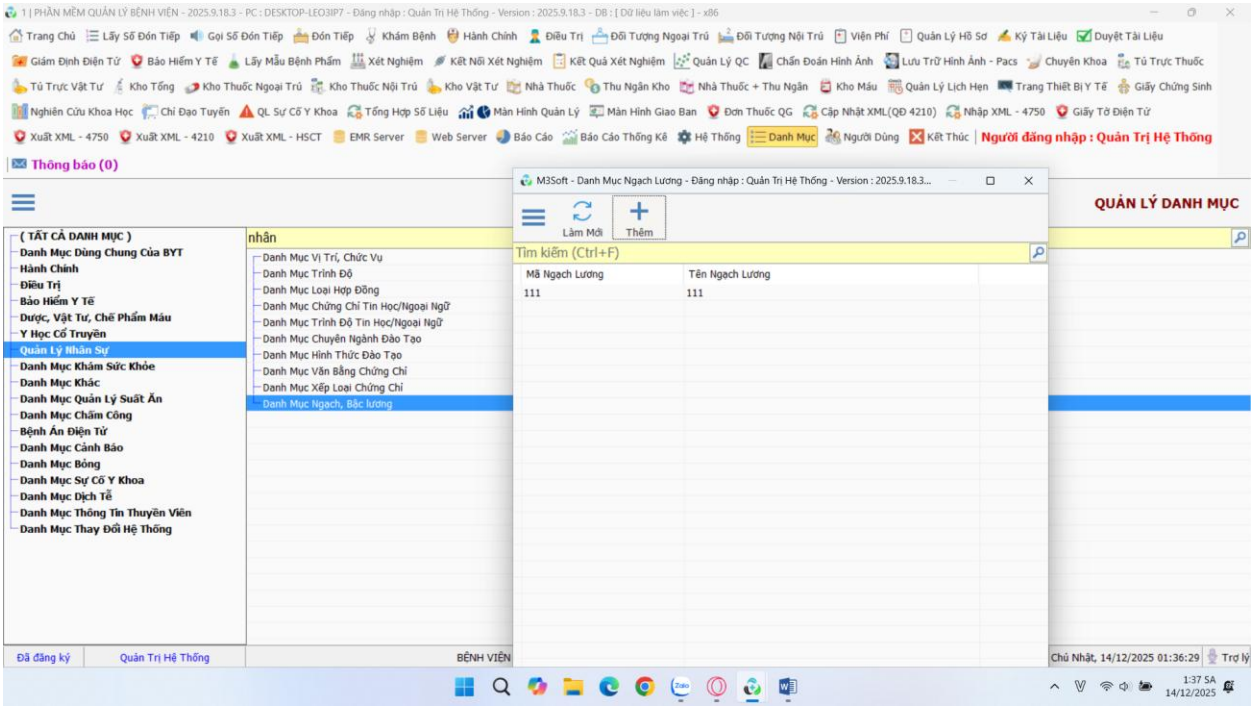

Danh mục Cách thức phụ cấp
Danh mục Nhóm đánh giá ABC
Danh mục Xếp loại ABC

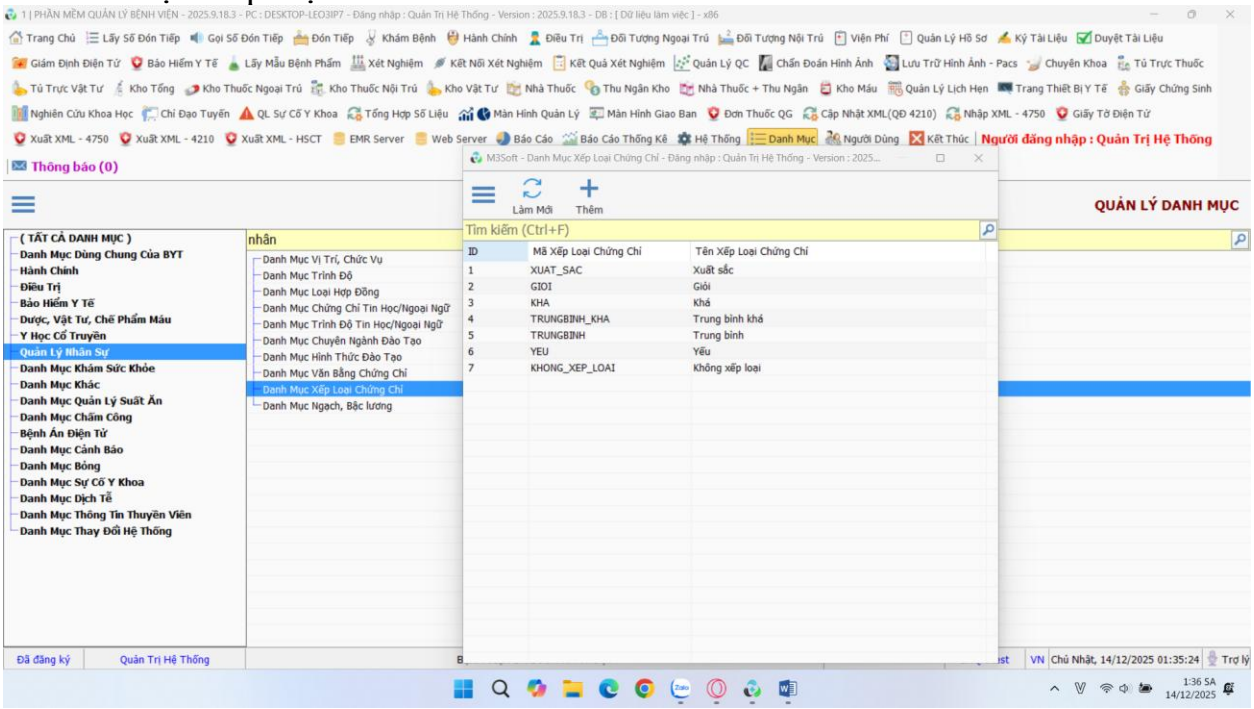

Khai báo ngày nghỉ lễ tết

2. Hồ Sơ nhân viên:
Thêm mới/xóa/ sửa một nhân viên

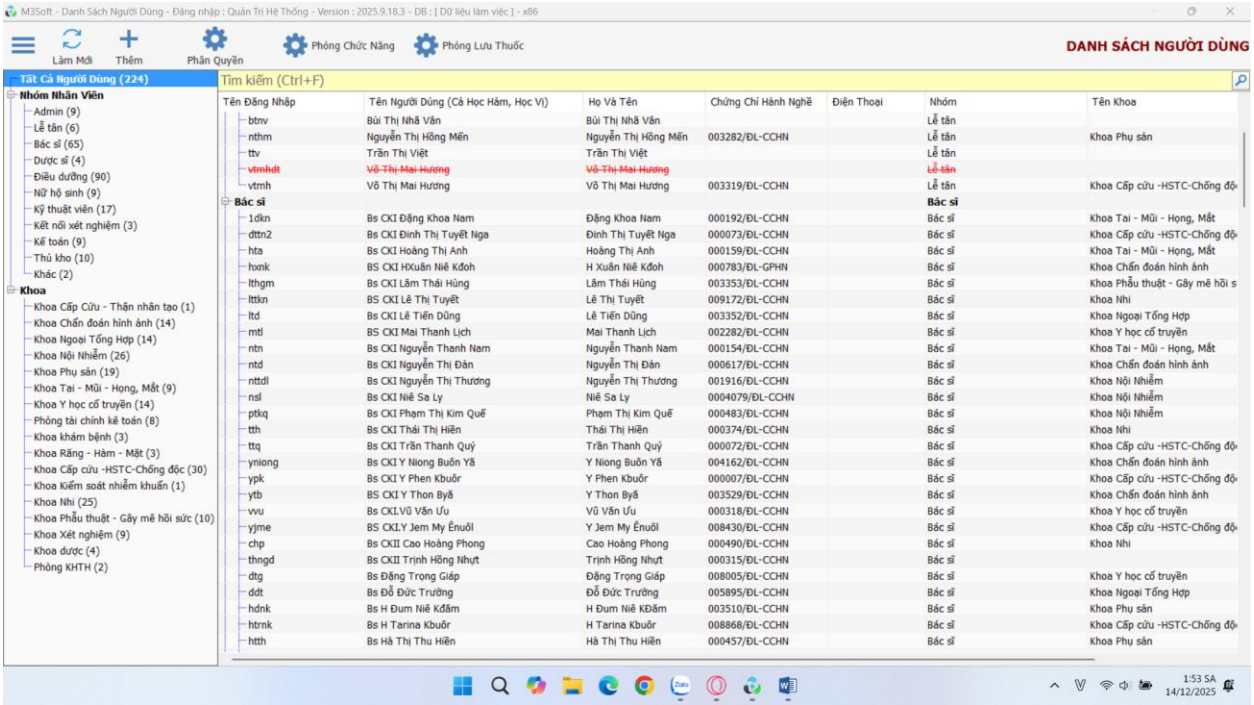

Thông tin chi tiết nhân viên: Cơ quan làm việc, thông tin tài sản, thông tin phụ cấp
Quá trình công tác: Chuyên chuyển bộ phận, lịch công tác nhân viên
Thông tin đào tạo nhân viên: Trường đào tạo, bằng cấp, chuyên ngành
Thông tin bản thân – gia đình – đoàn thể: Quan hệ gia đình, tham gia tổ chức chính trị - xã hội – Hội Nghề nghiệp, Lịch sử bản thân
Quản lý khen thưởng
Quản lý quá trình lương: Mã ngạch, ngạch, ngày nâng lương, ngày xét nâng lương, phụ cấp.
Thông tin trang thiết bị bảo hộ lao động
Thông tin ngân hàng hưởng thụ của nhân viên
Hợp đồng lao động: Nội dung, loại hợp đồng, ngày ký, ngày hết hạn; Tạo mới hợp đồng cho nhân viên lần đầu.; Chấm dứt 1 hợp đồng; Tái ký hợp đồng lao động; Thay đổi hợp đồng lao động
Thông tin bảo hiểm xã hội: Số BHYT, số BHXH, ngày cấp, ngày HĐ, nơi cấp

Thông tin thành viên trong gia đình
Quản lý thông tin đảng đoàn viên.
Import danh sách nhân viên từ excel
3. Chức năng Chấm công
Chấm công ngày nghỉ vắng (tạo phiếu nghỉ vắng)
Chấm công ngày ra trực, bù trực
Cử nhân viên đi biệt phái
Kết thúc cử đi biệt phái
Thêm mới một nhân viên làm thêm giờ
Chỉnh sửa thông tin một nhân viên làm thêm giờ
Xóa thông tin một nhân viên làm thêm giờ

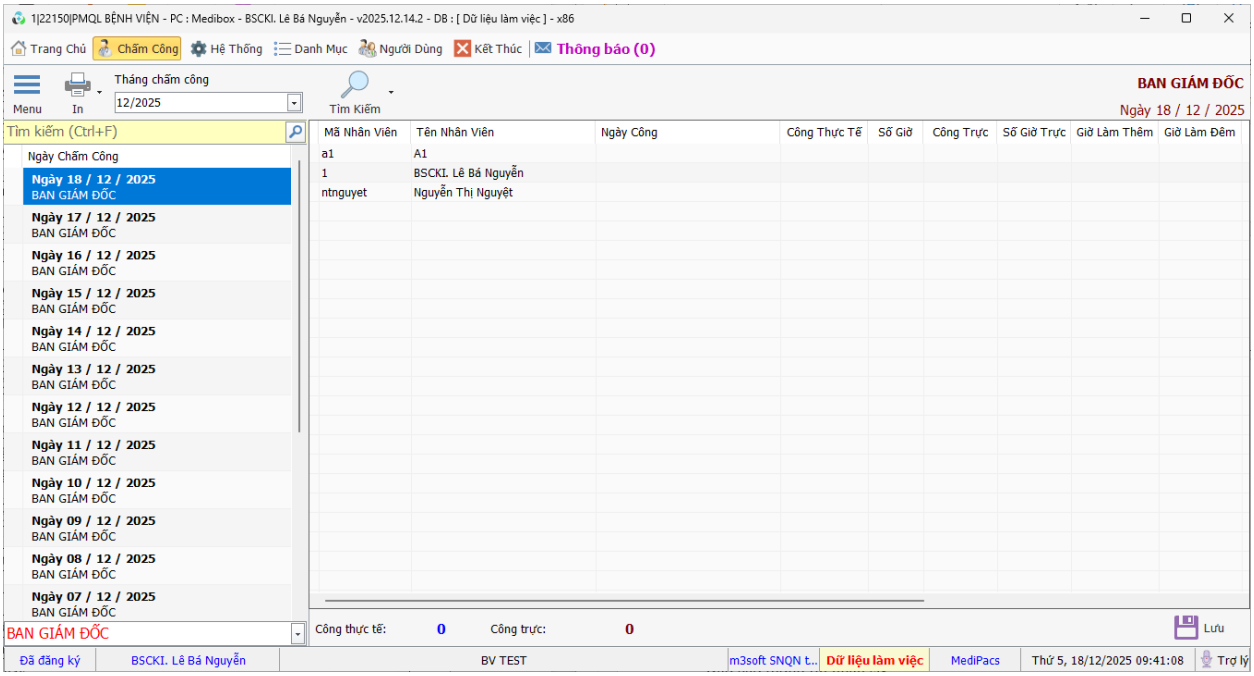

4. Báo cáo
Báo cáo thông tin nhân sự

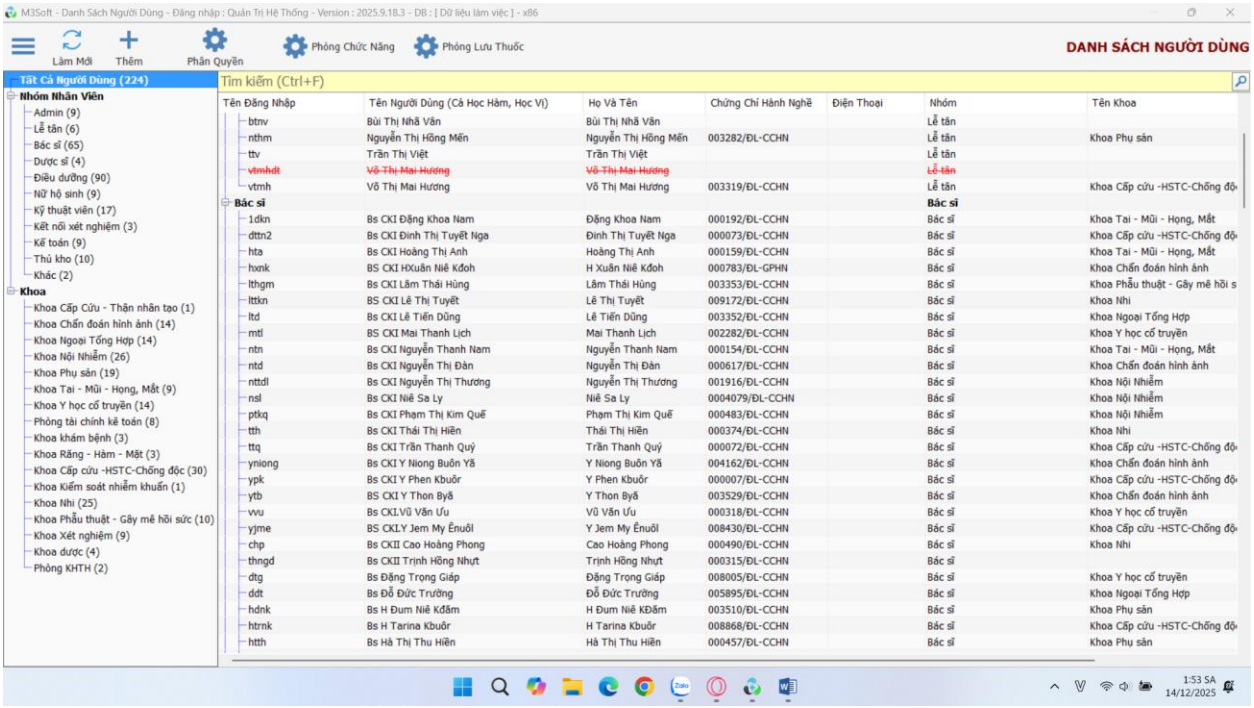

Bảng chấm công
Lịch trực ngày
Lịch trực tuần
Lịch trực tháng
Danh sách trực
Kiểm tra trùng lịch trực
Bảng chấm trực
Kết quả đánh giá ABC
Tồn phép năm
Theo dõi nhân sự
Phân tích công
Kiểm tra ngày
Danh sách đăng ký hành nghề
Bảng chấm công tháng
Tổng hợp ABC
Tổng hợp làm thêm giờ
Tổng hợp trực
5. Quản lý lịch trực:
Mở lịch trực tháng
Khai báo vị trí trực
Khai báo lịch trực
Nộp lịch trực tháng

Tạo phiếu đổi trực
Các chức năng hỗ trợ lịch trực
Mở chức năng [Lịch trực tháng]
Thêm nhân viên vào nhóm trực
Thêm nhân viên danh sách vào bảng xếp lịch trực

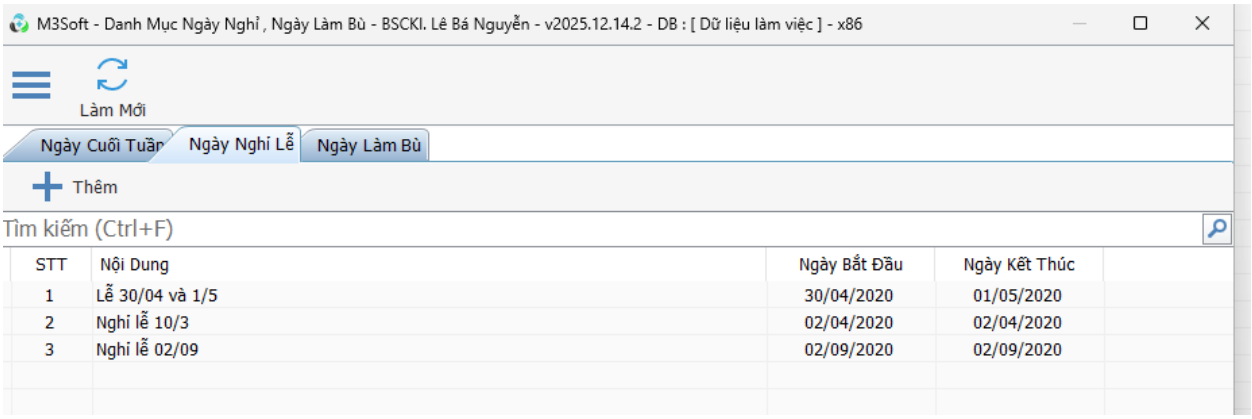

6. Các chức năng của admin xếp lịch
Duyệt phiếu đối trực
Duyệt lịch trực ngày (chấm trực)
Các báo cáo hỗ trợ
7. Chấm ABC
Khoa/ phòng chấm ABC
Bảng ký hiệu đánh giá Chấm ABC
8. Quản trị admin:
Khai báo user: Thêm/xóa/sửa người dung

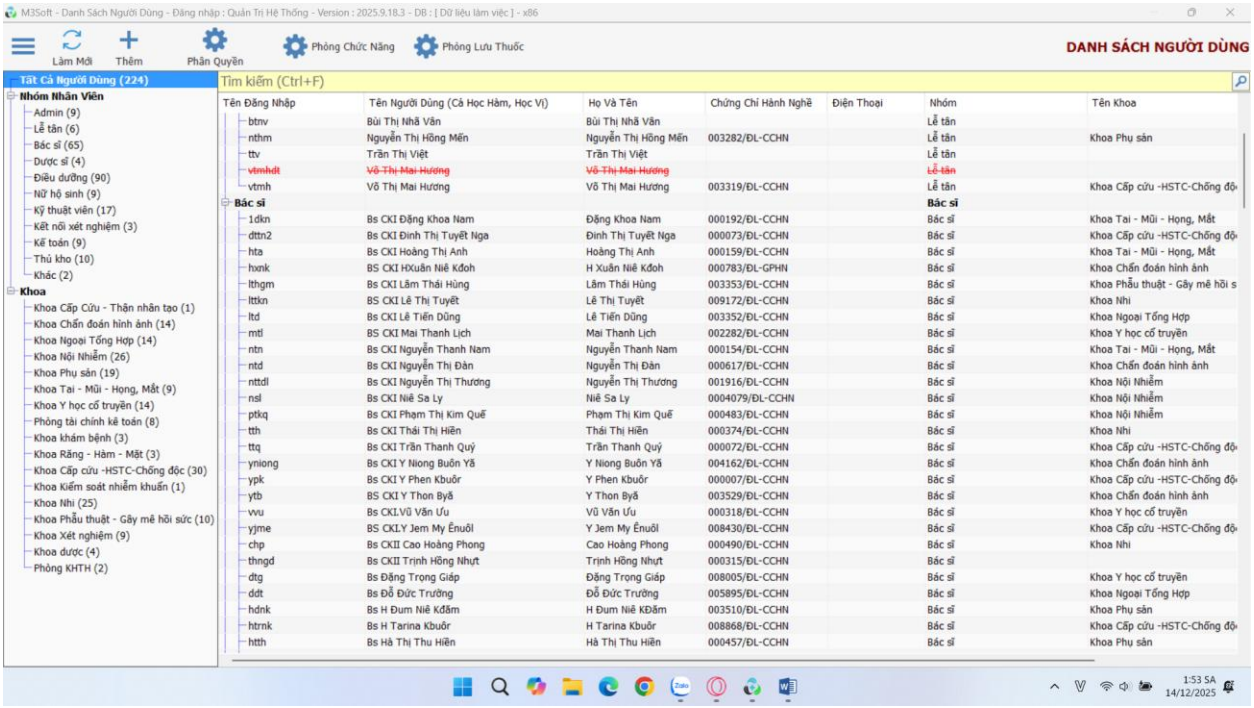

Quản lý nhóm người dung

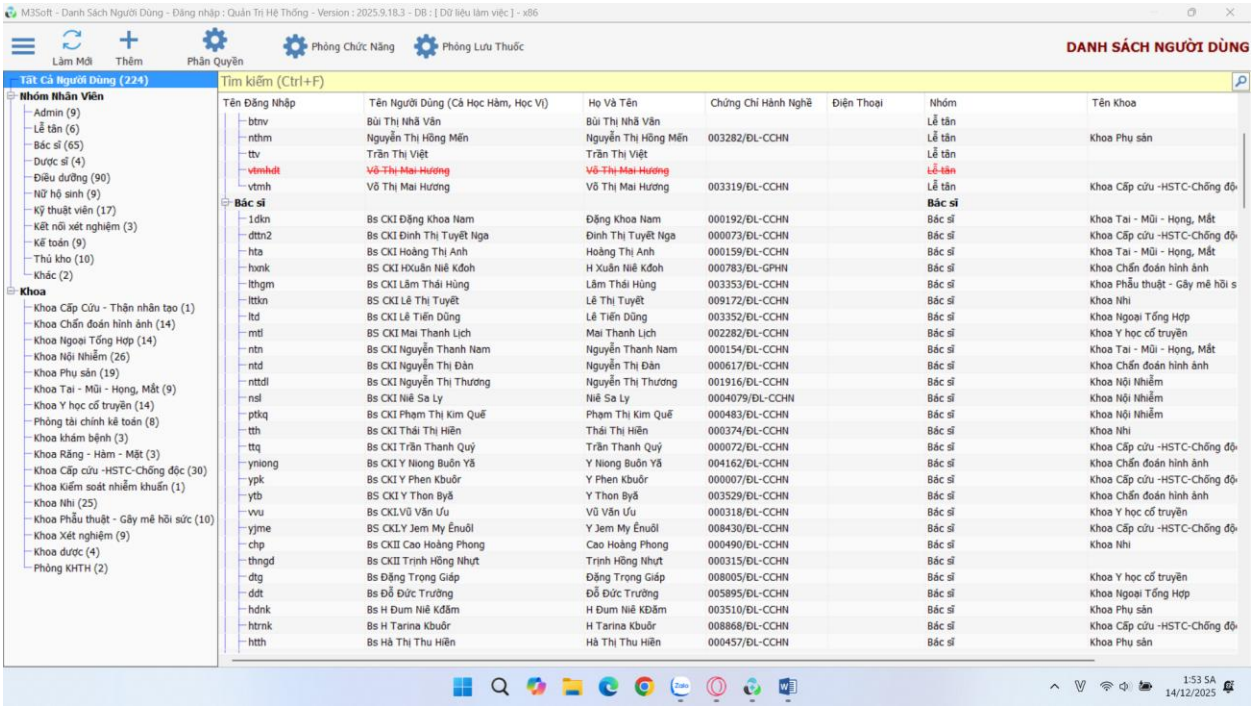

Kết xuất dữ liệu chấm công
Import nhập liệu danh mục chấm công mới
Cấu hình hệ thống theo tùy chọn người dùng

32. Hệ thống quản lý phòng khám vệ tinh, 1 Bệnh viện nhiều CSYT

Quản lý kiểm soát quy trình BHYT phân biệt chi phí cơ sở vệ tinh và bệnh viện.

Quản lý danh mục giá viện phí danh mục dùng chung của bộ y tế, BHXH phí cơ sở vệ tinh và bệnh viện.

Quản lý danh mục giá phân biệt cơ sở vệ tinh và bệnh viện.

Báo cáo BHXH 79,80,19,20,21 phân biệt vệ tinh và bệnh viện.

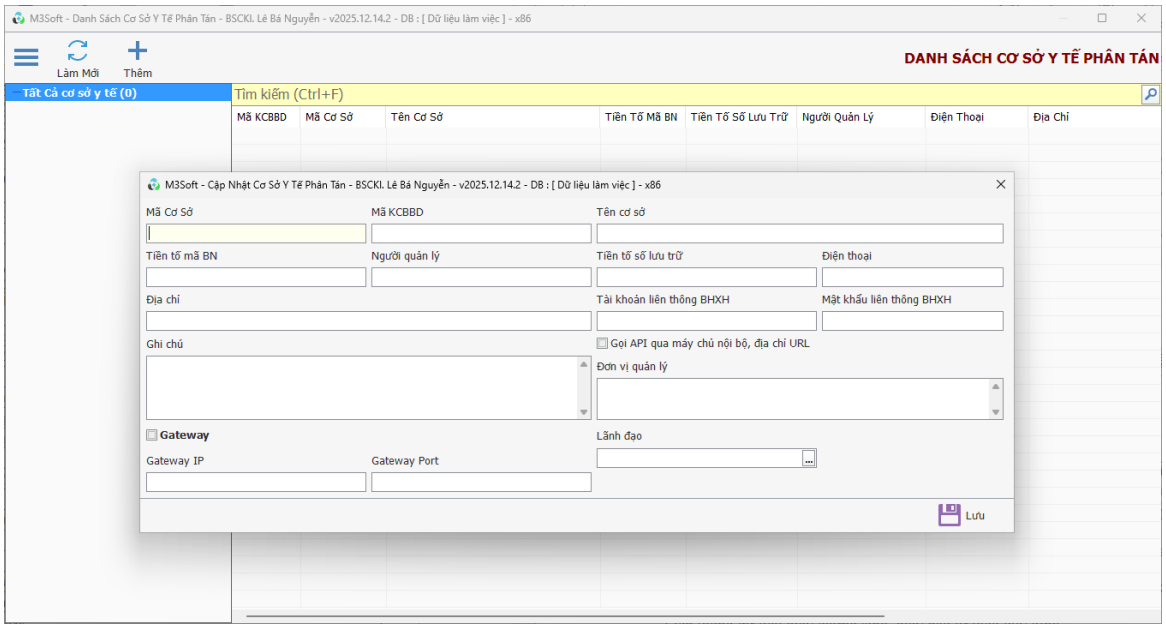

33. Kết nối được với các phần mềm của Bộ Y tế (quản lý bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng, Đề án 06) và chia sẻ dữ liệu được với cơ sở dữ liệu của tỉnh.

Liên thông dữ liệu tiêm chủng, dữ liệu khám chữa bệnh HIS với hệ thống "Hồ sơ sức khỏe điện tử" theo quy định

Hỗ trợ liên thông dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe phục vụ Đề án 06.

Liên thông dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe lên cổng https://gdbhyt.baohiemxahoi.gov.vn/ theo quy định

Liên thông dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử theo quy định

II. HỆ THỐNG THÔNG TIN XÉT NGHIỆM (LIS)

46. Hệ thống kết nối máy xét nghiệm tự động (số lượng máy thực tế)

Kết nối máy xét nghiệm tự động

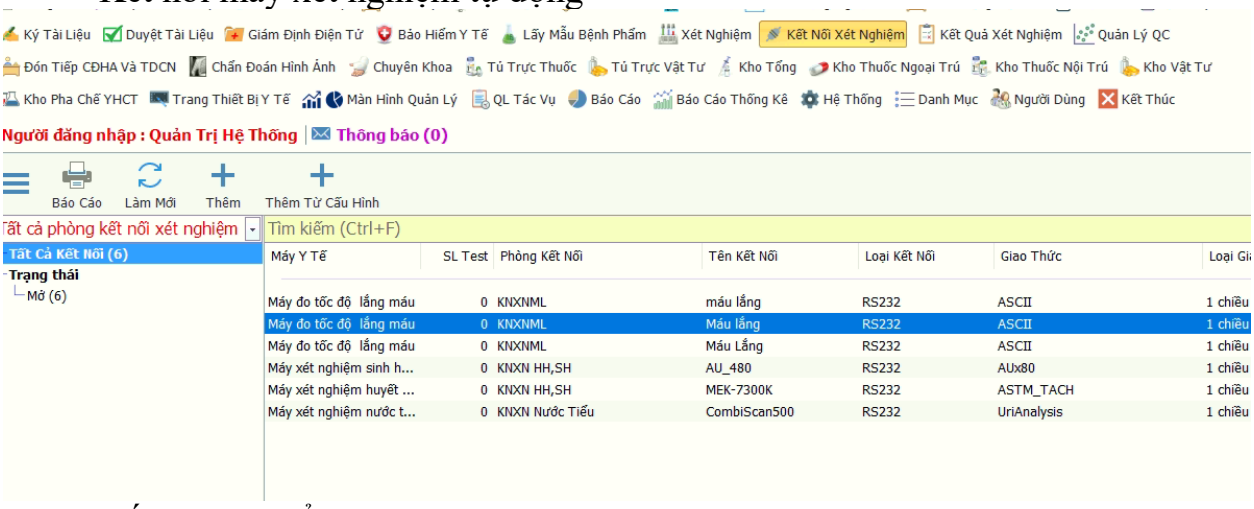

Kết quả có thể trả tại các khoa/phòng

Kết quả có thể duyệt bằng chữ ký

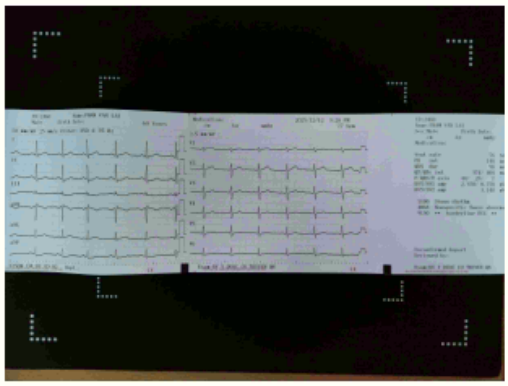

Ngày 12 tháng 12 năm 2025

BÁC SỸ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

Trương Thu Giang

47. Quản lý xét nghiệm

Nhập và in kết quả xét nghiệm Huyết học

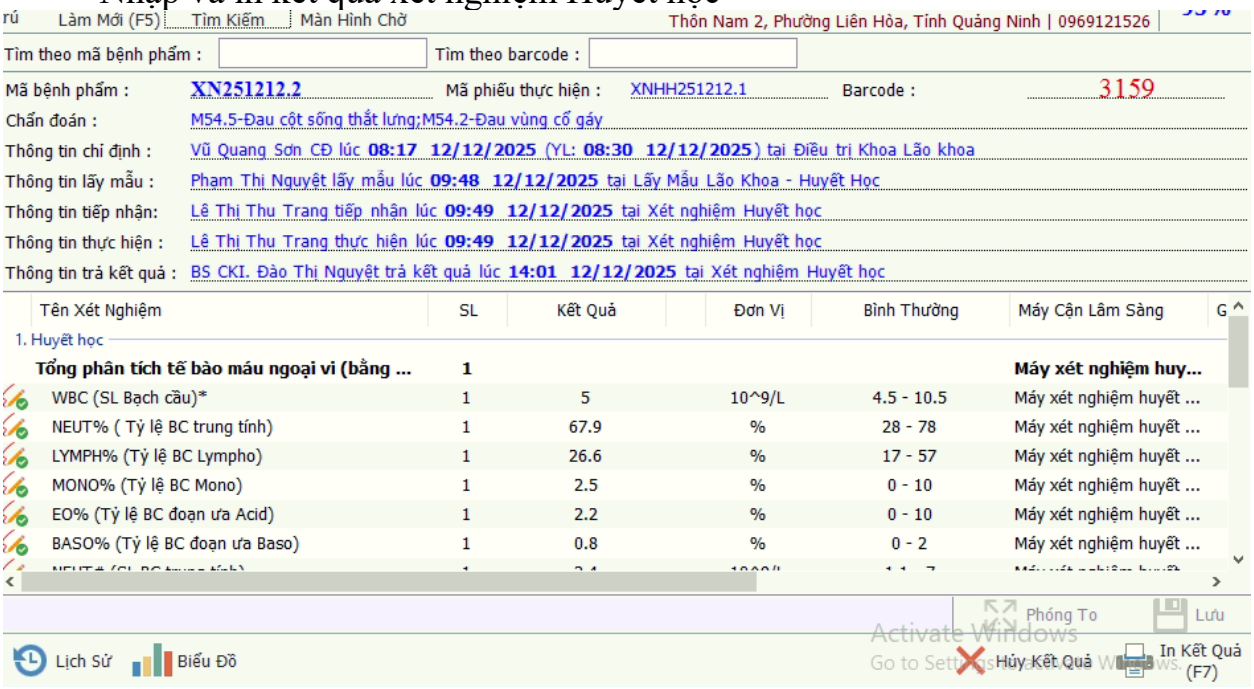

Làm Mới (F5) | Tìm Kiếm | Màn Hình Chờ — Thôn Nam 2, Phường Liên Hòa, Tỉnh Quảng Ninh | 0969121526

Tìm theo mã bệnh phẩm : | Tìm theo barcode :

Mã bệnh phẩm : XN251212.2 — Mã phiếu thực hiện : XNHH251212.1 — Barcode : 3159

Chẩn đoán : M54.5-Đau cột sống thắt lưng;M54.2-Đau vùng cổ gáy

Thông tin chỉ định : Vũ Quang Sơn CĐ lúc **08:17 12/12/2025** (YL: **08:30 12/12/2025**) tại Điều trị Khoa Lão khoa

Thông tin lấy mẫu : Phạm Thị Nguyệt lấy mẫu lúc **09:48 12/12/2025** tại Lấy Mẫu Lão Khoa - Huyết Học

Thông tin tiếp nhận: Lê Thị Thu Trang tiếp nhận lúc **09:49 12/12/2025** tại Xét nghiệm Huyết học

Thông tin thực hiện : Lê Thị Thu Trang thực hiện lúc **09:49 12/12/2025** tại Xét nghiệm Huyết học

Thông tin trả kết quả : BS CKI. Đào Thị Nguyệt trả kết quả lúc **14:01 12/12/2025** tại Xét nghiệm Huyết học

Tên Xét Nghiệm	SL	Kết Quả	Đơn Vị	Bình Thường	Máy Cận Lâm Sàng
1. Huyết học					
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng ...	**1**				**Máy xét nghiệm huy...**
WBC (SL Bạch cầu)*	1	5	10^9/L	4.5 - 10.5	Máy xét nghiệm huyết ...
NEUT% (Tỷ lệ BC trung tính)	1	67.9	%	28 - 78	Máy xét nghiệm huyết ...
LYMPH% (Tỷ lệ BC Lympho)	1	26.6	%	17 - 57	Máy xét nghiệm huyết ...
MONO% (Tỷ lệ BC Mono)	1	2.5	%	0 - 10	Máy xét nghiệm huyết ...
EO% (Tỷ lệ BC đoạn ưa Acid)	1	2.2	%	0 - 10	Máy xét nghiệm huyết ...
BASO% (Tỷ lệ BC đoạn ưa Baso)	1	0.8	%	0 - 2	Máy xét nghiệm huyết ...

Phóng To | Lưu | Lịch Sử | Biểu Đồ | Hủy Kết Quả | In Kết Quả (F7)

Nhập và in kết quả xét nghiệm Sinh Hóa

Nhập và in kết quả xét nghiệm Vi sinh

Nhập và in kết quả xét nghiệm Miễn dịch

Quản lý vật tư, hóa chất tiêu hao phục vụ xét nghiệm:

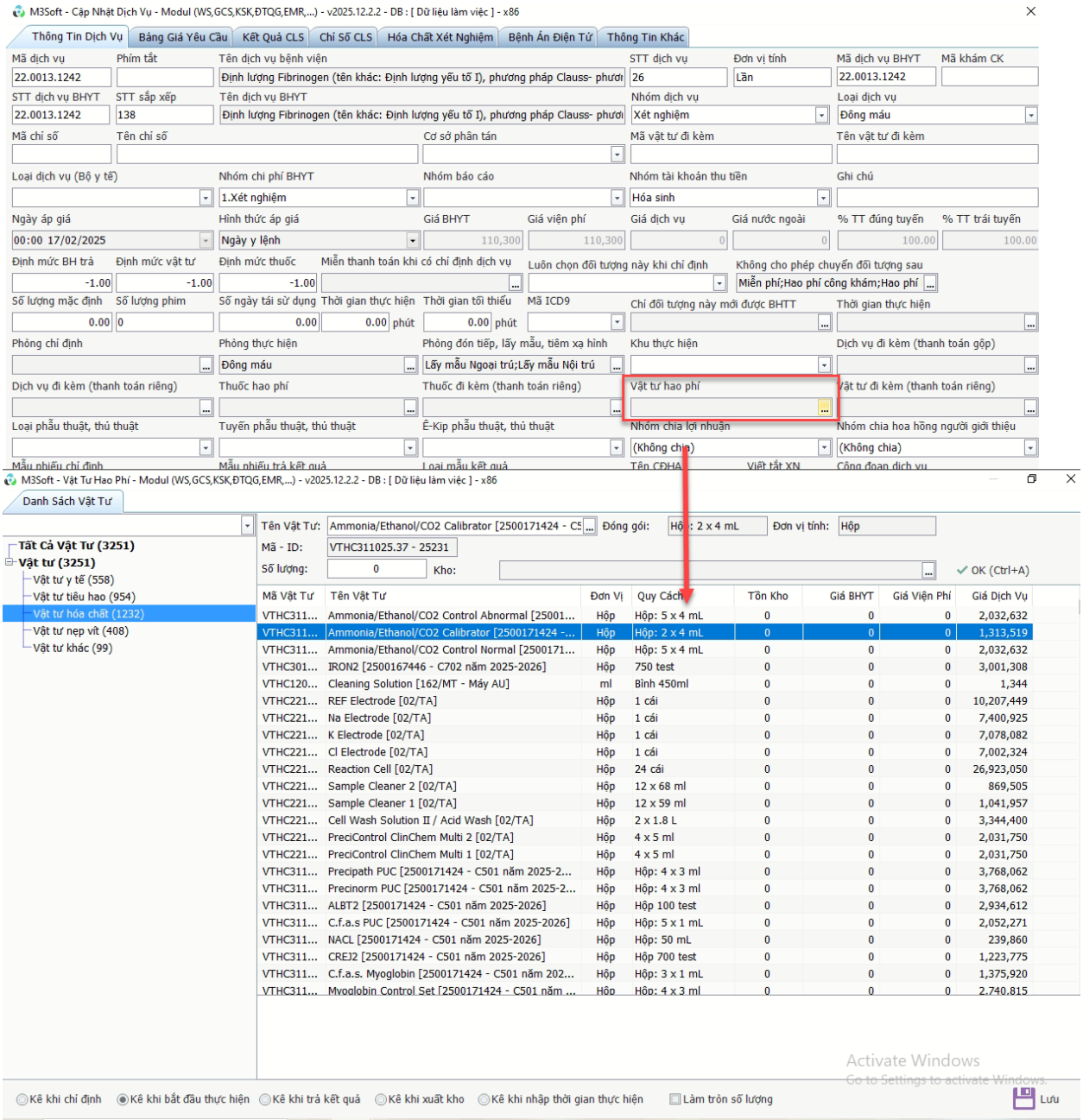

Lập phiếu lĩnh dược, vật tư y tế: Giúp lập các phiếu yêu cầu cấp phát VTYT tiêu hao, hóa chất và gửi cho khoa dược (Khoa dược sẽ tự động cấp phát theo yêu cầu này, không cần phải mất thời gian nhập vào)

Nhập về tủ cơ số tại mỗi phòng xét nghiệm.

Xuất sử dụng cơ số tủ trực.

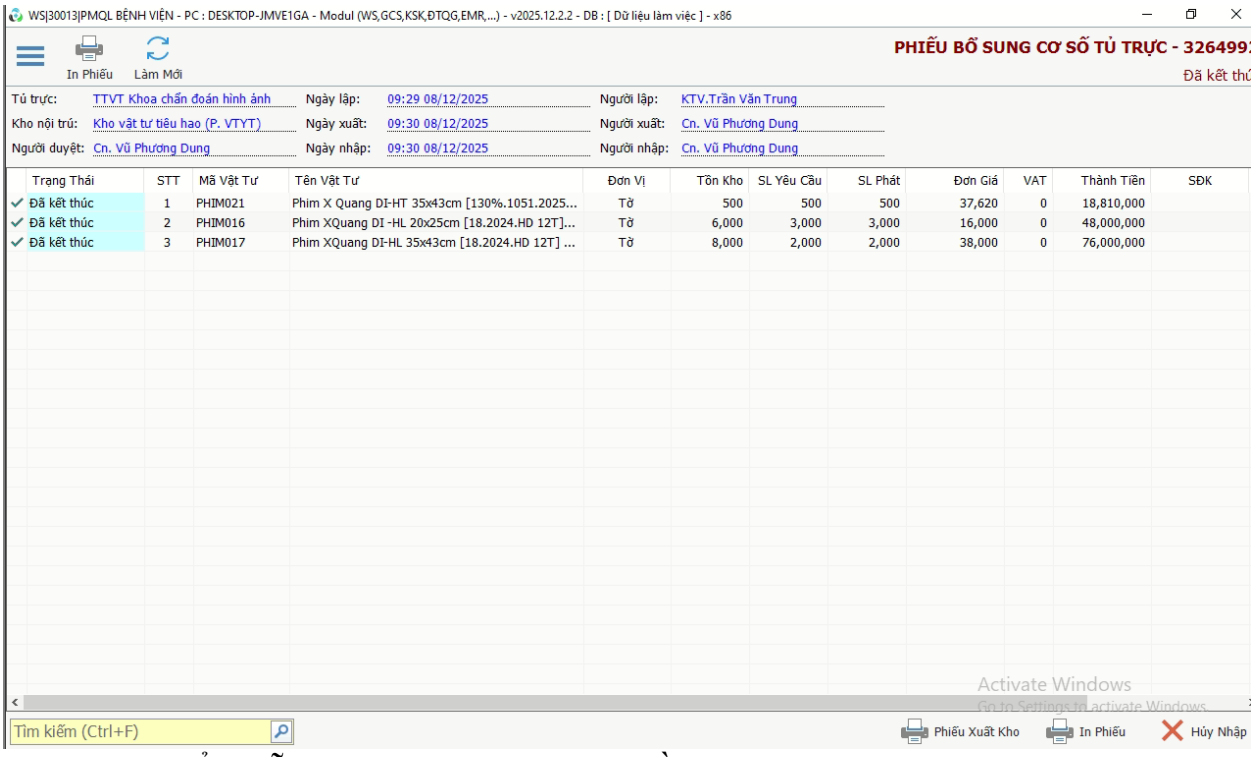

Các biểu mẫu, báo cáo phục vụ nhu cầu quản lý tại khoa xét nghiệm

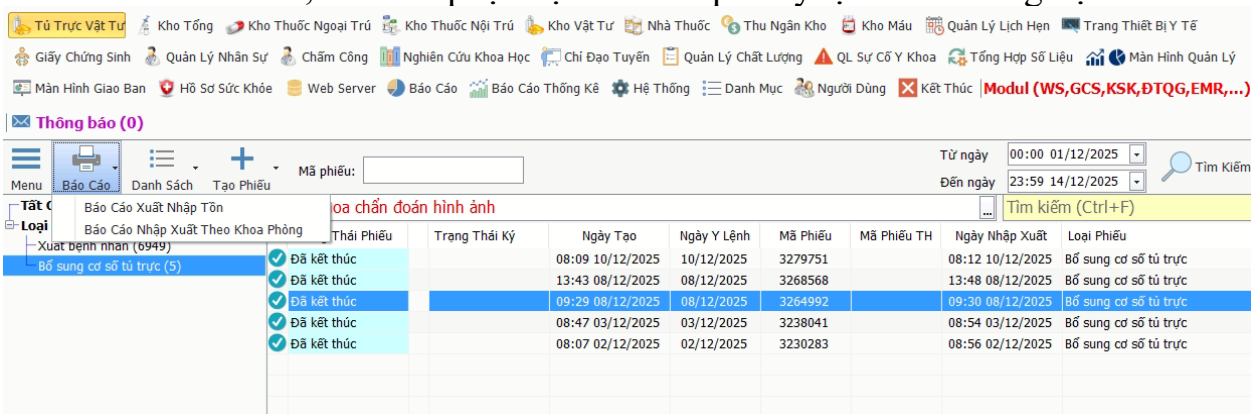

III. BỆNH ÁN ĐIỆN TỬ (EMR)

48. Kết nối với phần mềm kế toán, Kết nối hệ thống phần mềm ERP

Kết nối phần mềm kế toán qua hệ thống API
Phiếu thu tiền mặt
Phiếu chi
Phiếu nhập kho
Phiếu xuất kho

Tra cứu hóa đơn tự động từ hệ thống hóa đơn quốc gia
Kết nối hệ thống phần mềm ERP
Kết nối kho HIS – ERP
Quy trình đồng bộ Data HIS – ERP
Quy trình tăng giảm kho từ ERP -> HIS
Quy trình hàng ký gửi
Quy trình bán hàng nội trú từ HIS -> ERP
Quy trình bán hàng ngoại trú từ HIS -> ERP
Quy trình khám chữa bệnh cho Đoàn
Quy trình tài trợ cho Bệnh nhân, miễn giảm cho Bệnh nhân, xuất bán hàng tài trợ
Các nghiệp vụ kho: nhập khác xuất khác tại HIS -> ERP
Quy trình bán hàng tại ERP đồng bộ qua HIS
Quy trình đồng bộ giữa SAP- ERP -LabConn

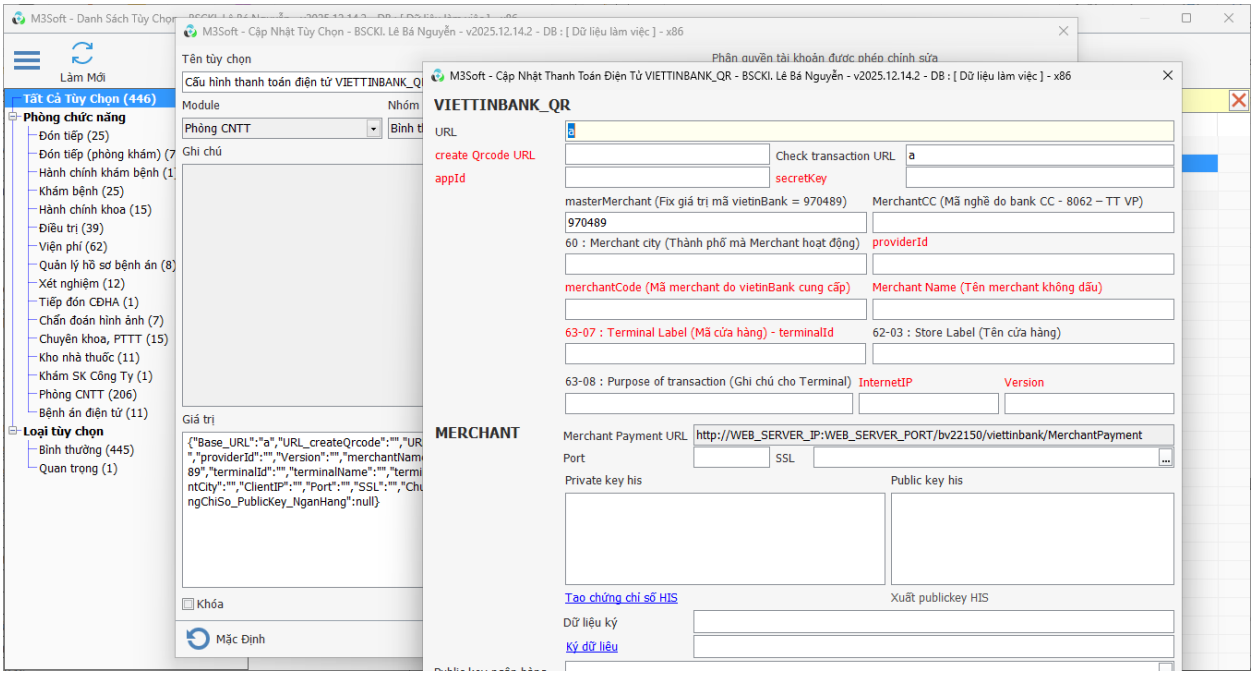

49. Website đặt khám, xem hồ sơ bệnh nhân online.

Quản lý lịch làm việc của Bác sĩ.

Quản lý đặt lịch hẹn, lịch khám bệnh theo ngày, theo bác sĩ ,..

Quản lý nhật ký, kết quả CLS, kết quả điều trị.

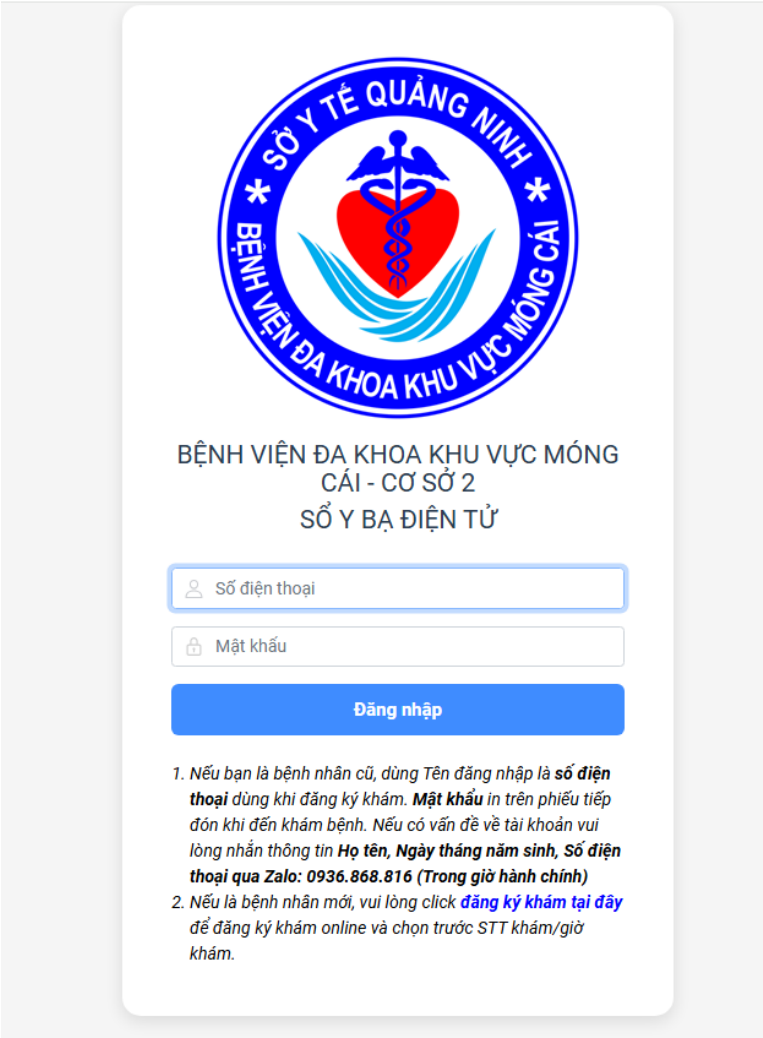

50. Quản lý số hoá biểu mẫu, số hóa hồ sơ bệnh án điện tử đáp ứng: Phần mềm HIS đạt theo Thông tư 13/2025/TT-BYT hướng dẫn triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 và Công văn số 365/TTYQG-GPQLCL ngày 06/6/2025 của Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia về yêu cầu kỹ thuật phần mềm EMR; Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định số 999/QĐ-BYT ngày 05/04/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ bệnh án phá thai.

TRANG 1 | A - BỆNH ÁN | B - TỔNG KẾT BỆNH ÁN | TỔNG KẾT

Sở Y Tế:
Bệnh viện: BV TEST
Khoa: KHOA SẢN ĐẺ [D3]

BỆNH ÁN PHÁ THAI

Số lưu trữ: 25KKB000086
Mã y tế: 22/22150/25/000023

I. HÀNH CHÍNH:

1. Họ và tên (IN HOA): TÚC TEST
2. Sinh ngày: 0 1 0 1 2 0 2 5 — Tuổi: 0 0
3. Dân tộc: Kinh — 2 5
4. Nghề nghiệp: Trẻ dưới 6 tuổi đi học, dưới 15 tuổ — 0 1
5. Ngoại kiều: — V N
6. Địa chỉ:
Xã, phường: Phường Đường Hào
Huyện (Q, Tx):
Tỉnh, thành phố: Tỉnh Hưng Yên — 3 3
7. Nơi làm việc:
Số điện thoại liên lạc:
8. Họ tên, địa chỉ người nhà khi cần báo tin: A
Số điện thoại:
9. Đến khám/vào viện hồi: 12 giờ 21 phút, ngày 29 tháng 09 năm 2025
10. Nơi giới thiệu: *10a. Y tế* [ ] *10b. Tự đến* [X]
11. Chẩn đoán của nơi giới thiệu (nếu có):
...

Phóng To | Bệnh Án Gần Nhất | Lưu | In Bệnh Án

Quyết định số 3443/QĐ-BYT ngày 22/09/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bổ sung mẫu hồ sơ bệnh án và một số biểu mẫu hồ sơ chuyên khoa mắt.

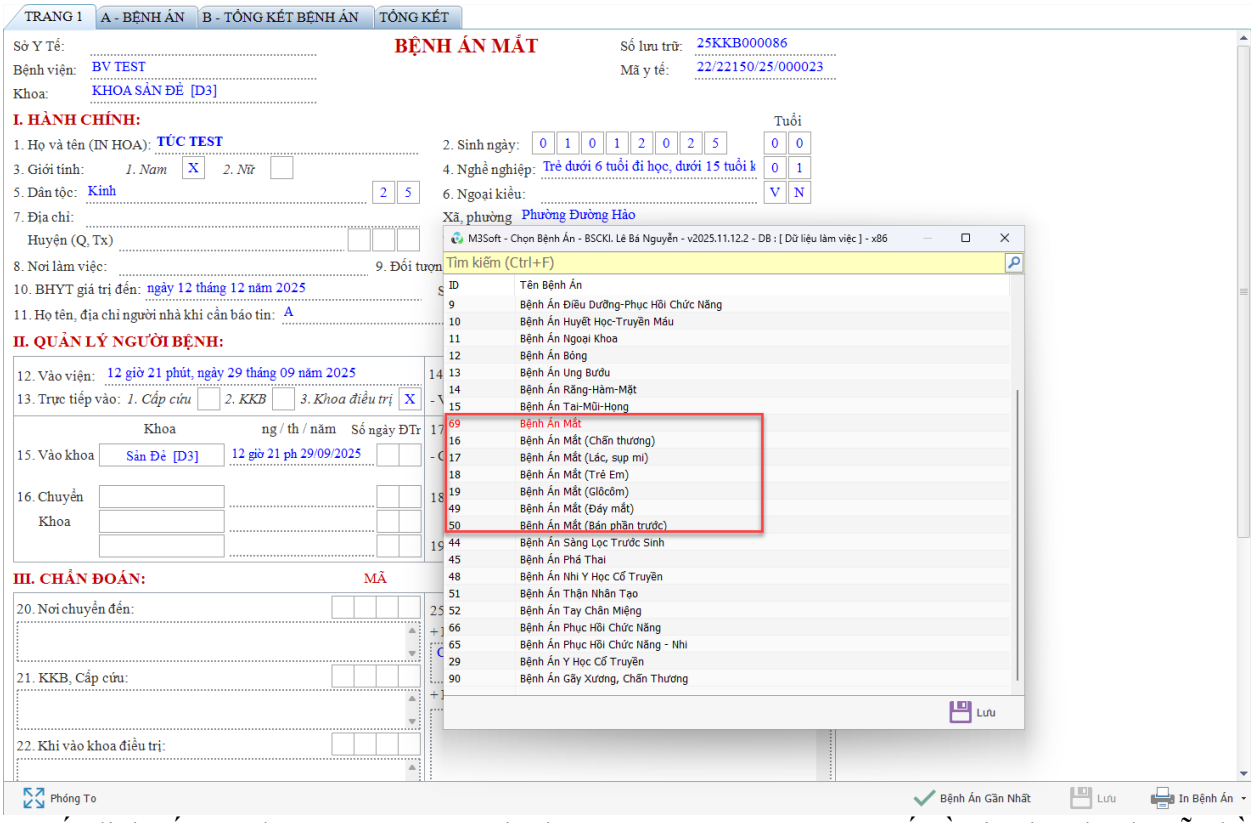

Quyết định số 1456/QĐ-BYT ngày 04/05/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành mẫu hồ sơ bệnh án bệnh tay chân miệng và các quy định khác có liên quan.

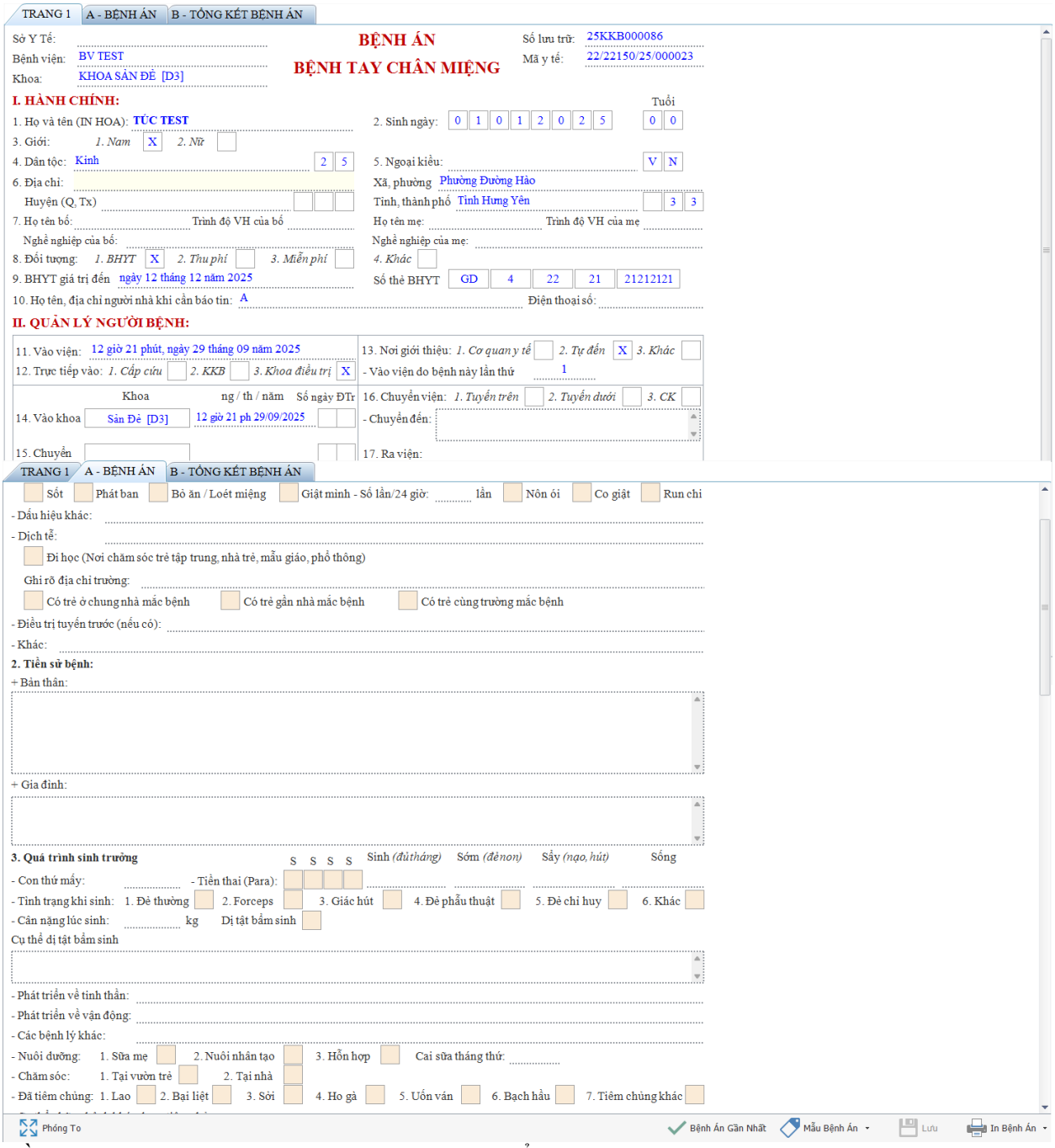

TRANG 1 | A - BỆNH ÁN | B - TỔNG KẾT BỆNH ÁN

Sở Y Tế:
Bệnh viện: BV TEST
Khoa: KHOA SẢN ĐẺ [D3]

BỆNH ÁN
BỆNH TAY CHÂN MIỆNG

Số lưu trữ: 25KKB000086
Mã y tế: 22/22150/25/000023

I. HÀNH CHÍNH:

1. Họ và tên (IN HOA): TÚC TEST
2. Sinh ngày: 0 1 0 1 2 0 2 5 — Tuổi: 0 0
3. Giới: 1. Nam [X] 2. Nữ [ ]
4. Dân tộc: Kinh — 2 5
5. Ngoại kiều: — V N
6. Địa chỉ:
Xã, phường: Phường Đường Hào
Huyện (Q, Tx):
Tỉnh, thành phố: Tỉnh Hưng Yên — 3 3
7. Họ tên bố: — Trình độ VH của bố:
Nghề nghiệp của bố:
Họ tên mẹ: — Trình độ VH của mẹ:
Nghề nghiệp của mẹ:
8. Đối tượng: 1. BHYT [X] 2. Thu phí [ ] 3. Miễn phí [ ] 4. Khác [ ]
9. BHYT giá trị đến: ngày 12 tháng 12 năm 2025
Số thẻ BHYT: GD 4 22 21 21212121
10. Họ tên, địa chỉ người nhà khi cần báo tin: A — Điện thoại số:

II. QUẢN LÝ NGƯỜI BỆNH:

11. Vào viện: 12 giờ 21 phút, ngày 29 tháng 09 năm 2025
12. Trực tiếp vào: 1. Cấp cứu [ ] 2. KKB [ ] 3. Khoa điều trị [X]
13. Nơi giới thiệu: 1. Cơ quan y tế [ ] 2. Tự đến [X] 3. Khác [ ]
- Vào viện do bệnh này lần thứ: 1

	Khoa	ng / th / năm	Số ngày ĐTr
14. Vào khoa	Sản Đẻ [D3]	12 giờ 21 ph 29/09/2025	
15. Chuyển			

16. Chuyển viện: 1. Tuyến trên [ ] 2. Tuyến dưới [ ] 3. CK [ ]
- Chuyển đến:
17. Ra viện:

TRANG 1 | A - BỆNH ÁN | B - TỔNG KẾT BỆNH ÁN

[ ] Sốt [ ] Phát ban [ ] Bỏ ăn / Loét miệng [ ] Giật mình - Số lần/24 giờ: ..... lần [ ] Nôn ói [ ] Co giật [ ] Run chi
- Dấu hiệu khác:
- Dịch tễ:
[ ] Đi học (Nơi chăm sóc trẻ tập trung, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông)
Ghi rõ địa chỉ trường:
[ ] Có trẻ ở chung nhà mắc bệnh [ ] Có trẻ gần nhà mắc bệnh [ ] Có trẻ cùng trường mắc bệnh
- Điều trị tuyến trước (nếu có):
- Khác:

2. Tiền sử bệnh:
+ Bản thân:
+ Gia đình:

3. Quá trình sinh trưởng
- Con thứ mấy: — Tiền thai (Para): S S S S — Sinh (đủ tháng) — Sớm (đẻ non) — Sẩy (nạo, hút) — Sống
- Tình trạng khi sinh: 1. Đẻ thường [ ] 2. Forceps [ ] 3. Giác hút [ ] 4. Đẻ phẫu thuật [ ] 5. Đẻ chỉ huy [ ] 6. Khác [ ]
- Cân nặng lúc sinh: ..... kg — Dị tật bẩm sinh [ ]
Cụ thể dị tật bẩm sinh
- Phát triển về tinh thần:
- Phát triển về vận động:
- Các bệnh lý khác:
- Nuôi dưỡng: 1. Sữa mẹ [ ] 2. Nuôi nhân tạo [ ] 3. Hỗn hợp [ ] Cai sữa tháng thứ:
- Chăm sóc: 1. Tại vườn trẻ [ ] 2. Tại nhà [ ]
- Đã tiêm chủng: 1. Lao [ ] 2. Bại liệt [ ] 3. Sởi [ ] 4. Ho gà [ ] 5. Uốn ván [ ] 6. Bạch hầu [ ] 7. Tiêm chủng khác [ ]

Phóng To | Bệnh Án Gần Nhất | Mẫu Bệnh Án | Lưu | In Bệnh Án

Hồ sơ bệnh án điện tử phải áp dụng các tiêu chuẩn công nghệ thông tin sau đây:
Tiêu chuẩn HL7 gồm kiến trúc tài liệu lâm sàng HL7 CDA và HL7 FHIR.

Bệnh Nhân | Thông Tin Lưu Trữ | BA Điện Tử(9) | Tài Liệu | HL7-CDA | HL7-FHIR | CV365


```xml
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<ClinicalDocument xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance" xmlns:xsd="http://www.w3.org/2001/XMLSchema" moodCode="EVN"
xmlns="urn:hl7-org:v3">
  <typeId root="2.16.840.1.113883.1.3" extension="POCD_HD000040" />
  <templateId root="2.16.840.1.113883.10.20.1" />
  <templateId root="2.16.840.1.113883.10.20.22.1.1" />
  <templateId root="2.16.840.1.113883.10.20.22.1.2" />
  <id root="2.16.840.1.113883.19.4" extension="c266" />
  <code code="11488-4" codeSystem="2.16.840.1.113883.6.1" codeSystemName="LOINC" displayName="Hồ Sơ Bệnh Án" />
  <title>Hồ sơ bệnh án điện tử : 17072545 - NGUYỄN HOÀNG BẢO NGÂN</title>
  <effectiveTime value="20251218131126" />
  <confidentialityCode code="N" codeSystem="2.16.840.1.113883.5.25" />
  <languageCode code="vi-VN" />
  <setId root="2.16.840.1.113883.19.7" extension="BB35" />
  <versionNumber value="1" />
  <recordTarget typeCode="RCT" contextControlCode="OP">
    <patientRole classCode="PAT">
      <id root="2.16.840.1.113883.19.5" extension="17072545" assigningAuthorityName="Patient code of HIS system" />
      <id root="1.3.6.1.4.1.1234.13.20.9999.1.3.7.4" extension="HS4222221355114" assigningAuthorityName="Insurance code of Vietnam
Social Security" />
      <addr>Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh</addr>
      <telecom value="0394256189" />
      <patient classCode="PSN" determinerCode="INSTANCE">
        <id root="2.16.840.1.113883.19.5" extension="17072545" />
        <name>NGUYỄN HOÀNG BẢO NGÂN</name>
        <administrativeGenderCode code="F" codeSystem="2.16.840.1.113883.5.1" />
        <birthTime value="20170519" />
      </patient>
    </patientRole>
  </recordTarget>
  <author typeCode="AUT" contextControlCode="OP">
    <time value="20251218131126" />
    <assignedAuthor classCode="ASSIGNED">
      <id root="2.16.840.1.113883.4.6" extension="12345" />
      <code code="207QA0505X" codeSystem="2.16.840.1.113883.6.101" codeSystemName="NUCC" displayName="Bác sĩ điều trị" />
      <assignedPerson classCode="PSN" determinerCode="INSTANCE">
        <name>Đào Thị Hương</name>
      </assignedPerson>
    </assignedAuthor>
  </author>
  <custodian typeCode="CST">
    <assignedCustodian classCode="ASSIGNED">
      <representedCustodianOrganization classCode="ORG" determinerCode="INSTANCE">
```


Xuất File | Tạo Dữ Liệ

Tiêu chuẩn hình ảnh số và truyền tải trong y tế (DICOM) phiên bản 2.0 trở lên.

	ID	Tên ngắn gọn	Tên đầy đủ	StationName	AE Title	Tên nhóm
	Tiếp nhận ảnh từ máy cộng hưởng từ					
≡	125	MRI P.120 - A2	MRI P120 - A2	GEHCGEHC	GEHCGEHC	MR
	Tiếp nhận ảnh từ máy cắt lớp vi tính					
	126	CT P.120 - A2	CT P.120 - A2	CT#	CTA2118	CT
	Tiếp nhận ảnh từ máy xquang số					
	135	XQ P.129 - A5	XQ P.129 - A5	console5800	console5800	CR
	Tiếp nhận ảnh từ máy siêu âm					
	197	Phòng Siêu Âm G006	Phòng Siêu Âm G006		G006	US
	Tiếp nhận ảnh từ máy đo chức năng phổi					
	665	Phòng đo chức năng hô hấp 113-A5	Phòng đo chức năng hô hấp 113-A5	TDCN 113-A5	TDCN 113-A5	TDCN

Tiêu chuẩn về an toàn thông tin y tế theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Y tế.

Phần mềm HIS có khả năng tích hợp SNOMED CT bộ danh pháp thuật ngữ lâm sàng điện tử giúp nâng cao hiệu suất và chất lượng của hệ thống HIS, góp phần cải thiện chăm sóc sức khỏe và quản lý thông tin y tế

Danh mục dùng chung trong hồ sơ bệnh án điện tử: Hồ sơ bệnh án điện tử sử dụng danh mục dùng chung theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

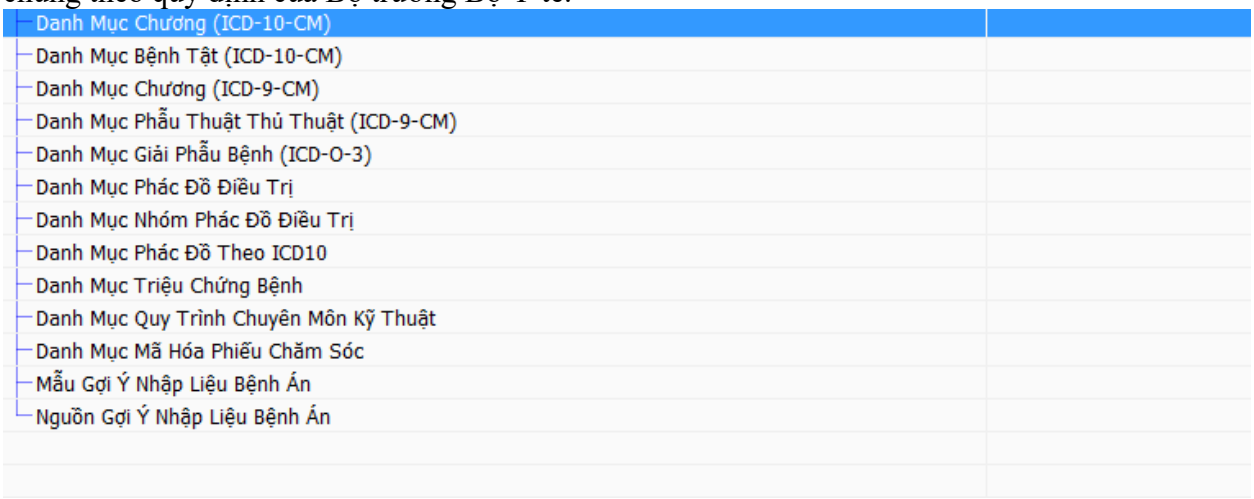

Chức năng:

Ghi chép thông tin bệnh án điện tử của bệnh nhân và cập nhật dữ liệu một cách nhanh chóng và chính xác.

Tra cứu thông tin bệnh án của bệnh nhân và truy cập các tài liệu y tế liên quan một cách dễ dàng.

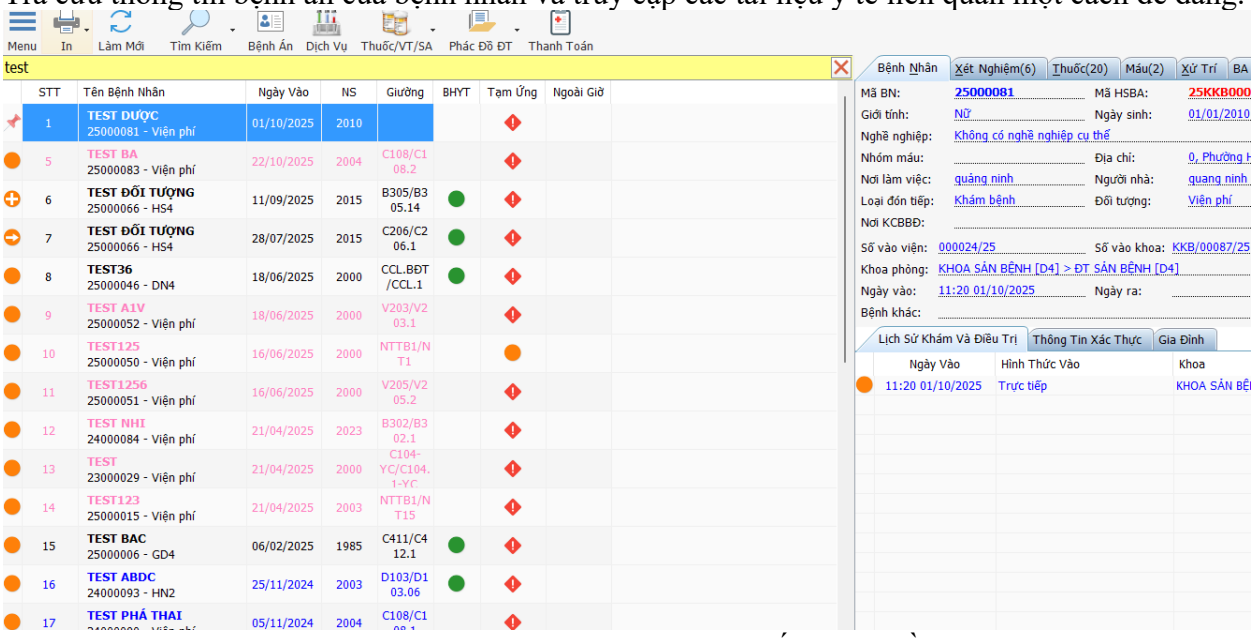

Quản lý toàn bộ quá trình chăm sóc bệnh nhân và theo dõi tiến trình điều trị của bệnh nhân.

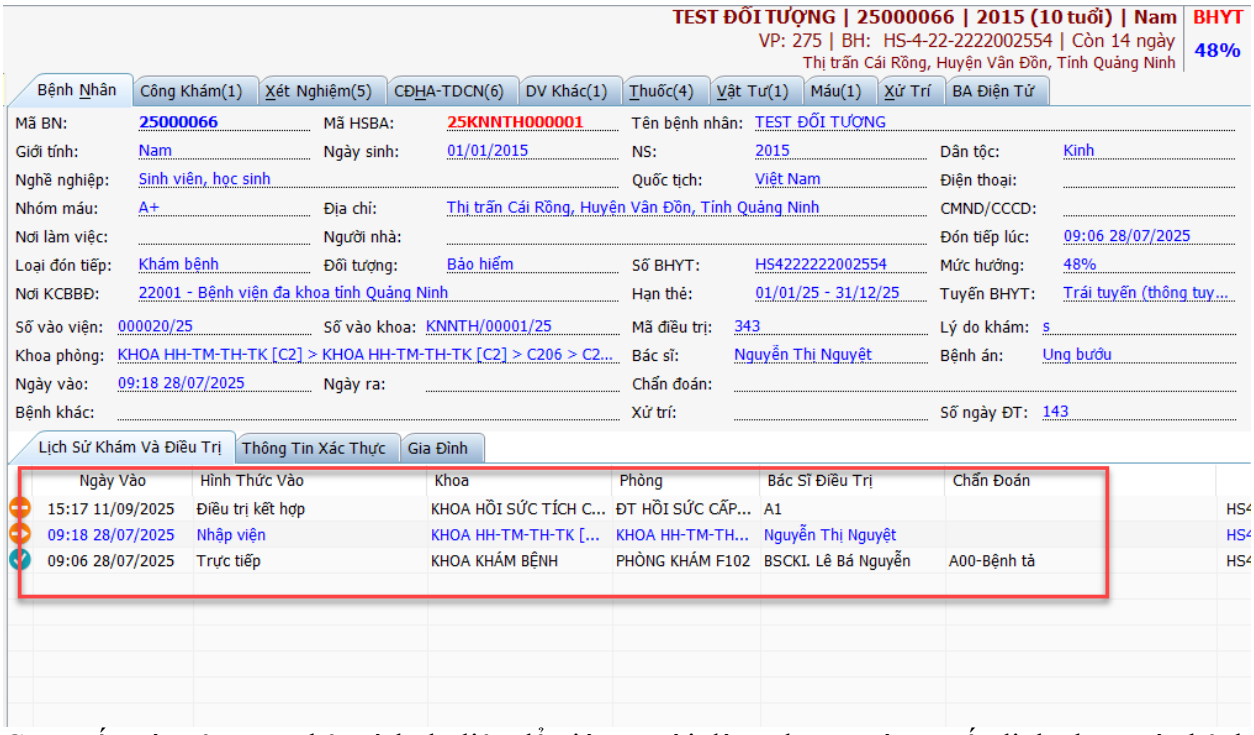

Cung cấp các công cụ phân tích dữ liệu để giúp người dùng đưa ra các quyết định chăm sóc bệnh nhân tốt hơn.

Tự động tạo ra các báo cáo, đơn thuốc, hóa đơn và các tài liệu y tế khác.

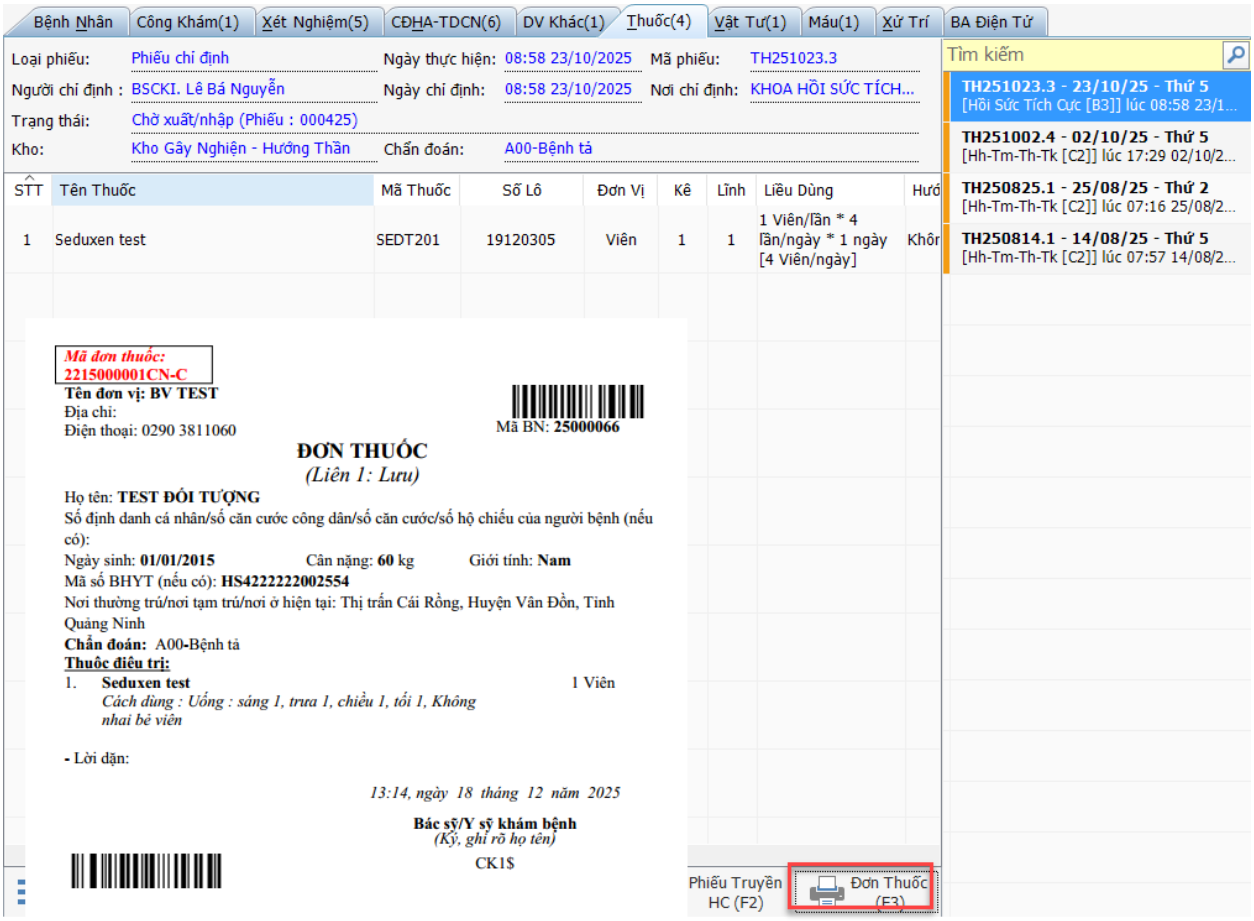

BSCKI. Lê Bá Nguyễn

- *Khám lại xin mang theo đơn này*
- *Số điện thoại liên hệ:*
- *Họ và tên người đưa trẻ đến khám bệnh, chữa bệnh:*

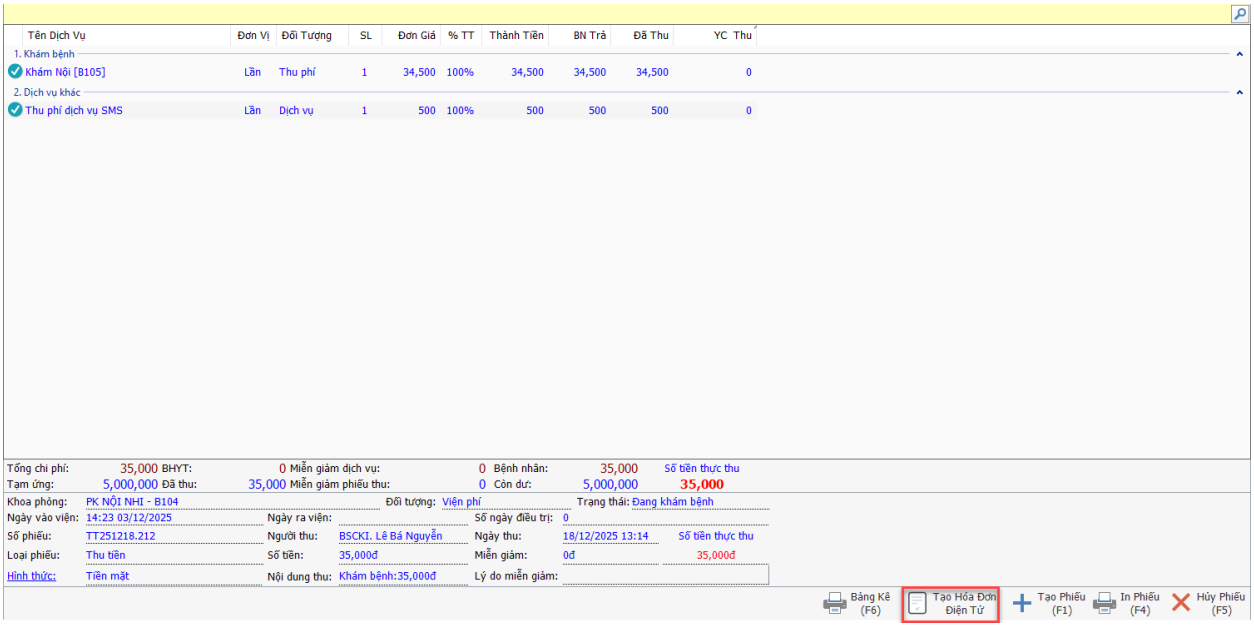

Tích hợp với các thiết bị y tế để cập nhật dữ liệu tự động.
Bảo vệ thông tin bệnh nhân và đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu.

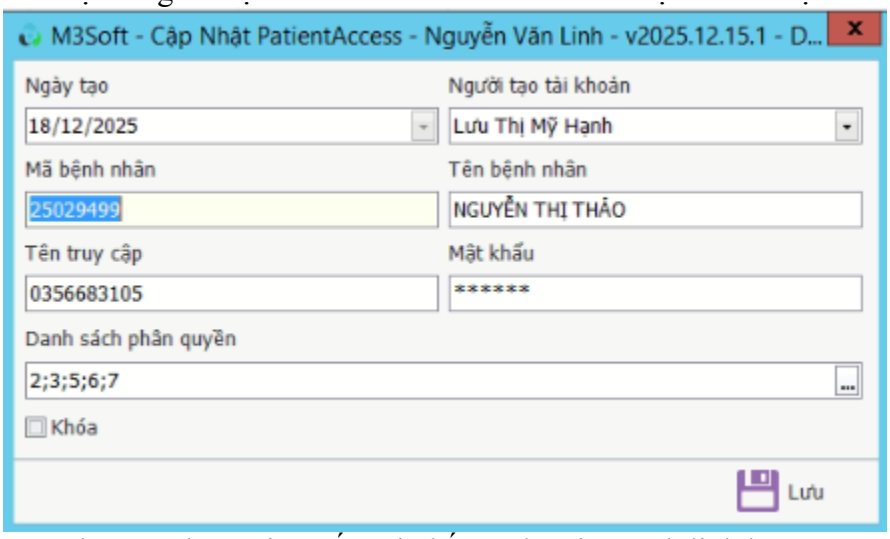

Cập nhật các thông tin y tế mới nhất và đảm bảo tính linh hoạt trong việc tùy chỉnh hệ thống.
Hỗ trợ các hoạt động quản lý bệnh viện và đảm bảo tính tương thích với các hệ thống quản lý khác.
Tính khả dụng: Phần mềm EMR cần đảm bảo tính khả dụng, cho phép người dùng truy cập vào hệ thống một cách dễ dàng, nhanh chóng và an toàn.

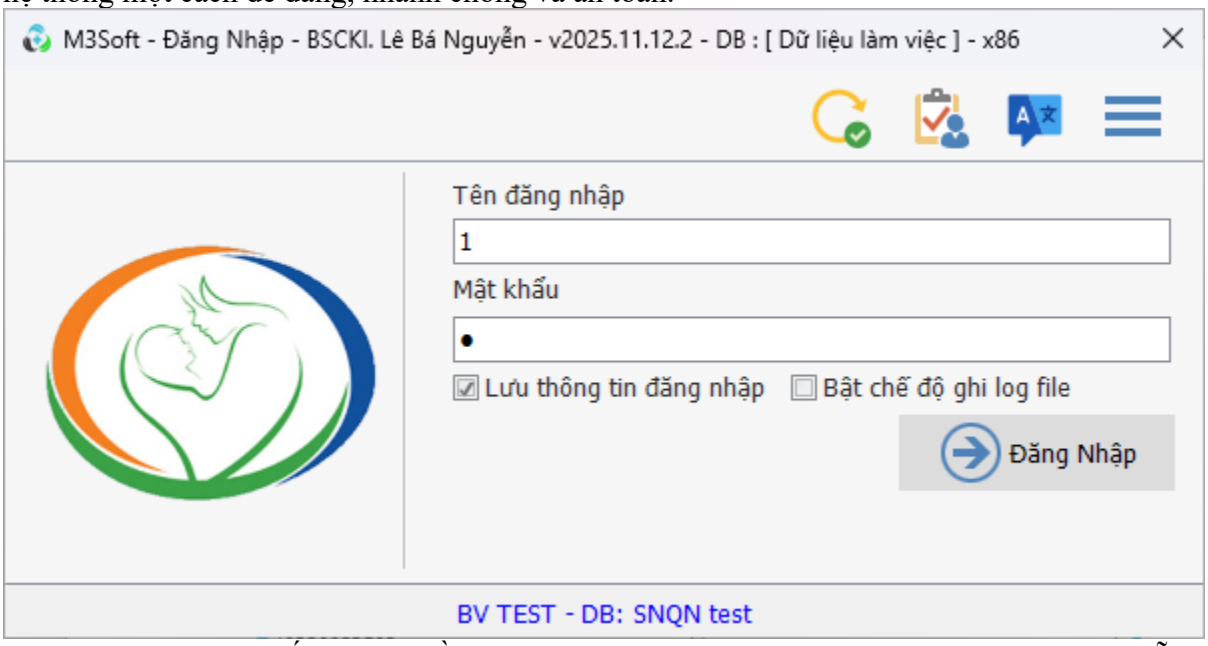

Tính chính xác: Hệ thống EMR cần phải đảm bảo tính chính xác của dữ liệu, tránh các lỗi nhập liệu và đảm bảo dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và đúng thời gian.
Tính đầy đủ: Hệ thống EMR cần phải cung cấp đầy đủ thông tin về tình trạng sức khỏe của bệnh nhân, ghi chép các thông tin về lịch sử bệnh án, kết quả xét nghiệm, kết quả điều trị, tình trạng tài chính và các thông tin khác liên quan đến bệnh nhân.

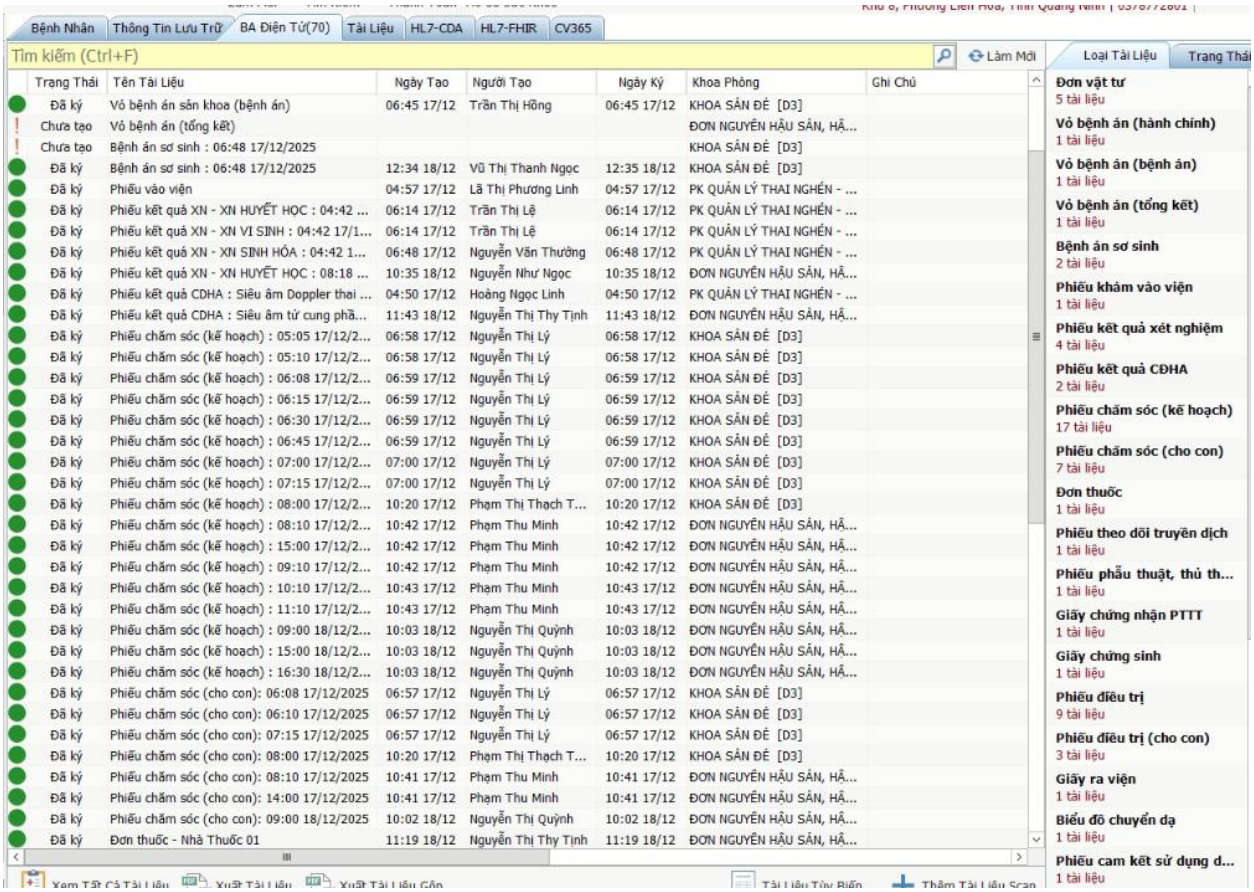

Tính bảo mật: Hệ thống EMR cần phải đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân của bệnh nhân khỏi các cuộc tấn công và truy cập trái phép.
Tính linh hoạt: Hệ thống EMR cần phải có tính linh hoạt, cho phép người dùng tùy chỉnh và cấu hình hệ thống theo nhu cầu sử dụng của mình.

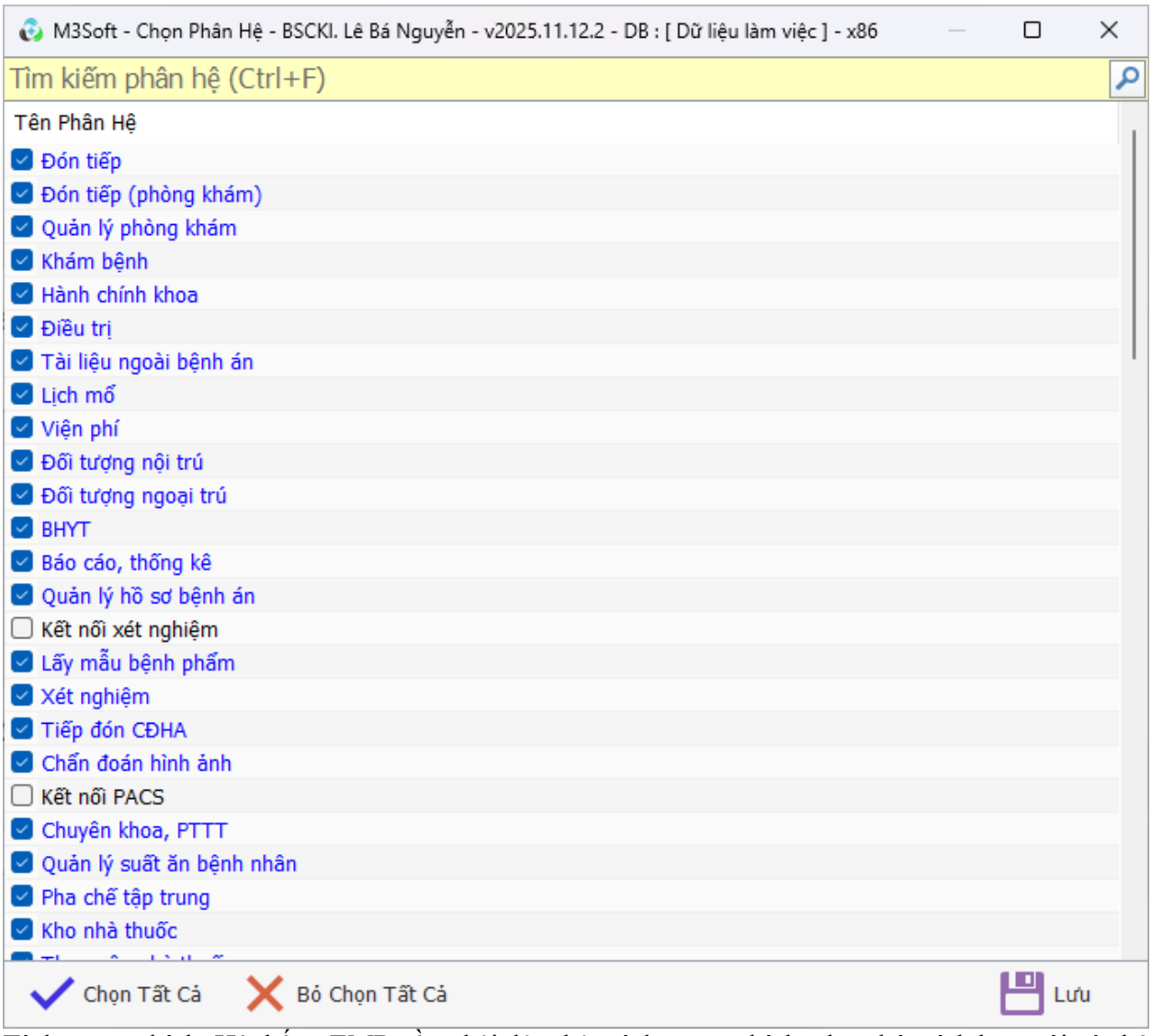

Tính tương thích: Hệ thống EMR cần phải đảm bảo tính tương thích, cho phép tích hợp với các hệ thống khác trong các bệnh viện hoặc các cơ quan chức năng khác.

Quản lý thuốc theo quy trình khép kín, sử dụng mã vạch (bar code) hoặc các công nghệ khác để định danh tự động (như RFID), cấp phát thuốc tại giường bệnh, sử dụng công nghệ định danh tự động chẳng hạn như quét mã vạch trên bao bì thuốc và mã vạch ID bệnh nhân.

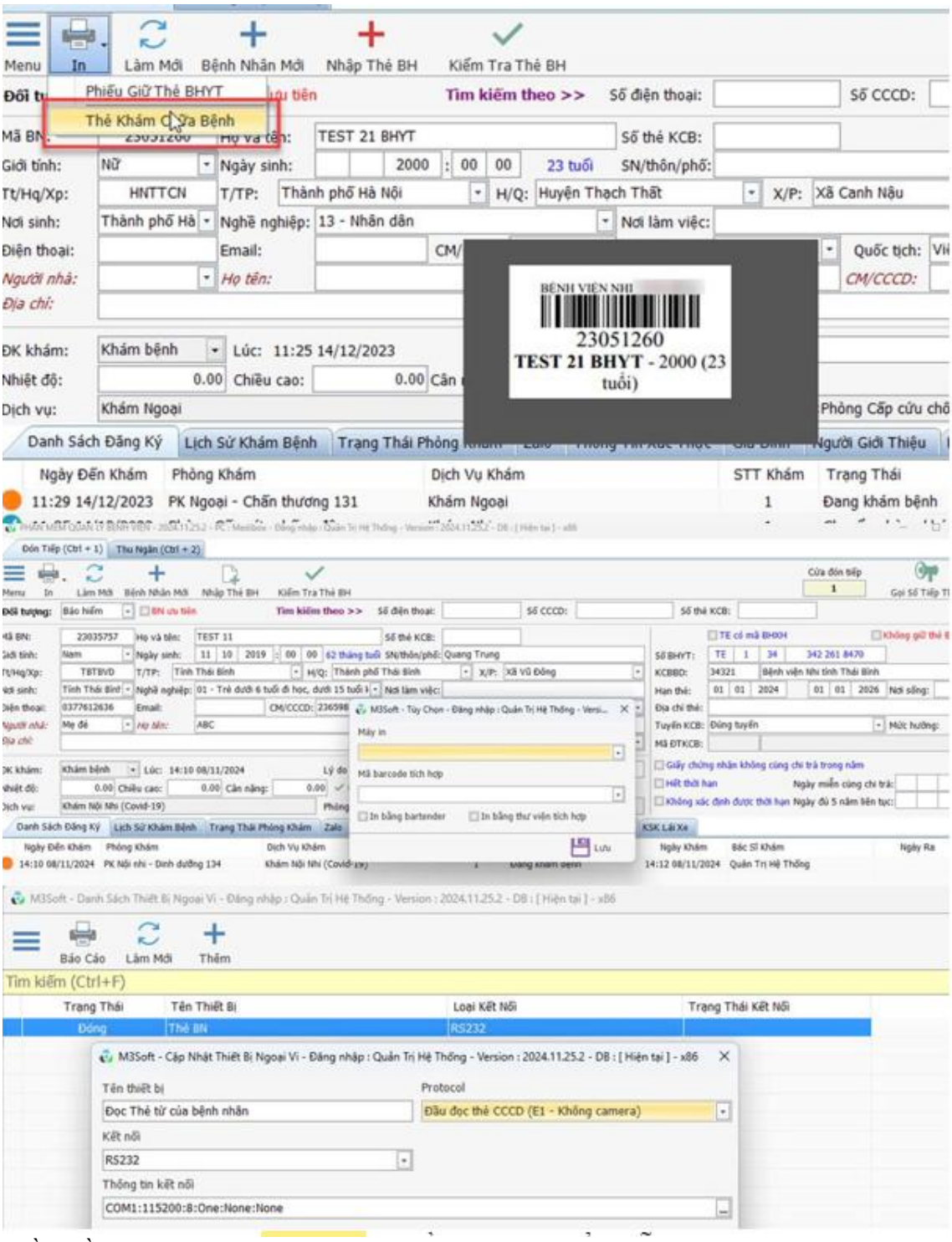

Phần mềm HIS đạt theo Mức 6

Mức 6 (bệnh viện thông minh) gồm các tiêu chí cụ thể sau:

Đáp ứng mức 5;

HIS đáp ứng mức 6;

EMR mức cơ bản;

Quản lý điều hành đáp ứng mức nâng cao;
Tiêu chí phi chức năng đáp ứng nâng cao;
Bảo mật và an toàn thông tin đáp ứng nâng cao;
CDSS cấp độ 2 hỗ trợ quy trình/phác đồ điều trị dựa trên bằng chứng (các cảnh báo duy trì sức khỏe, dược):
CDSS hỗ trợ kiểm tra tương tác thuốc/thuốc;
Bộ quy tắc kiểm tra và phát hiện xung đột ban đầu trong chỉ định hoặc kê toa thuốc.
Điện tử hóa tất cả các biểu mẫu ghi chép của bác sỹ, điều dưỡng với các biểu mẫu có cấu trúc bao gồm ghi chú diễn biến, tư vấn, danh sách các vấn đề, tóm tắt ra viện;

51. Tích hợp chữ ký số vào hồ sơ bệnh án điện tử

Tổng hợp kết quả khảo sát, phân tích thiết kế phần mềm

Khai báo chứng thư số nhân viên y tế

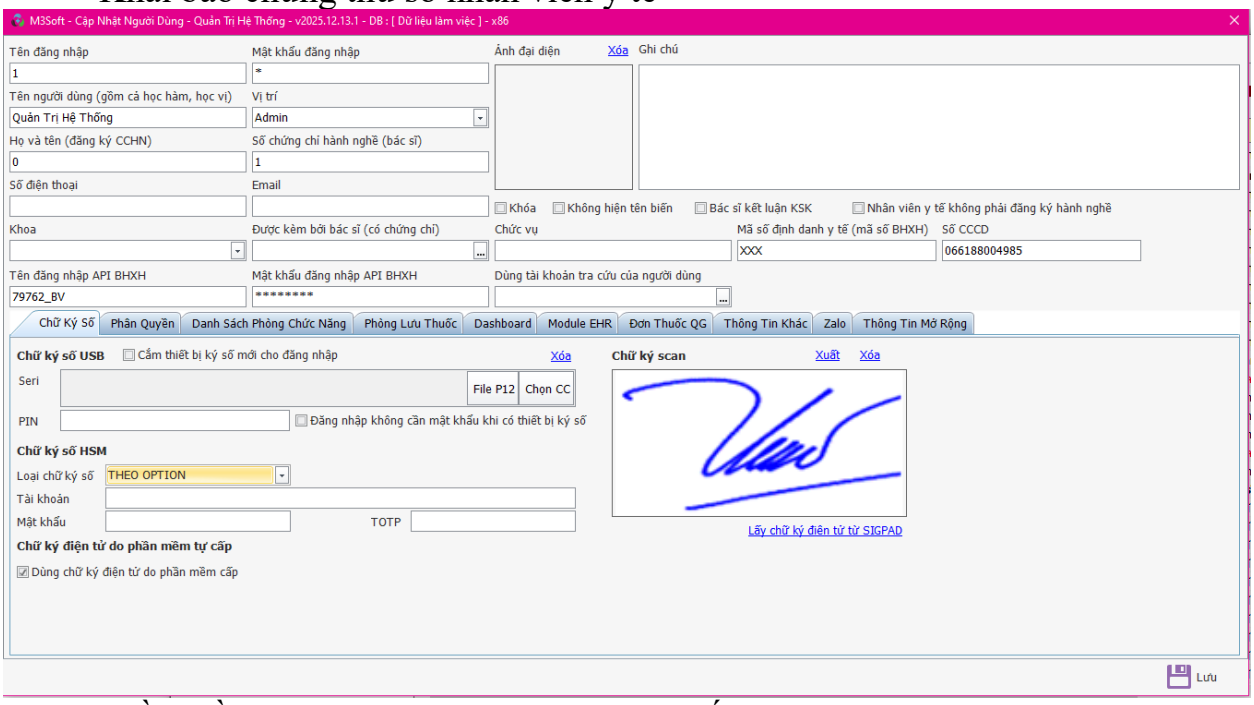

Phần mềm quản lý, cập nhật chứng thư số cá nhân

Phân quyền chức danh trong quản lý bệnh viện chữ ký số

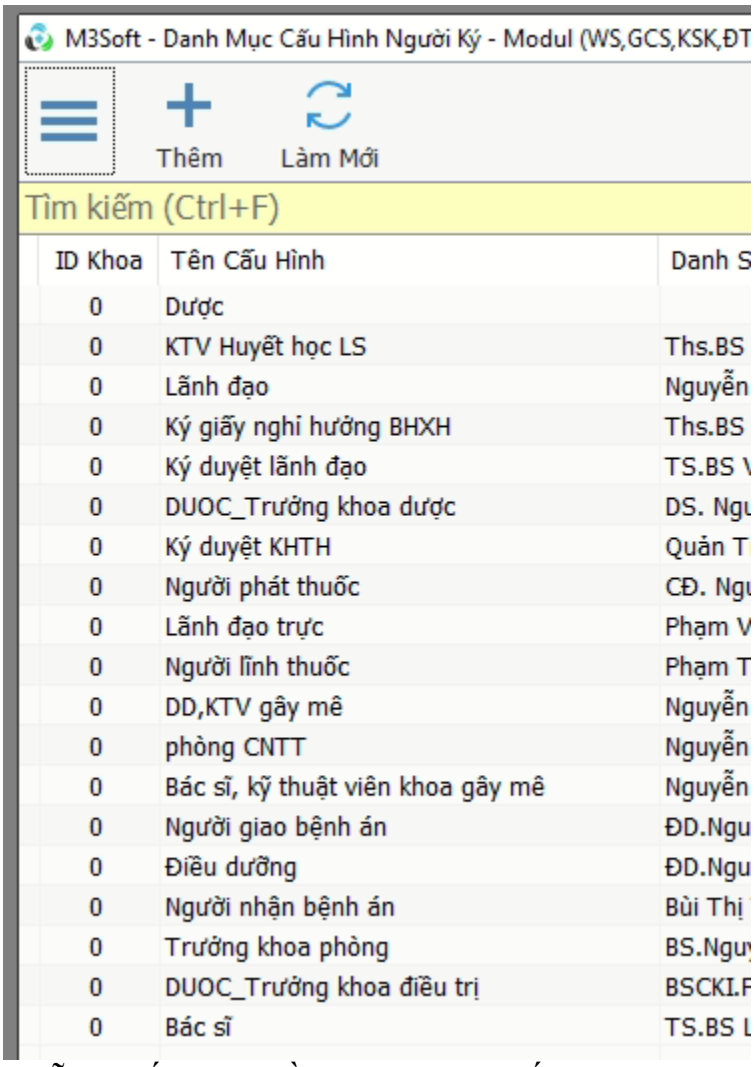

Tất cả các mẫu phiếu của Hồ sơ bệnh án giấy theo quy định của Bộ Y tế, phòng CNTT lập, cập nhật và duy trì trên phần mềm Bệnh án điện tử.

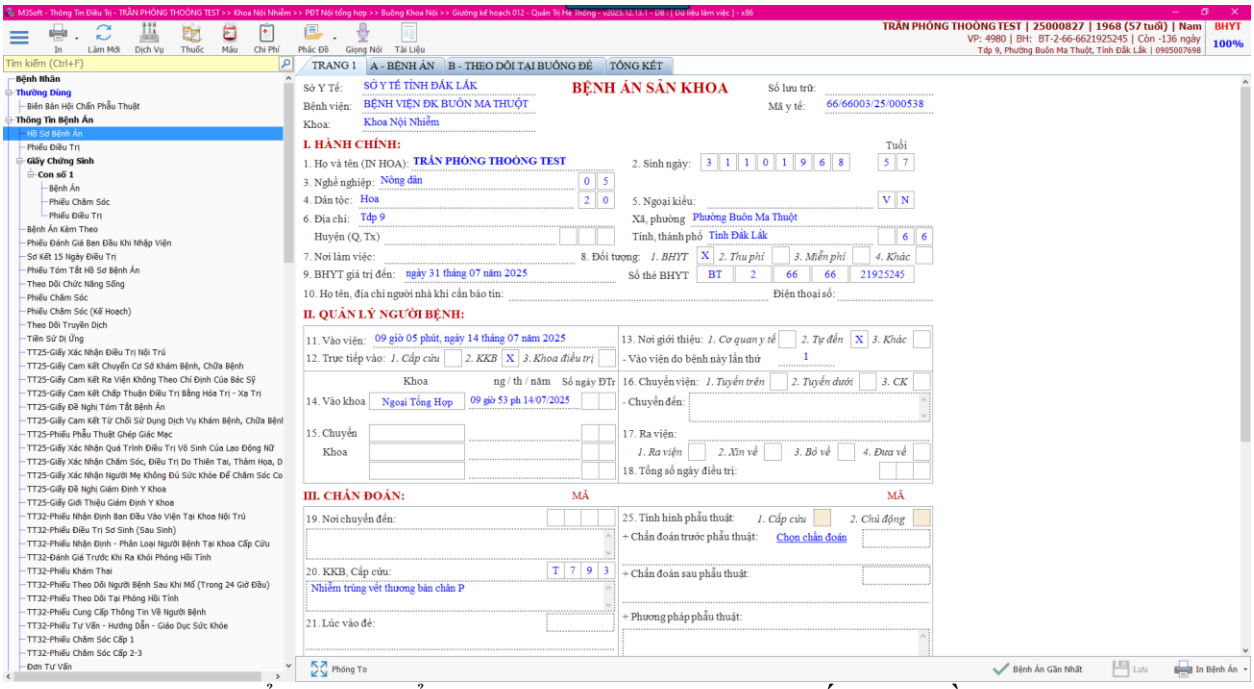

Tích hợp cổng API cổng ký và xác thực trực tuyến vào hồ sơ bệnh án điện tử

Đáp ứng 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số)

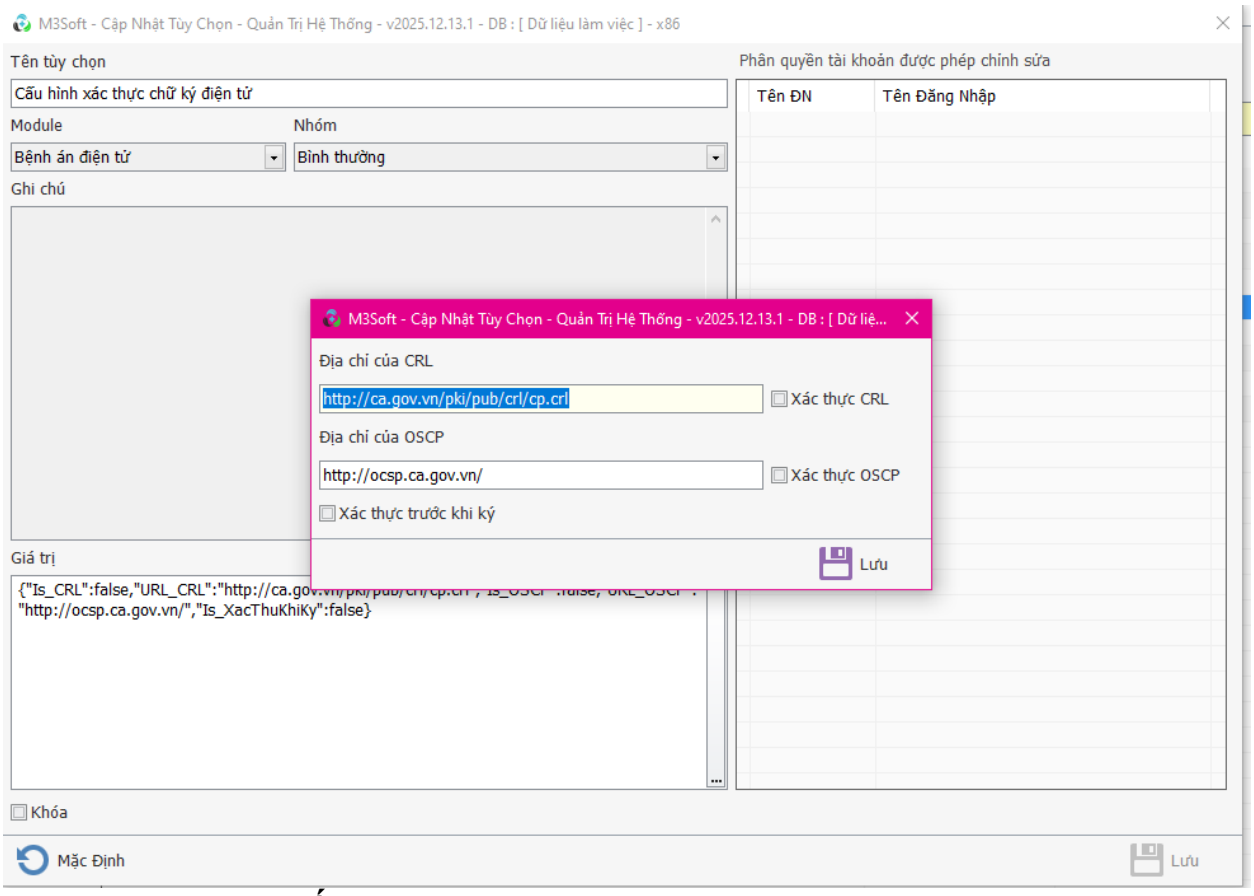

52. Quản lý sự cố y khoa

Quản lý sự cố y khoa theo 43/2018/TT-BYT

Quản lý mẫu tìm hiểu và phân tích sự cố y khoa theo 43/2018/TT-BYT

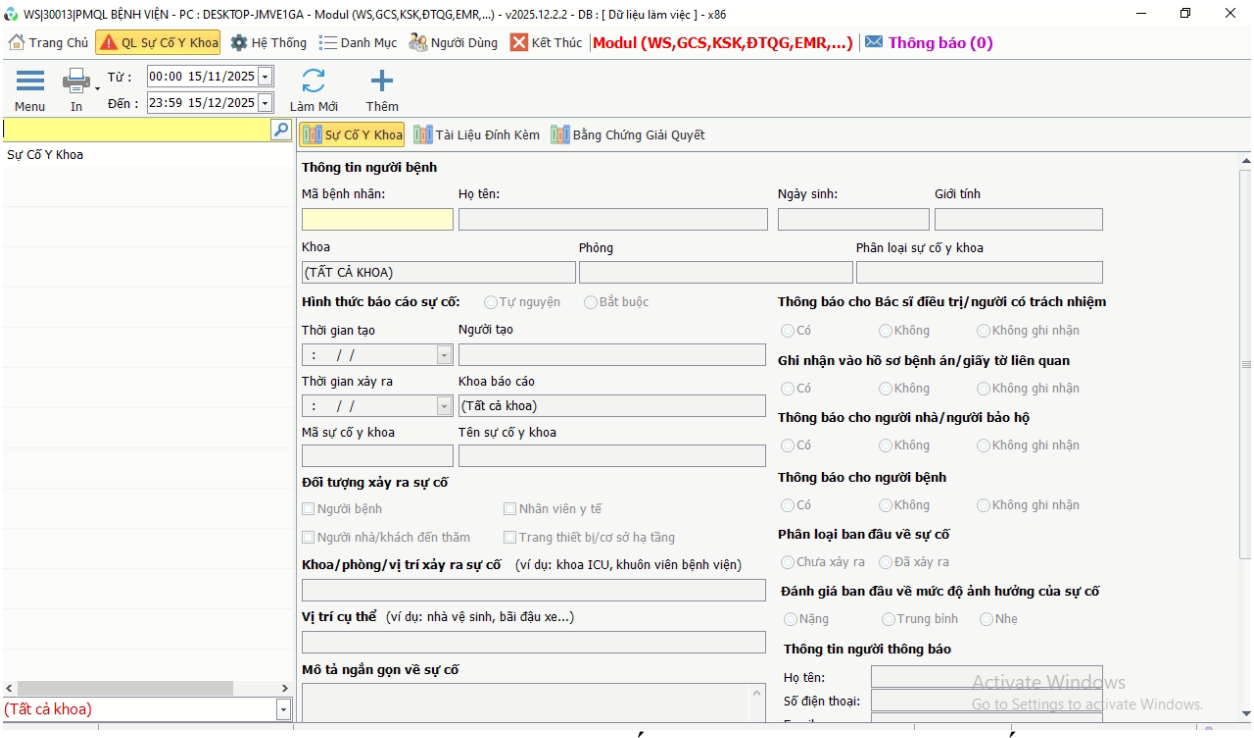

Quản lý đánh giá theo dõi của các cấp quản lý dành cho sự cố y khoa.

Báo cáo, thống kê các sự cố y khoa theo tháng, năm.

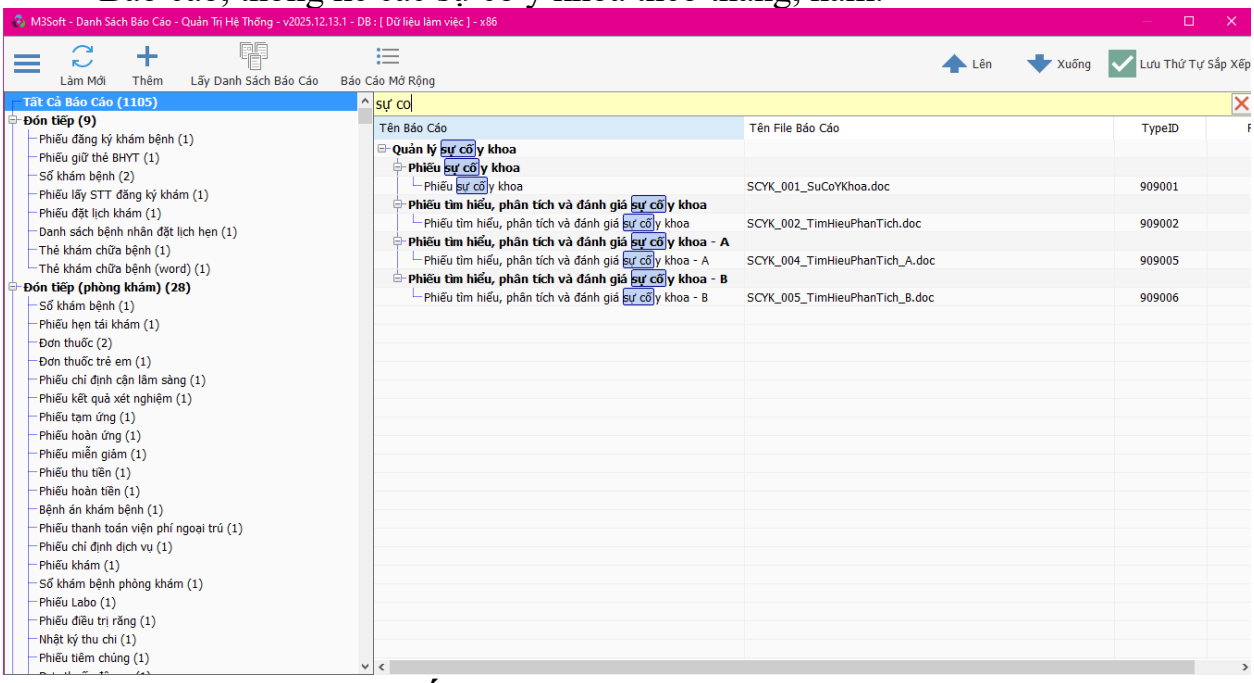

53. Quản lý chỉ đạo tuyến, nghiên cứu khoa học

Nhập liệu chỉ đạo tuyến bệnh viện

Chuyển giao kỹ thuật

Đào tạo cán bộ

Tập huấn chuyên môn
Báo cáo chỉ đạo tuyến
Quản lý danh mục nghiên cứu
Nhập liệu thông tin nghiên cứu khoa học

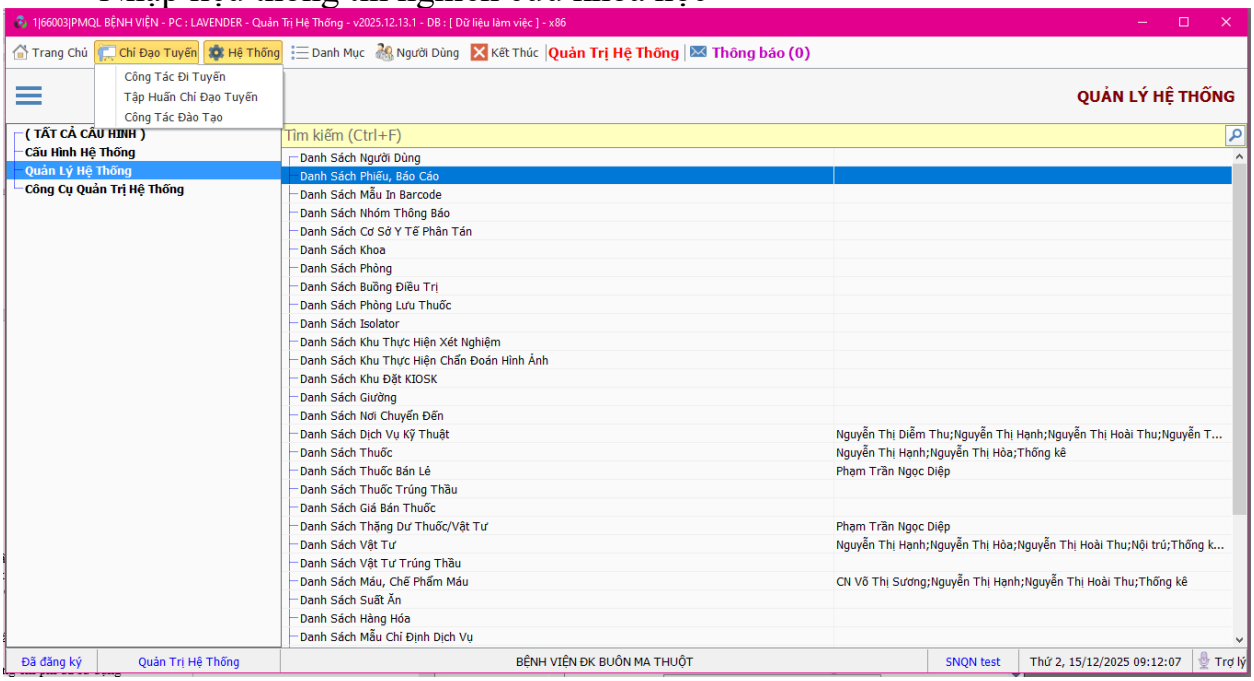

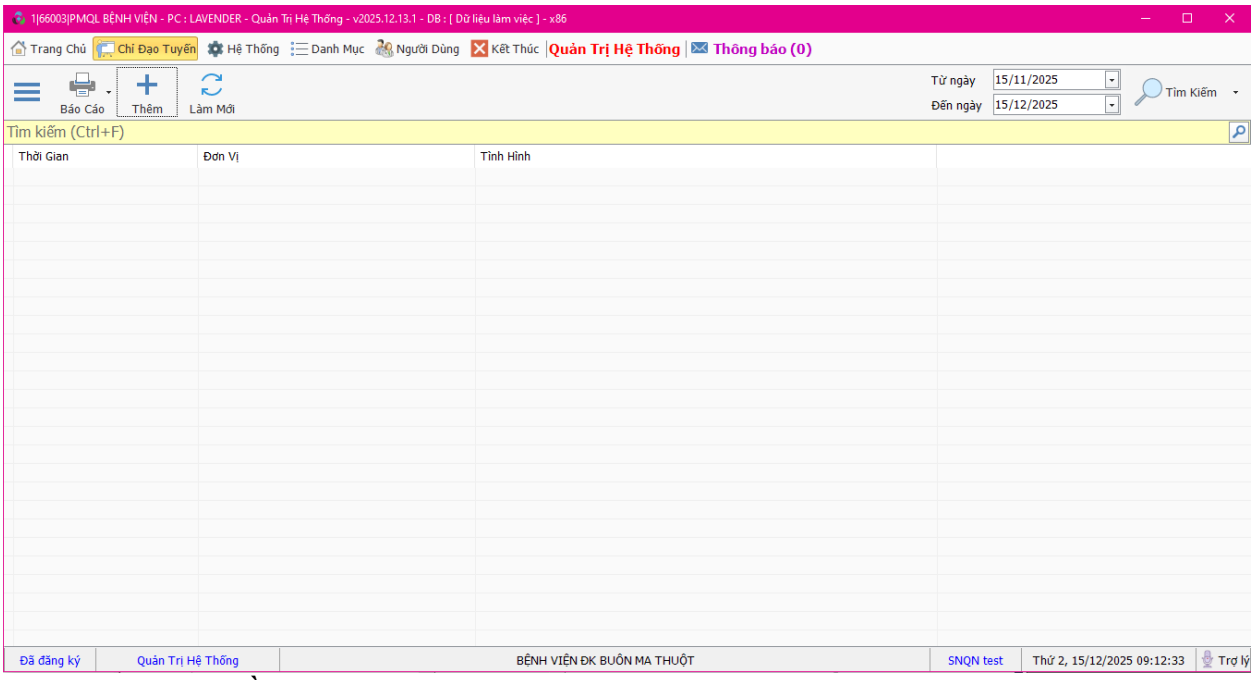

Quản lý đề tài
Báo cáo thông kê

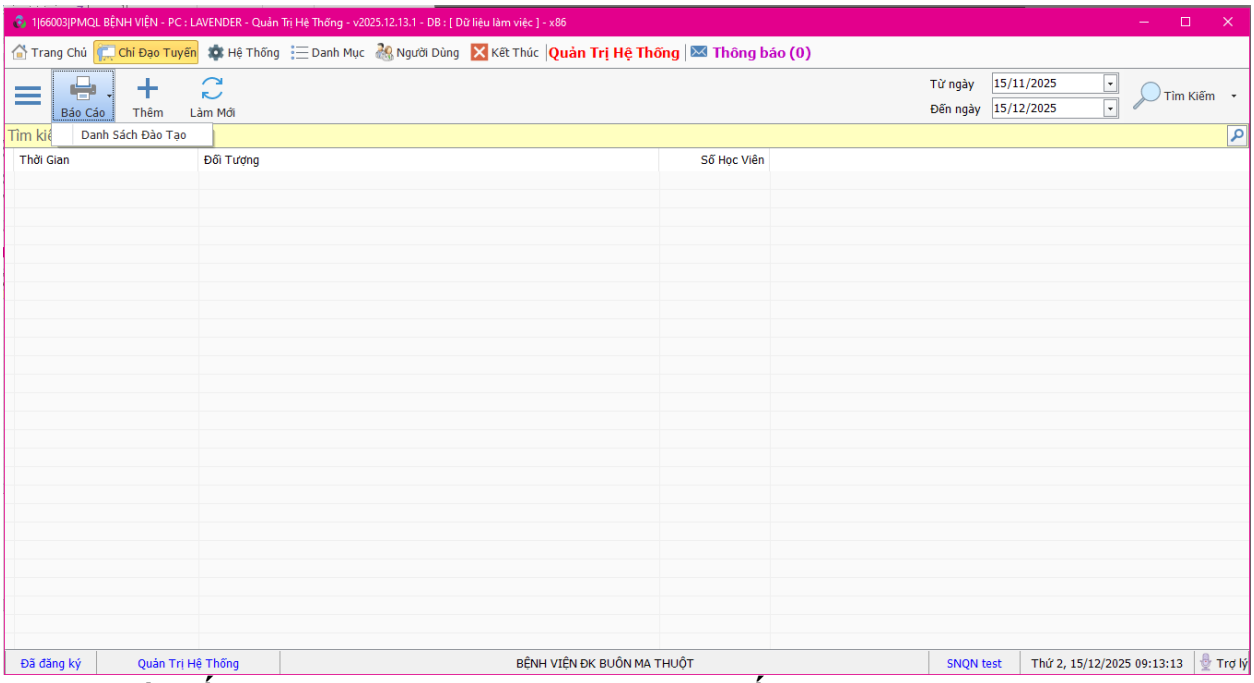

54. Hệ thống website DashBoard quản lý chất lượng

1. Phòng khám

Phân chia theo từng phòng khám: Danh sách bệnh nhân phân chia theo đối tượng ở các trạng thái Chờ khám, Đang thực hiện y lệnh, Đã khám.

Phân chia theo từng Bác sỹ: Số Bệnh nhân đã khám, chi tiết chỉ định Cận lâm sàng và đơn thuốc của mỗi Bệnh nhân.

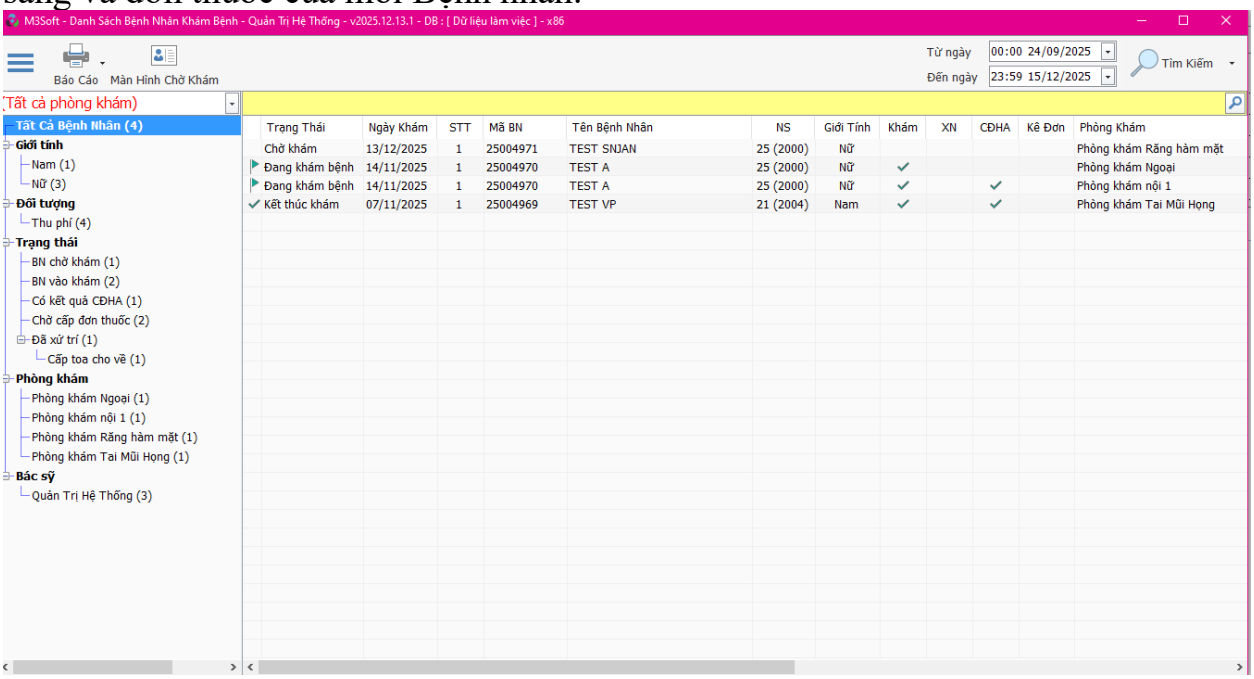

2. Nội trú

Danh sách Bệnh nhân đang hiện diện, nhập viện, xuất viện thể hiện theo Khoa trại.

Từng Bệnh nhân thể hiện chi tiết sử dụng dịch vụ và tổng chi phí đã sử dụng đến thời điểm ngày xem kết quả, xem công nợ tạm ứng của bệnh nhân.

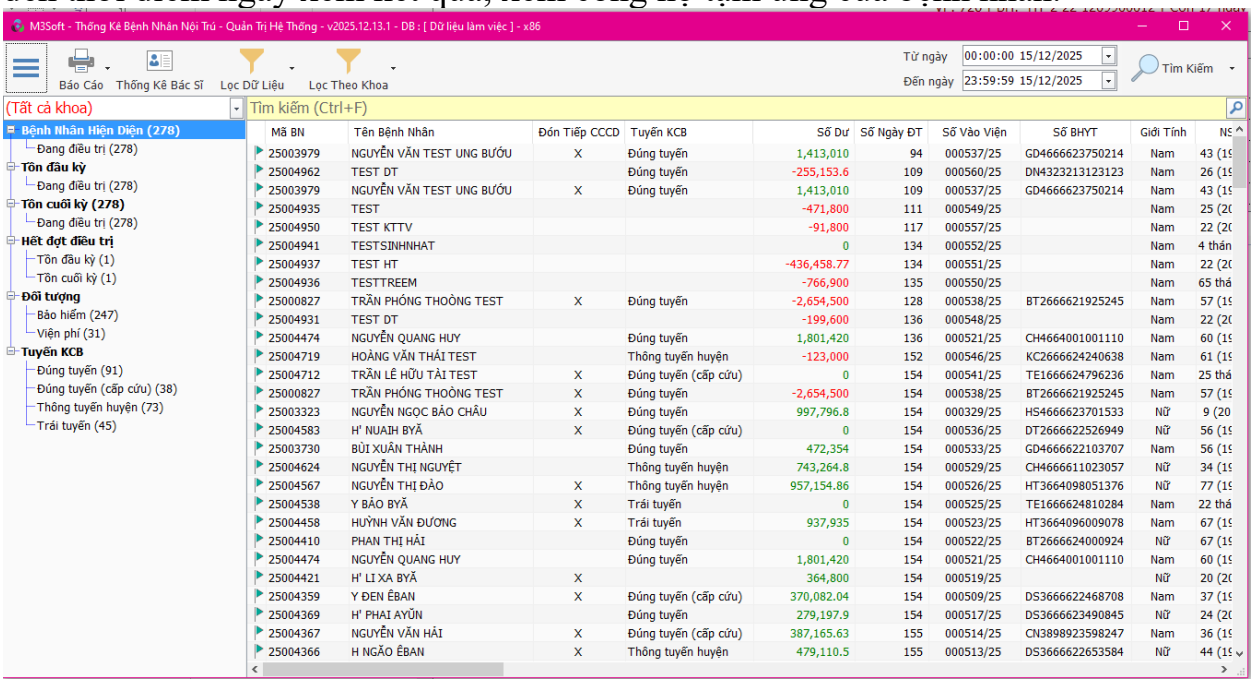

3. Danh sách Bệnh nhân thực hiện Cận lâm sàng

Danh sách bệnh nhân thực hiện theo từng loại Cận lâm sàng, phân chia theo trạng thái Chưa đọc, Đã đọc.

Trạng thái Đã đọc cần phân loại ra theo 2 hướng theo từng loại Cận lâm sàng và theo tên Bác sĩ đã đọc.

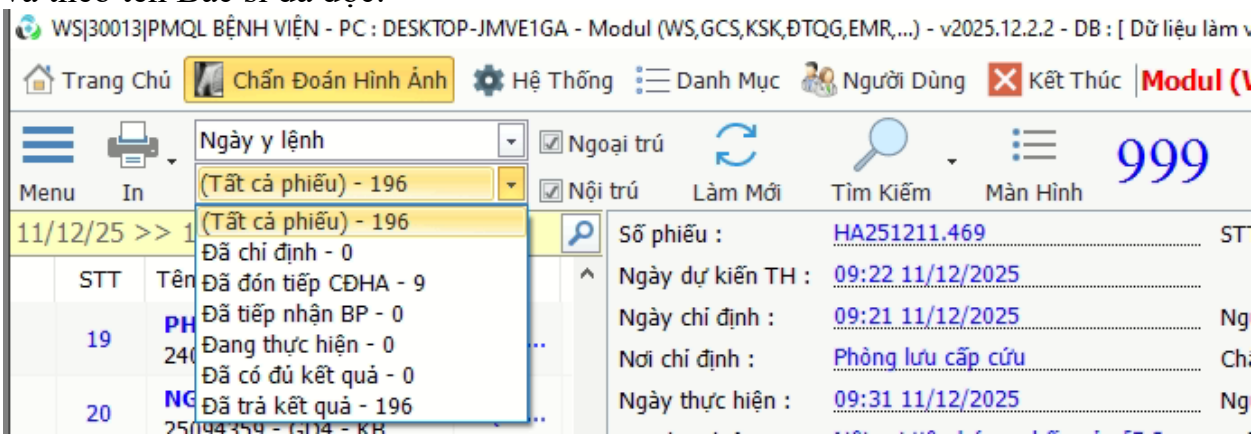

4. Danh sách Bệnh nhân thực hiện Xét nghiệm

Danh sách bệnh nhân thực hiện XN theo từng loại cụ thể: Huyết học, Vi sinh,…

Xem chi tiết từng loại sẽ phân chia ra: Chưa có kết quả, Đã có kết quả.

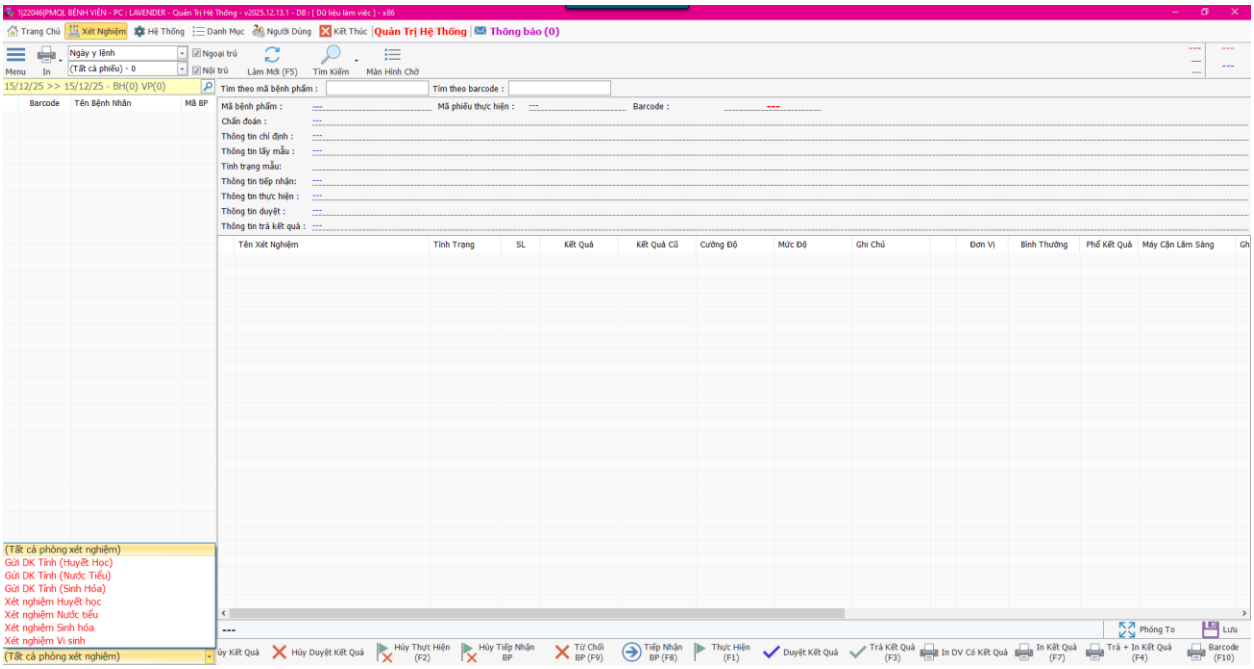

5. Doanh thu trong ngày

Thể hiện tổng doanh thu có phân chia ra Nội trú và Ngoại trú và phân chia theo từng bạn thu ngân.

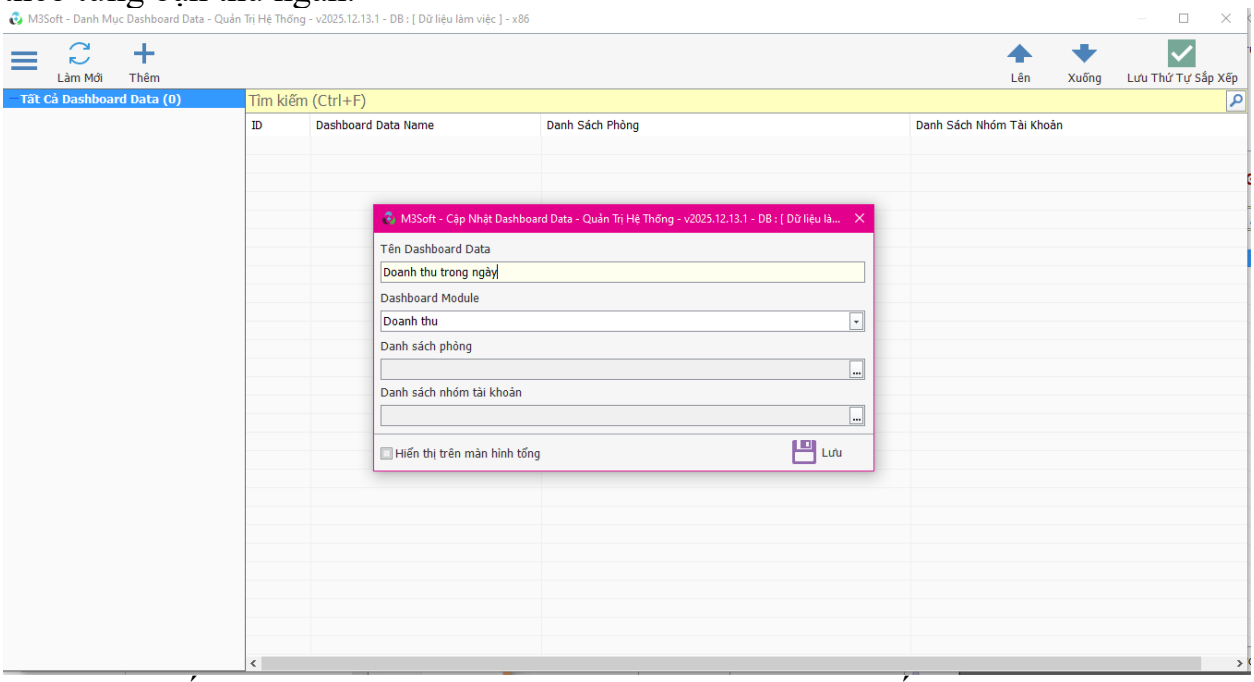

Chi tiết từng phân hệ hoặc từng bạn thu ngân là chi tiết các hóa đơn của từng Bệnh nhân.

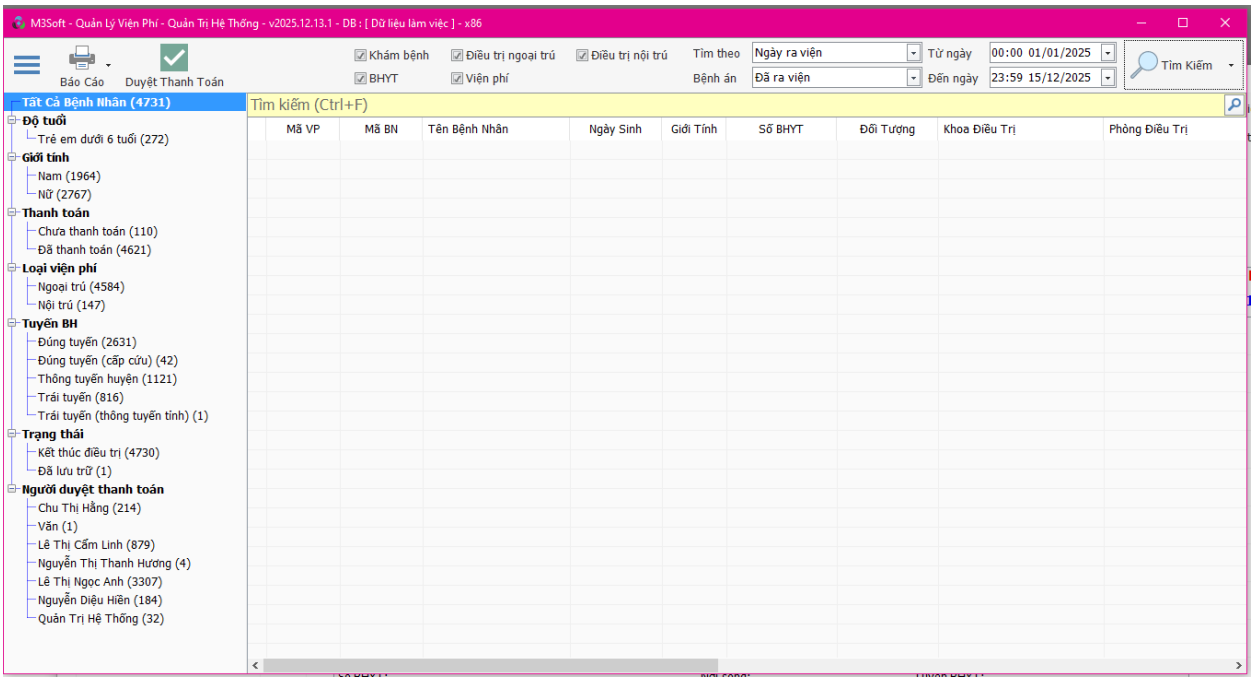
M3Soft - Quản Lý Viện Phí - Quản Trị Hệ Thống - v2025.12.13.1 - DB : [Dữ liệu làm việc] - x86
Báo Cáo
Duyệt Thanh Toán
Khám bệnh
Điều trị ngoại trú
Điều trị nội trú
BHYT
Viện phí
Tìm theo
Ngày ra viện
Bệnh án
Đã ra viện
Từ ngày
00:00 01/01/2025
Đến ngày
23:59 15/12/2025
Tìm Kiếm
Tất Cả Bệnh Nhân (4731)
Độ tuổi
Trẻ em dưới 6 tuổi (272)
Giới tính
Nam (1964)
Nữ (2767)
Thanh toán
Chưa thanh toán (110)
Đã thanh toán (4621)
Loại viện phí
Ngoại trú (4584)
Nội trú (147)
Tuyến BH
Đúng tuyến (2631)
Đúng tuyến (cấp cứu) (42)
Thông tuyến huyện (1121)
Trái tuyến (816)
Trái tuyến (thông tuyến tỉnh) (1)
Trạng thái
Kết thúc điều trị (4730)
Đã lưu trữ (1)
Người duyệt thanh toán
Chu Thị Hằng (214)
Văn (1)
Lê Thị Cẩm Linh (879)
Nguyễn Thị Thanh Hương (4)
Lê Thị Ngọc Anh (3307)
Nguyễn Diệu Hiền (184)
Quản Trị Hệ Thống (32)
Tìm kiếm (Ctrl+F)
Mã VP
Mã BN
Tên Bệnh Nhân
Ngày Sinh
Giới Tính
Số BHYT
Đối Tượng
Khoa Điều Trị
Phòng Điều Trị

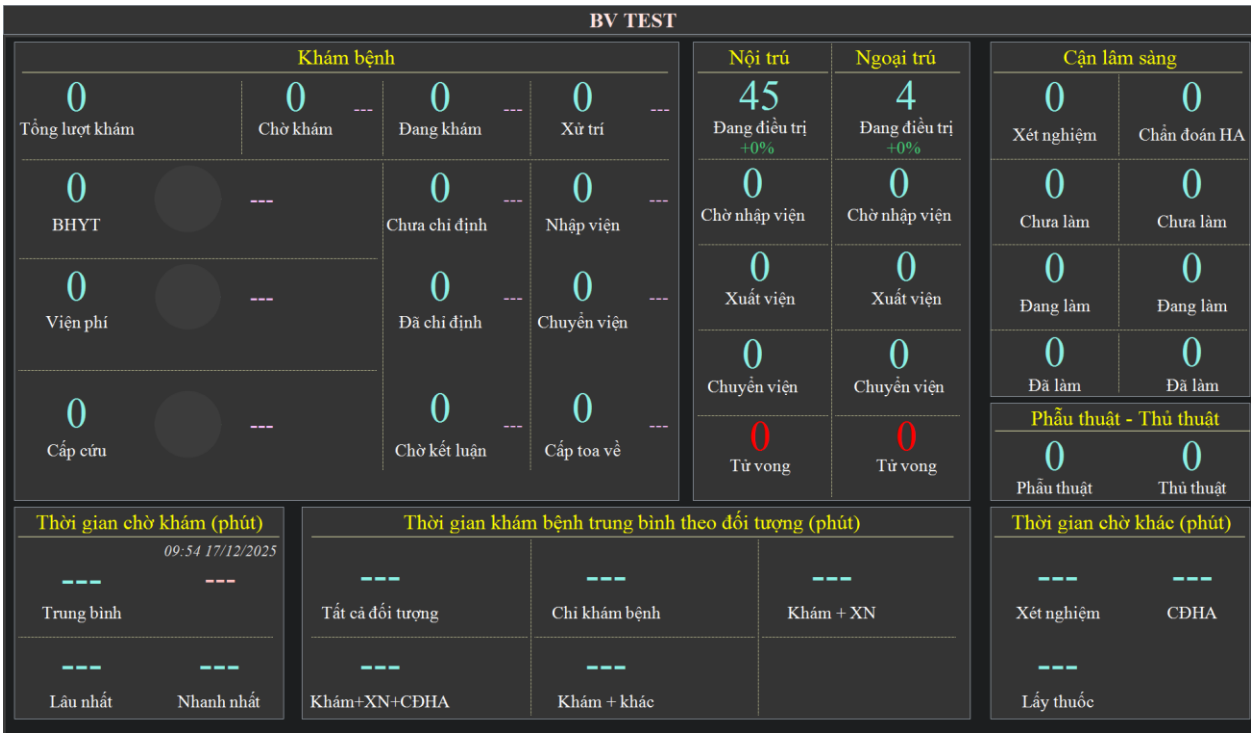
BV TEST
Khám bệnh
0 Tổng lượt khám
0 Chờ khám
0 Đang khám
0 Xử trí
0 BHYT
0 Chưa chỉ định
0 Nhập viện
0 Viện phí
0 Đã chỉ định
0 Chuyển viện
0 Cấp cứu
0 Chờ kết luận
0 Cấp toa về
Nội trú
45 Đang điều trị
+0%
0 Chờ nhập viện
0 Xuất viện
0 Chuyển viện
0 Tử vong
Ngoại trú
4 Đang điều trị
+0%
0 Chờ nhập viện
0 Xuất viện
0 Chuyển viện
0 Tử vong
Cận lâm sàng
0 Xét nghiệm
0 Chẩn đoán HA
0 Chưa làm
0 Chưa làm
0 Đang làm
0 Đang làm
0 Đã làm
0 Đã làm
Phẫu thuật - Thủ thuật
0 Phẫu thuật
0 Thủ thuật
Thời gian chờ khám (phút)
09:54 17/12/2025
Trung bình
Lâu nhất
Nhanh nhất
Thời gian khám bệnh trung bình theo đối tượng (phút)
Tất cả đối tượng
Chỉ khám bệnh
Khám + XN
Khám+XN+CĐHA
Khám + khác
Thời gian chờ khác (phút)
Xét nghiệm
CĐHA
Lấy thuốc

IV. HỆ THỐNG APP MOBILE CHO BỆNH ÁN ĐIỆN TỬ VÀ ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH - PHẦN MỀM ỨNG DỤNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH (HỆ THỐNG ĐẶT KHÁM, TÍCH HỢP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ VÀ CHỮ KÝ SỐ)

1. Bệnh nhân:

Đặt khám online qua ứng dụng App mobile thanh toán trực tuyến qua kết nối ngân hàng NAPAS, VNPAY, MOMO, Payoo

Đăng ký khám và thanh toán không dùng tiền mặt

Dịch vụ lấy mẫu tại nhà

Dịch vụ Giao thuốc tại nhà

Dịch vụ thủ thuật tại nhà

Dịch vụ chăm sóc tại nhà

Nhắc uống thuốc và tái khám

Tra cứu thông tin giá dịch vụ, giá thuốc, viện phí

Tra cứu các lần giao dịch thanh toán online

Tra cứu thông tin giá dịch vụ, giá thuốc, viện phí

Tra cứu các lần vào viện bệnh nhân

Tra cứu thông tin khám bệnh bệnh nhân

Tra cứu thông tin xét nghiệm bệnh nhân

Tra cứu thông tin Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân

Trả kết quả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh chữa bệnh trực tuyến

Toa thuốc đang dùng

Nhắc bệnh nhân tái khám

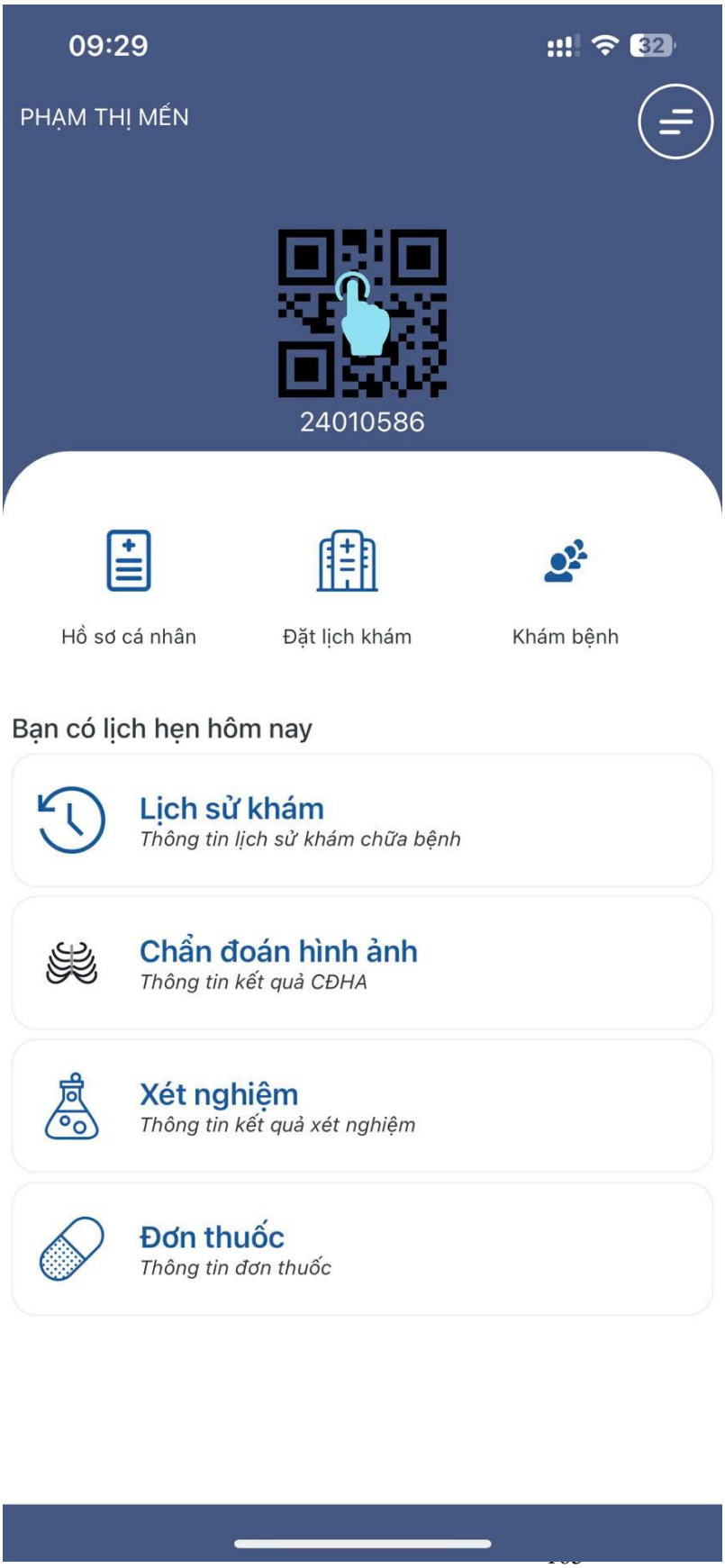
09:29
PHẠM THỊ MẾN
24010586
Hồ sơ cá nhân
Đặt lịch khám
Khám bệnh
Bạn có lịch hẹn hôm nay
Lịch sử khám
Thông tin lịch sử khám chữa bệnh
Chẩn đoán hình ảnh
Thông tin kết quả CĐHA
Xét nghiệm
Thông tin kết quả xét nghiệm
Đơn thuốc
Thông tin đơn thuốc

Sổ khám chữa bệnh
Tra cứu giao dịch
Bảng giá dịch vụ
Thông tin bệnh nhân
Sơ đồ bệnh viện
Câu hỏi thường gặp

Thay đổi mật khẩu/ quên mật khẩu
Đăng ký tài khoản
Xác thực tài khoản

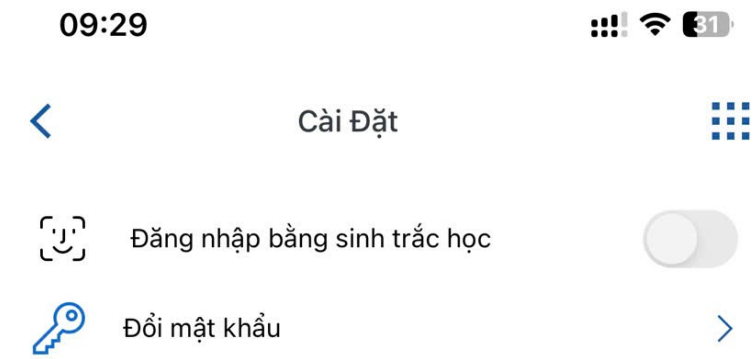

Phiên bản: 2.1.5(2025.11.30.2) -

2. Nâng cao nhân viên y tế
Nhập hồ sơ bệnh án điện tử
Nhập thông tin điều trị bệnh án điện tử
Nhập chỉ định cận lâm sàng bệnh án điện tử
Xem hồ sơ bệnh án điện tử trị bệnh nhân
Tra cứu các lần vào viện bệnh nhân
Tra cứu thông tin khám bệnh bệnh nhân
Tra cứu thông tin xét nghiệm bệnh nhân
Tra cứu thông tin Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân
Nhập y lệnh chăm sóc bệnh án điện tử
Nhập y lệnh truyền dịch bệnh án điện tử

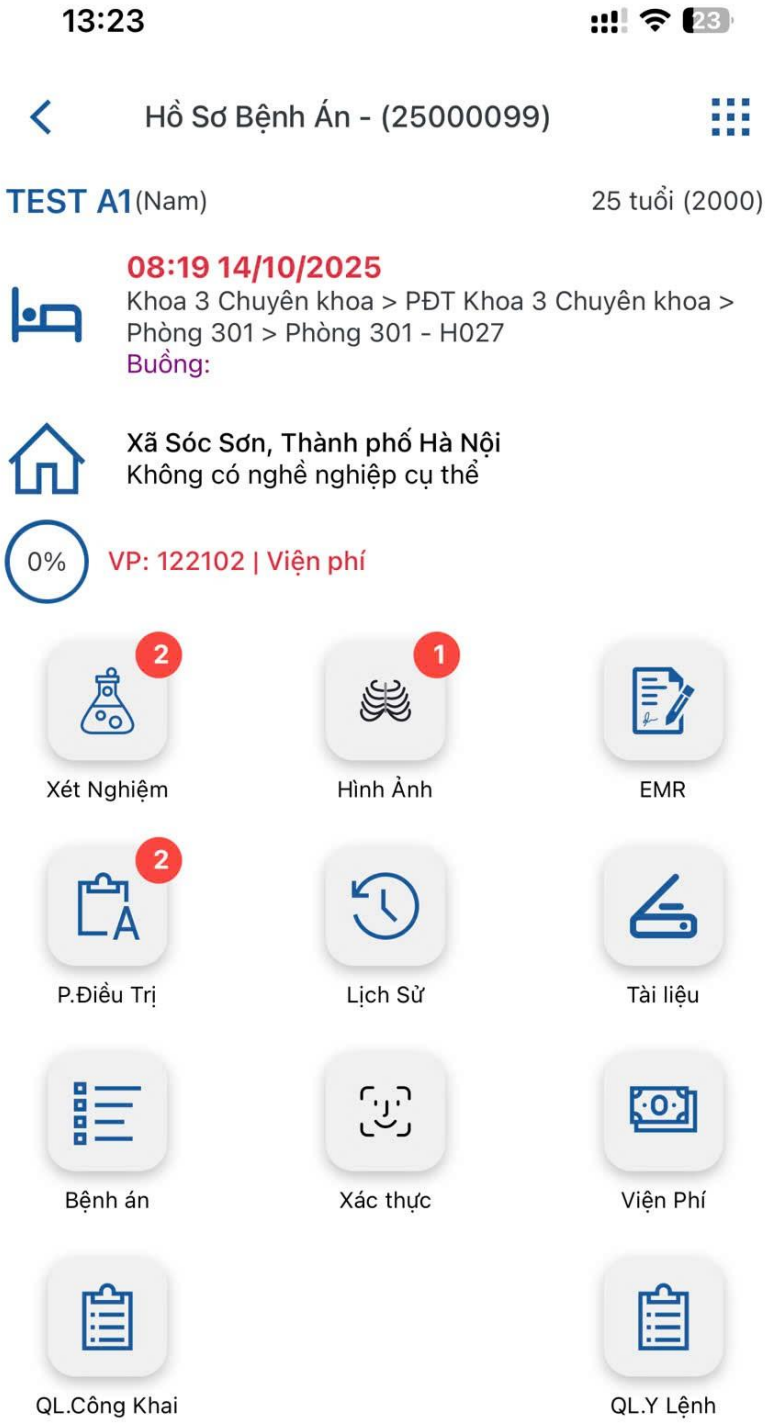
13:23
Hồ Sơ Bệnh Án - (25000099)
TEST A1 (Nam)
25 tuổi (2000)
08:19 14/10/2025
Khoa 3 Chuyên khoa > PĐT Khoa 3 Chuyên khoa > Phòng 301 > Phòng 301 - H027
Buồng:
Xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội
Không có nghề nghiệp cụ thể
0%
VP: 122102 | Viện phí
2
Xét Nghiệm
1
Hình Ảnh
EMR
2
P.Điều Trị
Lịch Sử
Tài liệu
Bệnh án
Xác thực
Viện Phí
QL.Công Khai
QL.Y Lệnh

Y lệnh Truyền máu bệnh án điện tử
Xem hồ sơ bệnh án điện tử trị bệnh nhân
Tra cứu các lần vào viện bệnh nhân
Tra cứu thông tin khám bệnh bệnh nhân
Tra cứu thông tin xét nghiệm bệnh nhân
Tra cứu thông tin Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân

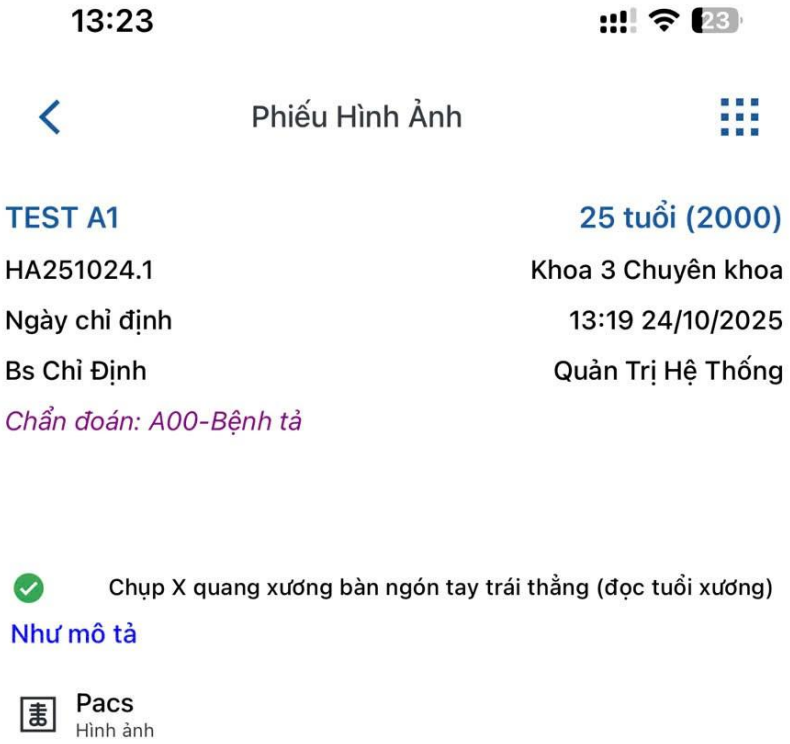
13:23
23
Phiếu Hình Ảnh
TEST A1
25 tuổi (2000)
HA251024.1
Khoa 3 Chuyên khoa
Ngày chỉ định
13:19 24/10/2025
Bs Chỉ Định
Quản Trị Hệ Thống
Chẩn đoán: A00-Bệnh tả
Chụp X quang xương bàn ngón tay trái thẳng (đọc tuổi xương)
Như mô tả
Pacs
Hình ảnh

13:24

Phiếu Xét Nghiệm

TEST A1	25 tuổi (2000)
XN251024.1	Khoa 3 Chuyên khoa
Ngày chỉ định	13:19 24/10/2025
Bs Chỉ Định	Quản Trị Hệ Thống

Chẩn đoán: A00-Bệnh tả

Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)		
WBC-Số lượng bạch cầu		
1	G/L	3.7-9.7
RBC-Số lượng hồng cầu		
1	T/L	4.54-5.78
HGB-Hemogobin		
1	g/l	
Hct-Hematocrit		
1	L/L	0.389-0.509
MCV-Thể tích trung bình HC		
1	fL	81.2-94
MCH-Lượng HST trung bình HC		
1	pg	27.1-32.5
MCHC-Nồng độ HST TB HC		
11	g/dL	32.5-36.7
PLT- Số lượng tiểu cầu		
1	G/L	140-440

56. Liên kết triển khai thanh toán không tiền mặt

Hệ thống tích hợp API của ngân hàng thanh toán QRCODE

Liên kết với hệ thống thanh toán trung gian: VnPay, Momo, Payoo …

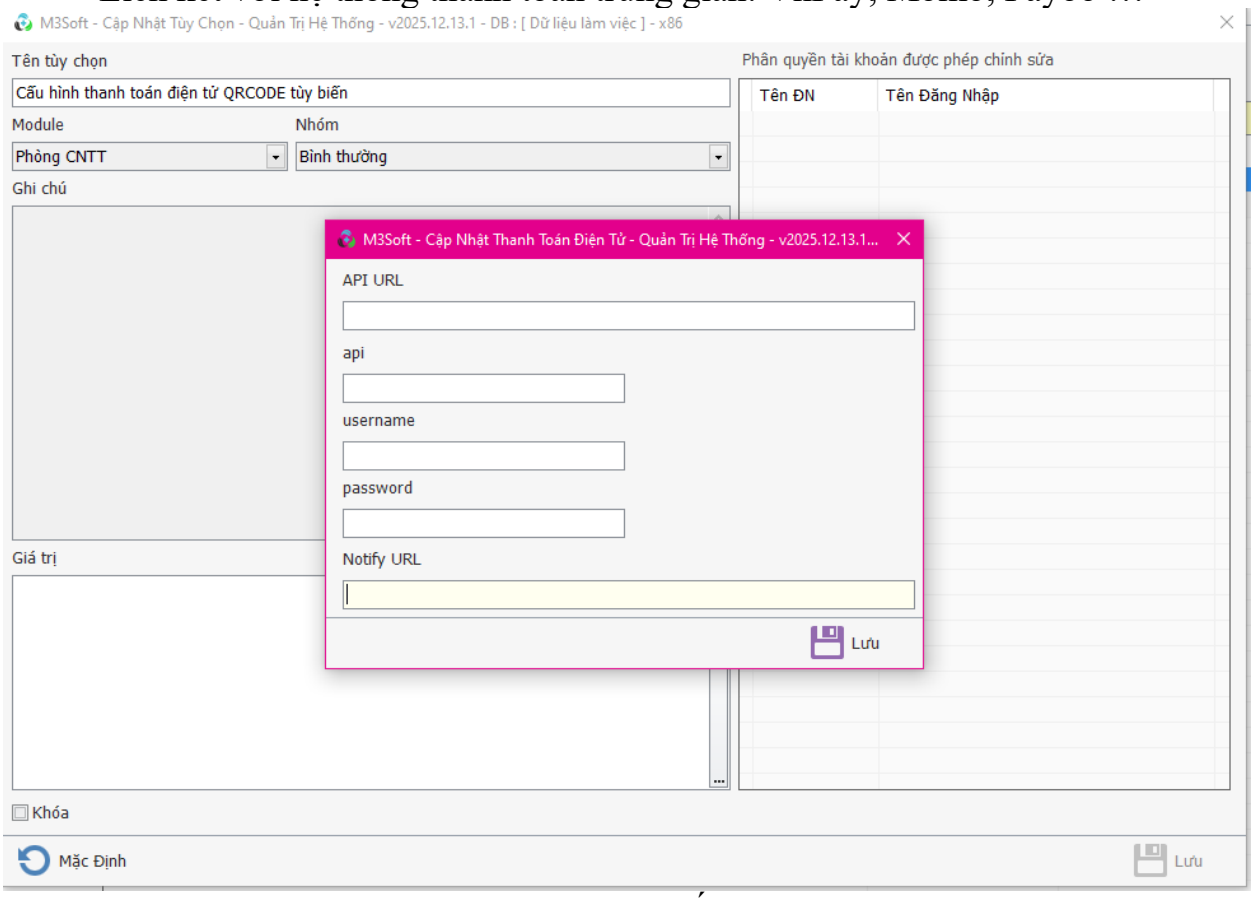

Tích hợp quy trình thanh toán vào hệ thống HIS

Thống kê báo cáo doanh thu, tra soát đối soát

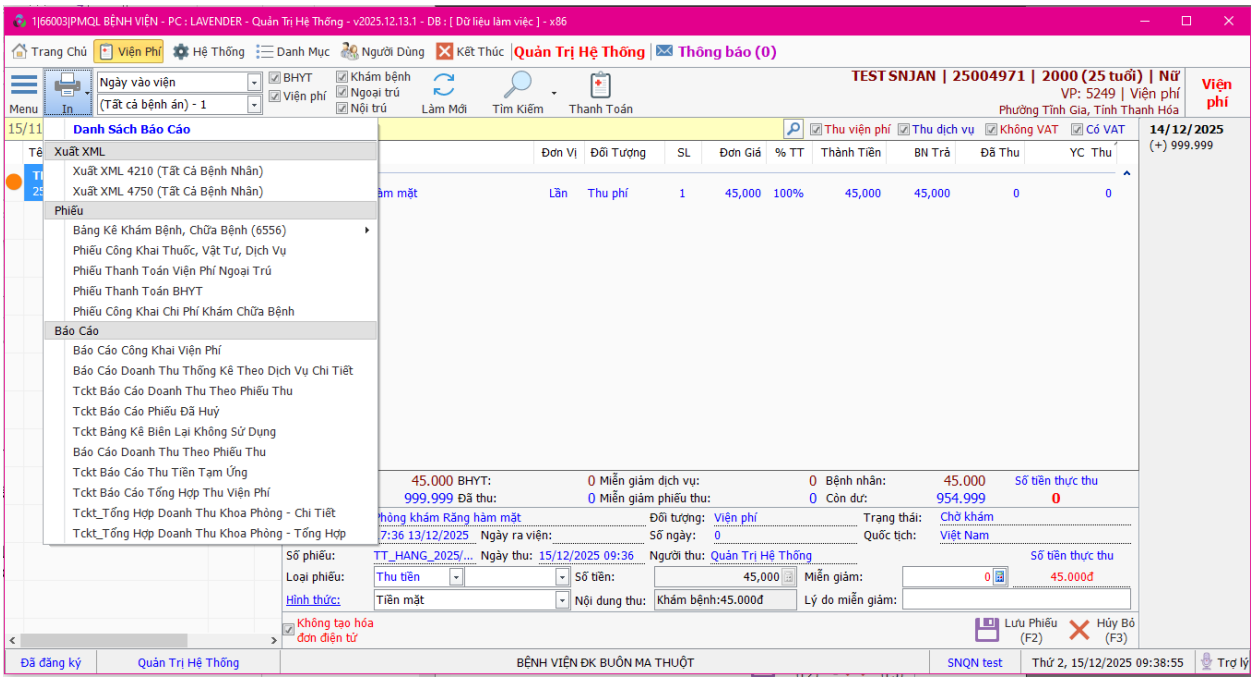

57. Chuyển giao công nghệ

Tài liệu hướng dẫn: hướng dẫn cài đặt, triển khai và sử dụng, cùng với các yêu cầu kỹ thuật.

Đào tạo cho đội ngũ kỹ thuật công nghệ thông tin bệnh viện về việc quản trị hệ thống, cài đặt, cấu hình phần mềm

Hỗ trợ sau bàn giao: Đảm bảo sẵn sàng hỗ trợ đội ngũ kỹ thuật công nghệ thông tin bệnh viện sau khi bàn giao. Cung cấp thông tin liên hệ và kênh giao tiếp để đối tác có thể liên hệ gặp vấn đề hoặc câu hỏi.

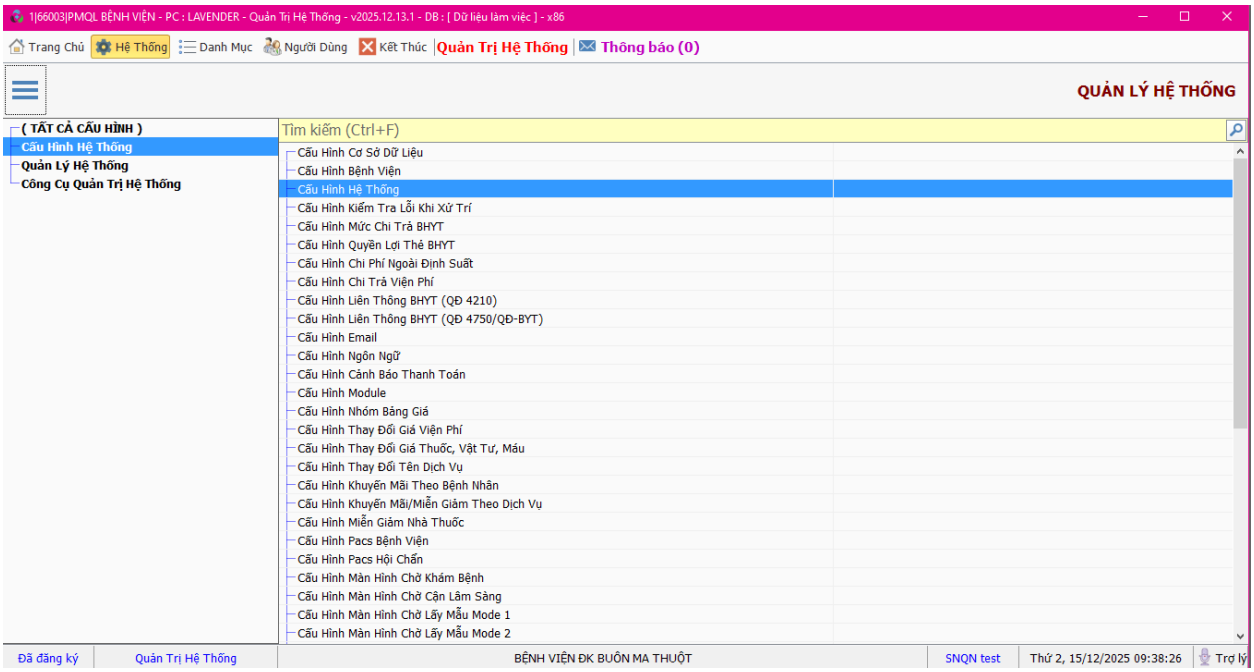

58. Chuyển giao công nghệ cổng giao tiếp (API Application Programming Interface)) của HIS

API DANH MỤC:

Lấy lịch khám bệnh
Lấy thông tin dịch vụ
Lấy thông tin dịch vụ theo ID
Lấy danh sách cơ sở
Lấy thông tin cơ sở theo ID
Lấy thông tin Bác Sĩ
Lấy thông tin Bác Sĩ theo ID
Lấy danh sách chuyên khoa
Lấy thông tin chuyên khoa theo ID
Lấy danh sách phòng khám
Lấy thông tin phòng khám theo ID
Lấy danh sách thời gian khám bệnh của phòng
Lấy thời gian khám bệnh của phòng theo ID
Lấy thông tin giá dịch vụ, giá thuốc, viện phí
Lấy thông tin Quốc tịch
Lấy thông tin Quốc tịch theo ID
Lấy danh sách Tỉnh/thành phố
Lấy thông tin Tỉnh/thành phố theo ID
Lấy thông tin Quận/huyện

Lấy thông tin Quận/huyện theo ID
Lấy danh sách phường/ xã
Lấy thông tin phường/ xã theo ID
Lấy danh sách nghề nghiệp
Lấy thông tin nghề nghiệp theo ID
Lấy danh sách dân tộc
Lấy thông tin dân tộc theo ID

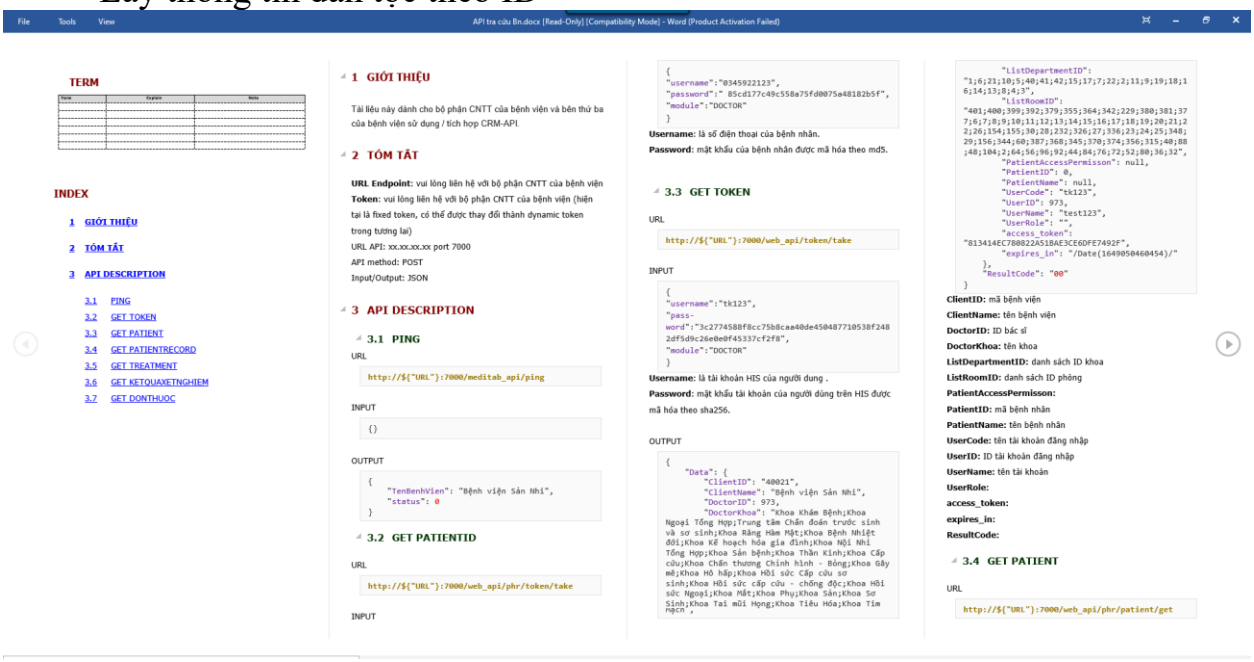

API NGHIỆP VỤ:
Lấy thông tin dư nợ của bệnh nhân từ HIS cho Billing
Nhận thông tin trạng thái thanh toán hóa đơn từ mã Billing
Đăng ký khám bệnh
Đăng ký khám bệnh chưa thanh toán
Xóa đăng ký khám bệnh theo ID
Xóa đặt khám bệnh theo ID
Lấy thông tin đăng ký khám bệnh
Lấy thông tin đăng ký khám theo ngày
Lấy thông tin đăng ký khám bệnh theo ID
Lấy thông tin vào viện
Lấy kết quả xét nghiệm
Lấy kết quả chẩn đoán hình ảnh
Lấy thông tin toa thuốc
Lấy thông tin Bệnh nhân theo ID (Mã bệnh nhân)
Lấy thông tin Bệnh nhân theo QRCode

Thêm thông tin Bệnh nhân mới
Cập nhật số điện thoại Bệnh nhân
Kiểm tra thẻ BHYT
Lấy thông tin sử dụng thuốc trong ngày
Lấy thông tin tái khám
Lấy thông tin tái khám theo ID (mã bệnh nhân)
Lấy thông tin Bệnh nhân theo SĐT (Số điện thoại)
lấy kết quả CĐHA trong ngày

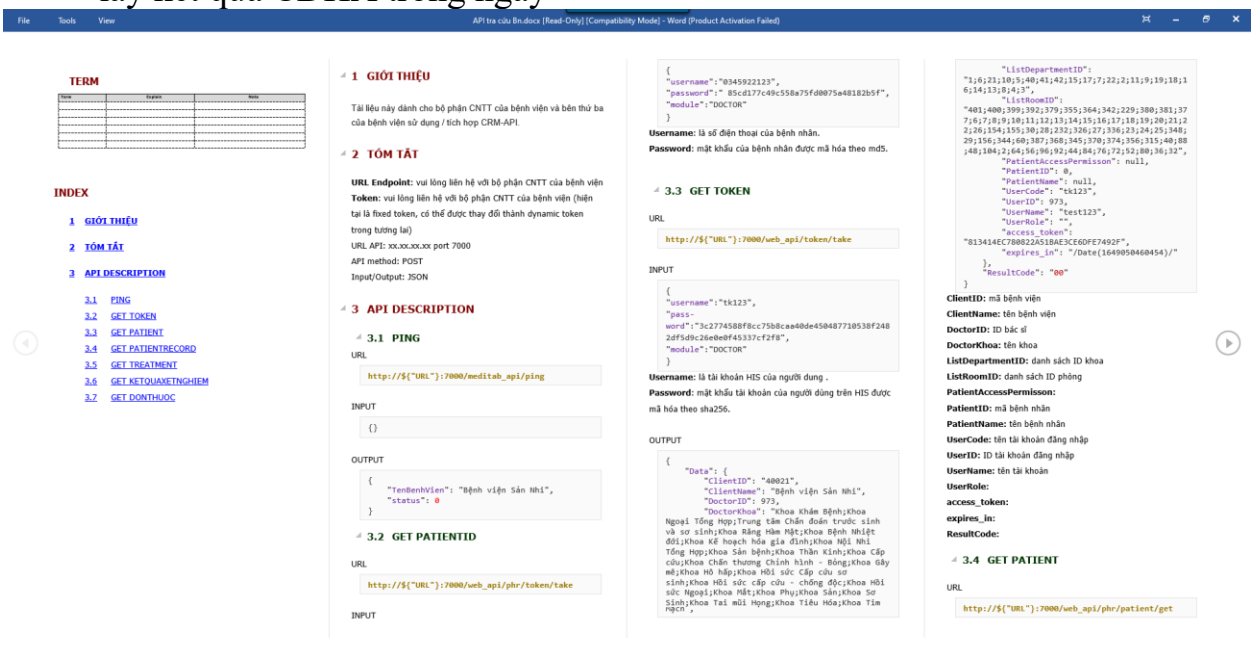

CÔNG NGHỆ BẢO MẬT:

Thuật toán mã khối DES (Data Encryption Standard) kết hợp thuật toán MD5 (Message-Digest algorithm 5) là một thuật toán mã hoá, theo chuẩn RFC 1321

File Tools View API tra cứu Bn.docx [Read-Only] [Compatibility Mode] - Word (Product Activation Failed)

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
Bệnh viện Sản Nhi

ĐƠN THUỐC
Số: VT201107.1303

Mã BN: 20045813

- Họ tên người bệnh: **HOÀNG CÔNG ĐẠT**
Tuổi: 17 tháng Nam
- Địa chỉ: Xã Thanh Lâm, H. Thanh Chương, T. Nghệ An
- Đối tượng: Bảo hiểm
- Số thẻ BHYT: TE-1-40-KT00002175 - Hạn thẻ đến: 10/11/2020
- Khoa phòng: PĐT Sơ Sinh
- Chẩn đoán: P92.5-Trẻ bú sữa mẹ khó khăn/ Bàn chân khoéo 2 bên;P54.5-Xuất huyết dưới da của trẻ sơ sinh;P92.0-Nôn ở trẻ sơ sinh;P58-Vàng da sơ sinh do huyết tán quá mức
- Kho thuốc: TTVT Sơ Sinh

1.	**Bơm tiêm sử dụng một lần TANAPHAR 5ml/cc** (,)	1	Cái
2.	**Bộ dây truyền dịch ECO** (,)	1	Cái

- Cộng khoản: 2
- Lời dặn:

Ngày 07 tháng 11 năm 2020

BN/NG. NHA KY *(Ghi rõ họ tên)*

BÁC SĨ KHÁM BỆNH *(Ghi rõ họ tên)*

3.9 GET KETQUACDHA

URL

```
http://${"URL"}:7000/web_api/phr/service-data/list
```

INPUT

```
{
"access_token":
"813414EC780822A51BAE3CE6DFE7492F",
"TreatmentID": 4626713
}
```

Access token: là token đã được lấy ở trên

TreatmentID: Là mã tài liệu

OUTPUT


```
{
    "ResultCode": "00",
    "mListData": [
        {
            "DonViKetQua": "",
            "DonViTinh": "Lần",
            "GhiChuKetQua": "",
            "HuongDanSuDung": "",
            "KetQua": "Hình ảnh siêu âm tuyến giáp hiện tại chưa thấy bất thường.",
            "LinkViewPacs": null,
            "LinkViewPacs_FromPacs": "",
            "LinkViewPacs_FromPacs_PDF": "",
            "LinkViewPacs_Internet": null,
            "MaDichVu": "CDC.SA.0001",
            "MediboxDocumentID_KetQua": 192637,
            "MoTa": "- Nhu mô hai thùy tuyến giáp đều. \n- Thùy phải: Kích thước bình thường\n- Eo mỏng\n- Thùy trái: Kích thước bình thường\n- Không tăng sinh mạch.\nKết luận: Hình ảnh siêu âm tuyến giáp hiện tại chưa thấy bất thường.",
            "ServiceDataID": 2779449,
            "SoLuongChiDinh": "0",
            "SoLuongTinh": "1",
            "TenDichVu": "Siêu âm tuyến giáp"
        },
        {
            "DonViKetQua": "",
            "DonViTinh": "Lần",
            "GhiChuKetQua": "",
            "HuongDanSuDung": "",
            "KetQua": "Hiện tại chưa thấy dấu hiệu bất thường trên siêu âm ổ bụng.",
            "LinkViewPacs": null,
            "LinkViewPacs_FromPacs": "",
            "LinkViewPacs_FromPacs_PDF": "",
            "LinkViewPacs_Internet": null,
            "MaDichVu": "CDC.SA.0015",
            "MediboxDocumentID_KetQua": 192630,
            "MoTa": "• Gan:  Kích thước bình thường. Nhu mô gan đồng nhất. \n• Đường mật: Trong và ngoài gan không giãn, không thấy sỏi, không thấy cản âm bất thường.\n• Túi mật: Không giãn, thành mỏng, dịch mật trong, không có sỏi \n• Tuỵ: Kích thước bình thường. Nhu mô đều, ống tuỵ không giãn, không thấy dịch quanh tuỵ.\n• Lách: Không to, nhu mô đều.\n• Thận phải: Nhu mô dày bình thường. Đài bể thận không giãn, không có sỏi. Niệu quản không giãn. \n• Thận trái: Nhu mô dày bình thường. Đài bể thận không giãn, không có sỏi. Niệu quản không giãn. \n• Bàng quang: Ít nước tiểu\n• Không thấy dịch tự do ổ bụng\nKết luận: Hiện tại chưa thấy dấu hiệu bất thường trên siêu âm ổ bụng.",
            "ServiceDataID": 2779450,
            "SoLuongChiDinh": "0",
            "SoLuongTinh": "1",
            "TenDichVu": "Siêu âm ổ bụng (gan mật, tuỵ, lách, thận, bàng quang)"
        }
    ]
}
```


Tiếp theo gọi lấy kết quả CĐHA

URL

```
http://${"URL"}:7000/web_api /phr/treat-ment/dichvu/ketqua
```

INPUT

```
{
"access_token":
"813414EC780822A51BAE3CE6DFE7492F",
"ServiceDataID": 4626713
}
```

Access token: là token đã được lấy ở trên

ServiceDataID: Là lấy ở trên (/web_api/phr/service-data/list)

OUTPUT